CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN MÁY VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN MÁY VIỆT NAM
Xác nhận Công bố thông tin BT1-07 KĐT mới An Hưng, Tố Hữu, Phường Dương Nội, thành phố Hà Nội, Việt Nam

ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN RA CÔNG CHÚNG CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CÔNG TY VÀ GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN MÁY VIỆT NAM

(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0104498100 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 05 tháng 03 năm 2010, Sở Tài chính thành phố Hà Nội cấp thay đổi lần thứ 17 ngày 20 tháng 08 năm 2025)

CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số 206.../GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày .08. tháng .6.. năm 2026)

Bản cáo bạch này và các phụ lục của Bản cáo bạch sẽ được cung cấp từ ngày .../.../2026 tại:

TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Máy Việt Nam

Địa chỉ: BT1-07 Khu đô thị mới An Hưng, đường Tố Hữu, phường Dương Nội, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 024.6666.1788 Fax:

Website: https://vimid.vn/

TỔ CHỨC TƯ VẤN

Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT

Địa chỉ: 52 Lạc Long Quân, phường Tây Hồ, thành phố Hà Nội

Điện thoại: 1900 6446 Fax: 024 3773 9058

Website: https://www.fpts.com.vn/

Phụ trách công bố thông tin:

Họ tên: Vũ Quốc Hòa

Chức vụ: Người phụ trách quản trị công ty kiêm Người được uỷ quyền công bố thông tin

Số điện thoại: (024) 6666 1788 – Số máy lẻ: 210

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN MÁY VIỆT NAM

(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0104498100 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 05 tháng 03 năm 2010, Sở Tài chính thành phố Hà Nội cấp thay đổi lần thứ 17 ngày 20 tháng 08 năm 2025)

CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Máy Việt Nam

Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông

Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu

Giá chào bán: 25.000 đồng/cổ phiếu

Tổng số lượng cổ phiếu chào bán: 21.525.000 cổ phiếu

Tổng giá trị cổ phiếu chào bán theo mệnh giá: 215.250.000.000 đồng

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN

CÔNG TY TNHH HÃNG KIỂM TOÁN AASC

Địa chỉ trụ sở chính: Số 01 Lê Phụng Hiểu, Phường Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội

Số điện thoại: (84.24) 3824 1990 Fax:

Email: aasc@aasc.com.vn Website: https://aasc.com.vn/web/

TỔ CHỨC TƯ VẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT

Địa chỉ trụ sở chính: 52 Lạc Long Quân, Phường Tây Hồ, TP. Hà Nội

Số điện thoại: 1900 6446 Fax: 024 3773 9058

Email: fptsecurities@fpts.com.vn Website: https://www.fpts.com.vn/

MỤC LỤC

MỤC LỤC **3**

DANH MỤC BIỂU ĐỒ **6**

DANH MỤC BẢNG BIỂU **6**

I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH **8**

1. Tổ chức phát hành 8
2. Tổ chức tư vấn 8

II. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO **9**

1. Rủi ro về kinh tế 9
2. Rủi ro về luật pháp 14
3. Rủi ro đặc thù 14
4. Rủi ro về đợt chào bán 20
5. Rủi ro pha loãng 20
6. Rủi ro quản trị công ty 22
7. Rủi ro khác 22

III. CÁC KHÁI NIỆM **24**

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH **26**

1. Thông tin chung về Tổ chức phát hành 26
2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của Tổ chức phát hành 26
3. Cơ cấu tổ chức của Tổ chức phát hành 31
4. Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của Tổ chức phát hành 36
5. Thông tin về công ty mẹ, công ty con của Tổ chức phát hành, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổ chức phát hành, những công ty mà Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối 49
6. Thông tin về quá trình tăng, giảm vốn điều lệ của Tổ chức phát hành 51
7. Thông tin về các khoản góp vốn, thoái vốn lớn của Tổ chức phát hành tại các doanh nghiệp khác 55
8. Thông tin về chứng khoán đang lưu hành 55
9. Thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài 56

10. Hoạt động kinh doanh 56
11. Chính sách đối với người lao động 115
12. Chính sách cổ tức 118
13. Thông tin về tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán gần nhất 119
14. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Tổ chức phát hành 119
15. Các thông tin, nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, tranh chấp kiện tụng liên quan tới Tổ chức phát hành có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Tổ chức phát hành, đợt chào bán, giá cổ phiếu chào bán, dự án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán 119
16. Thông tin về cam kết của Tổ chức phát hành không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích 119

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH 119

1. Kết quả hoạt động kinh doanh 119
2. Tình hình tài chính 124
3. Ý kiến của Tổ chức kiểm toán đối với Báo cáo tài chính của Tổ chức phát hành 140
4. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức 141

VI. THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP, CỔ ĐÔNG LỚN, THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, GIÁM ĐỐC, PHÓ GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG 145

1. Thông tin về cổ đông sáng lập 145
2. Thông tin về cổ đông lớn 146
3. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị, Ủy ban kiểm toán, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng 151

VII. THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN 164

1. Loại cổ phiếu 164
2. Mệnh giá cổ phiếu: 164
3. Tổng số lượng cổ phiếu chào bán 164
4. Tổng giá trị cổ phiếu chào bán theo mệnh giá 164
5. Giá chào bán dự kiến: 164
6. Phương pháp tính giá 164
7. Phương thức phân phối 165

8. Đăng ký mua cổ phiếu 165
9. Lịch trình dự kiến phân phối cổ phiếu 166
10. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng cổ phiếu 167
11. Tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu 168
12. Ý kiến của cơ quan có thẩm quyền về đợt tăng vốn điều lệ của Tổ chức phát hành 168
13. Hủy bỏ đợt chào bán 168
14. Biện pháp đảm bảo tuân thủ quy định về sở hữu nước ngoài 168
15. Các loại thuế có liên quan 169
16. Thông tin về các cam kết 173
17. Thông tin về các chứng khoán khác được chào bán, phát hành trong cùng đợt 173

VIII. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN 173

IX.KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN 173

X. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN 179

XI. CÁC THÔNG TIN QUAN TRỌNG KHÁC CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUYẾT ĐỊNH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ 180

XII. NGÀY THÁNG, CHỮ KÝ, ĐÓNG DẤU CỦA ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH (CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG), TỔ CHỨC TƯ VẤN 181

XIII. PHỤ LỤC 182

1. Phụ lục I: 182
2. Phụ lục II: 182
3. Phụ lục III: 182
4. Phụ lục IV: 182
5. Phụ lục VI: 182

DANH MỤC BIỂU ĐỒ

Biểu đồ 1: Tăng trưởng GDP của Việt Nam qua các năm 9
Biểu đồ 2: Tỷ lệ tăng trưởng CPI của Việt Nam qua các năm 11
Biểu đồ 3: Sơ đồ tổ chức VIMID 32
Biểu đồ 4: Cơ cấu Bộ máy Quản lý VIMID 36

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 1: Danh sách Hội đồng Quản trị của Công ty 40
Bảng 2: Danh sách thành viên Ủy ban kiểm toán của Công ty 42
Bảng 3: Giám đốc và Kế toán trưởng Công ty 43
Bảng 4: Tóm tắt quá trình tăng vốn điều lệ của VIMID 51
Bảng 5: Cơ cấu cổ đông của VIMID tại ngày 23/03/2026 55
Bảng 6: Cơ cấu doanh thu thuần theo nhóm hàng hóa, dịch vụ qua các năm 62
Bảng 7: Cơ cấu lợi nhuận gộp theo nhóm hàng hóa, dịch vụ qua các năm 63
Bảng 8: Tình hình tài sản cố định của Công ty tại 31/12/2024 64
Bảng 9: Tình hình tài sản cố định của Công ty tại 31/12/2025 65
Bảng 10: Tình hình tài sản cố định của Công ty tại 31/03/2026 66
Bảng 11: Một số tài sản hữu hình có giá trị lớn của Công ty 66
Bảng 12: Danh sách tài sản đất đai của Công ty 69
Bảng 13: Hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty 71
Bảng 14: Danh sách các hợp đồng lớn đã được thực hiện, đã được ký kết của Công ty từ 2024 đến nay 73
Bảng 15: Danh sách các khách hàng, nhà cung cấp lớn của Công ty 96
Bảng 16: So sánh về tình hình tài chính và hoạt động với các doanh nghiệp trong ngành 106
Bảng 17: Cơ cấu lao động trong Công ty 116
Bảng 18: Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh theo của VIMID (Công ty mẹ) 119
Bảng 19: Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh của VIMID (Hợp nhất) 120
Bảng 20: Vốn kinh doanh của Công ty (Công ty mẹ) 128
Bảng 21: Vốn kinh doanh của Công ty (Hợp nhất) 129

Bảng 22: Khấu hao TSCĐ 129
Bảng 23: Số lượng lao động và mức thu nhập bình quân 130
Bảng 24: Tình hình công nợ của Công ty (Công ty mẹ) 131
Bảng 25: Tình hình công nợ của Công ty (Hợp nhất) 131
Bảng 26: Tình hình các khoản phải thu của Công ty (Công ty mẹ) 132
Bảng 27: Tình hình các khoản phải thu của Công ty (Hợp nhất) 132
Bảng 28: Tình hình các khoản nợ phải trả của Công ty (Công ty mẹ) 134
Bảng 29: Tình hình các khoản nợ phải trả của Công ty (Hợp nhất) 134
Bảng 30: Số dư thuế và các khoản phải nộp theo luật định (Công ty mẹ) 135
Bảng 31: Số dư thuế và các khoản phải nộp theo luật định (Hợp nhất) 136
Bảng 32: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Công ty 137
Bảng 33: Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức của Công ty 141
Bảng 34: Danh sách cổ đông lớn của Công ty 146
Bảng 35: Danh sách cổ đông lớn, người có liên quan của cổ đông lớn 147
Bảng 36: Danh sách Hội đồng quản trị 151
Bảng 37: Danh sách Ủy ban kiểm toán 162
Bảng 38: Giám đốc và Kế toán trưởng 162
Bảng 39: Lịch trình dự kiến phân phối cổ phiếu chào bán thêm ra công chúng cho cổ đông hiện hữu 166

NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức phát hành

Ông Nguyễn Vũ Trụ	Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Kiều Anh Đào	Chức vụ: Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Tâm	Chức vụ: Kế toán trưởng

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này. Trong phạm vi trách nhiệm và thông tin được biết, chúng tôi đảm bảo không có thông tin hoặc số liệu sai sót mà có thể gây ảnh hưởng đối với các thông tin trong Bản cáo bạch.

2. Tổ chức tư vấn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT

Đại diện được ủy quyền: **Bà Nguyễn Thu Hiền**

Chức vụ: Phó Giám đốc Tư vấn tài chính doanh nghiệp

Theo Giấy ủy quyền số 27-2026/UQ/FPTS ngày 31 tháng 03 năm 2026 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT.

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng do Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT tham gia lập trên cơ sở Hợp đồng số 86/2026/FPTS/FCF-HN/VVS ngày 16 tháng 03 năm 2026 với Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Máy Việt Nam. Trong phạm vi trách nhiệm và thông tin được biết, chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trong Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Máy Việt Nam cung cấp.

II. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

Hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển máy Việt Nam chịu tác động của các nhân tố rủi ro như tình hình kinh tế, luật pháp, đặc thù ngành bán buôn, bán lẻ xe có động cơ và phụ tùng xe có động cơ tại Việt Nam với lĩnh vực ngách là xe tải trung và hạng nặng, chịu ảnh hưởng lớn của các chính sách về phát triển cơ sở hạ tầng của Chính phủ trong ngắn hạn và dài hạn, và nội bộ quản trị của Công ty. Ảnh hưởng của các rủi ro này đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty, qua đó tác động trực tiếp đến giá cổ phiếu niêm yết, được phân tích dưới đây.

1. Rủi ro về kinh tế

Rủi ro về kinh tế được xác định là loại rủi ro hệ thống, trong đó các yếu tố cơ bản tác động đến hoạt động kinh doanh gồm:

1.1. Tốc độ tăng trưởng kinh tế

Tốc độ tăng trưởng kinh tế ổn định giúp thúc đẩy nhu cầu tiêu dùng, sản lượng công nghiệp và quy mô thị trường. Do hoạt động chính trong lĩnh vực đại lý, môi giới và phân phối xe có động cơ cùng phụ tùng tại Việt Nam, kết quả kinh doanh của Công ty chịu tác động trực tiếp từ sức khỏe và sự tăng trưởng của nền kinh tế nội địa.

Theo báo cáo từ Cục Thống kê công bố ngày 05/01/2026, GDP năm 2025 của Việt Nam ghi nhận mức tăng trưởng khả quan, ước đạt 8,02% so với năm trước, chỉ thấp hơn tốc độ tăng của năm 2022 trong giai đoạn 2011-2025. Đây là mức tăng cao nhất trong khu vực Đông Nam Á, vượt xa dự báo tăng trưởng toàn cầu từ các tổ chức quốc tế như IMF và OECD (dao động khoảng 6,2% - 6,5%). Xu thế tích cực này tiếp tục lan tỏa sang đầu năm 2026 khi tăng trưởng GDP quý I ước đạt 7,83%, cao hơn đáng kể so với con số 7,07% của cùng kỳ năm trước. Những số liệu này khẳng định nội lực vững vàng và khả năng chống chịu tốt của nền kinh tế nội địa trước các áp lực từ chính sách bảo hộ thương mại và nguy cơ suy thoái toàn cầu.

Biểu đồ 1: Tăng trưởng GDP của Việt Nam qua các năm

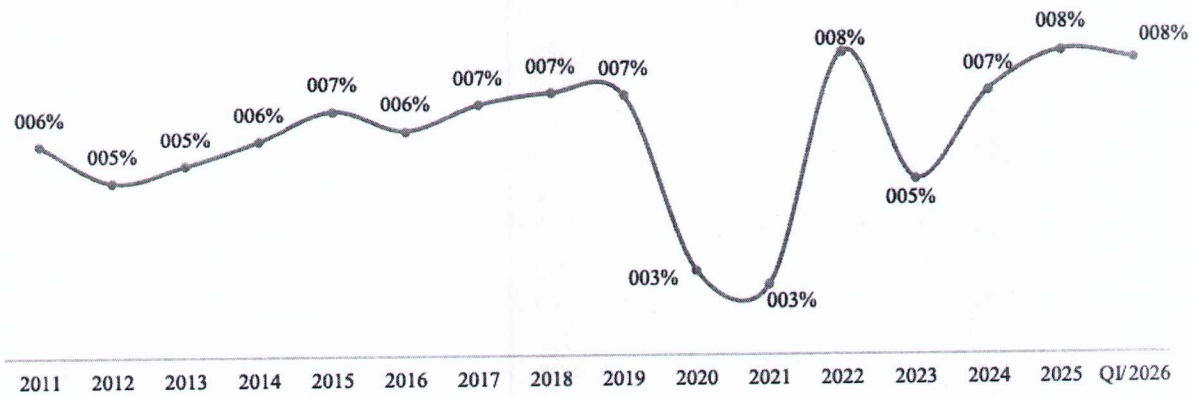

Nguồn: Cục thống kê

Tuy nhiên, đà tăng trưởng vẫn đối mặt với rủi ro từ biến động địa chính trị và chính sách tiền tệ thắt chặt của các nền kinh tế lớn. Theo dự báo của IMF, tốc độ tăng trưởng nền kinh tế Việt Nam chậm lại vào năm 2026 do tác động trọn năm của các mức thuế quan mới của Mỹ và việc chấm dứt phần lớn các biện pháp kích thích tài khoá mang tính một lần của chính phủ trong năm 2025.

Hoạt động kinh doanh của Công ty có mối liên hệ chặt chẽ với diễn biến của nền kinh tế vĩ mô. Trong trường hợp nền kinh tế suy giảm hoặc tăng trưởng chậm lại, thu nhập và sức mua của người dân cũng như của khu vực doanh nghiệp đều có thể bị ảnh hưởng, dẫn đến nhu cầu tiêu dùng hàng hóa, dịch vụ nói chung giảm sút.

Khi niềm tin thị trường suy yếu, các doanh nghiệp trong lĩnh vực sản xuất, xây dựng, logistics có xu hướng giãn tiến độ đầu tư, kéo dài thời gian triển khai dự án hoặc tạm hoãn kế hoạch mở rộng hoạt động để giảm thiểu rủi ro. Việc chậm giải ngân đầu tư công, đầu tư tư nhân và sự đóng băng của thị trường bất động sản trong giai đoạn kinh tế khó khăn cũng làm giảm nhu cầu đối với xe tải hạng trung, hạng nặng và xe chuyên dùng phục vụ công trình – là các dòng sản phẩm chủ lực của Công ty. Song song đó, áp lực chi phí và dòng tiền trong giai đoạn kinh tế suy yếu có thể khiến khách hàng kéo dài thời gian thanh toán, phát sinh nợ quá hạn, ảnh hưởng tiêu cực đến doanh thu, dòng tiền và mức tồn kho của Công ty.

Để thích ứng với những biến động lớn của nền kinh tế, VIMID đã chủ động triển khai các giải pháp chiến lược nhằm đảm bảo sự ổn định và phát triển bền vững. Công ty chú trọng công tác dự báo và xây dựng các kịch bản dự phòng linh hoạt trước mọi tình huống thay đổi của thị trường. Trên nền tảng đó, VIMID tập trung đẩy mạnh mảng dịch vụ hậu mãi và tối ưu hóa mạng lưới xưởng dịch vụ nhằm xây dựng một chuỗi giá trị bền vững, giúp giữ chân khách hàng dài hạn và giảm thiểu sự phụ thuộc vào biến động kinh tế. Song song với việc nâng cao năng lực nội tại, Công ty chủ động thắt chặt mối quan hệ chiến lược với khách hàng và các định chế tài chính uy tín, từ đó đảm bảo tính ổn định của dòng vốn và duy trì vị thế bền vững trong hoạt động kinh doanh.

1.2. Lạm phát

Lạm phát là yếu tố trọng yếu tác động trực tiếp đến hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty. Khi lạm phát tăng cao, chi phí nhập khẩu và vận hành bị đẩy lên đáng kể, tạo áp lực lớn lên biên lợi nhuận hoạt động của Công ty.

Trong giai đoạn 2025, thị trường hàng hóa thế giới biến động phức tạp do các xung đột địa chính trị và chính sách bảo hộ thương mại từ Hoa Kỳ, gây đứt gãy chuỗi cung ứng và gia tăng rủi ro chi phí trên toàn cầu. Là nền kinh tế có độ mở lớn, Việt Nam không tránh khỏi những hệ lụy tiêu cực từ bối cảnh quốc tế đầy thách thức này.

Tuy nhiên, công tác điều hành giá trong nước đã ghi nhận những kết quả tích cực. Theo báo cáo của Cục thống kê ngày 05/01/2026, chỉ số giá tiêu dùng CPI bình quân năm 2025 tăng 3,31% so với năm 2024, lạm phát cơ bản tăng 3,21%, thấp hơn mức tăng của CPI, đạt mục tiêu Quốc hội

đề ra. Như vậy, đây là năm thứ 11 liên tiếp Việt Nam kiểm soát thành công lạm phát dưới ngưỡng 4%, đồng thời cho thấy mặt bằng giá trong 10 năm gần đây duy trì tương đối ổn định.

Tuy nhiên, đà kiểm soát này bắt đầu đối mặt với thách thức mới khi bước sang quý I/2026. Cũng theo Cục Thống kê, 3 tháng đầu năm 2026, CPI tăng 3,51% so với cùng kỳ 2025. Trong đó, CPT tháng 3/2026 tăng 1,23% so với tháng trước và tăng 4,65% so cùng kỳ năm 2025 - mức tăng cao nhất của tháng 3 so với cùng kỳ trong vòng 5 năm qua. Lạm phát cơ bản cả quý tăng 3,63%, cao hơn mức tăng của CPI cho thấy cho thấy áp lực tăng giá lan rộng vào các mặt hàng thiết yếu, nền kinh tế và hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp tiềm ẩn nhiều rủi ro về chi phí.

Biểu đồ 2: Tỷ lệ tăng trưởng CPI của Việt Nam qua các năm

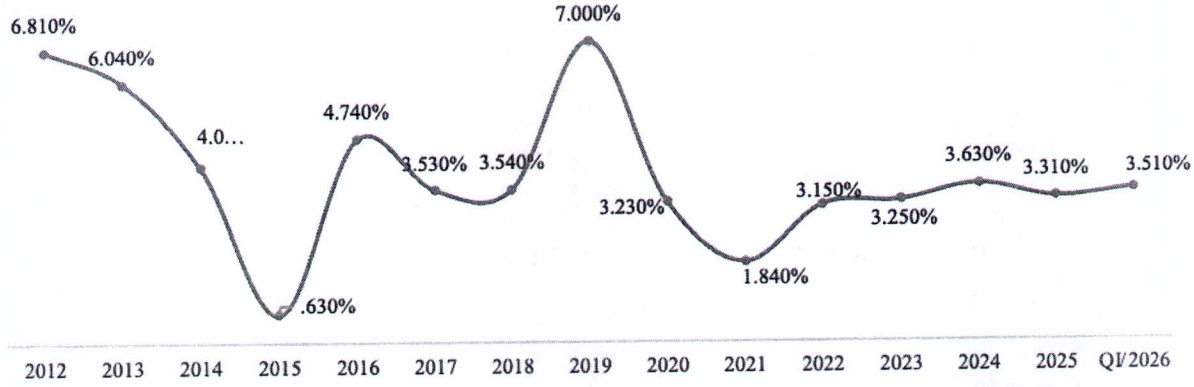

Nguồn: Cục thống kê

Trong trường hợp nền kinh tế diễn biến theo hướng tiêu cực, lạm phát tăng cao sẽ gây ra áp lực kép lên Công ty do giá vốn nhập khẩu và chi phí vận hành hệ thống đồng loạt gia tăng. Đối với doanh nghiệp bán buôn xe tải hạng nặng và phụ tùng, sự biến động này trực tiếp làm đội chi phí đầu vào nhưng giá bán sản phẩm lại rất khó điều chỉnh kịp thời do yếu tố cạnh tranh gay gắt. Việc điều chỉnh giá trong phân khúc xe tải trung và nặng thường có độ trễ lớn, khiến Công ty khó chuyển giao toàn bộ gánh nặng chi phí sang khách hàng. Sự mất cân đối này không chỉ trực tiếp thu hẹp biên lợi nhuận gộp mà còn làm suy giảm sức mua của các doanh nghiệp vận tải, gây ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh tổng thể.

Để hạn chế rủi ro về lạm phát, Công ty đã xây dựng hệ thống quản trị rủi ro và chủ động kế hoạch kinh doanh với các nhà cung cấp và có kế hoạch điều tiết giá bán cho khách hàng dựa trên những dự bảo về tình hình lạm phát. Bên cạnh đó, Công ty đã thực hiện các biện pháp như tăng cường quản lý chi phí, tối ưu hóa quy trình vận chuyển và vận hành để phù hợp với tình hình thị trường.

1.3. Tỷ giá

Đối với một doanh nghiệp hoạt động chính trong lĩnh vực nhập khẩu và bán buôn xe tải từ Trung Quốc như VIMID, biến động tỷ giá là yếu tố tác động trực tiếp và trọng yếu đến hiệu quả kinh doanh. Tỷ giá phản ánh quan hệ cung cầu giữa các đơn vị tiền tệ khác nhau và đặt dưới sự quản

lý, điều tiết của Nhà nước. Những biến động trái chiều và khó dự báo của tỷ giá luôn gây ra áp lực lớn cho công tác điều hành và quản trị rủi ro.

Năm 2025, tỷ giá USD/VND ghi nhận nhiều biến động, phản ánh áp lực lớn trên thị trường ngoại hối trong bối cảnh môi trường tài chính quốc tế còn nhiều bất định. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã điều hành tỷ giá theo hướng linh hoạt, chủ động điều chỉnh tỷ giá trung tâm và sử dụng các công cụ can thiệp phù hợp. Nhờ đó, diễn biến tỷ giá nhìn chung được kiểm soát trong biên độ cho phép, hỗ trợ ổn định kinh tế vĩ mô.

Quý I/2026, áp lực từ sự phục hồi của đồng USD đã khiến tỷ giá USD/VND tăng nhanh trong tháng 3, với tỷ giá liên ngân hàng tăng 1,1% so với tháng trước lên mức 26.345 VND/USD, trong khi tỷ giá trung tâm cũng nhích nhẹ 0,2% lên 25.102 VND/USD. Áp lực tỷ giá còn chịu tác động từ yếu tố thương mại khi cán cân hàng hóa tiếp tục thâm hụt khoảng 0,53 tỷ USD trong nửa đầu tháng 3, nâng mức nhập siêu lũy kế từ đầu năm lên 3,51 tỷ USD tính đến ngày 15/3. Trước tình hình này, vào ngày 24/3, Ngân hàng Nhà nước đã chủ động can thiệp thông qua nghiệp vụ bán USD kỳ hạn 180 ngày (có hủy ngang) cho các tổ chức tín dụng có trạng thái ngoại tệ âm với giá 26.850 VND/USD nhằm ổn định tâm lý thị trường và duy trì dư trữ ngoại hối. Trước đó, trong năm 2025, cơ quan điều hành cũng đã có ba lần triển khai biện pháp tương tự để giảm thiểu sức ép lên thị trường ngoại hối.

Theo dự báo từ Bộ Tài chính, triển vọng ổn định của tỷ giá trong năm 2026 được củng cố bởi các công cụ điều tiết linh hoạt từ Ngân hàng Nhà nước. Việc duy trì mặt bằng lãi suất hài hòa, kết hợp cùng cơ chế điều chỉnh biên độ tỷ giá chủ động, được kỳ vọng sẽ giúp thị trường tăng cường khả năng chống chịu trước những xung lực biến động trong ngắn hạn.

Trong trường hợp tỷ giá USD/VND tăng cao sẽ gây ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Cụ thể, chi phí nhập khẩu xe được định giá bằng USD tăng lên, dẫn đến giá vốn hàng bán cao hơn, làm giảm biên lợi nhuận gộp của Công ty. Trong khi đó, khả năng chuyển phần chi phí tăng thêm sang giá bán gặp hạn chế do thị trường có tính cạnh tranh cao, khiến Công ty phải chịu một phần chi phí biến động tỷ giá. Ngoài ra, biến động tỷ giá còn ảnh hưởng đến nghĩa vụ thanh toán các khoản vay hoặc hợp đồng nhập khẩu bằng ngoại tệ, làm gia tăng rủi ro tài chính và ảnh hưởng tới dòng tiền ngắn hạn của doanh nghiệp. Trong trường hợp tỷ giá tiếp tục tăng mạnh, Công ty có thể đối mặt với áp lực giảm lợi nhuận.

Để ứng phó kịp thời với diễn biến của tỷ giá USD/VND, Công ty đã luôn chủ động sử dụng các quản trị tỷ giá như bảo hiểm tỷ giá (forward), nhằm đảm bảo về công tác nhập khẩu và ổn định tình hình tài chính doanh nghiệp. Bên cạnh đó, để đảm bảo phòng ngừa những tình huống bất lợi, Công ty luôn chủ động theo dõi diễn biến tiền tệ quốc tế để kịp thời điều chỉnh chính sách và kế hoạch kinh doanh phù hợp.

1.4. Lãi suất

Lãi suất là một yếu tố rất nhạy cảm đối với nền kinh tế, ảnh hưởng trực tiếp đến tiết kiệm, và đầu tư, sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp. Rủi ro về lãi suất đối với một doanh nghiệp

xuất hiện khi chi phí trả lãi vay của doanh nghiệp cao hơn khả năng tạo ra lợi nhuận. Mức rủi ro về lãi suất là khác nhau giữa các ngành tùy theo cơ cấu nợ vay của các ngành đó. Mức lãi suất càng cao thì doanh nghiệp càng khó khăn trong việc huy động vốn đáp ứng nhu cầu sản xuất kinh doanh.

Trong các chỉ thị triển khai nhiệm vụ năm 2025, Ngân hàng Nhà nước duy trì chính sách giữ lãi suất điều hành ở mức thấp nhằm tạo dư địa cho các ngân hàng thương mại giảm chi phí vốn. Đồng thời, NHNN quyết liệt chỉ đạo các tổ chức tín dụng tiết giảm chi phí vận hành, đẩy mạnh chuyển đổi số và sẵn sàng chia sẻ lợi nhuận để hạ lãi suất cho vay. Nhờ đó, trong năm 2025, mặt bằng lãi suất trên thị trường tiếp tục xu hướng giảm, giúp doanh nghiệp và người dân tiếp cận nguồn vốn ưu đãi hơn để thúc đẩy phát triển kinh tế.

Bước sang quý I/2026, mặt bằng lãi suất cho vay doanh nghiệp tại Việt Nam bắt đầu chịu áp lực tăng rõ rệt. Nguyên nhân chủ yếu đến từ việc lạm phát cơ bản duy trì ở mức cao hơn CPI tổng thể, buộc hệ thống ngân hàng phải điều chỉnh lãi suất huy động để giữ dòng vốn, từ đó trực tiếp đẩy chi phí vốn vay đầu ra lên cao. Bên cạnh đó, nhu cầu tín dụng tăng mạnh trong giai đoạn đầu năm cũng tạo ra những thách thức nhất định về thanh khoản tại các ngân hàng thương mại.

Trước tình trạng thắt chặt tín dụng này, nhằm kịp thời bình ổn thị trường, ngày 30/03/2026, Ngân hàng Nhà nước đã ban hành Công văn số 2342/NHNN, yêu cầu các tổ chức tín dụng và chi nhánh ngân hàng nước ngoài triển khai đồng bộ các giải pháp tiết giảm chi phí vận hành để ổn định mặt bằng lãi suất. Động thái quyết liệt này từ cơ quan quản lý không chỉ nhằm giảm bớt gánh nặng tài chính cho doanh nghiệp mà còn góp phần giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát và tạo động lực thúc đẩy tăng trưởng trong những quý tiếp theo.

Trong trường hợp thị trường diễn biến theo hướng bất lợi, lãi suất tăng ảnh hưởng đến Công ty vì làm cho chi phí trả lãi vay của Công ty cao hơn, từ đó gây khó khăn trong việc huy động vốn đáp ứng nhu cầu kinh doanh của Công ty. Để giảm thiểu rủi ro lãi suất, Công ty luôn phải cân đối giữa nguồn vốn tự có và nguồn vốn đi vay để giảm thiểu ảnh hưởng rủi ro về lãi suất đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty luôn tìm cách quản trị rủi ro biến động lãi suất bằng cách tìm kiếm sử dụng linh hoạt các công cụ thanh toán với nguồn tài trợ quốc tế như Thư tín dụng trả chậm (LC UPAS, LC trả chậm), đồng thời duy trì quan hệ tốt với hệ thống ngân hàng thương mại cổ phần trong nước có vốn nhà nước (có nguồn vốn giải ngân lãi suất thấp so với các ngân hàng thương mại cổ phần tư nhân) để giảm thiểu chi phí vốn.

Cơ cấu nợ chủ yếu của VIMID là phải trả người bán ngắn hạn, phát sinh từ các hợp đồng nhập khẩu sử dụng phương thức thanh toán LC (UPAS và LC trả chậm) có lãi suất/ phí, kỳ hạn và giá trị được cố định ngay tại thời điểm mở LC, do đó Công ty không chịu ảnh hưởng về lãi suất của các ngân hàng thương mại trong nước, qua đó giảm thiểu tác động từ biến động lãi suất trong ngắn hạn. Bên cạnh đó, chi phí lãi vay tài chính chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng chi phí tài chính. Trong trường hợp lãi suất trong nước tăng trở lại, tác động đến chi phí tài chính của Công ty sẽ chủ yếu giới hạn ở các khoản vay ngắn hạn phục vụ hoạt động vận hành, chiếm tỷ trọng thấp so với tổng nguồn vốn.

2. Rủi ro về luật pháp

Mặc dù thị trường tiêu thụ chính của VIMID tập trung tại nội địa, song do đặc thù hoạt động nhập khẩu xe tải nặng và máy móc thiết bị chủ yếu từ thị trường Trung Quốc, mọi mặt vận hành của Công ty chịu sự điều chỉnh phức tạp bởi hệ thống pháp luật Việt Nam và các điều ước quốc tế. Do tính chất chuyên ngành, Công ty chịu sự quản lý của Luật Hải quan, các Luật về thuế, đặc biệt là việc áp dụng các quy định về thuế suất ưu đãi đặc biệt theo Hiệp định Thương mại tự do ASEAN - Trung Quốc (ACFTA) nhằm tối ưu hóa chi phí đầu vào. Công ty cũng chịu sự quản lý trực tiếp từ Luật về đăng kiểm xe ô tô và các quy định về đăng kiểm phương tiện giao thông đường bộ… Đặc biệt, là một công ty đại chúng, bên cạnh các bộ luật nền tảng như Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư và Luật Thương mại, mọi hoạt động về quản trị, công bố thông tin và huy động vốn của Công ty còn phải tuân thủ nghiêm ngặt các quy định tại Luật Chứng khoán.

Trong bối cảnh nền kinh tế đang phát triển, hệ thống pháp luật Việt Nam vẫn đang trong lộ trình hoàn thiện với các văn bản hướng dẫn thường xuyên được điều chỉnh. Sự thay đổi về chính sách là vấn đề tất yếu và ít nhiều sẽ gây ảnh hưởng đến tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty. Rủi ro luật pháp là rủi ro phát sinh do việc không áp dụng kịp thời, không phù hợp các văn bản pháp luật trong quá trình triển khai hoạt động kinh doanh của Công ty.

Là công ty cổ phần hoạt động chính trong lĩnh vực đại lý, môi giới và bán buôn, bán lẻ xe có động cơ và phụ tùng xe có động cơ, VIMID luôn đảm bảo tuân thủ các văn bản pháp luật do Nhà nước quy định, trong đó trọng yếu là Luật Doanh nghiệp, các bộ luật về Thuế và các văn bản pháp luật khác liên quan đến các ngành nghề hoạt động của Công ty.

Nhằm hạn chế tối đa những rủi ro phát sinh liên quan đến yếu tố pháp lý trong quá trình hoạt động, Công ty thường xuyên cập nhật các văn bản pháp luật có liên quan đến hoạt động chuyên môn, đồng thời tham khảo và tham vấn ý kiến tư vấn đối với những quy phạm pháp luật chuyên ngành khác có liên quan đến Công ty. Đồng thời, Công ty thường xuyên có kế hoạch tập huấn, cập nhật kiến thức cho tập thể cán bộ công nhân viên Công ty về các quy định của pháp luật cũng như ý thức chấp hành pháp luật.

3. Rủi ro đặc thù

3.1. Rủi ro kinh doanh:

Công ty cổ phần Đầu tư Phát triển Máy Việt Nam có hoạt động kinh doanh đại lý, môi giới và bán buôn, bán lẻ xe có động cơ và phụ tùng xe có động cơ, cụ thể là xe tải hạng trung và hạng nặng, tập trung chính tại thị trường Việt Nam. Do đó hoạt động của Công ty phụ thuộc rất nhiều vào tình hình hoạt động thị trường này, nằm trong tổng thể ảnh hưởng của của các lĩnh vực phát triển hạ tầng và logistics. Sự thay đổi trong nhu cầu mua sắm máy móc thiết bị, phương tiện của khách hàng và định hướng phát triển của các đơn vị sản xuất luôn là những rủi ro hiện hữu, đòi hỏi Công ty phải có khả năng thích ứng linh hoạt để duy trì vị thế.

Nhu cầu của thị trường Việt Nam về xe tải hạng trung và nặng chịu tác động của nhiều yếu tố, đặc biệt các yếu tố vi mô và vĩ mô, cũng như sự biến động trong tăng trưởng của các ngành nghề

sử dụng sản phẩm do Công ty phân phối bao gồm đầu tư dự án, xây dựng hạ tầng và logistics. Khách hàng sử dụng sản phẩm của Công ty chủ yếu bao gồm các tổ chức, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực logistics và xây dựng cơ sở hạ tầng, xây dựng dự án bất động sản. Đây là các lĩnh vực chịu ảnh hưởng lớn từ các chính sách vĩ mô của Chính phủ theo từng thời kỳ.

Hiện nay vấn đề sử dụng xe phát thải thấp đang được đề cao tại nhiều quốc gia nhằm bảo vệ môi trường, vì vậy trong tương lai gần, khách hàng sẽ có xu hướng chuyển sang sử dụng các loại xe tải điện hoặc các xe có hiệu suất nhiên liệu tốt hơn. Cùng với đó, định hướng phát triển của các nhà sản xuất ô tô lớn trên toàn cầu đều đang hướng tới xe điện trong tương lai, giảm dần việc sản xuất các sản phẩm sử dụng nhiên liệu hóa thạch, điều này sẽ ảnh hưởng bất lợi đến mô hình kinh doanh các sản phẩm truyền thống.

Tại Việt Nam, lộ trình chuyển đổi năng lượng xanh đã được cụ thể hóa qua Quyết định số 876/QĐ-TTg, đặt mục tiêu đến năm 2050 sẽ chuyển đổi toàn bộ phương tiện giao thông đường bộ sang sử dụng điện và năng lượng sạch. Định hướng này song hành cùng cam kết quốc tế tại COP26, nơi Chính phủ khẳng định đưa mức phát thải ròng về '0' vào cùng năm 2050. Hiện nay, Việt Nam đã chính thức áp dụng tiêu chuẩn khí thải Euro 5 và đang lộ trình tiến tới các tiêu chuẩn khắt khe hơn. Trong bối cảnh đó, việc duy trì kinh doanh các dòng xe thế hệ cũ có tiêu chuẩn khí thải thấp sẽ đối mặt với những rủi ro pháp lý đáng kể về thủ tục đăng kiểm và điều kiện lưu hành.

Chính vì vậy, nhu cầu sử dụng xe có động cơ diesel được cho rằng sẽ suy giảm trong tương lai, có thể tác động tiêu cực đến ngành nghề kinh doanh của Công ty, đặt ra thách thức cho Công ty về việc chuyển dịch sản phẩm và tăng cường công tác nghiên cứu và phát triển cho phù hợp với xu thế. Minh chứng cho nỗ lực chuyển đổi chiến lược đó, tại sự kiện Triển lãm Quốc tế Logistics Việt Nam 2025 (VLOG 2025) tổ chức tại TP.HCM ngày 31/7/2025, Công ty đã giới thiệu loạt giải pháp vận tải xanh toàn diện – từ phương tiện sử dụng năng lượng sạch đến các mô hình hỗ trợ vận hành đồng bộ. Nổi bật trong đó là các dòng xe tải điện HOWO Sinotruk với chất lượng vượt trội, cấu hình tối ưu hóa theo điều kiện vận hành tại Việt Nam. Đồng thời, Công ty dự kiến triển khai hệ sinh thái hỗ trợ toàn diện với 22 trạm 3S và đại lý ủy quyền phủ khắp toàn quốc, cùng dịch vụ kỹ thuật, chính sách hậu mãi, và đặc biệt là các giải pháp trạm sạc linh hoạt được tư vấn, khảo sát theo thực tế vận hành – giúp doanh nghiệp tối ưu chi phí năng lượng và nâng cao hiệu quả khai thác phương tiện.

Những bước đi này cho thấy nỗ lực của Công ty trong việc chủ động ứng phó với sự thay đổi của thị trường và các quy định mới về môi trường. Bằng cách tập trung vào cả danh mục sản phẩm mới và hạ tầng hỗ trợ, Công ty hướng tới việc duy trì sự ổn định trong hoạt động kinh doanh, đồng thời từng bước chuyển đổi mô hình để phù hợp với lộ trình phát triển chung của ngành vận tải tại Việt Nam.

3.2. Rủi ro cạnh tranh

Thị trường xe tải trung và hạng nặng tại Việt Nam hiện đang chứng kiến sự cạnh tranh gay gắt, không chỉ từ các thương hiệu lâu đời đến từ Nhật Bản, Hàn Quốc mà còn từ sự trỗi dậy mạnh mẽ của các dòng xe nhập khẩu từ Trung Quốc với cấu hình tương đương và giá thành cạnh tranh. Nhận diện được rủi ro này, VIMID luôn duy trì năng lực cạnh tranh thông qua việc tối ưu hóa chuỗi cung ứng và đa dạng hóa danh mục sản phẩm để đáp ứng sát thực tế nhu cầu của nhiều phân khúc khách hàng khác nhau.

Các nguy cơ cạnh tranh chính mà Công ty có thể gặp phải bao gồm: Cạnh tranh trực tiếp từ các đối thủ cùng ngành, mặt bằng giá và các dịch vụ đi kèm như thay thế, bảo hành, bảo dưỡng đến từ các đối thủ cạnh tranh. Để giảm bớt các rủi ro này, Công ty đã xây dựng chiến lược cạnh tranh phù hợp bằng hình thức lựa chọn vị trí chiến lược mang lại giá trị cho các khách hàng, tập trung mang đến những dịch vụ, giá cả phù hợp, và kết hợp với chính sách bán hàng hợp lý mang lại nhiều giá trị cho khách hàng.

Công tác quản trị rủi ro cạnh tranh được thực hiện thông qua việc duy trì cơ chế theo dõi sát sao các diễn biến thị trường và biến động trong thị hiếu khách hàng để kịp thời điều chỉnh chính sách bán hàng linh hoạt. Bằng cách không ngừng đổi mới quy trình phục vụ và tiên phong trong việc cung cấp các giải pháp vận tải toàn diện, Công ty nỗ lực duy trì vị thế dẫn đầu, từ đó giảm thiểu tác động từ các yếu tố cạnh tranh truyền thống và tạo lập nền tảng khách hàng trung thành bền vững.

3.3. Rủi ro tín dụng

Đặc thù của phân khúc xe tải trung và hạng nặng là giá trị tài sản lớn, rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ việc khách hàng mất khả năng thanh toán theo tiến độ cam kết. Điều này có thể khiến Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng đúng hạn các nghĩa vụ vay vốn, thanh toán với nhà cung cấp hoặc các đối tác tài chính, ảnh hưởng tiêu cực đến dòng tiền và lợi nhuận. Trong trường hợp thị trường vận tải gặp nhiều khó khăn, dòng tiền từ hoạt động kinh doanh bị gián đoạn hoặc chu kỳ thu hồi công nợ kéo dài, rủi ro tín dụng có thể gia tăng, ảnh hưởng đến khả năng duy trì thanh khoản và sự ổn định tài chính của Công ty.

Nhằm chủ động kiểm soát rủi ro tín dụng, Công ty luôn duy trì cấu trúc tài chính lành mạnh với tỷ lệ thanh toán hiện hành được đảm bảo ở mức an toàn (lớn hơn 1). Việc chỉ số tài sản ngắn hạn duy trì ở ngưỡng vượt trội so với nợ ngắn hạn là minh chứng cho năng lực thanh khoản vững chắc, giúp Công ty hoàn toàn tự chủ trong việc đáp ứng các nghĩa vụ tài chính mà không bị áp lực phụ thuộc vào việc vay mới hay tái cấp vốn.

Bên cạnh đó, Công ty chú trọng triển khai các biện pháp quản trị rủi ro tài chính một cách chủ động, bao gồm: tăng cường giám sát và kiểm soát dòng tiền, đẩy mạnh thu hồi công nợ phải thu để rút ngắn chu kỳ chuyển đổi tiền mặt, đồng thời tối ưu vòng quay hàng tồn kho nhằm giải phóng nguồn vốn lưu động. Trong bối cảnh thị trường tài chính có nhiều biến động, Công ty cũng đặt trọng tâm vào việc duy trì quan hệ tín dụng chặt chẽ với các ngân hàng đối tác, tìm

kiếm các nguồn vốn dự phòng, cũng như nâng cao xếp hạng tín dụng nội bộ, nhằm đảm bảo tính bền vững và ổn định cho cấu trúc tài chính trong dài hạn.

3.4. Rủi ro thanh toán

Rủi ro thanh toán phát sinh khi Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ tài chính ngắn hạn do sự mất cân đối giữa dòng tiền thu hồi và lịch trình chi trả. Đối với đặc thù kinh doanh của Công ty, rủi ro này chịu tác động bởi hai yếu tố chính là chu kỳ của dòng tiền và biến động hàng tồn kho.

Để đảm bảo an toàn tài chính và duy trì uy tín với các đối tác, Công ty thực thi các biện pháp kiểm soát thanh khoản một cách hệ thống. Công ty thường xuyên theo dõi sát sao và không ngừng triển khai các giải pháp tối ưu hóa dòng tiền để từng bước cải thiện các chỉ số tài chính. Nhờ những nỗ lực quản trị, khả năng thanh toán của Công ty đã ghi nhận sự chuyển biến tích cực: hệ số thanh toán nhanh đã được nâng từ mức 0,78 (năm 2024) lên mức 0,95 (năm 2025). Kết quả này được Công ty thực hiện thông qua việc tối ưu hóa chu kỳ chuyển đổi tiền mặt, trọng tâm là rút ngắn thời gian thu hồi công nợ khách hàng và ưu tiên đẩy mạnh các chính sách bán hàng thu tiền ngay.

Việc đảm bảo giá trị tài sản thanh khoản cao luôn sẵn sàng để chi trả cho các khoản nợ đến hạn giúp Công ty giữ vững vị thế tự chủ tài chính, giảm thiểu sự phụ thuộc vào các nguồn vay mới trong điều kiện thị trường khó khăn. Song song với đó, Công ty thắt chặt công tác quản trị hàng tồn kho nhằm hạn chế tình trạng ứ đọng vốn và giảm thiểu chi phí cơ hội. Với những biện pháp này, Công ty không chỉ hạn chế rủi ro thanh khoản mà còn củng cố nền tảng tài chính, đảm bảo sự ổn định và bền vững cho hoạt động kinh doanh trong các kỳ tiếp theo.

3.5. Rủi ro kép từ biến động lãi suất và thị trường đầu tư hạ tầng

Trong trường hợp mặt bằng lãi suất có xu hướng tăng, chi phí vốn vay ngắn hạn của Công ty có thể chịu ảnh hưởng nhất định. Tuy nhiên, rủi ro này được Công ty đánh giá là ở mức kiểm soát được, do 80% nợ ngắn hạn của Công ty là các Khoản phải trả người bán ngắn hạn, phát sinh từ các hợp đồng sử dụng phương thức thanh toán LC (UPAS và LC trả chậm) có lãi suất/phí, kỳ hạn và giá trị được cố định ngay tại thời điểm mở LC, không chịu ảnh hưởng về lãi suất của các ngân hàng thương mại trong nước, qua đó giảm thiểu tác động từ biến động lãi suất trong ngắn hạn. Đồng thời, đối với khoản vay ngân hàng ngắn hạn, Công ty chủ động duy trì tỷ lệ ký quỹ và các hợp đồng tiền gửi ngắn hạn dùng để thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo với từng nghĩa vụ LC, song song với đó nhận được lãi suất tiền gửi nhằm bù đắp chi phí lãi vay phát sinh. Ngoài ra, Công ty luôn linh hoạt thu nợ trước hạn để kiểm soát chi phí hoạt động tài chính.

Bên cạnh đó, nhu cầu xe tải nặng gắn liền với tiến độ các dự án hạ tầng giao thông, hệ thống cảng biển và khu công nghiệp. Sự chậm trễ trong lộ trình đầu tư công hoặc thay đổi quy hoạch hạ tầng có thể dẫn đến sự sụt giảm nhu cầu đột ngột. Trong bối cảnh nhu cầu thị trường có thể suy giảm do chậm tiến độ đầu tư công hoặc gián đoạn các dự án hạ tầng đường bộ, cảng biển, Công ty đã xây dựng chính sách quản trị dòng tiền và cơ cấu nguồn vốn linh hoạt, bảo đảm duy

trì khả năng thanh toán và đáp ứng kịp thời các nghĩa vụ nợ đến hạn. Nhờ đặc thù dòng tiền bán hàng quay vòng nhanh và khả năng dự báo chính xác lịch thanh toán LC, Công ty có thể tối ưu hóa nguồn vốn lưu động, hạn chế tối đa việc phát sinh vay bổ sung trong giai đoạn lãi suất tăng cao. Ngoài ra, với cơ chế linh hoạt trong đàm phán hợp đồng với nhà cung cấp Sinotruk kết hợp với kiểm soát hàng hoá tồn kho hợp lý, Công ty đảm bảo nguồn vốn không bị ứ đọng và có thể linh hoạt giảm lượng hàng hoá nhập khẩu khi nhận thấy các yếu tố bất lợi từ thị trường.

Nhìn chung, với cơ chế tài trợ thương mại linh hoạt, quản trị dòng tiền chặt chẽ và chiến lược kiểm soát chi phí tài chính, hàng tồn kho chủ động, Công ty có đủ khả năng duy trì khả năng trả nợ và đảm bảo hiệu quả sử dụng vốn ngay cả trong điều kiện lãi suất tăng và nhu cầu thị trường tạm thời suy giảm.

3.6. Rủi ro phụ thuộc đối tác duy nhất

Việc nhập khẩu nguyên chiếc các dòng xe tải hạng trung, hạng nặng và các xe chuyên dụng từ một nhà cung cấp tại Trung Quốc khiến Công ty phụ thuộc vào nguồn cung này. Bất ổn thương mại, đứt gãy cung ứng hoặc biến động tỷ giá sẽ có thể tác động mạnh đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Nhận thức rõ rủi ro tiềm ẩn từ sự phụ thuộc này, Công ty đã chủ động xây dựng chiến lược quản trị chuỗi cung ứng linh hoạt và an toàn, đảm bảo khả năng duy trì hoạt động ổn định ngay cả trong bối cảnh thị trường quốc tế biến động. Công ty thường xuyên theo dõi sát tình hình thương mại và tỷ giá, đồng thời duy trì mức dự trữ hàng tồn kho an toàn, giúp đảm bảo nguồn cung liên tục cho khách hàng ngay cả khi việc vận chuyển hoặc thông quan gặp khó khăn tạm thời hoặc đứt gãy nguồn cung. Song song đó, Công ty đã và đang tiếp tục phát triển hệ thống chuỗi trạm 3S (trung tâm dịch vụ đáp ứng đủ ba chức năng chính Sales – Services – Spare parts) và hướng tới nâng cấp đạt tiêu chuẩn 4S (Bán hàng (Sales), Dịch vụ sau bán hàng (After-sales Service), Phụ tùng (Spare parts), và Khảo sát (Survey) hoặc Tư vấn (Consulting). Với đội ngũ kỹ thuật viên đông đảo và có tay nghề cao, cùng với kho phụ tùng chính hãng được đảm bảo, trong trường hợp thị trường xe tải bị ảnh hưởng với các rủi ro địa chính trị, rủi ro vĩ mô, Công ty vẫn có dòng tiền duy trì hoạt động của hệ thống từ lĩnh vực cung cấp dịch vụ vụ sửa chữa và bán phụ tùng trên cơ sở các xe đã bán ra thị trường sẽ tiếp tục phát sinh các nhu cầu sửa chữa, thay thế phụ tùng trong suốt vòng đời xe.

Việc đảm bảo dịch vụ từ bán hàng tới hậu mãi này không chỉ giúp giảm rủi ro gián đoạn nhập khẩu mà còn mở ra cơ hội tối ưu giá vốn và cải thiện biên lợi nhuận trong trung và dài hạn. Ngoài ra, Công ty cũng duy trì quan hệ đối tác chiến lược dài hạn với nhà cung cấp hiện hữu tại Trung Quốc là Sinotruk thông qua thiết lập hợp đồng nguyên tắc với nhà cung cấp kèm điều khoản linh hoạt, cho phép điều chỉnh thời hạn giao hàng, phương thức thanh toán và giá. Hiện tại, VIMID đã nhận được Giấy chứng nhận nhà phân phối chính thức của Sinotruk có thời hạn tới 31/12/2027.

Được thành lập từ năm 1935, Sinotruk tiền thân là một doanh nghiệp nhà nước của Trung Quốc, đã có 90 năm uy tín trong ngành sản xuất xe tải hạng trung và hạng nặng không chỉ tại Trung Quốc mà còn trên thế giới. Sinotruk cũng là doanh nghiệp sản xuất xe tải hạng nặng đầu tiên của

Trung Quốc có cổ phiếu giao dịch quốc tế. Công ty đã niêm yết trên sàn chứng khoán Hồng Kông (HKSE) với mã chứng khoán 03808 từ năm 2007, thông qua thành lập công ty Sinotruk (Hongkong) Ltd, qua đó chịu sự giám sát và yêu cầu công bố thông tin theo chuẩn quốc tế.

Ngày 27/03/2026, Tập đoàn Xe tải hạng nặng quốc gia Trung Quốc (CNHTC) (03808.HK) - Sinotruk đã công bố báo cáo kết quả hoạt động thường niên năm 2025. Trong năm 2025, CNHTC đạt doanh thu hoạt động 109,541 tỷ Nhân dân tệ (tương đương 16 tỷ đô USD), tăng 15,2% so với năm trước; lợi nhuận ròng đạt 7,019 tỷ Nhân dân tệ (tương đương 1 tỷ USD), tăng 19,8% so với năm 2024.

- Trong năm 2025, Sinotruk đạt sản lượng sản xuất và bán ra đã bán được 304.900 xe tải hạng nặng, chiếm 26,6% thị phần Trung Quốc. Sinotruk không chỉ đứng đầu ngành trong nước trong bốn năm liên tiếp mà còn lần đầu tiên trở thành nhà bán xe tải hạng nặng hàng đầu thế giới, đánh dấu một kỷ nguyên mới về phát triển chất lượng cao trong ngành công nghiệp xe thương mại của Trung Quốc.
- Sản lượng xuất khẩu của Sinotruk trong năm 2025 vượt 153.400 xe, đánh dấu năm thứ 21 liên tiếp giữ vị trí nhà xuất khẩu xe tải nặng hàng đầu Trung Quốc; chiếm 50% tổng lượng xe tải nặng xuất khẩu của toàn Trung Quốc.
- Sinotruk liên tục tăng cường đầu tư vào nghiên cứu và phát triển, với chi phí trên 2,9 tỷ Nhân dân tệ (tương đương 425 triệu USD) trong năm 2025, tăng 6,1% so với năm trước. Tận dụng lợi thế tiên phong trong lĩnh vực năng lượng mới, Sinotruk đã triển khai đầy đủ ba hướng công nghệ chính: điện thuần túy, hybrid và nhiên liệu hydro, xây dựng một loạt sản phẩm xe thương mại năng lượng mới toàn diện bao gồm xe tải hạng nặng và xe bán tải hạng nhẹ. Năm 2025, mảng kinh doanh xe năng lượng mới của Sinotruk đã đẩy nhanh tốc độ phát triển, đạt được sự chuyển đổi nhanh chóng thành tăng trưởng gia tăng. Doanh số bán xe tải hạng nặng năng lượng mới hàng năm tăng 229% so với năm trước, trong khi doanh số bán xe tải hạng nhẹ năng lượng mới tăng mạnh 321%.

Sinotruk đã thành lập 29 nhà máy lắp ráp, phát triển 226 nhà phân phối/đại lý, 246 trạm dịch vụ và 217 mạng lưới cung cấp phụ tùng trên toàn thế giới. Hiện Sinotruk xuất khẩu xe tải hạng trung và hạng nặng tới hơn 110 quốc gia và khu vực. Việt Nam được coi là thị trường "truyền thống" của Sinotruk vì Việt Nam là quốc gia đang phát triển với các chính sách vĩ mô ủng hộ thúc đẩy giải ngân phát triển hạ tầng, là cơ sở quan trọng để Sinotruk tăng doanh số xe xuất khẩu. Do đó, VIMID với kết quả tăng trưởng doanh số bán hàng xe HOWO Sinotruk qua nhiều năm, vẫn luôn giữ vững vị thế số 1 và thị phần phân phối xe tải HOWO tại thị trường Việt Nam, khẳng định vai trò với nhà cung cấp Trung Quốc, từ đó đảm bảo đầu vào phục vụ hoạt động kinh doanh.

Với những giải pháp đồng bộ và chủ động nêu trên, cùng với sự uy tín và thế mạnh của nhà cung cấp đến từ Trung Quốc, Công ty không chỉ kiểm soát tốt rủi ro chuỗi cung ứng mà còn củng cố năng lực cạnh tranh, thể hiện sự linh hoạt, bền vững và khả năng thích ứng cao trước mọi biến động của môi trường kinh doanh quốc tế.

4. Rủi ro về đợt chào bán

Việc chào bán cổ phiếu ra công chúng mang lại cơ hội lớn nhưng cũng đi kèm với nhiều rủi ro. Nhiều công ty thực hiện tăng vốn, đưa ra thị trường lượng cung lớn cổ phiếu, trái phiếu. Lượng cung chứng khoán lớn dẫn đến sự cạnh tranh gay gắt của các cổ phiếu chào bán. Đây cũng là một rủi ro lớn đối với cổ phiếu Công ty.

Đối tượng của đợt chào bán cổ phiếu là cổ đông hiện hữu của Công ty – đây là đối tượng am hiểu tình hình hoạt động kinh doanh và định hướng phát triển, cũng như năng lực quản lý của Ban lãnh đạo Công ty, do vậy, có thể đánh giá được rủi ro về đợt chào bán là khá thấp. Tỷ lệ thành công của đợt chào bán phụ thuộc vào diễn biến tình hình thị trường chứng khoán tại thời điểm chính thức chào bán, các yếu tố vĩ mô, tâm lý của các nhà đầu tư cũng như sự hấp dẫn của cổ phiếu Công ty. Mục tiêu của đợt chào bán lần này của VIMID là huy động vốn để thực hiện thanh toán các khoản nợ vay tại các tổ chức tín dụng. Việc tập trung nguồn vốn để cơ cấu lại nợ vay không chỉ giúp VIMID chủ động giảm áp lực chi phí lãi vay mà còn trực tiếp cải thiện các chỉ số về khả năng thanh toán (như hệ số thanh toán nhanh và hệ số thanh toán hiện hành). .

Trong điều kiện thị trường không thuận lợi, tồn tại rủi ro không phân phối hết số cổ phiếu được chào bán dự kiến. Trường hợp số cổ phiếu do Cổ đông hiện hữu từ chối mua một phần hoặc toàn bộ, Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị tiếp tục chào bán cho các đối tượng khác theo giá chào bán phù hợp tại thời điểm chào bán nhưng không thấp hơn so với giá chào bán cho cổ đông hiện hữu. Hội đồng quản trị có thể xin phép UBCKNN gia hạn thời gian chào bán nếu xét thấy cần thiết.

Theo đánh giá của Công ty, mức giá chào bán được xác định là 25.000 đồng/cổ phiếu, thấp hơn 18,4% so với giá trị sổ sách của Công ty tại thời điểm 31/12/2025 (đạt 29.612 đồng/cổ phiếu). Việc định giá chào bán ở mức chiết khấu so với giá trị sổ sách là một yếu tố quan trọng, trực tiếp thúc đẩy quyết định đầu tư của cổ đông dựa trên kỳ vọng vào tiềm năng tăng trưởng và giá trị nội tại của VIMID.

Bên cạnh đó, Công ty cam kết thực hiện đầy đủ, chính xác và kịp thời các nghĩa vụ công bố thông tin, đảm bảo mọi chi tiết về hoạt động kinh doanh cũng như lộ trình sử dụng vốn từ đợt chào bán được cập nhật và báo cáo đầy đủ tại kỳ họp Đại hội đồng cổ đông. Điều này đóng vai trò quan trọng trong việc tạo dựng niềm tin đối với các nhà đầu tư, từ đó giảm thiểu rủi ro về đợt chào bán.

5. Rủi ro pha loãng

Công ty nhận định những rủi ro pha loãng có thể xuất hiện khi thực hiện đợt chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu bao gồm:

- Pha loãng thu nhập trên mỗi cổ phần – EPS (Earning per share)
- Pha loãng giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần – BV (Book value)
- Pha loãng về tỷ lệ nắm giữ và quyền biểu quyết

- Pha loãng giá tham chiếu tại ngày giao dịch không hưởng quyền mua cổ phiếu chào bán thêm.

5.1. Rủi ro pha loãng EPS

Thu nhập cơ bản trên mỗi cổ phiếu (EPS) có thể giảm do thu nhập được chia cho số lượng cổ phiếu lớn hơn. Công thức tính toán pha loãng EPS dự kiến như sau:

$$EPS_{pha\ loãng} = \frac{E}{Q_{bình\ quân}}$$

Trong đó:

$EPS_{pha\ loãng}$: Thu nhập trên mỗi cổ phần pha loãng sau đợt chào bán thành công

E : Tổng lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông

$Q_{bình\ quân}$: Số lượng cổ phiếu đang lưu hành bình quân trong kỳ (sau đợt chào bán)

5.2. Rủi ro pha loãng giá trị sổ sách

Với việc chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 1:1 với giá 25.000 đồng/cổ phần thì giá trị sổ sách cổ phiếu (BV) năm 2026 có thể giảm nếu tốc độ tăng của số lượng cổ phiếu đang lưu hành cao hơn tốc độ tăng của nguồn vốn chủ sở hữu. Công thức tính pha loãng BV dự kiến như sau:

$$BV = \frac{NVCSH}{Q - CPQ}$$

Trong đó:

NVCSH : Nguồn vốn chủ sở hữu thuộc về cổ đông

Q : Tổng số cổ phiếu đã chào bán

CPQ : Tổng số cổ phiếu quỹ

BV : Giá trị sổ sách cổ phiếu

5.3. Rủi ro pha loãng về tỷ lệ nắm giữ và quyền biểu quyết

Tỷ lệ nắm giữ và quyền biểu quyết của cổ đông sẽ bị giảm một tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ mà cổ đông từ chối quyền mua trong đợt chào bán này (so với thời điểm trước ngày chốt danh sách thực hiện quyền mua cổ phiếu chào bán thêm mà cổ đông đang sở hữu).

5.4. Rủi ro pha loãng của giá cổ phiếu dự kiến sau khi chào bán thêm cổ phiếu

Rủi ro pha loãng giá giá cổ phiếu xảy ra khi giá cổ phiếu tại ngày trước ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền lớn hơn giá chào bán, cụ thể là $PR_{t-1} > 25.000$ đồng. Vào ngày giao dịch không hưởng quyền mua cổ phiếu chào bán thêm của cổ đông hiện hữu, giá tham chiếu cổ phiếu sẽ bị điều chỉnh theo công thức sau:

$$P_{tc} = \frac{PR_{t-1} + (PR + 1)}{1 + I}$$

Trong đó:

P_{tc} : Là giá tham chiếu điều chỉnh trong Ngày giao dịch không hưởng quyền.

PR_{t-1} : Là giá đóng cửa của cổ phiếu tại ngày giao dịch gần nhất trước Ngày giao dịch không hưởng quyền.

I : Là tỷ lệ vốn tăng trong trường hợp thực hiện quyền mua thêm đối với cổ đông hiện hữu: được tính = 21.525.000 cổ phần chào bán thêm cho cổ đông hiện hữu/21.525.000 cổ phần đang lưu hành tại thời điểm chào bán (I = 1)

PR : Giá chào bán đối với quyền mua cổ phiếu (PR = 25.000 đồng/cổ phiếu)

Rủi ro pha loãng giá xảy ra khi giá cổ phiếu tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền mua cổ phiếu PRt-1 > PR = 25.000 đồng.

6. Rủi ro quản trị công ty

Rủi ro quản trị đối với mỗi doanh nghiệp có thể phát sinh do hai nguyên nhân chính (i) sự thiếu hụt chưa được bù đắp kịp thời của một hoặc nhiều cán bộ lãnh đạo chủ chốt và (ii) sự hài hòa lợi ích và trách nhiệm giữa các cấp lãnh đạo.

Trong bất kỳ ngành nghề kinh doanh nào, lựa chọn cơ cấu quản trị, cơ cấu tổ chức quản trị rủi ro phù hợp là nền tảng cần thiết đối với chiến lược quản trị rủi ro của doanh nghiệp. Để có thể đạt hiệu quả cao nhất, khung quản trị rủi ro của doanh nghiệp cần được thiết kế phù hợp với văn hóa và chiến lược của Công ty. Đánh giá đúng vai trò của quản trị công ty và quan tâm đến quản trị công ty từ những vấn đề cơ bản nhất là giải pháp hữu hiệu để phòng ngừa rủi ro. Cơ cấu điều hành và quản trị của Công ty được thiết lập và tuân thủ theo các quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các quy định pháp luật chuyên ngành có liên quan.

Bên cạnh việc thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ công bố thông tin trong lĩnh vực chứng khoán, để mang lại hiệu quả quản trị tốt hơn, Công ty đã chuyển đổi sang mô hình quản trị có Ủy ban kiểm toán để việc kiểm tra và đánh giá hoạt động Công ty sâu sát nhất có thể. Do đó các hoạt động điều hành của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc luôn minh bạch và được giám sát một cách cẩn trọng. Ngoài ra, với kinh nghiệm lâu năm trong ngành giúp đội ngũ quản trị của Công ty có đủ khả năng nhận biết, đánh giá và khắc phục các yếu tố rủi ro để đảm bảo việc quản trị doanh nghiệp được thực hiện một cách ổn định và có hiệu quả.

7. Rủi ro khác

Ngoài các rủi ro trình bày ở trên, hoạt động của Công ty còn chịu ảnh hưởng của các rủi ro bất khả kháng như chiến tranh, thiên tai (hạn hán, bão lụt), dịch bệnh, hỏa hoạn. Các rủi ro này ít có khả năng xảy ra nhưng nếu xảy ra sẽ ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động kinh doanh của Công ty làm giảm lợi nhuận và gây nên tình trạng bất ổn của các thị trường tiềm năng. Để giảm

thiểu rủi ro này, Công ty đã thường xuyên kiểm tra, bảo trì và đảm bảo thực hiện tốt công tác phòng cháy chữa cháy, tham gia mua bảo hiểm cho cán bộ công nhân viên và tài sản.

Rủi ro thiên tai, dịch bệnh là những rủi ro bất khả kháng và nằm ngoài tầm kiểm soát của Công ty. Đối với những rủi ro này, Công ty theo dõi sâu sát diễn biến và đưa ra các biện pháp phòng chống kịp thời và hợp lý.

(Phần cuối của trang này được cố ý để trống)

III. CÁC KHÁI NIỆM

Trong Bản cáo bạch này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

Bản cáo bạch	: Bản cáo bạch chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Máy Việt Nam
Cổ đông hiện hữu	: Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách tại ngày chốt danh sách thực hiện quyền mua cổ phiếu
Điều lệ Công ty	: Điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Máy Việt Nam
Tổ chức phát hành	: Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Máy Việt Nam
Tổ chức tư vấn/FPTS	: Công ty Cổ phần chứng khoán FPT

Các từ hoặc nhóm từ viết tắt trong Bản cáo bạch này có nội dung như sau:

BCTC	:	Báo cáo tài chính
BGĐ		Ban Giám đốc
BV	:	Book value – Giá trị sổ sách
CBNV	:	Cán bộ công nhân viên
CMND/CCCD	:	Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân
Công ty/VVS/VIMID	:	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Máy Việt Nam
CP		Cổ phần
CTCP	:	Công ty Cổ phần
ĐHĐCĐ	:	Đại hội đồng Cổ đông
ĐKDN	:	Đăng ký doanh nghiệp
GCNĐKDN	:	Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp
HĐLĐ	:	Hợp đồng lao động
HĐQT	:	Hội đồng Quản trị
HOSE/ HSX	:	Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh
LNST	:	Lợi nhuận sau thuế
TNHH	:	Trách nhiệm hữu hạn

TNHH MTV	:	Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên
UBCKNN	:	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
VĐL	:	Vốn điều lệ
VND/VNĐ	:	Việt Nam đồng
VSDC	:	Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam

Ngoài ra, những thuật ngữ khác (nếu có) được sử dụng trong Bản cáo bạch này sẽ được hiểu như quy định trong Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020, Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019, Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

(Phần cuối của trang này được cố ý để trống)

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

1. Thông tin chung về Tổ chức phát hành

- **Tên đầy đủ** : Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Máy Việt Nam
- **Tên viết tắt** : VIMID
- **Tên tiếng Anh** : Vietnam Machine Investment Development Joint Stock Company
- **Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp** : số 0104498100 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 05 tháng 03 năm 2010, Sở Tài chính thành phố Hà Nội cấp thay đổi lần thứ 17 ngày 20 tháng 08 năm 2025
- **Địa chỉ trụ sở chính** : BT1-07 Khu đô thị mới An Hưng, đường Tố Hữu, phường Phường Dương Nội, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
- **Số điện thoại** : 024.6666.1788
- **Số fax** : Không có
- **Vốn điều lệ** : 215.250.000.000 đồng *(Bằng chữ: Hai trăm mười lăm tỷ hai trăm năm mươi triệu đồng)*
- **Ngành nghề kinh doanh chính** : Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa
  Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa
  (Trừ việc thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối)
- **Người đại diện theo pháp luật** : Nguyễn Vũ Trụ – Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty
- **Mã cổ phiếu** : VVS
- **Sàn niêm yết** : HSX

2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của Tổ chức phát hành

Thời gian	Những cột mốc phát triển quan trọng
Năm 2010:	▪ Thành lập Công ty CP Đầu tư phát triển Máy Việt Nam (VIMID). Trụ sở chính tại: P105, nhà 5 tầng, TT.222D, phố Đội Cấn, Phường Liễu Giai, Hà Nội. ▪ Vốn điều lệ của công ty thời điểm thành lập là **1,8 tỷ đồng**. ▪ Hoạt động kinh doanh chính: Kinh doanh ô tô và xe có động cơ khác (như xe bồn, xe đông lạnh, rơ-moóc và bán rơ-moóc).
Năm	Tháng 10/2011, Công ty thực hiện chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu tăng

Thời gian	Những cột mốc phát triển quan trọng
2011:	vốn điều lệ lên **10 tỷ đồng**.
Năm 2013:	Khai trương Chi nhánh Hồ Chí Minh tại: Số 2600/1B, Quốc lộ 1A, Khu phố 1, Phường An Phú Đông, Quận 12, TP Hồ Chí Minh. Tháng 9/2013, Công ty thực hiện chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu tăng vốn điều lệ lên **20 tỷ đồng**.
Năm 2014:	Khai trương Văn phòng Giới thiệu Sản phẩm, sau đổi thành CN Hải Phòng tại: Số 305 Lê Thánh Tông, Phường Máy Chai, Quận Ngô Quyền, TP Hải Phòng.
Năm 2015:	Khai trương Chi nhánh Bình Định tại: Quốc lộ 1A, Thôn Mỹ Điền, Thị trấn Tuy Phước, Huyện Tuy Phước, Tỉnh Bình Định. Tháng 12/2015, Công ty thực hiện chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu tăng vốn điều lệ lên **100 tỷ đồng**.
Năm 2016:	Khai trương Chi nhánh Hà Nội đặt tại: Km23+500, Quốc lộ 6, Khu CN Phú Nghĩa, Tiên Phương, Chương Mỹ, Hà Nội.
Năm 2017:	▪ Khai trương: - Chi nhánh Hà Nam: Thôn La Mát, TT. Kiện Khê, Huyện Thanh Liêm, Tỉnh Hà Nam. - Chi nhánh Nghệ An: Xóm 22, Xã Nghi Trung, Huyện Nghi Lộc, Nghệ An. - Chi nhánh Đà Nẵng: Km 800+40 – QL1A, Xã Hòa Phước, Huyện Hòa Vang, TP Đà Nẵng.
Năm 2019:	Khai trương Chi nhánh Quảng Ninh: Km 7, QL18, Phường Quang Hanh, TP Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh.
Năm 2020:	▪ Khai trương: - Chi nhánh Phú Thọ: Khu 4, xã Phù Ninh, huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ. - Chi nhánh Thanh Hóa: Thôn Quyết Thắng, xã Quảng Thịnh, TP. Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa. - Chi nhánh Đắk Lắk: Tổ 3, khối 4, đường 30/4, phường Ea Tam, TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk. - Chi nhánh Đồng Nai: Dốc 47, quốc lộ 51, khu phố Thiên Bình, phường Tam Phước, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. - Chi nhánh Bắc Giang: Km 60 - Quốc lộ 1, thôn Riễu, Xã Dĩnh Trì, Thành phố Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang.

Thời gian	Những cột mốc phát triển quan trọng
Năm 2021:	▪ Khai trương: - Chi nhánh Khánh Hòa: Số 85, Tổ 6, Thôn Như Xuân 2, Xã Vĩnh Phương, Nha Trang, Khánh Hòa. - Chi nhánh Tây Đô: Khóm Đông Thuận, Phường Đông Thuận, Thị Xã Bình Minh, Tỉnh Vĩnh Long. ▪ Tháng 3/2021, Công ty thực hiện chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu tăng vốn điều lệ lên **200 tỷ đồng.** ▪ Tháng 6/2021, Công ty thực hiện chào bán cổ phần cho cán bộ nhân viên trong công ty, tăng vốn điều lệ của công ty lên **205 tỷ đồng**.
Năm 2022:	▪ Khai trương: - Chi nhánh Đông Hà Nội: Tổ 9, ngõ 649, đường Lĩnh Nam, Quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội. - Chi nhánh Bình Dương: Thửa đất số 818-819, tờ bản đồ số 08-3, đường Mỹ Phước Tân Vạn, khu phố 7, Phường Định Hòa, Thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương. - Chi nhánh Quảng Bình: Tổ dân phố 3 Phú Vinh, phường Bắc Nghĩa, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình. - Chi nhánh Quảng Ngãi Số 141, đường Đinh Tiên Hoàng (QL1), phường Nghĩa Chánh, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi. ▪ Ngày 22/07/2022: VIMID nhận được công văn chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc đăng ký công ty đại chúng. ▪ Ngày 11/8/2022, Công ty được Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam chấp thuận cấp Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán với mã CK: VVS. ▪ Ngày 15/11/2022, VIMID được vinh danh trong Top VNR500 – Top 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam năm 2022 (xếp hạng 374)
Năm 2023:	▪ Ngày 16/03/2023, VIMID được ghi danh trong FAST500 – Top 500 doanh nghiệp tăng trưởng nhanh nhất Việt Nam năm 2023 (Xếp hạng 43). ▪ Tháng 06/2023, Công ty thực hiện thay đổi tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa lên mức 49%; ▪ Ngày 02/06/2023, VIMID vinh dự nhận bằng khen từ Bảo hiểm xã hội Thành phố Hà Nội vì đã có thành tích xuất sắc trong việc thực hiện tốt nghĩa vụ với ngân sách nhà nước và đầy đủ các quyền lợi cho người lao động trong công tác BHXH, BHYT, BHTN. ▪ Tháng 11/2023, Công ty hoàn thành việc phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP), tăng vốn điều lệ lên **215,25 tỷ đồng.**

Thời gian	Những cột mốc phát triển quan trọng
	▪ Ngày 17/11/2023, VIMID được vinh danh trong bảng xếp hạng VNR500 – Top 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam năm 2023 (xếp hạng 315)
Năm 2024:	▪ Ngày 18/1/2024, VIMID vinh dự nhận bằng khen từ Liên đoàn Lao động quận Hà Đông với danh hiệu "Công đoàn có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua lao động giỏi và xây dựng tổ chức Công đoàn vững mạnh 2023". ▪ Ngày 23/01/2024, Công ty đã được vinh danh và nhận cúp "Strategic Partners of Shandong Heavy Industry" - Đối tác chiến lược của Tập đoàn Công nghiệp nặng Sơn Đông. Đồng thời, VIMID cũng được Sinotruk vinh danh là "Dealer of the Year" - Nhà phân phối của năm. ▪ Ngày 12/08/2024, VIMID được ghi nhận trong Top 9 doanh nghiệp tư nhân nộp ngân sách Nhà nước lớn nhất lĩnh vực phân phối – bán lẻ năm 2023; bên cạnh đó, VIMID cũng được xếp hạng trong PRIVATE 100 – Top Doanh nghiệp tư nhân nộp ngân sách lớn nhất Việt Nam và VNTAX200 - Top 200 doanh nghiệp nộp ngân sách lớn nhất Việt Nam (gồm cả Khối nhà nước, tư nhân và nước ngoài). ▪ Ngày 11/12/2024, VIMID được vinh danh trong Top 1 nhà tuyển dụng được yêu thích nhất Khối doanh nghiệp vừa nhóm ngành Cơ khí - Ô Tô - Tự động hóa và Top 20 nhà tuyển dụng được yêu thích nhất khối doanh nghiệp Vừa do CareerViet phối hợp cùng đơn vị nghiên cứu thị trường Amco Việt Nam nghiên cứu và công bố. ▪ Ngày 12/12/2024, VIMID vinh dự được vinh danh trong Top 10 Nơi làm việc tốt nhất Việt Nam, Top 500 Nhà tuyển dụng tốt nhất Việt Nam do Viet Research và Báo Đầu tư nghiên cứu và công bố. ▪ Ngày 24/12/2024, Công ty đã xuất sắc lọt Top 100 của Giải thưởng Sao Vàng đất Việt năm 2024, giải thưởng tôn vinh thương hiệu tiêu biểu Việt Nam do Trung ương Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam, Trung ương Hội Doanh nhân trẻ Việt Nam tổ chức.
Năm 2025:	▪ Ngày 06/01/2025, VIMID nhận bằng khen của Chủ tịch UBND Tỉnh Lạng Sơn vì đã có thành tích đóng góp lớn về số thu ngân sách nhà nước trong hoạt động xuất nhập khẩu năm 2024. ▪ Ngày 08/01/2025, Công ty lần thứ 3 liên tiếp được vinh danh trong Bảng xếp hạng VNR500 - Top 500 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam 2024 (xếp hạng 466); ▪ Ngày 09/01/2025, VIMID nhận Giấy khen từ Liên đoàn Lao động quận Hà Đông do đã tham gia tích cực phong trào thi đua, chăm lo đời sống người lao

Thời gian	Những cột mốc phát triển quan trọng
	động, đóng góp sáng kiến thiết thực, tổ chức hoạt động an sinh xã hội, xây dựng tổ chức Công đoàn vững mạnh và đạt thành tích tiêu biểu trong năm. ▪ Ngày 24/04/2025, VIMID tiếp tục vinh dự nhận giải FAST500 - Top 500 doanh nghiệp tăng trưởng nhanh nhất Việt Nam (xếp hạng 179). ▪ Ngày 12/08/2025, VIMID được trao tặng giấy khen của Chủ tịch UBND Phường Dương Nội do đã có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua chào mừng kỷ niệm 80 năm Ngày truyền thống lực hượng Công An nhân dân và 20 năm Ngày hội toàn dân bảo vệ An ninh Tổ quốc. ▪ Ngày 19/08/2025, VIMID lọt danh sách Top 10 doanh nghiệp nộp ngân sách nhà nước lớn nhất trong ngành phân phối – bán lẻ năm 2024 theo công bố của CafeF (xếp hạng 7). Đây là bảng xếp hạng ghi nhận đóng góp tài chính nổi bật của các doanh nghiệp đầu ngành phân phối – bán lẻ cho sự phát triển kinh tế đất nước. Bên cạnh đó, VIMID cũng xuất sắc góp mặt trong danh sách PRIVATE 100 (Top 100 doanh nghiệp tư nhân nộp ngân sách lớn nhất Việt Nam) (xếp hạng 64) và VNTAX 200 - Leading Group (Top 200 doanh nghiệp nộp ngân sách lớn nhất Việt Nam bao gồm cả khối nhà nước, tư nhân, FDI, liên doanh), với tổng nộp ngân sách gần 600 tỷ đồng trong năm 2024. ▪ Ngày 20/08/2025, VIMID có tên trong danh sách 18 tập thể được Chủ tịch UBND Thành phố Hà Nội khen thưởng vì đã có thành tích trong phong trào thi đua và phát triển Hội doanh nghiệp trẻ Hà Nội năm 2025. ▪ Ngày 18/10/2025, VIMID tham dự Hội nghị Đối tác toàn cầu 2025 do Tập đoàn Công nghiệp nặng Sơn Đông tổ chức, quy tụ hơn 300 đối tác chiến lược đến từ khắp các quốc gia và vùng lãnh thổ của Tập đoàn Công nghiệp nặng Sơn Đông và Sinotruk. Trong khuôn khổ sự kiện này, VIMID đã nhận cú đúp giải thưởng "Excellent Strategic Partner Award" (Đối tác chiến lược xuất sắc) của Tập đoàn Công nghiệp nặng Sơn Đông và "Notable Contribution Award" (Cống hiến nổi bật) của Tập đoàn Sinotruk. ▪ Ngày 28/10/2025, VIMID được vinh danh trong danh sách Top 500 Doanh nghiệp Tư nhân lợi nhuận tốt nhất (PROFIT500) (xếp hạng 432) do Công ty cổ phần Báo cáo Đánh giá Việt Nam (Vietnam Report) phối hợp cùng Báo VietNamNet tổ chức. ▪ Ngày 12/11/2025: Năm thứ 4 liên tiếp VIMID góp mặt trong bảng xếp hạng VNR500 - Top 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam (xếp hạng 340) ▪ Ngày 10/12/2025: VIMID chính thức nhận quyết định niêm yết và giao dịch cổ phiếu với mã CK: VVS trên sàn giao dịch chứng khoán TP. HCM (HOSE).

Thời gian	Những cột mốc phát triển quan trọng
Năm 2026:	▪ Ngày 07/01/2026: VIMID đứng đầu danh sách 10 doanh nghiệp được Chủ tịch UBND tỉnh Lạng Sơn trao tặng bằng khen vì thành tích đóng góp lớn về số thu ngân sách nhà nước trong hoạt động xuất nhập khẩu năm 2025. ▪ Ngày 20/03/2026: VMASS - Công ty thành viên của VIMID - chính thức được cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư dự án nhà máy sản xuất - lắp ráp ô tô VMASS tại Khu phi thuế quan và Khu công nghiệp Nam Đình Vũ thuộc Khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, thành phố Hải Phòng. ▪ Ngày 25/03/2026, VIMID được vinh danh trong Top 100 Doanh nghiệp triển vọng tăng trưởng Việt Nam năm 2026 (Fast Rising 100) do Vietnam Report công bố (xếp hạng 67). ▪ Ngày 16/04/2026: VIMID được xếp hạng trong danh sách Top 10 Doanh nghiệp ESG Việt Nam Xanh 2026 ngành Chế biến – Chế tạo nhóm Cơ khí – Chế tạo máy do Viet Research phối hợp với Báo Tài chính - Đầu tư (Bộ Tài chính) công bố.

3. Cơ cấu tổ chức của Tổ chức phát hành

Hiện nay, Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Máy Việt Nam được tổ chức và vận hành theo Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020. Mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đều cam kết tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành, các văn bản pháp lý liên quan và Điều lệ Công ty đã được Đại hội đồng Cổ đông thông qua.

Cơ cấu tổ chức của Công ty gồm Trụ sở chính, 16 chi nhánh tại 3 miền và 01 công ty con, được diễn giải bằng Sơ đồ cơ cấu bộ máy tổ chức hoạt động sau đây:

(Phần cuối của trang này được cố ý để trống)

Biểu đồ 3: Sơ đồ tổ chức VIMID

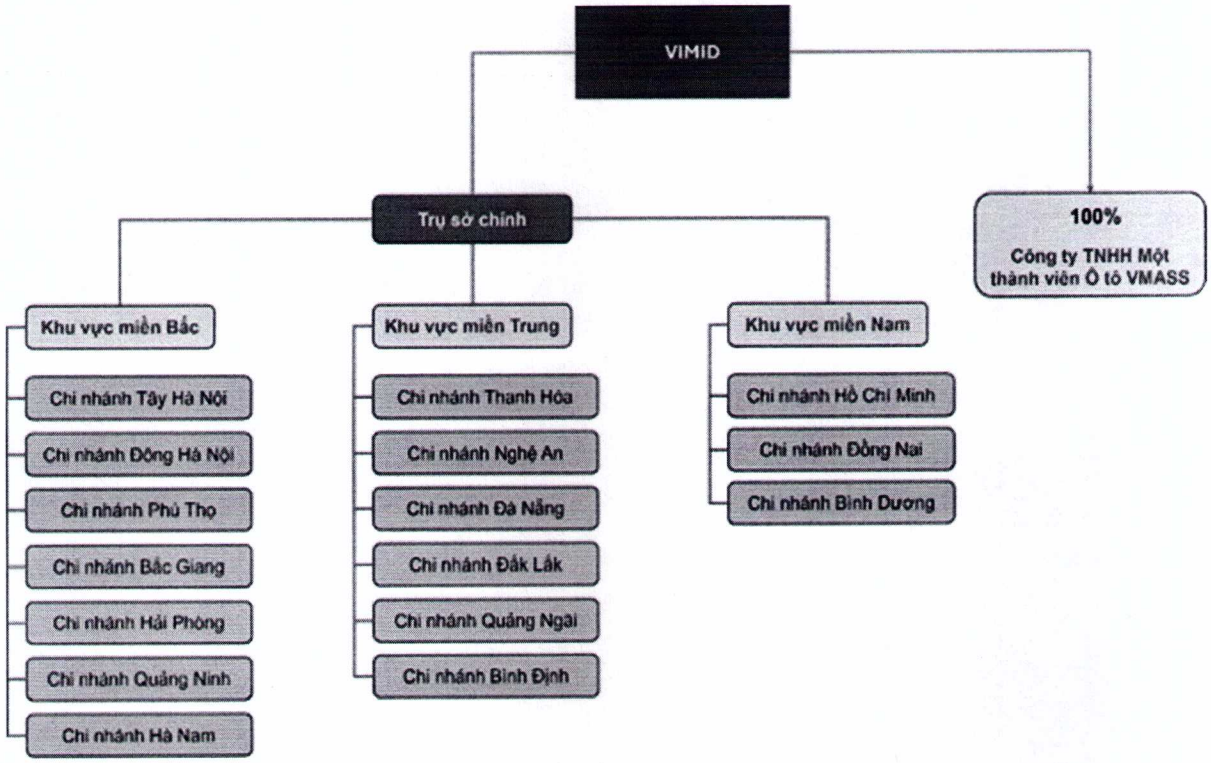

Nguồn: VIMID

Thông tin về công ty con của Công ty được trình bày chi tiết tại mục IV.5.2

Thông tin các chi nhánh của Công ty như sau:

STT	Tên chi nhánh	Địa chỉ
1	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển máy Việt Nam - Chi nhánh Bắc Giang	Km 60 - quốc lộ 1, tổ dân phố Riễu, phường Bắc Giang, tỉnh Bắc Ninh.
2	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển máy Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ	Khu 4, xã Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ
3	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển máy Việt Nam - Chi nhánh Tây Hà Nội	Điểm công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp Tiên Phương, thôn Sơn Đồng, xã Tiên Phương, phường Chương Mỹ, thành phố Hà Nội
4	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển máy Việt Nam - Chi nhánh Hà Nam	Thôn La Mát, phường Châu Sơn, tỉnh Ninh Bình
5	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển máy Việt Nam - Chi nhánh Thanh	Thôn Tiến Thành, xã Hoằng Lộc, tỉnh Thanh Hóa

STT	Tên chi nhánh	Địa chỉ
	Hóa	
6	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển máy Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng	Bãi Traco Đình Vũ, Đường 356 Đình Vũ Km2+100, phường Đông Hải 2, thành phố Hải Phòng
7	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển máy Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ninh	Km7 – QL18, phường Quang Hanh, tỉnh Quảng Ninh
8	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển máy Việt Nam - Chi nhánh Nghệ An	Xóm 2, xã Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An
9	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển máy Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng	Km 800+40 quốc lộ 1A, phường Hòa Xuân, thành phố Đà Nẵng
10	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển máy Việt Nam - Chi nhánh Đắk Lắk	Tổ 3, Khối 4, đường 30/4, phường Ea Kao, tỉnh Đắk Lắk
11	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển máy Việt Nam - Chi nhánh Bình Định	Thôn Mỹ Điền, xã Tuy Phước, tỉnh Gia Lai
12	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển máy Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai	Quốc lộ 51, tổ 8, khu phố 3, phường Long Hưng, tỉnh Đồng Nai
13	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển máy Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh	2600/1B quốc lộ 1A, khu phố 1, phường An Phú Đông, thành phố Hồ Chí Minh
14	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển máy Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương	Số 173, đường Mỹ Phước Tân Vạn, Khu phố 7, phường Chánh Hiệp, TP Hồ Chí Minh
15	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển máy Việt Nam – Chi nhánh Đông Hà Nội	Tổ 9, ngõ 649, đường Lĩnh Nam, phường Lĩnh Nam, thành phố Hà Nội
16	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển máy Việt Nam – Chi nhánh Quảng Ngãi	Số 141, đường Đinh Tiên Hoàng (QL1), phường Cẩm Thành, tỉnh Quảng Ngãi

Nguồn: VIMID

Biểu đồ 4: Cơ cấu bộ máy quản lý tại hệ thống các Chi nhánh

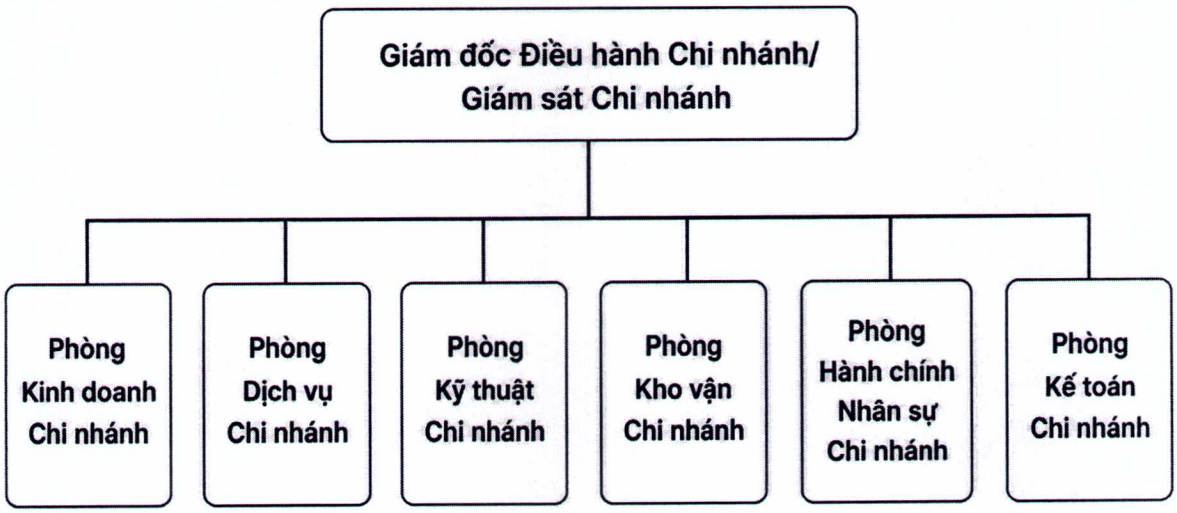

Nguồn: VIMID

- Chi nhánh là đơn vị phụ thuộc Công ty, có nhiệm vụ thực hiện toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh Công ty theo phân quyền trên địa bàn (tỉnh/vùng địa lý) được phân công
- Chi nhánh có nhiệm vụ lập kế hoạch và tổ chức triển khai thực hiện các hoạt động sản xuất kinh doanh hàng hóa dịch vụ tại địa bàn được phân công
- Xây dựng đội ngũ nhân sư và tổ chức phân công công việc
- Giám sát và đánh giá kết quả thực hiện công việc của nhân viên tại chi nhánh nhằm đảm bảo hoạt động kinh doanh tại chi nhánh đạt mục tiêu.

Giám đốc Điều hành Chi nhánh/Giám sát Chi nhánh

- Tổ chức triển khai, quản lý vận hành hoạt động của CN theo mục tiêu được Ban Giám đốc công ty giao từng thời kỳ, thực hiện mục tiêu chiến lược, cụ thể hóa định hướng từ Ban Lãnh đạo công ty thành kế hoạch hành động cụ thể tại chi nhánh để đạt doanh số và mục tiêu tăng trưởng;
- Quản lý và điều hành hoạt động của CN: Chịu trách nhiệm toàn bộ về hoạt động sản xuất kinh doanh, cung cấp dịch vụ và các giao dịch khác của chi nhánh bao gồm: hoạt động kinh doanh xe, dịch vụ, kho vận và logistic, kỹ thuật và sửa chữa, nhân sự hành chính, kế toán
- Đại diện chi nhánh làm việc với các cơ quan chức năng, khách hàng, đối tác theo phạm vi ủy quyền; kiểm soát rủi ro; giám sát quy trình hoạt động tại CN, đảm bảo tuân thủ pháp luật và quy định của công ty, hạn chế tối đa rủi ro pháp lý và tài chính;
- Báo cáo tình hình hoạt động cho công ty và đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả kinh doanh của hệ thống hoặc chính chi nhánh.

Phòng Kinh doanh Chi nhánh

- Thiết lập mục tiêu kinh doanh xe vùng CN phụ trách; triển khai hoạt động kinh doanh theo mục tiêu được Lãnh đạo CN giao từng thời kỳ; phát triển thị trường, thực hiện các hoạt động Marketing, truyền thông thương hiệu tại khu vực/ vùng miền mà CN phụ trách;
- Triển khai kinh doanh xe và các dịch vụ kèm theo theo chiến lược kinh doanh và chính sách bán hàng mà LĐCN phê duyệt, phát triển thị trường, phát triển khách hàng, quản lý khách hàng;
- Tìm kiếm khách hàng tiềm năng, xây dựng mối quan hệ, quản lý quan hệ và thông tin khách hàng, triển khai chương trình chăm sóc khách hàng trước, trong và sau bán, xây dựng và quảng bá thương hiệu;
- Thực hiện các hoạt động quảng cáo, trưng bày sản phẩm tại CN, theo dõi tình hình kinh doanh trong khu vực, phân tích đối thủ cạnh tranh, phân tích thị trường.

Phòng Dịch vụ Chi nhánh

- Thực hiện Chiến lược kinh doanh dịch vụ sửa chữa, phụ tùng theo mục tiêu và chính sách dịch vụ được Lãnh đạo chi nhánh phê duyệt, triển khai tiêu chuẩn dịch vụ nhằm đảm bảo chất lượng, tiến độ dịch vụ sửa chữa cho khách hàng;
- Xây dựng và triển khai kế hoạch bán hàng theo chính sách được Lãnh đạo CN thiết lập cho từng giai đoạn;
- Xây dựng và phát triển gói sản phẩm dịch vụ sửa chữa phù hợp, tư vấn dịch vụ cho khách hàng, quản lý dữ liệu khách hàng, duy trì khách hàng cũ, mở rộng hệ thống đối tác;
- Triển khai chiến dịch chăm sóc khách hàng, triển khai và đánh giá hiệu quả kinh doanh phụ tùng, dịch vụ, đề xuất cải tiến đổi mới sáng tạo nâng cao hiệu quả hoạt động của lĩnh vực.

Phòng Kỹ thuật Chi nhánh

- Quản lý kỹ thuật và sửa chữa, bảo dưỡng ô tô, tư vấn kỹ thuật, kiểm tra, đánh giá chất lượng sửa chữa, đảm bảo xe xuất xưởng đạt tiêu chuẩn an toàn và kỹ thuật mà công ty ban hành.
- Thực hiện công tác sửa chữa chung (điện, máy gầm, sơn, gò), bảo hành, bảo dưỡng định kỳ theo tiêu chuẩn kỹ thuật và quy trình; điều phối hoạt động của kỹ thuật viên; bảo dưỡng, sửa chữa các loại công cụ, máy móc, thiết bị cầm tay, đảm bảo môi trường làm việc an toàn.

Phòng Kho vận Chi nhánh

- Quản lý và vận hành hệ thống kho chi nhánh (xe, vật tư phụ tùng); thực hiện nghiệp vụ quản lý và lưu trữ phụ tùng, linh kiện, vật tư ô tô, cung ứng phụ tùng, thực hiện kiểm soát tồn kho đảm bảo đáp ứng hoạt động vận hành và tối ưu hiệu quả.
- Nhập, xuất hàng, kiểm soát chất lượng hàng hoá, sắp xếp và bảo quản hàng, quản lý mã hàng và giá trị tồn kho, lập kế hoạch đặt hàng, mua sắm hàng hoá theo phân công; thực hiện hoạt động logistic nội bộ.

Phòng Hành chính Nhân sự Chi nhánh

- Hỗ trợ Lãnh đạo chi nhánh trong việc triển khai các chính sách nhân sự và quy định nội bộ, quản lý nhân sự, đảm bảo nguồn nhân lực ổn định, đủ năng lực và tuân thủ các quy định pháp luật lao động, quản lý hành chính: vận hành bộ máy hành chính nội bộ, đảm bảo cơ sở vật chất, an toàn vệ sinh lao động, hoạt động đối ngoại;
- Thực hiện kế hoạch tuyển dụng, tiếp nhận và hướng dẫn nhân sự mới theo yêu cầu của chi nhánh, quản lý lao động và hồ sơ, chấm công, thực hiện các thủ tục BHXH, BHYT, BHTN và các chính sách phúc lợi khác cho người lao động;
- Thực hiện nghiệp vụ hành chính tổng hợp, quản lý tài sản, văn phòng phẩm, công cụ dụng cụ, trang thiết bị văn phòng, lễ tân và vệ sinh, thực hiện nghiệp vụ văn thư và lưu trữ, tổ chức các hoạt động nội bộ, truyền thông sự kiện văn hóa tại CN.

Phòng Kế toán Chi nhánh

- Thực hiện hạch toán kịp thời, chính xác mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh, quản lý tài sản, dòng tiền; thực hiện nghiệp vụ kiểm soát tài chính và thu chi nội bộ tại chi nhánh;
- Ghi chép, tính toán, phản ánh số hiện có, tình hình luân chuyển và sử dụng tài sản, vật tư, tiền vốn; quá trình và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của CN;
- Cung cấp số liệu báo cáo, lập và gửi báo cáo kế toán, báo cáo thuế, báo cáo quản trị nội bộ định kỳ/đột xuất về trụ sở chính theo quy định; báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh/ vận hành cho Lãnh đạo CN, quản lý hoá đơn, chứng từ kế toán.

4. Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của Tổ chức phát hành

Cơ cấu bộ máy quản lý nội bộ của Công ty được mô tả qua sơ đồ dưới đây:

(Phần cuối của trang này được cố ý để trống)

Biểu đồ 5: Cơ cấu Bộ máy Quản lý VIMID

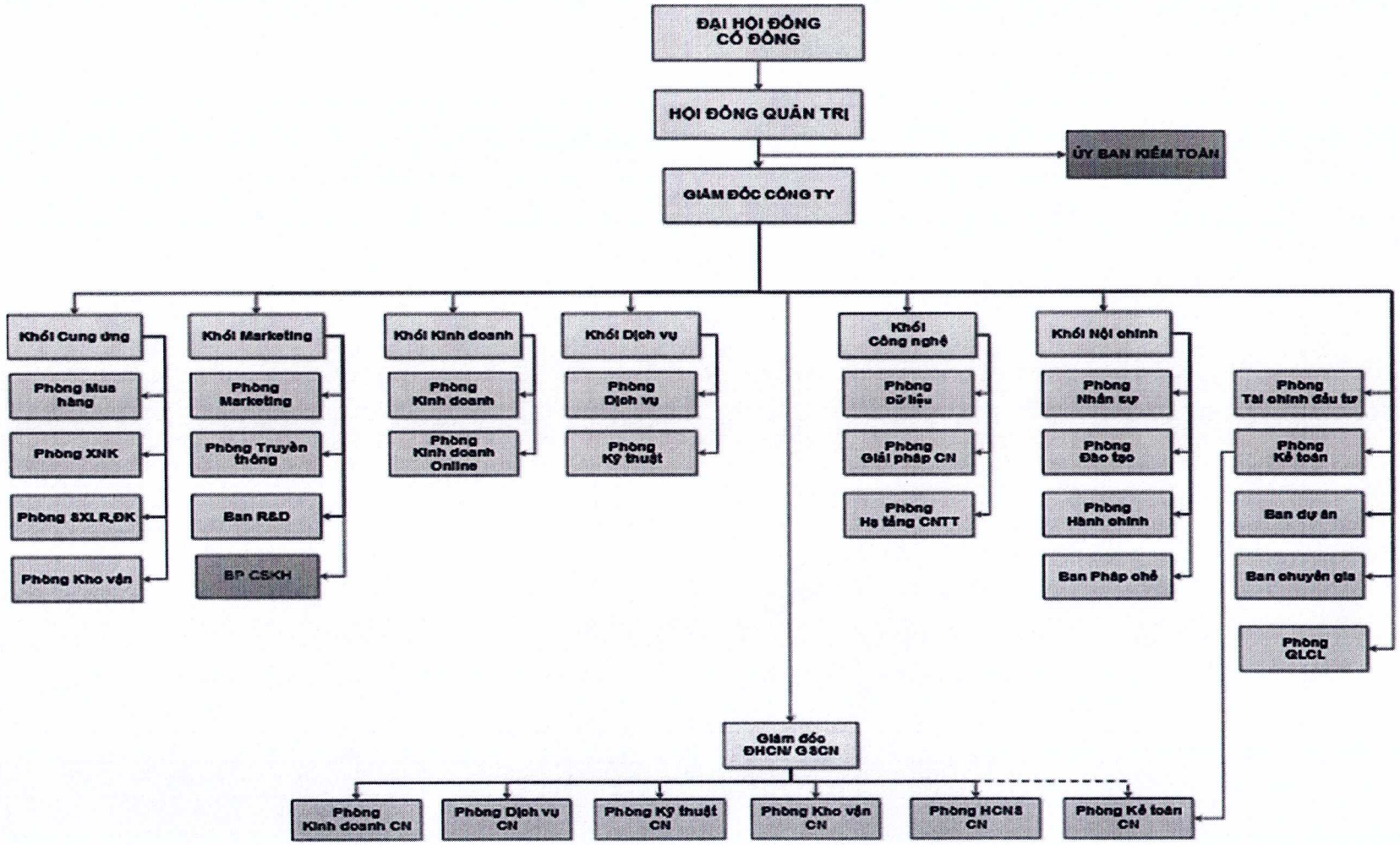

Nguồn: VIMID

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Máy Việt Nam đang áp dụng theo mô hình tổ chức của Công ty cổ phần. Mô hình này được xây dựng dựa trên mục tiêu phát triển kinh doanh của Công ty, tuân thủ theo pháp luật Việt Nam và các quy định tại Điều lệ Công ty. Qua quá trình phát triển ngày càng kiện toàn bộ máy quản lý, hiện bộ máy quản lý của Công ty có cơ cấu tổ chức như sau:

4.1. Đại hội đồng cổ đông

ĐHĐCĐ là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. ĐHĐCĐ thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. ĐHĐCĐ phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. HĐQT quyết định gia hạn họp ĐHĐCĐ thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

ĐHĐCĐ quyết định các vấn đề thuộc nhiệm vụ và quyền hạn được Điều lệ Công ty và Pháp luật liên quan quy định. ĐHĐCĐ có các quyền và nghĩa vụ cơ bản sau:

- Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
- Thông qua các báo cáo tài chính năm được kiểm toán của Công ty;
- Quyết định mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp.
- Quyết định số lượng thành viên Hội đồng Quản trị;
- Lựa chọn Công ty kiểm toán;
- Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị;
- Quyết định tổng số tiền thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng Quản trị;
- Quyết định bổ sung và sửa đổi Điều lệ của Công ty;
- Quyết định loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ được phát hành cho mỗi loại cổ phần;
- Quyết định chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi loại hình của Công ty;
- Quyết định giải thể Công ty;
- Xem xét và xử lý các vi phạm của thành viên Hội đồng Quản trị gây thiệt hại cho Công ty và/hoặc các Cổ đông của Công ty;
- Quyết định đầu tư hoặc bán tài sản của Công ty có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;
- Quyết định việc Công ty mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- Quyết định việc Công ty ký kết các hợp đồng và giao dịch như được quy định tại khoản 3 Điều 41 của Điều lệ;
- Quyết định việc Công ty phát hành trái phiếu chuyển đổi hoặc trái phiếu kèm chứng quyền;

- Phê duyệt quy chế quản trị nội bộ; quy chế hoạt động Hội đồng Quản trị; và
- Quyết định các vấn đề khác theo quy định của Pháp luật và của Điều lệ Công ty

4.2. Hội đồng quản trị

HĐQT là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.

HĐQT chịu trách nhiện trong việc xây dựng chiến lược của VIMID, có trách nhiệm giám sát Giám đốc và những người quản lý khác. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT thực hiện theo Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, các Quy chế quản trị nội bộ của Công ty và Nghị quyết của ĐHĐCĐ quy định. Cụ thể, HĐQT có các quyền và nghĩa vụ sau:

- Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng Quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng; quyết định mức lương và lợi ích khác của Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng;
- Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
- Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với Người quản lý cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý chống lại Người quản lý đó;
- Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
- Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi hoặc trái phiếu kèm chứng quyền trình Đại Hội đồng Cổ đông quyết định;
- Quyết định việc phát hành các loại trái phiếu khác hoặc các công cụ nợ khác;
- Quyết định giá chào bán trái phiếu, cổ phiếu và các chứng khoán khác của Công ty;
- Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức tạm ứng cổ tức; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức, tạm ứng cổ tức; quyết định xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh của Công ty;
- Đề xuất việc tổ chức lại hoặc giải thể hoặc yêu cầu phá sản Công ty;
- Cử, miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm người đại diện theo ủy quyền thực hiện quyền sở hữu cổ phần hoặc phần vốn góp của Công ty tại các công ty khác, quyết định mức thù lao và lợi ích khác của những người đó; đề cử người ứng cử các chức danh quản lý trong các công ty đó; bổ nhiệm, miễn nhiệm và bãi nhiệm các chức danh quản lý trong các công ty do Công ty nắm giữ 100% vốn điều lệ;
- Thành lập chi nhánh hoặc các văn phòng đại diện của Công ty;
- Thành lập các Công ty con do Công ty sở hữu trực tiếp;

- Quyết định các hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất. Quy định này không áp dụng đối với hợp đồng và giao dịch quy định tại điểm m, điểm o của khoản 1 Điều 14 và khoản 3 Điều 41 của Điều lệ;
- Việc thực hiện các khoản cầm cố, thế chấp, bảo lãnh hoặc các biện pháp bảo đảm khác của Công ty và việc thực hiện các khoản bồi thường khác của Công ty với mức giá trị bằng hoặc cao hơn mức giá trị như nêu tại điểm n khoản 2 Điều 27 Điều lệ;
- Quyết định đầu tư hoặc bán tài sản của Công ty có giá trị từ 01% đến dưới 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất. Quy định này không áp dụng đối với hợp đồng và giao dịch quy định tại khoản 3 Điều 41 của Điều lệ;
- Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại các công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;
- Việc định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ, bí quyết kỹ thuật, tài sản khác có thể định giá được bằng Đồng Việt Nam;
- Việc Công ty mua lại không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã bán trong mỗi mười hai tháng; quyết định giá mua lại cổ phần của Công ty phù hợp với quy định của Pháp luật;
- Giám sát, chỉ đạo Giám đốc trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;
- Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại Hội đồng Cổ đông, triệu tập họp Đại Hội đồng Cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại Hội đồng Cổ đông thông qua nghị quyết;
- Trình báo cáo tài chính hằng năm lên Đại Hội đồng Cổ đông;
- Xây dựng quy chế quản trị nội bộ của Công ty trình Đại Hội đồng Cổ đông thông qua; và
- Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ

Cơ cấu HĐQT Công ty hiện nay bao gồm 05 thành viên do ĐHĐCĐ bầu hoặc miễn nhiệm. Hội đồng quản trị bầu một thành viên làm Chủ tịch, Chủ tịch Hội đồng quản trị là người đại diện theo pháp luật của Công ty. Thành viên HĐQT Công ty gồm:

Bảng 1: Danh sách Hội đồng Quản trị của Công ty

1	Ông **Nguyễn Vũ Trụ**	Chủ tịch HĐQT điều hành
2	Bà **Nguyễn Thị Thu Huyền**	Phó Chủ tịch HĐQT không điều hành
3	Ông **Nguyễn Thanh Bình**	Thành viên HĐQT không điều hành
4	Ông **Chu Quang Huy**	Thành viên độc lập HĐQT

5	Ông **Kiều Anh Đào**	Thành viên HĐQT

Nguồn: VIMID

4.3. Ủy ban kiểm toán

Ủy ban kiểm toán là cơ quan chuyên môn thuộc Hội đồng quản trị. Ủy ban kiểm toán thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty hoặc quy chế hoạt động Ủy ban kiểm toán quy định.

Ủy ban kiểm toán có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- Giám sát tính trung thực của báo cáo tài chính của Công ty và công bố chính thức liên quan đến kết quả tài chính của Công ty.
- Rà soát hệ thống kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro.
- Rà soát giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng Quản trị hoặc Đại Hội đồng Cổ đông và đưa ra khuyến nghị về những giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng Quản trị hoặc Đại Hội đồng Cổ đông.
- Giám sát bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty.
- Kiến nghị công ty kiểm toán độc lập, mức thù lao và điều khoản liên quan trong hợp đồng với công ty kiểm toán để Hội đồng Quản trị thông qua trước khi trình lên Đại Hội đồng Cổ đông thường niên phê duyệt.
- Theo dõi và đánh giá sự độc lập, khách quan của công ty kiểm toán và hiệu quả của quá trình kiểm toán, đặc biệt trong trường hợp Công ty có sử dụng các dịch vụ phi kiểm toán của bên kiểm toán.
- Giám sát nhằm bảo đảm Công ty tuân thủ quy định của Pháp luật, yêu cầu của cơ quan quản lý và quy định nội bộ khác của Công ty.
- Được quyền tiếp cận các tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của Công ty, trao đổi với các thành viên Hội đồng Quản trị khác, Giám đốc, Kế toán trưởng để thu thập thông tin phục vụ hoạt động của Ủy ban Kiểm toán.
- Có quyền yêu cầu đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề liên quan báo cáo tài chính kiểm toán tại các cuộc họp của Ủy ban Kiểm toán.
- Sử dụng dịch vụ tư vấn pháp luật, kế toán hoặc các tư vấn khác bên ngoài khi cần thiết.
- Xây dựng và trình Hội đồng Quản trị các chính sách phát hiện và quản lý rủi ro; đề xuất với Hội đồng Quản trị các giải pháp xử lý rủi ro phát sinh trong hoạt động của Công ty.
- Lập báo cáo bằng văn bản gửi đến Hội đồng Quản trị khi phát hiện thành viên Hội đồng Quản trị, Giám đốc không thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ.

- Xây dựng Quy chế hoạt động của Ủy ban Kiểm toán và trình Hội đồng Quản trị thông qua.
- Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật.

Số lượng thành viên Ủy ban kiểm toán Công ty là 02 người, bao gồm 01 Chủ tịch và 01 thành viên. Nhiệm kỳ của thành viên Ủy ban kiểm toán là 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Thành viên UBKT Công ty gồm:

Bảng 2: Danh sách thành viên Ủy ban kiểm toán của Công ty

1	Ông **Chu Quang Huy**	Chủ tịch UBKT
2	Bà **Nguyễn Thị Thu Huyền**	Thành viên UBKT

Nguồn: VIMID

4.4. Giám đốc và Kế toán trưởng

Công ty gồm có 01 Giám Đốc, và 01 Kế toán trưởng. Giám đốc do HĐQT bổ nhiệm, là người chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ và HĐQT về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu. Kế toán trưởng do HĐQT bổ nhiệm theo đề xuất của Giám đốc.

✓ Giám đốc có những quyền và nghĩa vụ sau:

- Thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị và Đại Hội đồng Cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng Quản trị, Đại Hội đồng Cổ đông thông qua;
- Quyết định tất cả các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị, (trừ việc ký kết hợp đồng, giao dịch nhân danh công ty phải được sự ủy quyền của Người đại diện theo pháp luật Công ty) tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh hằng ngày của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;
- Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
- Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
- Tuyển dụng lao động;
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
- Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Giám đốc (trừ những người lao động thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Hội đồng quản trị);
- Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh

doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;

- Xây dựng kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo, báo cáo Hội đồng quản trị xem xét trình Đại hội đồng cổ đông thông qua làm cơ sở thực hiện;
- Kiến nghị số lượng và các chức danh Phó Giám đốc mà Công ty cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm theo quy chế nội bộ và kiến nghị thù lao, tiền lương và lợi ích khác đối với các chức danh này để Hội đồng quản trị quyết định;
- Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty; và
- Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật, Điều lệ, các quy chế của Công ty và các nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị

✓ Kế toán trưởng có những quyền và nghĩa vụ cơ bản sau:

- Yêu cầu các đơn vị cung cấp đầy đủ, kịp thời tài liệu kế toán để đảm bảo công tác ghi chép chính xác. Ký duyệt, xác nhận các chứng từ, báo cáo tài chính, đảm bảo tính hợp pháp và hợp lệ của thông tin kế toán.
- Tổ chức, quản lý hệ thống kế toán trong đơn vị, phân công và hướng dẫn nghiệp vụ cho kế toán.
- Kiểm tra, giám sát việc hạch toán, ghi sổ kế toán đúng quy định pháp luật, tránh sai sót và gian lận.
- Lập, trình báo cáo tài chính đúng thời hạn, phản ánh trung thực tình hình tài chính và kết quả kinh doanh.

Bảng 3: Giám đốc và Kế toán trưởng Công ty

1	Ông **Kiều Anh Đào**	Giám đốc
2	Bà **Nguyễn Thị Tâm**	Kế toán trưởng

Nguồn: VIMID

4.5. Chức năng và nhiệm vụ của các Khối, Phòng/ban

a. Khối Kinh doanh

✓ *Phòng Kinh doanh*

- Xây dựng chi tiết các chính sách bán hàng và thiết lập kế hoạch bán hàng.
- Xây dựng và phát triển nguồn khách hàng mới và duy trì khách hàng cũ.
- Lập phương án kinh doanh, phân tích đơn hàng.

- Theo dõi và đánh giá hiệu quả kinh doanh.

✓ *Phòng Kinh doanh Online*

- Tổ chức xây dựng và triển khai hoạt động bán hàng (xe, phụ tùng, dịch vụ) trên kênh online theo mục tiêu do ban lãnh đạo giao
- Quản trị quan hệ khách hàng trên các nền tảng được giao
- Triển khai hoạt động kinh doanh sản phẩm dịch vụ của công ty trên các nền tảng online
- Theo dõi, đánh giá, đề xuất các giải pháp, chiến dịch kinh doanh hiệu quả.

b. *Khối Marketing*

✓ *Phòng Marketing*

- Nghiên cứu thị trường và thu thập thông tin.
- Đưa ra dự báo nhu cầu của khách hàng.
- Xây dựng và triển khai chiến lược marketing.

✓ *Phòng Truyền thông*

- Quản trị hệ thống thương hiệu hệ thống
- Thiết lập, định vị, quảng bá, giám sát hệ thống thương hiệu, nhãn hiệu, hình ảnh
- Tổ chức triển khai các hoạt động truyền thông theo mục tiêu mà BLĐ công ty giao
- Chủ trì xây dựng các chiến lược, kế hoạch chương trình hằng năm về thuyền thông.
- Thực hiện công tác thông tin các hoạt động của Công ty trong nội bộ và ra công chúng.

✓ *Ban R&D*

- Tổ chức và triển khai nghiên cứu phát triển, cải tiến sản phẩm mới, dịch vụ mới
- Nghiên cứu xu hướng sử dụng sản phẩm dịch vụ
- Cải tiến phát triển sản phẩm dịch vụ nhằm đáp ứng nhu cầu và thị hiếu khách hàng tương lai

✓ *Bộ phận chăm sóc khách hàng*

- Đo lường, nâng cao mức độ hài lòng của khách hàng đối với sản phẩm dịch vụ của công ty
- Xây dựng chiến lược, chính sách, chương trình, kịch bản chăm sóc khách hàng áp dụng trong hệ thống
- Thực hiện hoạt động chăm sóc khách hàng trước bán, trong bán và sau bán, xử lý hoạt động khiếu nại phát sinh.

c. *Khối Dịch vụ*

✓ *Phòng Dịch vụ*

- Xây dựng và tổ chức triển khai chiến lược liên quan đến hoạt động kinh doanh dịch vụ, phụ tùng
- Xây dựng chi tiết các chính sách bán hàng và thiết lập kế hoạch bán hàng cho từng giai đoạn
- Xây dựng và phát triển nguồn khách hàng, quản trị dữ liệu khách hàng
- Mở rộng hệ thống khách hàng mới
- Lập phương án kinh doanh, phân tích, tính giá thành sản phẩm, giá bán sản phẩm theo từng mặt hàng mảng phụ trách
- Theo dõi và đánh giá hiệu quả kinh doanh phụ tùng, dịch vụ nhằm đưa ra cách thức cải tiến phù hợp và đảm bảo tối ưu chi phí.

✓ *Phòng Kỹ thuật*

- Quản lý kỹ thuật, sáng kiến cải tiến kỹ thuật và hợp lý hóa sản xuất, vận hành.
- Sửa chữa, nghiên cứu khoa học, công nghệ và an toàn môi trường sản xuất.
- Xây dựng chi tiết các chính sách, tiêu chuẩn, định mức kỹ thuật.
- Thiếp lập kế hoạch hoạt động của phòng kỹ thuật và chi nhánh.

d. *Khối Công nghệ*

✓ *Phòng Dữ liệu*

- Quản trị dữ liệu, nghiên cứu thiết kế hệ thống lưu trữ
- Kết nối dữ liệu phục vụ việc khai thác sử dụng dữ liệu
- Xây dựng và quản lý trung tâm dữ liệu, kết nối lưu trữ và bảo mật dữ liệu của hệ thống.

✓ *Phòng Giải pháp công nghệ*

- Quản trị giải pháp công nghệ, Quản lý hệ thống ứng dụng công nghệ
- Xây dựng, phát triển, vận hành hệ thống ứng dụng giải pháp công nghệ thông tin

✓ *Phòng Hạ tầng công nghệ thông tin*

- Quản trị hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin, an toàn an ninh thông tin
- Thiết kế, xây dựng và vận hành hệ thống hạ tầng công nghệ, xây dựng chính sách an toàn an ninh thông tin
- Triển khai bảo mật dữ liệu, an toàn thông tin.

e. *Khối Cung ứng*

✓ *Phòng Mua hàng*

- Tổ chức và triển khai hoạt động mua hàng trong và ngoài nước đảm bảo nguồn cung hàng hoá cho hệ thống
- Quản lý dịch vụ thuê ngoài đảm bảo đồng bộ và hiệu quả trên toàn hệ thống
- Quản trị nhà cung cấp và quản lý mối quan hệ đối tác trên hệ thống
- Xây dựng chính sách, tiêu chuẩn quản trị và phát triển nhà cung cấp trong và ngoài nước
- Chịu trách nhiệm bảo hành hàng hóa với nhà cung cấp.
- Nghiên cứu thị trường trong và ngoài nước
- Thực hiện các nghiệp vụ mua hàng hóa xe, phụ tùng, hàng hóa, dịch vụ, máy móc trang thiết bị

✓ *Phòng Xuất nhập khẩu*

- Quản trị hoạt động xuất/ nhập khẩu hàng hoá, phụ tùng, quản lý hoạt động tạm nhập tái xuất, thông quan hàng hoá theo đúng tiêu chuẩn nghiệp vụ
- Hoàn tất các thủ tục và chứng từ xuất nhập khẩu hàng hóa
- Kết hợp thực hiện các hoạt động mở L/C, làm các bảo lãnh ngân hàng
- Tiếp nhận, kiểm tra, đối chiếu, hồ sơ hàng hóa nhập khẩu, xuất khẩu với số lượng thực tế tại cửa khẩu trong quá trình làm hồ sơ thông quan hàng hóa
- Quản lý, theo dõi các đơn hàng, hợp đồng
- Phối hợp với các bộ phận có liên quan để đảm bảo đúng tiến độ giao hàng cũng như nhận hang

✓ *Phòng Sản xuất lắp ráp, đăng kiểm*

- Tổ chức triển khai hoạt động đăng kiểm, thử nghiệm, hoán cải, cải tạo và lĩnh vực Sản xuất lắp ráp sản phẩm theo tiêu chuẩn hiện hành
- Đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật và quy định của pháp luật hiện hành
- Thực hiện các nghiệp vụ đăng kiểm, thử nghiệm sản phẩm xe, phụ tùng trên toàn công ty
- Thực hiện các nghiệp vụ liên quan đến hoạt động cải tạo, hoán cải sản phẩm theo yêu cầu của khách hàng

✓ *Phòng Kho vận*

- Quản trị hệ thống kho (xe, vật tư phụ tùng)
- Tổ chức hệ thống kho, quản lý, điều phối và xây dựng định mức kho nhằm tối ưu hoá hoạt động kho vận

- Xây dựng tiêu chuẩn định mức xuất, nhập tồn hàng hóa và tiêu chuẩn hàng hóa tại kho bãi
- Kiểm soát hoạt động xuất nhập hàng hóa trong hệ thống kho toàn công ty
- Thực hiện luân chuyển, vận chuyển, điều phối hàng hóa trong hệ thống kho toàn hệ thống

f. Khối Nội chính

✓ *Phòng Nhân sự*

- Quản trị nguồn nhân lực, xây dựng và triển khai chiến lược nhân sự
- Xây dựng chính sách, quy định, quy trình nhân sự
- Quản trị ngân sách, định biên nhân sự cho toàn hệ thống
- Thực hiện các hoạt động tuyển dụng, chế độ tiền lương và phúc lợi, phát triển nhân tài và xử lý quan hệ lao động trong công ty

✓ *Phòng Đào tạo*

- Tổ chức quản trị tri thức doanh nghiệp, xây dựng quy chế, chính sách, quy trình, chương trình lộ trình đào tạo trên hệ thống
- Phát triển hoạt động tự học, xây dựng hệ thống giảng viên nội bộ cho công ty
- Xây dựng chính sách, quy định, quy trình đào tạo và xác định nhu cầu đào tạo
- Thực hiện quản lý hoạt động đào tạo phát triển và đánh giá kết quả đào tạo của hệ thống nhân sự trong toàn công ty

✓ *Phòng Hành chính*

- Tổ chức và triển khai hoạt động hành chính quản trị trên hệ thống, cung cấp dịch vụ hành chính, quản lý quan hệ đối ngoại hành chính
- Thực hiện dịch vụ hậu cần, lễ tân, văn thư, lưu trữ, đưa đón CBNV, tạp vụ, bảo trì, bảo vệ, thủ tục hành chính
- Mua sắm và quản lý trang thiết bị, dụng cụ văn phòng, đồng phục, thiết bị IT
- Quản lý cơ sở vật chất văn phòng (đầu tư mới, duy trì, bảo dưỡng)
- Quản trị quan hệ đối ngoại hành chính, tổ chức sự kiện, hội thảo, hội nghị, công tác xã hội, văn nghệ, thể dục thể thao toàn Công ty

✓ *Ban Pháp chế*

- Tổ chức xây dựng, điều chỉnh các chính sách, quy trình quy chế, quy định
- Quản lý hệ thống tri thức pháp luật của công ty
- Tư vấn và hỗ trợ pháp luật, đại diện pháp lý theo yêu cầu của Ban lãnh đạo công ty

- Xây dựng, triển khai thực hiện, rà soát, đánh giá, đề xuất điều chỉnh các chính sách, quy định, quy trình
- Vận hành mảng pháp lý, quản lý hệ thống quyền sở hữu trí tuệ của công ty

g. *Phòng Tài chính – Đầu tư*

- Chịu trách nhiệm quản lý và sử dụng nguồn tài chính hiệu quả.
- Kiểm soát nguồn tài chính cần thiết.
- Dự trù ngân sách và đưa ra dự báo tài chính.
- Quản lý tất cả các dòng tiền, tài sản hiện có.
- Phân tích và đưa ra các lựa chọn các khoản đầu tư mới.

h. *Phòng Kế toán*

- Tổ chức xây dựng và vận hành chính sách, quy trình hoạt động về chế độ kế toán
- Ghi chép, tính toán, phản ánh số hiện có, tình hình luân chuyển và sử dụng tài sản, vật tư, tiền vốn; quá trình, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và sử dụng vốn.
- Cung cấp số liệu báo cáo cho các cơ quan hữu quan theo chế độ báo cáo tài chính, kế toán hiệu hành.
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho Giám đốc.

i. *Ban dự án*

- Tổ chức xây dựng quy trình, tiêu chuẩn, phương pháp, hệ thống đánh giá hiệu quả, triển khai, giám sát thực hiện các dự án của công ty.
- Xây dựng và kiểm soát hệ thống các tiêu chuẩn đánh giá hiệu quả của các dự án đầu tư, dự án phục vụ hoạt động quản lý vận hành của hệ thống. Quản lý, ban hành hệ thống quy trình, phương pháp triển khai, đánh giá dự án, phương pháp kiểm soát tiến độ chất lượng dự án; nhận diện và đánh giá rủi ro của dự án, từ đó xây dựng, giám sát thực hiện các phương án khắc phục phòng ngừa rủi ro các dự án.

j. *Ban chuyên gia*

- Tổ chức xây dựng hệ thống từ điển và tiêu chuẩn năng lực của các chuyên gia, xây dựng quy trình làm việc, cơ chế phối hợp, phát triển đội ngũ chuyên gia nội bộ của công ty.
- Triển khai xây dựng hệ thống từ điển, tiêu chuẩn năng lực, xây dựng quy trình đánh giá năng lực, phát triển đội ngũ chuyên gia. Đề xuất cơ chế, chính sách, cơ chế phối hợp nâng cao tính chủ động, hiệu quả làm việc, tăng khả năng sáng tạo của các chuyên gia.

k. Phòng Quản lý chất lượng

- Xây dựng và duy trì hệ thống quy trình, nghiệp vụ nhằm đảm bảo hệ thống chất lượng sản phẩm, dịch vụ
- Đảm bảo hoạt động vận hành của hệ thống theo các tiêu chuẩn tiên tiến về quản lý chất lượng
- Xây dựng và kiểm soát hệ thống các tiêu chuẩn về chất lượng sản phẩm hàng hóa và hoạt động vận hành của hệ thống
- Quản lý và kiểm soát ban hành hệ thống văn bản, tài liệu và quản lý hệ thống tiêu chuẩn, nội quy, quy chế của công ty
- Nhận diện và đánh giá rủi ro từ đó xây dựng, giám sát các phương án khắc phục phòng ngừa rủi ro toàn công ty

Hệ thống các Chi nhánh

- Chi nhánh là đơn vị phụ thuộc Công ty, có nhiệm vụ thực hiện toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh Công ty theo phân quyền trên địa bàn (tỉnh/vùng địa lý) được phân công
- Chi nhánh có nhiệm vụ lập kế hoạch và tổ chức triển khai thực hiện các hoạt động sản xuất kinh doanh hàng hóa dịch vụ tại địa bàn được phân công
- Xây dựng đội ngũ nhân sư và tổ chức phân công công việc
- Giám sát và đánh giá kết quả thực hiện công việc của nhân viên tại chi nhánh nhằm đảm bảo hoạt động kinh doanh tại chi nhánh đạt mục tiêu.

5. Thông tin về công ty mẹ, công ty con của Tổ chức phát hành, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổ chức phát hành, những công ty mà Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối

5.1. Công ty mẹ của Tổ chức phát hành, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổ chức phát hành

Không có

5.2. Công ty con của Tổ chức phát hành, những công ty mà Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối

Trong 2 năm 2023 và 2024, Công ty không sở hữu công ty con và không nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối với bất kỳ công ty nào.

Ngày 29/09/2025, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Máy Việt Nam thông qua Nghị quyết Hội đồng quản trị số 18A/2025/QĐ-HĐQT-VIMID về việc thành lập công ty con với ngành nghề kinh doanh chính là sản xuất ô tô và xe có động cơ khác. Ngày 15/10/2025, Công ty TNHH MTV Ô tô VMASS được thành lập với số giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 0202317955, do Sở Tài chính Thành phố Hải Phòng cấp. Thông tin chi tiết như sau:

Tên công ty	: Công ty TNHH Một thành viên Ô tô VMASS
Ngày thành lập	: 15/10/2025
Địa chỉ trụ sở chính	: Lô CN26-01 Khu phi thuế quan và Khu công nghiệp Nam Đình Vũ (Khu 1), Khu kinh tế Đình Vũ – Cát Hải, phường Đông Hải, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam
Số giấy CNĐKDN	: 0202317955
Đại diện theo pháp luật	: Ông Kiều Anh Đào
Ngành nghề kinh doanh chính	: Sản xuất ô tô và xe có động cơ khác. Mã ngành (2910)
Vốn điều lệ đăng ký	: 50.000.000.000 đồng
Vốn điều lệ thực góp	: 50.000.000.000 đồng
Tỷ lệ sở hữu của VIMID tại công ty con	: 100%
Tỷ lệ biểu quyết của VIMID tại công ty con	: 100%
Tỷ lệ sở hữu của VMASS tại VIMID	: 0%
Tỷ lệ biểu quyết của VMASS tại VIMID	: 0%

(Phần cuối của trang này được cố ý để trống)

6. Thông tin về quá trình tăng, giảm vốn điều lệ của Tổ chức phát hành

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Máy Việt Nam thành lập ngày 05/03/2010 với mức vốn điều lệ ban đầu là 1.800.000.000 đồng *(Bằng chữ: Một tỷ tám trăm triệu đồng)*. Qua 6 lần tăng vốn điều lệ kể từ ngày thành lập Công ty, đến nay vốn điều lệ của Công ty là 215.250.000.000 đồng *(Bằng chữ: Hai trăm mười lăm tỷ hai trăm năm mươi triệu đồng)*, cụ thể:

Bảng 4: Tóm tắt quá trình tăng vốn điều lệ của VIMID

Thời điểm tăng vốn	Vốn điều lệ trước khi tăng *(đồng)*	Giá trị VĐL tăng thêm *(đồng)*	Vốn điều lệ sau khi tăng *(đồng)*	Hình thức tăng vốn	Căn cứ pháp lý	Đơn vị cấp	Ý kiến của đơn vị kiểm toán *(nếu có)*
Năm 2010	-	1.800.000.000	1.800.000.000	Góp vốn thành lập Công ty cổ phần	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0104498100 cấp lần đầu ngày 05/3/2010.	Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội	Không có
Năm 2011	1.800.000.000	8.200.000.000	10.000.000.000	Chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu	- Quyết định ĐHĐCĐ số 04/2011/QĐ-MVN ngày 29/9/2011 thông qua việc tăng vốn điều lệ và sửa đổi điều lệ của Công ty; - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0104498100, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 06/10/2011.	- Đại hội đồng cổ đông Công ty - Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội	Không có

Năm 2013	10.000.000.000	10.000.000.000	20.000.000.000		- Nghị quyết ĐHĐCĐ số 10/2013/QĐ-MVN ngày 11/09/2013 thông qua việc tăng vốn điều lệ của Công ty; - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0104498100, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 20/9/2013.	- Đại hội đồng cổ đông Công ty - Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội	Không có
Năm 2015	20.000.000.000	80.000.000.000	100.000.000.000	Chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu	- Quyết định ĐHĐCĐ số 10/2015/QĐ-MVN ngày 24/12/2015 thông qua việc tăng vốn điều lệ của Công ty; - Quyết định ĐHĐCĐ số 10B/2015/QĐ-MVN ngày 31/12/2015 thông qua việc gia hạn thời gian góp vốn cho cổ đông; - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0104498100, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 31/12/2015.	- Đại hội đồng cổ đông Công ty - Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội	Không có
Năm 2021	100.000.000.000	100.000.000.000	200.000.000.000	Chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu	- Nghị quyết ĐHĐCĐ bất thường số 01/2021/NQ-ĐHĐCĐ-MVN ngày 07/2/2021 về việc tăng vốn điều lệ Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển	- Đại hội đồng cổ đông Công ty	Không có

					Máy Việt Nam thông qua chào bán cho các cổ đông hiện hữu; - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0104498100, đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 23/3/2021	- Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội	
Năm 2021	200.000.000.000	5.000.000.000	205.000.000.000	Phát hành cổ phiếu theo Chương trình lựa chọn cho người lao động trong Công ty	- Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 số 01/2021/NQ-ĐHĐCĐTN-MVN ngày 29/5/2021 thông qua chào bán cổ phần cho cán bộ nhân viên theo danh sách được đại hội đồng cổ đông thông qua; - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0104498100, đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 30/6/2021.	- Đại hội đồng cổ đông Công ty - Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội	Không có
Năm 2023	205.000.000.000	10.250.000.000	215.250.000.000	Phát hành cổ phiếu theo Chương trình lựa chọn cho người lao động trong Công ty (ESOP)	- Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐTN-MVN ngày 22/04/2023 thông qua chào bán cổ phần cho cán bộ nhân viên theo danh sách được đại hội đồng cổ đông thông qua; - Công văn số 6413/UBCK –QLCB ngày 25/09/2023 của Ủy ban Chứng	- Đại hội đồng cổ đông Công ty - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước - Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội	Không có

					khoán Nhà nước về Tài liệu Báo cáo phát hành cổ phiếu ESOP; - Công văn số 7589/UBCK-QLCB ngày 08/11/2023 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu ESOP của VVS; - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0104498100, đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 21/11/2023.		

Nguồn: VIMID

(Phần cuối của trang này được cố ý để trống)

7. Thông tin về các khoản góp vốn, thoái vốn lớn của Tổ chức phát hành tại các doanh nghiệp khác

Trong vòng 02 năm liên tục trước năm đăng ký chào bán (năm 2024, năm 2025) và đến thời điểm lập Bản cáo bạch này, VIMID không thực hiện bất cứ khoản góp vốn, thoái vốn lớn nào có giá trị từ 10% tổng tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty tại thời điểm thực hiện.

8. Thông tin về chứng khoán đang lưu hành

8.1. Cổ phiếu phổ thông

Theo danh sách cổ đông chốt ngày 23/03/2026, do Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam cung cấp, tổng số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành của VIMID là 21.525.000 cổ phiếu. Cơ cấu cổ đông của Công ty như sau:

Bảng 5: Cơ cấu cổ đông của VIMID tại ngày 23/03/2026

STT	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần sở hữu *(cổ phần)*	Giá trị cổ phần sở hữu *(đồng)*	Tỷ lệ sở hữu
I	**Trong nước**	**1.173**	**21.045.385**	**210.453.850.000**	**97,77%**
1	Tổ chức	6	1.936.500	19.365.000.000	9,00%
2	Cá nhân	1.167	19.108.885	191.088.850.000	88,78%
II	**Nước ngoài**	**20**	**479.615**	**4.796.150.000**	**2,23%**
1	Tổ chức	6	142.100	1.421.000.000	0,66%
2	Cá nhân	14	337.515	3.375.150.000	1,57%
III	**Tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ**	**0**	**0**	**0**	**0%**
IV	**Cổ phiếu quỹ**	**0**	**0**	**0**	**0%**
	Tổng cộng (I+II+III+IV)	**1.193**	**21.525.000**	**215.250.000.000**	**100%**

Nguồn: Danh sách cổ đông của Công ty tại ngày 23/03/2026 do VSDC cung cấp

8.2. Cổ phiếu ưu đãi

Không có

8.3. Các loại chứng khoán khác

Không có

9. Thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài

- Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Tổ chức phát hành theo quy định pháp luật: 49% (Theo công văn số 3359/UBCK-PTTT ngày 06/06/2023 và công văn số 4138/UBCK-PTTT ngày 18/05/2026 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước).
- Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Tổ chức phát hành theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và quy định tại Điều lệ công ty: Không có quy định.
- Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại Tổ chức phát hành tại ngày 23/03/2026 theo danh sách cổ đông do VSDC cung cấp: 2,23%.

10. Hoạt động kinh doanh

10.1. Đặc điểm hoạt động kinh doanh

Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển máy Việt Nam được thành lập với mong muốn cung cấp các phương tiện vận tải đến các doanh nghiệp, cá nhân, tổ chức có các nhu cầu vận tải hàng hóa. Là đơn vị nhập khẩu các loại xe tải, xe chuyên dụng cung cấp đến tận tay khách hàng với mong muốn mang đến cho khách hàng các sản phẩm chất lượng, giá cả tốt nhất đi cùng với dịch vụ chăm sóc khách hàng tận tâm cùng với dịch vụ bảo hành chuyên nghiệp, thay thế phụ tùng chính hãng…

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty bao gồm:

- Nhập khẩu, phân phối, kinh doanh xe tải hạng trung, hạng nặng, các sản phẩm sơ mi - rơ mooc và xe chuyên dụng;
- Kinh doanh trạm dịch vụ bảo hành, bảo dưỡng, sửa chữa và cung cấp phụ tùng; Nhận bảo dưỡng sửa chữa tận chân công trình, tại nhà khách hàng, với mục đích tạo điều kiện thuận lợi tối đa cho khách hàng;
- Các dịch vụ hỗ trợ khác: Hỗ trợ kết nối khách hàng với các đơn vị cung cấp dịch vụ tài chính; cung cấp dịch vụ hỗ trợ đăng ký – đăng kiểm và bán bảo hiểm xe cơ giới.

10.1.1. Sản phẩm, dịch vụ chính

a. Lĩnh vực nhập khẩu, phân phối, kinh doanh xe tải hạng trung, hạng nặng, các sản phẩm sơ mi – rơ mooc và xe chuyên dụng

Các sản phẩm của Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển máy Việt Nam rất đa dạng về mẫu mã, tải trọng, nhưng chủ yếu công ty tập trung vào các dòng xe tải hạng trung, hạng nặng và các xe chuyên dụng được nhập khẩu nguyên chiếc từ Trung Quốc. Ngoài ra Công ty cũng cung cấp các sản phẩm Sơ mi – Rơ mooc nhằm phục vụ tối đa nhu cầu của khách hàng.

Công ty là đại diện chính thức của Sinotruk (Trung Quốc) về việc phân phối các dòng xe tải hạng trung, hạng nặng, các sản phẩm sơ mi – rơ mooc và xe chuyên dụng và dịch vụ bảo hành sản phẩm của Sinotruk HOWO tại Việt Nam.

Các dòng xe công ty phân phối tại Việt Nam được công ty nhập khẩu trực tiếp (không qua các đơn vị nhập khẩu trung gian) qua đường bộ từ thị trường Trung Quốc qua Cửa khẩu Hữu Nghị, Cửa khẩu Chi Ma (Lạng Sơn), Cửa khẩu Hà Khẩu (Lào Cai) và Cửa khẩu Tà Lùng (Cao Bằng). Sau khi xe nhập khẩu về Việt Nam, Công ty thực hiện phân phối và kinh doanh thông qua hệ thống các chi nhánh, chuỗi trạm bảo hành sửa chữa do chính Công ty thành lập trải dài trên toàn quốc. Ngoài ra, Công ty cũng đang thiết lập quan hệ với một số đại lý bán lẻ xe ô tô tải hạng trung – hạng nặng, xe chuyên dụng để mở rộng thêm kênh phân phối

Các sản phẩm xe tải và xe chuyên dùng của Công ty bao gồm:

- **Xe tải tự đổ:** Được sử dụng để vận chuyển vật liệu xây dựng (như cát, sỏi, đất, đá, khoáng sản….) dùng trong xây dựng hoặc trong các công trường, mỏ khai thác khoáng sản…
- **Xe đầu kéo:** Là sản phẩm được sử dụng để kéo Sơ mi rơ mooc vận chuyển đa dạng nhiều loại hàng hóa như nông sản, lâm sản, vật liệu xây dựng, container, hàng đông lạnh, nhiên liệu, hàng tiêu dùng, điện tử….
- **Xe tải thùng:** Cung cấp cho các đơn vị vận tải đường bộ, các doanh nghiệp có nhu cầu chuyên chở hàng hóa bao gồm da dạng các loại như xe tải thùng khung mui, xe tải thùng kín, xe tải thùng lửng, xe tải thùng đông lạnh…
- **Xe chuyên dụng:** là loại xe tải được thiết kế hoặc cải tạo đặc biệt để thực hiện một chức năng chuyên biệt, khác với xe tải thông thường chỉ dùng để chở hàng, thường được lắp thêm thiết bị, cấu kiện chuyên dùng theo yêu cầu của từng lĩnh vực công việc cụ thể ví dụ như xe chở máy công trình, xe gắn cẩu tự hành, xe gắn bồn(Téc) chở chất lỏng /nhiên liệu/ khí, hóa chất, xe chở/ép rác, xe hút bùn/chất thải….
- **Xe trộn bê tông:** là loại xe tải chuyên dụng, được thiết kế để vận chuyển và trộn bê tông tươi (bê tông trộn sẵn) đến công trình xây dựng.
- **Sơ mi – Rơ mooc (SMRM):** Là một loại rơ moóc không có động cơ, được thiết kế để kéo bởi xe đầu kéo, dùng để chở hàng hóa với khối lượng, trọng lượng vận tải lớn. Xe SMRM đa dạng gồm các loại: SMRM tải tự đổ, SMRM khung mui, SMRM sàn, SMRM chở container, SMRM chuyên dụng….



Xe Tải tự đổ



Xe đầu kéo



Xe tải thùng



Xe chuyên dụng



Xe trộn bê tông



Sơ mi – Rơ mooc

b. Kinh doanh trạm dịch vụ bảo hành, bảo dưỡng, sửa chữa và cung cấp phụ tùng

Công ty kinh doanh trạm dịch vụ bảo hành, bảo dưỡng, sửa chữa với tiêu chuẩn 3S trên phạm vi toàn quốc, với độ phủ 1 trạm 3S trên mỗi 150km. Chuỗi trạm dịch vụ bảo hành, bảo dưỡng được thành lập tại ngay tại các chi nhánh của Công ty để tối ưu hóa việc cung cấp dịch vụ cho khách

hàng, hoàn thiện đồng bộ từ khâu bán hàng cho đến Customer Services (chăm sóc khách hàng). Tính đến hết ngày 30/06/2025, Công ty đã có hệ thống bao gồm 16 trạm trên toàn quốc.

Trạm dịch vụ VIMID được xây dựng theo tiêu chuẩn 3S: từ quy trình bán hàng (Sales) đến dịch vụ bảo hành, sửa chữa, chăm sóc khách hàng (Service) và dịch vụ cung cấp phụ tùng chính hãng (Spare Part) của Sinotruk:

- Quy trình bán hàng: Chuyên nghiệp, tận tâm và nhiệt tình từ đội ngũ nhân viên sẽ mang đến cho khách hàng niềm tin tuyệt đối về chất lượng sản phẩm xe cũng như phụ tùng chính hãng của Sinotruk.
- Dịch vụ bảo hành, sửa chữa: theo quy mô bài bản, dịch vụ chất lượng chuyên nghiệp mang lại sự an tâm về hiệu quả và kinh tế cho khách hàng. Gia công cơ khí, cải tạo, hoán cải và lắp ráp xe tải, xe chuyên dụng.
- Phụ tùng chính hãng nhập khẩu của Sinotruk được cung cấp đồng thời cùng với dịch vụ bảo hành, sửa chữa để đảm bảo vận hành tốt nhất cho các xe khách hàng mua của VIMID trong suốt vòng đời của sản phẩm. Các phụ tùng này luôn đảm bảo sẵn có để đáp ứng nhu cầu sửa chữa, bảo hành cho khách hàng theo đúng cam kết với thời gian nhanh nhất.

Các Sản Phẩm Dịch Vụ Của VIMID:

- Dịch vụ bảo dưỡng xe trước khi xuất xưởng, bảo dưỡng lần đầu.
- Dịch vụ gói bảo dưỡng tùy chọn với từng loại xe.
- Dịch vụ bảo hành, bảo dưỡng, sửa chữa tại xưởng.
- Dịch vụ cung cấp phụ tùng chính hãng.
- Dịch vụ gia hạn thời gian bảo hành xe.
- Dịch vụ sửa chữa lưu động tại chân công trình.
- Dịch vụ cứu hộ cho xe gặp sự cố trong và ngoài lãnh thổ Việt Nam.
- Dịch vụ đại tu, trung tu xe tải cũ.

c. Các dịch vụ hỗ trợ

Bên cạnh hoạt động kinh doanh, sửa chữa, bảo dưỡng,... VIMID còn cung cấp dịch vụ hỗ trợ kết nối với các đơn vị dịch vụ tài chính; bán bảo hiểm xe cơ giới cho các khách hàng khi mua xe và các sản phẩm dịch vụ của Công ty như:

- VIMID đã ký các thỏa thuận hợp tác phát triển các sản phẩm tài chính để cung cấp dịch vụ cho các khách hàng mua xe với Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng (Vpbank); Công ty Cho thuê tài chính BSL (BIDV – SumiTrust) và Công ty Cho thuê tài chính Chailease.
- VIMID cũng hợp tác xây dựng và phát triển các sản phẩm bảo hiểm với Công ty cổ phần Bảo hiểm bưu điện (PTI) và Tổng CTCP Bảo hiểm Quân đội (MIC), hợp tác với các đơn vị

bảo hiểm như Tổng Công ty Bảo hiểm Sài Gòn - Hà Nội (BSH) hướng đến nhóm khách hàng mua xe tải hạng trung và hạng nặng, hỗ trợ các triển khai thực hiện các dịch vụ hỗ trợ khách hàng liên quan đến đăng ký, đăng kiểm xe.

10.1.2. Quy trình sản xuất kinh doanh

Quy trình hoạt động kinh doanh của Công ty trong việc nhập hàng hóa, thanh toán cho nhà cung cấp, bán hàng và việc thanh toán giao dịch với ngân hàng

Quy trình hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển máy Việt Nam được triển khai theo chuỗi khép kín từ khâu đặt hàng, nhập khẩu, thanh toán cho nhà cung cấp, phân phối, bán hàng cho đến thanh toán và giao dịch với ngân hàng.

Trước hết, Công ty ghi nhận các đơn hàng của khách hàng có nhu cầu mua xe theo hợp đồng có điều khoản đặt cọc. Căn cứ theo (i) số lượng hàng hoá được đặt cọc của các khách hàng có nhu cầu thực tế, (ii) kết hợp với dự báo, điều nghiên nội bộ về nhu cầu và dung lượng thị trường cho từng dòng xe trong năm, Công ty tiến hành việc ký hợp đồng và đặt cọc cho nhà cung cấp với chu kỳ nhập hàng theo tháng. Nhà cung cấp căn cứ đơn hàng để sản xuất.

Khi hàng hoá được nhà cung cấp đưa tới cửa khẩu, Công ty trực tiếp nhập khẩu xe tải hạng trung, hạng nặng, sơ mi – rơ mooc và xe chuyên dụng mới 100% nguyên chiếc từ Trung Quốc qua các cửa khẩu đường bộ, không thông qua trung gian. Quá trình nhập khẩu thường gắn liền với các hợp đồng ngoại thương có giá trị lớn, chủ yếu thông phương thức thanh toán quốc tế mở L/C.

Sau khi xe về đến Việt Nam, Công ty tiến hành phân phối thông qua hệ thống chi nhánh, chuỗi trạm dịch vụ 3S cũng như một số đại lý bán lẻ trên toàn quốc. Khách hàng chủ yếu là doanh nghiệp vận tải, xây dựng, khai khoáng hoặc cá nhân có nhu cầu, với các hình thức thanh toán linh hoạt: trả ngay, mua qua công ty cho thuê tài chính hoặc vay vốn ngân hàng mà Công ty hỗ trợ kết nối. Điều này giúp mở rộng tập khách hàng và thúc đẩy doanh số.

Đối với khách hàng trả ngay, Công ty chỉ giao xe khi khách hàng thanh toán 100% tiền hàng.

Đối với chu kỳ thu hồi vốn đối với trường hợp khách hàng vay qua ngân hàng, thời gian từ khi giao xe cho tới khi nhận được thanh toán toàn bộ (theo thời gian giải ngân của ngân hàng cho khách hàng vay mua xe) thường kéo dài khoảng 20 ngày.

+ Sau khi Công ty thông báo tới khách hàng đã có xe theo yêu cầu, khách hàng cần thanh toán trước phần đối ứng theo hợp đồng tín dụng với Ngân hàng nơi khách hàng vay vốn. Sau khi khách hàng nhận được thông báo tin dụng của ngân hàng về việc giải ngân phần còn lại, công ty thực hiện rút hồ sơ xe gửi cho Khách hàng.

+ Sau khi ngân hàng xử lý bộ hồ sơ tín dụng với khách hàng, ngân hàng tiến hành giải ngân vào tài khoản công ty, hoặc tài khoản chi nhánh công ty, thông thường khoảng 15 ngày.

Trong suốt quá trình kinh doanh, ngân hàng giữ vai trò trung tâm khi vừa là đơn vị trung gian thanh toán quốc tế, vừa cung cấp vốn vay ngắn hạn phục vụ nhập khẩu, đồng thời cung cấp tín dụng để hỗ trợ khách hàng vay mua xe. Các khoản thu từ khách hàng sau đó được tập trung về

tài khoản ngân hàng, giúp Công ty cân đối dòng tiền, trả nợ vay, bổ sung tài sản (mua trái phiếu hoặc/và mở hợp đồng tiền gửi) làm tài sản đảm bảo thanh toán nghĩa vụ trong tương lai và tiếp tục nhập khẩu lô hàng mới.

Với quy trình cân đối từ việc đặt nhập tới tiêu thụ theo từng tháng phát sinh, Công ty chủ động được việc cân đối dòng tiền, đáp ứng nhu cầu thanh toán nghĩa vụ trong ngắn hạn, kiểm soát rủi ro thanh toán và rủi ro tín dụng một cách triệt để. Trong trường hợp có những bất lợi từ thị trường, từ nguồn vốn tín dụng tài trợ, Công ty hoàn toàn chủ động trong việc tạm dừng, giãn tiến độ nhập hàng để phù hợp với tình hình thực tế. Bên cạnh đó, với quan hệ lâu năm với nhà cung cấp, Công ty được ưu tiên tăng số lượng hàng hoá đặt nhập khi cần thiết vào thời điểm nhu cầu thị trường gia tăng. Đây là mô hình kinh doanh giúp công ty tối ưu chi phí, quản trị rủi ro, được xây dựng trên cơ sở uy tín lâu năm với nhà cung cấp nước ngoài và các ngân hàng thương mại trong nước. Trong suốt 15 năm hoạt động, công ty chưa phát sinh các khoản nợ chậm trả, nợ quá hạn với ngân hàng và nhà cung cấp.

10.1.3. Công nghệ áp dụng

VIMID đặc biệt chú trọng tới việc áp dụng công nghệ thông tin trong quản lý nhằm nâng cao công tác quản lý cũng như hiệu quả công việc. Cụ thể, Công ty đã đầu tư hệ thống công nghệ thông tin đồng bộ cùng một số sản phẩm phần mềm chính như:

- **Hệ thống ERP:** Nền tảng ERP (hệ thống hoạch định nguồn lực doanh nghiệp) được sử dụng làm xương sống cho hoạt động quản trị của VIMID.
- **Hệ thống CRM:** Hệ thống Quản trị quan hệ khách hàng (Customer Relationship Management) do VIMID tự phát triển. Đến nay CRM đã hoàn thành triển khai giai đoạn 1 (đưa vào sử dụng trang web nội bộ CRM) và đang được duy trì, phát triển tiếp giai đoạn 2.
- **Cổng thông tin nội bộ (Intranet):** VIMID Portal Central – một cổng thông tin tập trung phục vụ quản trị, tra cứu và phối hợp công việc nội bộ. Hệ thống Intranet này giúp nhân viên truy cập các thông tin, tài liệu và quy trình nội bộ một cách tập trung
- **Nền tảng Digital Workplace:** Nhằm tăng cường môi trường làm việc số, VIMID đã triển khai các công cụ cộng tác và quản trị hiện đại. Tiêu biểu, hệ thống quản trị dự án Jira và kho mã nguồn Bitbucket đã được thiết lập phục vụ quy trình phát triển phần mềm. Bên cạnh đó, công ty cũng triển khai Microsoft Teams cho toàn bộ nhân viên và SharePoint Online cho các khối nghiệp vụ, tích hợp cùng nền tảng Microsoft Viva cho mạng nội bộ. Những công cụ này tạo nên một **Digital Workplace** giúp nâng cao hiệu suất làm việc nhóm và quản lý tri thức nội bộ.
- **Hệ thống Loyalty và trải nghiệm khách hàng:** VIMID đang phát triển nền tảng khách hàng thân thiết (VIMID Loyalty), nhằm cung cấp thông tin sản phẩm cho Khách hàng, thông tin bảo hành, bảo dưỡng, sửa chữa của khách hàng.

- **Nền tảng Thương mại điện tử (E-Commerce):** Đây là hạng mục tiềm năng trong hệ sinh thái VIMID, hiện trạng dự án đang ở giai đoạn khảo sát, phân tích nghiệp vụ.
- **Trung tâm dữ liệu (Data Center):** VIMID phát triển trung tâm dữ liệu đảm nhiệm việc lưu trữ dữ liệu và vận hành hầu hết các hệ thống công nghệ của doanh nghiệp.

Nhìn chung, hệ sinh thái công nghệ của VIMID đã hình thành các mảnh ghép quan trọng như ERP, CRM, Intranet, Digital Workplace, Loyalty,... ở mức độ hoàn thiện của từng hệ thống còn khác nhau. Một số hệ thống đã đi vào vận hành (ERP, CRM, Portal Central), một số đang triển khai (Loyalty, Jira/Bitbucket, CI/CD) và có hệ thống mới ở bước định hướng (E-Commerce, HRM, AI, Agent automiton…)

10.1.4. Tính thời vụ của hoạt động sản xuất kinh doanh

VIMID hoạt động chính trong lĩnh vực phân phối xe tải hạng nặng và phụ tùng xe, ngành hàng VIMID phân phối có đặc thù gắn liền với hoạt động đầu tư tài sản cố định của doanh nghiệp. Do đó, hoạt động kinh doanh của Công ty không mang tính thời vụ theo từng năm tài chính. Doanh thu của Công ty không biến động cố định theo các tháng hay các mùa trong năm mà phụ thuộc vào nhu cầu thực tế và kế hoạch giải ngân của khách hàng trong từng giai đoạn, và nhu cầu về phương tiện vận tải nặng tăng cao khi các dự án hạ tầng giao thông, xây dựng công nghiệp và hoạt động logistics được đẩy mạnh triển khai. Chính vì vậy, hoạt động kinh doanh của Công ty phản ánh nhịp độ phát triển của thị trường và các chu kỳ kinh tế dài hạn, thay vì tuân theo một quy luật biến động ngắn hạn theo từng năm tài chính.

10.1.5. Sản lượng sản phẩm, giá trị dịch vụ

Cơ cấu doanh thu thuần và lợi nhuận gộp theo các mảng kinh doanh của Công ty gồm:

Bảng 6: Cơ cấu doanh thu thuần theo nhóm hàng hóa, dịch vụ qua các năm

Chỉ tiêu	Năm 2024		Năm 2025		% tăng giảm so với năm 2024	Quý I/2026	
	Giá trị *(tỷ đồng)*	Tỷ trọng *(%)*	Giá trị *(tỷ đồng)*	Tỷ trọng *(%)*		Giá trị *(tỷ đồng)*	Tỷ trọng *(%)*
Doanh thu thuần bán xe	3.746,313	96,28%	7.848,176	97,49%	109,49%	2.693,698	97,93%
Doanh thu thuần bán phụ tùng, sửa chữa bảo dưỡng và dịch vụ khác	144,797	3,72%	202,466	2,51%	39,83%	56,853	2,07%

Tổng cộng	**3.891,110**	**100%**	**8.050,642**	**100%**	**106,90%**	**2.750,551**	**100%**

Nguồn: VIMID

Tổng doanh thu thuần của VIMID trong năm 2025 đạt 8.050,6 tỷ đồng, tăng mạnh 106,9% so với mức 3.891,1 tỷ đồng năm 2024. Kết quả tăng trưởng vượt trội của Công ty trong năm 2025 được hỗ trợ rất lớn bởi chu kỳ phục hồi và mở rộng của ngành vận tải và logistics, song hành cùng các dự án hạ tầng trọng điểm quốc gia. Bên cạnh đó, trong năm 2025, Công ty cũng đã chứng minh năng lực thích ứng thông qua việc mở rộng quy mô hệ thống phân phối và nâng cao chất lượng dịch vụ sau bán hàng. Việc tối ưu hóa mô hình vận hành đã giúp Công ty khai thác tối đa nhu cầu thị trường, qua đó khẳng định vị thế cạnh tranh và gia tăng thị phần.

Kết thúc 3 tháng đầu năm 2026, doanh thu thuần của Công ty đạt 2.750,6 tỷ đồng, hoàn thành 29,0% kế hoạch đặt ra cho cả năm 2026

Về cơ cấu, mảng kinh doanh xe tải và xe chuyên dụng chiếm tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu doanh thu của VIMID, đóng góp khoảng trên 95% vào tổng giá trị doanh thu thuần của Công ty, cụ thể:

- Trong năm 2025, doanh thu thuần từ bán xe đạt 7.848,2 tỷ đồng (chiếm tỷ trọng 97,5%), ghi nhận mức tăng trưởng mạnh mẽ 109,5% so với mức 3.746,3 tỷ đồng của năm 2024 (tỷ trọng 96,3%). Đà tăng trưởng tiếp tục được duy trì trong 3 tháng đầu năm 2026 với doanh thu đạt 2.693,7 tỷ đồng (chiếm tỷ trọng 97,9%).
- Năm 2025, doanh thu thuần từ bán phụ tùng, sửa chữa bảo dưỡng và dịch vụ khác đạt 202,5 tỷ đồng, tăng mạnh 39,8% so với năm 2024. Tỷ trọng đóng góp vào doanh thu thuần của mảng này giảm từ mức 3,7% năm 2024 xuống 2,5% năm 2025. Xu hướng này thể hiện rõ nét hơn trong 3 tháng đầu năm 2026 khi doanh thu thuần mảng này đạt 56,9 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 2,1%.

Bảng 7: Cơ cấu lợi nhuận gộp theo nhóm hàng hóa, dịch vụ qua các năm

Chỉ tiêu	Năm 2024		Năm 2025		% tăng giảm so với năm 2024	Quý I/2026	
	Giá trị *(triệu đồng)*	Tỷ trọng *(%)*	Giá trị *(triệu đồng)*	Tỷ trọng *(%)*		Giá trị *(triệu đồng)*	Tỷ trọng *(%)*
Lợi nhuận gộp bán xe	225,514	80,16%	504,215	88,15%	123,59%	202,563	88,20%
Lợi nhuận gộp bán phụ tùng, sửa chữa bảo	55,799	19,84%	67,782	11,85%	21,47%	27,099	11,80%

dưỡng và dịch vụ khác							
Tổng cộng	**281,313**	**100%**	**571,997**	**100%**	**103,33%**	**229,662**	**100%**

Nguồn: VIMID

Tổng lợi nhuận gộp của Công ty năm 2025 đạt gần 572 tỷ đồng, tương ứng mức tăng trưởng 103,33% so với mức 281,3 tỷ đồng của năm 2024. Tuy nhiên, tốc độ tăng của giá vốn hàng bán nhanh hơn so với tốc độ tăng trưởng doanh thu khiến cho biên lợi nhuận gộp trong năm 2025 đã ghi nhận sự điều chỉnh nhẹ, từ mức 7,2% xuống còn 7,1%.

Tuy chỉ đóng góp dưới 5% vào tỷ trọng tổng doanh thu, mảng kinh doanh bán phụ tùng, sửa chữa bảo dưỡng và dịch vụ khác lại chiếm tỷ trọng lợi nhuận gộp đáng kể nhờ biên lợi nhuận gộp vượt trội, cụ thể:

- Trong 2 năm 2024 và 2025, lợi nhuận gộp từ hoạt động bán xe tăng từ 225,5 tỷ đồng lên 504,2 tỷ đồng (tương ứng mức tăng 123,6%), đóng góp lần lượt 80,2% và 88,1% vào cơ cấu lợi nhuận gộp chung. Đồng thời, biên lợi nhuận gộp mảng này ghi nhận mức tăng nhẹ từ 6,0% (năm 2024) lên 6,4% (năm 2025), phản ánh xu hướng tăng trưởng tốt. Quý I/2026 tiếp tục duy trì kết quả kinh doanh tích cực khi lợi nhuận gộp bán xe đạt 202,6 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 88,2%, biên lợi nhuận gộp mảng này tăng lên mức 7,5%.
- Lợi nhuận gộp từ bán phụ tùng, dịch vụ sửa chữa bảo dưỡng và dịch vụ khác tăng từ 55,8 tỷ đồng (năm 2024) lên 67,8 tỷ đồng (năm 2025), tương ứng với 21,5%. Tỷ trọng đóng góp của mảng này trong tổng lợi nhuận gộp giảm từ 19,8% xuống còn 11,9%. Trong Quý I/2026, lợi nhuận gộp của mảng này đạt 27,1 tỷ đồng. Mặc dù tỷ trọng trong tổng lợi nhuận gộp tiếp tục giảm nhẹ xuống 11,8%, biên lợi nhuận gộp được cải thiện đáng kể (tăng từ 33,5% trong năm 2025 lên 47,7% trong Quý I/2026).

10.2. Tài sản

10.2.1. Tài sản cố định

Tình hình tài sản cố định của Công ty như sau:

Bảng 8: Tình hình tài sản cố định của Công ty tại 31/12/2024

Đơn vị tính: đồng

STT	Tài sản	Nguyên giá (*)	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
I	**Tài sản cố định hữu hình**	**50.382.227.091**	**(35.613.183.809)**	**14.769.043.282**
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	22.035.129.848	(12.082.795.313)	9.952.334.535
2	Máy móc, thiết bị	3.024.261.580	(2.522.055.460)	502.206.120
3	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	22.594.159.822	(18.524.192.330)	4.069.967.492

4	Thiết bị, dụng cụ quản lý	303.097.727	(303.097.727)	-
5	Tải sản cố định khác	2.425.578.114	(2.181.042.979)	244.535.135
II	**Tài sản cố định vô hình**	**21.760.700.000**	**(5.811.627.512)**	**15.949.072.488**
1	Quyền sử dụng đất	18.250.000.000	(3.842.105.280)	14.407.894.720
2	Phầm mềm máy vi tính	2.500.700.000	(1.464.522.224)	1.036.177.776
3	Tài sản cố định vô hình khác	1.010.000.000	(505.000.008)	504.999.992
	Tổng cộng (I+II)	**72.142.927.091**	**(41.424.811.321)**	**30.718.115.770**

Nguồn: Báo cáo tài chính năm 2024 đã kiểm toán của VIMID

(*) Nguyên giá Tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết còn sử dụng: 23.655.144.487 VND (tại ngày 01/01/2024 là 20.893.995.058 VND).

Nguyên giá Tài sản cố định vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 1.335.000.000 VND (tại ngày 01/01/2024 là 1.335.000.000 VND).

Bảng 9: Tình hình tài sản cố định của Công ty tại 31/12/2025

Đơn vị tính: đồng

STT	Tài sản	Nguyên giá (*)	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
I	**Tài sản cố định hữu hình**	**53.057.358.897**	**(38.213.076.141)**	**14.844.282.756**
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	22.421.997.410	(13.160.448.973)	9.261.548.437
2	Máy móc, thiết bị	2.537.240.670	(2.150.039.416)	387.201.254
3	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	25.252.865.276	(20.160.433.812)	5.092.431.464
4	Thiết bị, dụng cụ quản lý	303.097.727	(303.097.727)	-
5	Tải sản cố định khác	2.542.157.814	(2.439.056.213)	103.101.601
II	**Tài sản cố định vô hình**	**21.760.700.000**	**(7.017.124.016)**	**14.743.575.984**
1	Quyền sử dụng đất	18.250.000.000	(4.322.368.440)	13.927.631.560
2	Phầm mềm máy vi tính	2.500.700.000	(1.853.088.896)	647.611.104
3	Tài sản cố định vô hình khác	1.010.000.000	(841.666.680)	168.333.320
	Tổng cộng (I+II)	**74.818.058.897**	**(45.230.200.157)**	**29.587.858.740**

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2025 đã kiểm toán của VIMID

(*) Nguyên giá Tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết còn sử dụng: 23.380.986.916 VND.

Nguyên giá Tài sản cố định vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 1.335.000.000 VND.

Bảng 10: Tình hình tài sản cố định của Công ty tại 31/03/2026

Đơn vị tính: đồng

STT	Tài sản	Nguyên giá (*)	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
I	**Tài sản cố định hữu hình**	**52.916.210.176**	**(37.423.879.025)**	**15.492.331.151**
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	22.496.737.410	(13.446.016.321)	9.050.721.089
2	Máy móc, thiết bị	2.833.536.966	(2.175.792.459)	657.744.507
3	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	24.678.406.185	(19.053.159.591)	5.625.246.594
4	Thiết bị, dụng cụ quản lý	365.371.801	(305.939.599)	59.432.202
5	Tải sản cố định khác	2.542.157.814	(2.442.971.055)	99.186.759
II	**Tài sản cố định vô hình**	**21.760.700.000**	**(7.318.498.142)**	**14.442.201.858**
1	Quyền sử dụng đất	18.250.000.000	(4.442.434.230)	13.807.565.770
2	Phầm mềm máy vi tính	2.500.700.000	(1.950.230.564)	550.469.436
3	Tài sản cố định vô hình khác	1.010.000.000	(925.833.348)	84.166.652
	Tổng cộng (I+II)	**74.676.910.176**	**(44.742.377.167)**	**29.934.533.009**

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất Quý I/2026 của VIMID

(*) Nguyên giá Tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết còn sử dụng: 24.388.719.216 VND.

Nguyên giá Tài sản cố định vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn còn sử dụng: 1.335.000.000 VND.

10.2.2. Một số tài sản có giá trị lớn

Bảng 11: Một số tài sản hữu hình có giá trị lớn của Công ty

Đơn vị tính: đồng

STT	Tên tài sản	Nguyên giá	Giá trị còn lại tại 31/12/2024	Giá trị còn lại tại 31/12/2025	Giá trị còn lại tại 31/03/2026
I	**Tài sản hữu hình**				
1	Ghi nhận tăng NG nhà làm việc, xưởng sửa chữa tại Quảng Ninh, HĐ 0000001	3.363.636.364	2.410.606.028	2.242.424.204	2.200.378.748
2	Ghi nhận chi phí lắp đặt nội thất VP, HĐ 0001024	3.220.103.991	849.749.640	313.065.636	178.894.635

STT	Tên tài sản	Nguyên giá	Giá trị còn lại tại 31/12/2024	Giá trị còn lại tại 31/12/2025	Giá trị còn lại tại 31/03/2026
3	Hạng mục thi công nhà xưởng + văn phòng làm việc CN Đà Nẵng, HĐ 0000040	8.934.562.000	6.750.557.936	6.452.739.200	6.378.284.516
4	Ghi nhận mua 03 bộ máy chủ; HĐ: 0000727	570.000.000	161.500.000	-	-
5	Xe ô tô tải Ford Ranger (Pickup cabin kép) màu bạc bạch kim, SK: 80NJR21126, HĐ: 00000198	596.636.364	349.641.715	250.202.311	225.342.460
6	Xe ô tô tải Ford Ranger (Pickup cabin kép) màu bạc bạch kim, SK: 80NUR22970 BKS 29H-620.32, HĐ: 00000689	594.772.727	348.549.589	249.420.793	224.638.594
7	Xe ô tô tải Ford Ranger (Pickup cabin kép) màu bạc bạch kim, SK: 80NTR20460, HĐ: 00000690	594.772.727	349.094.899	250.078.483	225.324.379
8	Xe ô tô tải Ford Ranger (Pickup cabin kép) màu bạc bạch kim, SK: 80NUR22747, HĐ: 00000691	594.772.727	348.816.064	249.687.268	224.905.069
9	Xe ô tô tải Ford Ranger (Pickup cabin kép) màu bạc bạch kim, SK: 80NUR22971, HĐ: 00005571	601.136.364	352.817.465	252.628.061	227.580.710
10	Xe ô tô con hiệu JAC , HĐ 0000047	1.100.545.455	309.783.141	126.358.893	80.502.831
11	Xe ô tô con 7 chỗ ngồi	1.555.916.364	643.256.142	383.936.742	319.106.892

STT	Tên tài sản	Nguyên giá	Giá trị còn lại tại 31/12/2024	Giá trị còn lại tại 31/12/2025	Giá trị còn lại tại 31/03/2026
	hiệu KIA (màu Đen) SK: 6MC222840; BKS: 30H-104.95				
12	Hệ thống Camera theo HĐKT số 2022-02/22 VIMID-TVN và PLHĐ số 2022-07/PLHĐ-01, HĐ: 1, 2	931.141.500	218.990.677	-	-
13	Xe ô tô tải Pick up, cabin kép. Nhãn hiệu FORD, màu Bạc Bạch Kim, BKS: 29H-60084. SK: RL2UMFB10NAR32694 SM: P02S RNA32694 (HĐ 00013165)	650.648.000	429.201.968	319.130.324	291.612.413
14	Ô tô con 07 chỗ fortuner 51H - 982.83 của hóa đơn 0000001433, ngày 17/06/2021	1.078.800.000	442.507.792	262.707.796	217.757.797
15	Xe ô tô tải Pick up hiệu FORD; RANGER, TRABCG2P0GPCXEL 1; SK: RL2UMFB10NAR31442; SM: P02S RNA31442 Màu Bạch kim	590.000.000	383.226.863	284.893.535	260.310.203
16	Xe ô tô 07 chỗ hiệu KIA màu trắng SK C358477, BKS 29C-285.03	1.561.370.909	-	1.415.353.815	1.350.296.694
17	Xe Ford Everest SK 36073, BKS 30M-803.76, HĐ 00013473	1.097.334.545	-	1.044.499.917	998.777.643
18	Xe nâng nhãn hiệu	296.296.296	-	-	295.632.550

STT	Tên tài sản	Nguyên giá	Giá trị còn lại tại 31/12/2024	Giá trị còn lại tại 31/12/2025	Giá trị còn lại tại 31/03/2026
	Liugong, Model: CPCD30E. Tên thương mại: E30 Số khung: 0007161S251200196 Số động cơ: C490BPG25229973				
II	**Tài sản vô hình**				
1	Quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận số AB 143538	18.250.000.000	14.407.894.720	13.927.631.560	13.807.565.770
2	Phần mềm quản trị thông minh	1.165.700.000	1.036.177.776	647.611.104	550.469.436

Nguồn: VIMID

Bảng 12: Danh sách tài sản đất đai của Công ty

STT	Tên	Diện tích *(m2)*	Địa điểm	Hình thức sở hữu/sử dụng	Thời gian sở hữu/sử dụng còn lại	Ghi chú
1	Trụ sở Công ty	383,2 m^2	Phường Dương Nội, Thành phố Hà Nội	Thuê	14/04/2028	Đất sử dụng làm trụ sở công ty
2	Chi nhánh Tây Hà Nội	12.983,8 m^2	Phường Chương Mỹ, TP Hà Nội	Thuê	26/05/2035	Đất sử dụng làm trụ sở Chi nhánh, kho bãi
3	Chi nhánh Đà Nẵng	5.040 m^2	Phường Hòa Xuân, TP Đà Nẵng	Đất thuộc sở hữu công ty	10/01/2055	Đất sử dụng làm trụ sở Chi nhánh, kho bãi
4	Chi nhánh Quảng Ninh	2.400 m^2	Phường Quang Hanh, Tỉnh Quảng Ninh	Đất thuộc sở hữu công ty	14/01/2054	Đất sử dụng làm trụ sở Chi nhánh, kho bãi
5	Kho LOG Bắc Giang	32.956 m^2	Phường Tiền Phong, Tỉnh Bắc	Thuê	01/05/2035	Đất sử dụng làm bãi chứa xe

STT	Tên	Diện tích *(m2)*	Địa điểm	Hình thức sở hữu/sử dụng	Thời gian sở hữu/sử dụng còn lại	Ghi chú
			Ninh			
6	Chi nhánh Bắc Giang	2.002,9 m^2	Phường Bắc Giang, Tỉnh Bắc Ninh	Hợp tác kinh doanh	01/10/2030	Đất sử dụng làm trụ sở Chi nhánh, kho bãi
7	Chi nhánh Thanh Hóa	2.800 m2	Xã Hoằng Lộc, Tỉnh Thanh Hóa	Hợp tác kinh doanh	14/11/2027	Đất sử dụng làm trụ sở Chi nhánh, kho bãi
8	Chi nhánh Hồ Chí Minh	3.696,7 m^2	Phường An Phú Đông, TP HCM	Thuê	01/08/2030	Đất sử dụng làm trụ sở Chi nhánh, kho bãi
9	Chi nhánh Phú Thọ	1.040,8 m^2	Xã Phù Ninh, Tỉnh Phú Thọ	Thuê	14/5/2027	Đất sử dụng làm trụ sở Chi nhánh, kho bãi
10	Chi nhánh Bình Định	1.178 m^2	Xã Tuy Phước, Tỉnh Gia Lai	Thuê	10/11/2030	Đất sử dụng làm trụ sở Chi nhánh, kho bãi
11	Chi nhánh Quảng Ngãi	442 m^2	Phường Cẩm Thành, Tỉnh Quảng Ngãi	Hợp tác kinh doanh	01/07/2026	Đất sử dụng làm trụ sở Chi nhánh, kho bãi
12	Chi nhánh Đắk lắk	2.237 m^2	Phường Ea Kao, Tỉnh Đắk Lắk	Hợp tác kinh doanh	14/05/2028	Đất sử dụng làm trụ sở Chi nhánh, kho bãi

Nguồn: VIMID

10.3. Thị trường hoạt động

Hoạt động kinh doanh và các sản phẩm dịch vụ của Công ty chỉ cung cấp cho các khách hàng trong nước tại Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không chịu tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm hay khu vực địa lý. Theo đó, Công ty nhận định chỉ có một thị trường hoạt động theo khu vực địa lý.

10.4. Báo cáo tình hình đầu tư, hiệu quả đầu tư, hiệu quả sản xuất kinh doanh, cung cấp dịch vụ trong các lĩnh vực hoạt động chính

10.4.1. Báo cáo tình hình đầu tư, hiệu quả đầu tư

Hiện nay, VIMID không triển khai dự án đầu tư nào.

10.4.2. Hiệu quả sản xuất kinh doanh, cung cấp dịch vụ trong các lĩnh vực hoạt động chính

Bảng 13: Hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty

Chỉ tiêu	Thực hiện		Kế hoạch 2025	Tỷ lệ % thực hiện 2025 tăng/giảm so với 2024	Tỷ lệ % thực hiện 2025 so với kế hoạch	Thực hiện Quý I/2026	Tỷ lệ hoàn thành kế hoạch 2026 tới hết quý I/2026
	Năm 2024	Năm 2025					
Doanh thu thuần	3.891.110	8.050.642	4.200.000	106,9%	191,7%	2.750.551	29,0%
Lợi nhuận trước thuế	88.361	401.457	90.000	354,3%	446,1%	208.134	45,2%

Nguồn: VIMID

Năm 2025 đánh dấu bước ngoặt tăng trưởng đột phá của VIMID khi cả quy mô doanh thu và hiệu quả lợi nhuận đều vượt xa các mục tiêu chiến lược. Cụ thể, cả năm 2025, Công ty ghi nhận mức doanh thu thuần đạt 8.050,6 tỷ đồng, tăng trưởng 106,9% so với năm 2024 và hoàn thành 191,7% kế hoạch năm. Lợi nhuận trước thuế năm 2025 đạt 401,5 tỷ đồng, tăng trưởng 354,3% so với cùng kỳ năm trước. So với kế hoạch 90 tỷ đồng được ĐHĐCĐ thông qua, VIMID đã xuất sắc hoàn thành 446,1% chỉ tiêu.

Đáng chú ý, biên lợi nhuận thực tế cao hơn đáng kể so với dự tính ban đầu. Mặc dù doanh thu gấp đôi kế hoạch, nhưng lợi nhuận thực tế lại gấp hơn 4 lần, cho thấy tốc độ tăng trưởng lợi nhuận nhanh gấp 2,3 lần tốc độ tăng trưởng doanh thu. Chỉ số biên lợi nhuận này không chỉ gấp 2,3 lần kế hoạch ước tính mà còn gấp 2,2 lần kết quả thực hiện của năm 2024, khẳng định năng lực tối ưu hóa chi phí và quản trị vận hành vượt trội.

Với kết quả trên, VIMID đã hoàn thành xuất sắc kế hoạch kinh doanh để cho cả năm 2025. Từ đó cho thấy, Ban Giám đốc Công ty đã đưa ra các chính sách phù hợp, kịp thời nắm bắt những cơ hội và không ngừng nỗ lực để đạt được kết quả khởi sắc trong những năm vừa qua.

Tiếp nối đà tăng trưởng năm 2025, kết quả kinh doanh Quý I/2026 tiếp tục cho thấy phát triển mạnh mẽ và hiệu suất sinh lời cao của VIMID. Cụ thể, chỉ trong 3 tháng đầu năm, Công ty đã ghi nhận 2.750,6 tỷ đồng doanh thu thuần, đạt 29,0% kế hoạch cả năm. Lợi nhuận trước thuế Quý I/2026 đạt 208,1 tỷ đồng, tương ứng hoàn thành 45,2% mục tiêu lợi nhuận của cả năm 2026. Mặc dù doanh thu Quý I mới đạt gần 1/3 kế hoạch, nhưng lợi nhuận đã đạt được gần một nửa, điều này cho thấy biên lợi nhuận của VIMID trong đầu năm 2026 có xu hướng được cải thiện mạnh mẽ. Kết quả này tạo tiền đề vững chắc để VIMID hoàn thành kế hoạch cả năm 2026 đã được ĐHĐCĐ đặt ra và tiếp tục thiết lập những dấu mốc mới mới trong các quý tiếp theo.

(Phần cuối của trang này được cố ý để trống)

10.5. Các hợp đồng lớn

Bảng 14: Danh sách các hợp đồng lớn đã được thực hiện, đã được ký kết của Công ty từ 2024 đến nay

STT	Tên đối tác	Số hợp đồng	Giá trị hợp đồng *(đồng)*	Sản phẩm/ Dịch vụ	Thời điểm ký kết	Thời gian thực hiện	Mối quan hệ với TV HDQT, GĐ, Phó GĐ, cổ đông lớn	Nội dung chính của hợp đồng	Các điều khoản quan trọng khác trong hợp đồng
I.	**Đầu vào**								
1	Sinotruk International	YN246263XS	5.664.518.100	Xe ô tô trộn bê tông	27/05/2024	06/08/2024 24/12/2024	Không có	Nhập khẩu xe	Không có
2	Sinotruk International	YN246262XS	3.122.280.000	Xe ô tô đầu kéo	27/05/2024	24/09/2024	Không có	Nhập khẩu xe	Không có
3	Sinotruk International	YN246261XS	11.335.050.000	Xe ô tô satxi có buồng lái	10/05/2024	30/10/2024	Không có	Nhập khẩu xe	Không có

STT	Tên đối tác	Số hợp đồng	Giá trị hợp đồng *(đồng)*	Sản phẩm/ Dịch vụ	Thời điểm ký kết	Thời gian thực hiện	Mối quan hệ với TV HĐQT, GĐ, Phó GĐ, cổ đông lớn	Nội dung chính của hợp đồng	Các điều khoản quan trọng khác trong hợp đồng
4	Sinotruk International	YN246266XS	30.443.678.400	Xe ô tô đầu kéo	22/07/2024	26/11/2024	Không có	Nhập khẩu xe	Không có
5	Sinotruk International	YN246274XS	23.647.308.800	Xe ô tô có mui	11/09/2024	22/11/2024	Không có	Nhập khẩu xe	Không có
6	Sinotruk International	YN246278XS	25.783.312.500	Xe ô tô đầu kéo	27/09/2024	11/12/2024	Không có	Nhập khẩu xe	Không có
7	Sinotruk International	YN246286XS	5.165.572.500	Xe ô tô thùng kín	21/10/2024	27/11/2024	Không có	Nhập khẩu xe	Không có

STT	Tên đối tác	Số hợp đồng	Giá trị hợp đồng *(đồng)*	Sản phẩm/ Dịch vụ	Thời điểm ký kết	Thời gian thực hiện	Mối quan hệ với TV HDQT, GĐ, Phó GĐ, cổ đông lớn	Nội dung chính của hợp đồng	Các điều khoản quan trọng khác trong hợp đồng
8	CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ VẬN TẢI PHƯỢNG HOÀNG	18/2024/HĐVC/MAYVN-PH	1.596.456.000	DV vận chuyển	03/01/2024	31/03/2024	Không có	DV vận chuyển	Không có
9	CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ VẬN TẢI PHƯỢNG HOÀNG	18/2024/HĐVC/MAYVN-PH	882.878.400	DV vận chuyển	03/01/2024	31/10/2024	Không có	DV vận chuyển	Không có
10	Công ty CP thương mại và DVVT Hoàng Hà Phương	01-2024/HĐVC/HHP-PTM	239.760.000	DV vận chuyển	02/01/2024	29/06/2024	Không có	DV vận chuyển	Không có
11	Công ty CP thương mại và DVVT Hoàng Hà Phương	01-2024/HĐVC/HHP-PTM	183.600.000	DV vận chuyển	02/01/2024	17/07/2024	Không có	DV vận chuyển	Không có

STT	Tên đối tác	Số hợp đồng	Giá trị hợp đồng *(đồng)*	Sản phẩm/ Dịch vụ	Thời điểm ký kết	Thời gian thực hiện	Mối quan hệ với TV HDQT, GĐ, Phó GĐ, cổ đông lớn	Nội dung chính của hợp đồng	Các điều khoản quan trọng khác trong hợp đồng
12	CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI TRUNG CHUYỂN HP	01/2024/HĐVC/TC-PTM	947.916.000	DV vận chuyển	10/02/2024	31/03/2024	Không có	DV vận chuyển	Không có
13	CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI TRUNG CHUYỂN HP	01/2024/HĐVC/TC-PTM	1.022.004.000	DV vận chuyển	10/02/2024	31/05/2024	Không có	DV vận chuyển	Không có
14	Công ty CP thương mại và DVVT Hoàng Hà Phương	01-2024/HĐVC/HHP-PTM	150.660.000	DV vận chuyển	02/01/2024	23/10/2024	Không có	DV vận chuyển	Không có
15	CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI TRUNG CHUYỂN HP	01/2024/HĐVC/TC-PTM	551.448.000	DV vận chuyển	10/02/2024	31/12/2024	Không có	DV vận chuyển	Không có

STT	Tên đối tác	Số hợp đồng	Giá trị hợp đồng *(đồng)*	Sản phẩm/ Dịch vụ	Thời điểm ký kết	Thời gian thực hiện	Mối quan hệ với TV HDQT, GĐ, Phó GĐ, cổ đông lớn	Nội dung chính của hợp đồng	Các điều khoản quan trọng khác trong hợp đồng
16	Sinotruk International	YN256101XS	34.614.000.000	Xe ô tô tải tự đổ	23/10/2024	13/02/2025	Không có	Nhập khẩu xe	Không có
17	Sinotruk International	YN256145XS	46.422.880.000	Xe ô tô đầu kéo	06/01/2025	11/03/2025	Không có	Nhập khẩu xe	Không có
18	Sinotruk International	YN256150XS	32.260.905.000	Xe ô tô đầu kéo	06/01/2025	13/03/2025	Không có	Nhập khẩu xe	Không có
19	Sinotruk International	YN256134XS	29.441.765.000	Xe ô tô đầu kéo	18/11/2024	15/01/2025	Không có	Nhập khẩu xe	Không có

STT	Tên đối tác	Số hợp đồng	Giá trị hợp đồng *(đồng)*	Sản phẩm/ Dịch vụ	Thời điểm ký kết	Thời gian thực hiện	Mối quan hệ với TV HDQT, GĐ, Phó GĐ, cổ đông lớn	Nội dung chính của hợp đồng	Các điều khoản quan trọng khác trong hợp đồng
20	Sinotruk International	YN256144XS01	1.046.000.000	Xe ô tô đầu kéo	06/06/2025	15/07/2025	Không có	Nhập khẩu xe	Không có
21	Sinotruk International	YN25B821XS	32.495.715.000	Xe ô tô đầu kéo	08/09/2025	06/11/2025	Không có	Nhập khẩu xe	Không có
22	Sinotruk International	YN25B813XS	17.885.620.500	Xe ô tô đầu kéo	13/08/2025	30/10/2025	Không có	Nhập khẩu xe	Không có
23	Sinotruk International	YN25B838XS	1.165.519.150	Xe ô tô tải có mui	08/09/2025	15/04/2025	Không có	Nhập khẩu Mooc	Không có

STT	Tên đối tác	Số hợp đồng	Giá trị hợp đồng *(đồng)*	Sản phẩm/ Dịch vụ	Thời điểm ký kết	Thời gian thực hiện	Mối quan hệ với TV HDQT, GĐ, Phó GĐ, cổ đông lớn	Nội dung chính của hợp đồng	Các điều khoản quan trọng khác trong hợp đồng
24	LIUZHOU CHENGLONG SPECIAL PURPOSE VEHICLE CO.,LTD	2025/VIMID-FS001	1.140.702.750	Sơ mi rơ mooc tải tự đổ	26/02/2025	31/03/2025	Không có	Nhập khẩu Mooc	Không có
25	LIUZHOU CHENGLONG SPECIAL PURPOSE VEHICLE CO., LTD	2025/VIMID-FS003	3.890.403.000	Sơ mi rơ mooc tải tự đổ	24/04/2025	29/05/2025	Không có	Nhập khẩu Mooc	Không có
26	LIUZHOU CHENGLONG SPECIAL PURPOSE VEHICLE CO., LTD	2025/VIMID-FS005	7.828.905.150	Sơ mi rơ mooc tải tự đổ	09/05/2025	30/07/2025	Không có	Nhập khẩu Mooc	Không có
27	XINHONG CHANG SPECIAL VEHICLE CO., LTD. OF SANHE CITY	WYJZX20250811	17.816.215.500	Sơ mi rơ mooc tải tự đổ	11/08/2025	24/11/2025	Không có	Nhập khẩu Mooc	Không có

STT	Tên đối tác	Số hợp đồng	Giá trị hợp đồng *(đồng)*	Sản phẩm/ Dịch vụ	Thời điểm ký kết	Thời gian thực hiện	Mối quan hệ với TV HDQT, GĐ, Phó GĐ, cổ đông lớn	Nội dung chính của hợp đồng	Các điều khoản quan trọng khác trong hợp đồng
28	CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI TRUNG CHUYỂN HP	02-2025/HĐVC/HP-PTM	1.656.828.000	DV vận chuyển	25/04/2025	31/05/2025	Không có	DV vận chuyển	Không có
29	CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VÀ XÂY DỰNG GIAO THÔNG VẬN TẢI	01/HĐNT/VIMID/GTVT/2025	388.000.000	DV vận chuyển	03/01/2025	13/05/2025	Không có	DV vận chuyển	Không có
30	CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VÀ XÂY DỰNG GIAO THÔNG VẬN TẢI	01/HĐNT/VIMID/GTVT/2025	689.500.000	DV vận chuyển	03/01/2025	14/08/2025	Không có	DV vận chuyển	Không có
31	Sinotruk International	YN266104XS	32.997.507.000	Xe ô tô đầu kéo	05/11/2025	06/01/2026	Không có	Nhập khẩu xe	Không có

STT	Tên đối tác	Số hợp đồng	Giá trị hợp đồng *(đồng)*	Sản phẩm/ Dịch vụ	Thời điểm ký kết	Thời gian thực hiện	Mối quan hệ với TV HDQT, GĐ, Phó GĐ, cổ đông lớn	Nội dung chính của hợp đồng	Các điều khoản quan trọng khác trong hợp đồng
32	Sinotruk International	YN266106XS	35.432.100.000	Xe ô tô đầu kéo	05/11/2025	22/01/2026	Không có	Nhập khẩu xe	Không có
33	Sinotruk International	YN266116XS	31.885.245.000	Xe ô tô tải tự đổ	05/11/2025	22/01/2026	Không có	Nhập khẩu xe	Không có
34	Sinotruk International	YN266160XS	15.925.985.250	Xe ô tô tải thùng kín	05/11/2025	30/03/2026	Không có	Nhập khẩu xe	Không có
35	Sinotruk International	YN266174XS	32.660.928.000	Xe ô tô tải (có mui)	05/11/2025	19/03/2026	Không có	Nhập khẩu xe	Không có

STT	Tên đối tác	Số hợp đồng	Giá trị hợp đồng *(đồng)*	Sản phẩm/ Dịch vụ	Thời điểm ký kết	Thời gian thực hiện	Mối quan hệ với TV HDQT, GĐ, Phó GĐ, cổ đông lớn	Nội dung chính của hợp đồng	Các điều khoản quan trọng khác trong hợp đồng
36	Sinotruk International	YN266113XS	15.637.987.200	Xe ô tô tải (có mui)	05/11/2025	26/03/2026	Không có	Nhập khẩu xe	Không có
37	Sinotruk International	YN266101XS	20.673.052.800	Xe ô tô đầu kéo	05/11/2025	23/03/2026	Không có	Nhập khẩu xe	Không có
38	Sinotruk International	YN266137XS	33.741.804.000	Xe ô tô đầu kéo	05/11/2025	13/01/2026	Không có	Nhập khẩu xe	Không có
39	Sinotruk International	YN266146XS	34.367.463.750	Xe ô tô đầu kéo	05/11/2025	07/02/2026	Không có	Nhập khẩu xe	Không có

STT	Tên đối tác	Số hợp đồng	Giá trị hợp đồng *(đồng)*	Sản phẩm/ Dịch vụ	Thời điểm ký kết	Thời gian thực hiện	Mối quan hệ với TV HDQT, GĐ, Phó GĐ, cổ đông lớn	Nội dung chính của hợp đồng	Các điều khoản quan trọng khác trong hợp đồng
40	Sinotruk International	YN266159XS	15.883.241.100	Xe ô tô tải thùng kín	05/11/2025	09/03/2026	Không có	Nhập khẩu xe	Không có
41	Sinotruk International	YN266163XS	16.869.623.100	Xe ô tô satxi có buồng lái	05/11/2025	09/01/2026	Không có	Nhập khẩu xe	Không có
42	Sinotruk International	YN2661A9XS	33.435.019.800	Xe ô tô satxi có buồng lái	11/12/2025	25/03/2026	Không có	Nhập khẩu xe	Không có
43	CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VÀ XÂY DỰNG GIAO THÔNG VẬN TẢI	01/HĐNT/VIMID/GTVT/2025	1.379.000.000	DV vận chuyển	03/01/2025	10/02/2026	Không có	DV vận chuyển	Không có

STT	Tên đối tác	Số hợp đồng	Giá trị hợp đồng *(đồng)*	Sản phẩm/ Dịch vụ	Thời điểm ký kết	Thời gian thực hiện	Mối quan hệ với TV HDQT, GĐ, Phó GĐ, cổ đông lớn	Nội dung chính của hợp đồng	Các điều khoản quan trọng khác trong hợp đồng
44	CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VÀ XÂY DỰNG GIAO THÔNG VẬN TẢI	01/HĐNT/VIMID/GTVT/2025	579.000.000	DV vận chuyển	03/01/2025	12/03/2026	Không có	DV vận chuyển	Không có
45	CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI TRUNG CHUYỂN HP	02-2025/HĐVC/HP-PTM	2.532.492.000	DV vận chuyển	25/04/2025	31/01/2026	Không có	DV vận chuyển	Không có
II.	**Đầu ra**								
1	CÔNG TY TNHH KIM HÀ VIỆT	0081/103/HDMB2024	8.550.000.000	5 xe tải có mui	30/07/2024	20/09/2024	Không có	Bán xe	Không có
2	CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG HÓA KỲ LÂN	0148/103/HDMB2024	5.825.000.000	5 xe đầu kéo	12/03/2024	12/05/2024	Không có	Bán xe	Không có

STT	Tên đối tác	Số hợp đồng	Giá trị hợp đồng *(đồng)*	Sản phẩm/ Dịch vụ	Thời điểm ký kết	Thời gian thực hiện	Mối quan hệ với TV HDQT, GĐ, Phó GĐ, cổ đông lớn	Nội dung chính của hợp đồng	Các điều khoản quan trọng khác trong hợp đồng
3	CÔNG TY CỔ PHẦN KIẾN HƯNG LOGISTICS	0113/111/HDMB2024	9.090.000.000	6 xe đầu kéo và 6 sơ mi rơ mooc	29/08/2024	16/09/2024	Không có	Bán xe	Không có
4	CÔNG TY TNHH VẬT LIỆU VẬT TƯ BẾN THẮM	0130/111/HDMB2024	7.285.000.000	4 xe đầu kéo và 5 sơ mi rơ mooc	22/10/2024	11/04/2024	Không có	Bán xe	Không có
5	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN LÊ HOÀNG	0127/111/HDMB2024	10.170.000.000	6 xe đầu kéo và 6 sơ mi rơ mooc	17/10/2024	28/11/2024	Không có	Bán xe	Không có
6	CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT CHẾ BIẾN NÔNG LÂM SẢN VÀ VẬT TƯ NÔNG NGHIỆP PHÚC THỊNH	0117/111/HDMB2024	4.485.000.000	3 xe đầu kéo và 3 sơ mi rơ mooc	09/10/2024	10/02/2024	Không có	Bán xe	Không có

STT	Tên đối tác	Số hợp đồng	Giá trị hợp đồng *(đồng)*	Sản phẩm/ Dịch vụ	Thời điểm ký kết	Thời gian thực hiện	Mối quan hệ với TV HDQT, GĐ, Phó GĐ, cổ đông lớn	Nội dung chính của hợp đồng	Các điều khoản quan trọng khác trong hợp đồng
7	CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ VÀ THI CÔNG XÂY DỰNG LINH TRANG	0077/111/HDMB2024	6.380.000.000	8 xe đầu kéo	05/06/2024	06/07/2024	Không có	Bán xe	Không có
8	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN LÊ HOÀNG	0075/111/HDMB2024	11.100.000.000	6 xe đầu kéo và 6 sơ mi rơ mooc	05/02/2024	28/05/2024	Không có	Bán xe	Không có
9	CÔNG TY TNHH VƯU ĐỨC PHÁT	0058/113/HDMB2024	8.316.000.000	6 xe + 4 mooc	05/02/2024	21/6/2024	Không có	Bán xe	Không có
10	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ ĐẦU TƯ KHẢI AN	0075/113/HDMB2024	4.365.000.000	3 xe + 3 mooc	27/6/2024	02/08/2024	Không có	Bán xe	Không có

STT	Tên đối tác	Số hợp đồng	Giá trị hợp đồng *(đồng)*	Sản phẩm/ Dịch vụ	Thời điểm ký kết	Thời gian thực hiện	Mối quan hệ với TV HDQT, GĐ, Phó GĐ, cổ đông lớn	Nội dung chính của hợp đồng	Các điều khoản quan trọng khác trong hợp đồng
11	CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU KHÍ ĐẦU TƯ KHAI THÁC CẢNG PHƯỚC AN	0120/113/HDMB2024	11.650.000.000	10 xe đầu kéo	22/10/2024	04/11/2024	Không có	Bán xe	Không có
12	CÔNG TY TNHH TM DV ĐẠI LỘC PHÁT 68	0142/113/HDMB2024	5.825.000.000	5 xe đầu kéo	12/03/2024	12/05/2024	Không có	Bán xe	Không có
13	CÔNG TY TNHH SINOTRANS VIỆT NAM LOGISTICS	0095/104/HDMB2024	11.700.000.000	10 xe đầu kéo	21/5/2024	19/6/2024	Không có	Bán xe	Không có
14	CÔNG TY CP - TỔNG CÔNG TY NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG	0049/119/HDMB2023	11.696.000.000	8 xe tải tự đổ	23/8/2023	04/02/2024	Không có	Bán xe	Không có
15	CÔNG TY TNHH MTV VẬN TẢI CHÂU HÀ	0055/119/HDMB2024	7.700.000.000	5 xe tải có mui	20/6/2024	27/6/2024	Không có	Bán xe	Không có

STT	Tên đối tác	Số hợp đồng	Giá trị hợp đồng *(đồng)*	Sản phẩm/ Dịch vụ	Thời điểm ký kết	Thời gian thực hiện	Mối quan hệ với TV HDQT, GĐ, Phó GĐ, cổ đông lớn	Nội dung chính của hợp đồng	Các điều khoản quan trọng khác trong hợp đồng
16	CÔNG TY TNHH THÀNH THẮNG	0097/109/HDMB2025	17.150.000.000	10 XE ĐẦU KÉO và 10 SƠ MI RƠ MOOC	22/04/2025	30/05/2025	Không có	Bán xe	Không có
17	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI TỔNG HỢP ĐÔNG Á	0147/114/HDMB202505	7.450.000.000	05 XE TRỘN	21/03/2025	02/04/2025	Không có	Bán xe	Không có
18	CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ VÀ THƯƠNG MẠI TỔNG HỢP VẬN TẢI T&T	0089/114/HDMB202505	6.750.000.000	05 XE ĐẦU KÉO	25/02/2025	21/05/2025	Không có	Bán xe	Không có
19	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ GIA ĐỨC	0097/104/HDMB2025	7.650.000.000	05 XE BEN (XE TẢI TỰ ĐỔ)	15/05/2025	02/06/2025	Không có	Bán xe	Không có

STT	Tên đối tác	Số hợp đồng	Giá trị hợp đồng *(đồng)*	Sản phẩm/ Dịch vụ	Thời điểm ký kết	Thời gian thực hiện	Mối quan hệ với TV HDQT, GĐ, Phó GĐ, cổ đông lớn	Nội dung chính của hợp đồng	Các điều khoản quan trọng khác trong hợp đồng
20	CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG HOÀNG LỘC	0052/104/HDMB2025	7.450.000.000	05 XE TRỘN	08/04/2025	09/05/2025	Không có	Bán xe	Không có
21	CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU ĐẠI QUANG BP	0194/119/HDMB2025	15.150.000.000	10 XE ĐẦU KÉO và 10 SƠ MI RƠ MOOC	11/06/2025	Tháng 07+08/2025	Không có	Bán xe	Không có
22	CÔNG TY TNHH ICE FLAMINGO	0027/103/HDMB202501	7.605.000.000	06 XE ĐẦU KÉO	15/02/2025	31/03/2025	Không có	Bán xe	Không có
23	CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI KỲ LÂN	0062/103/HDMB2025	5.800.000.000	05 XE ĐẦU KÉO	12/03/2025	01/04/2025	Không có	Bán xe	Không có
24	CÔNG TY TNHH VẬN TẢI BẢO KHANG	0120/103/HDMB2025	7.020.000.000	06 XE ĐẦU KÉO	24/04/2025	28/05/2025	Không có	Bán xe	Không có
25	CÔNG TY TNHH VẬN TẢI THƯƠNG MẠI NGỌC GIÀU	0029/105/HDMB2025	8.610.000.000	07 XE ĐẦU KÉO	04/02/2025	08/07/2025	Không có	Bán xe	Không có

STT	Tên đối tác	Số hợp đồng	Giá trị hợp đồng *(đồng)*	Sản phẩm/ Dịch vụ	Thời điểm ký kết	Thời gian thực hiện	Mối quan hệ với TV HDQT, GĐ, Phó GĐ, cổ đông lớn	Nội dung chính của hợp đồng	Các điều khoản quan trọng khác trong hợp đồng
26	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VẬN CHUYỂN VẠN THỊNH PHÁT	0012/122/HDMB2025	11.850.000.000	10 XE ĐẦU KÉO	28/03/2025	02/04/2025	Không có	Bán xe	Không có
27	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG KHU CÔNG NGHIỆP NHƠN TRẠCH 6A	0125/113/HDMB202502	11.700.000.000	10 XE ĐẦU KÉO	26/04/2025	09/05/2025	Không có	Bán xe	Không có
28	CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI BÁCH LỢI	0173/113/HDMB202504	11.700.000.000	10 XE ĐẦU KÉO	27/05/2025	16/06/2025	Không có	Bán xe	Không có
29	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG KHU CÔNG NGHIỆP NHƠN TRẠCH 6A	0155/113/HDMB202501	11.700.000.000	10 XE ĐẦU KÉO	15/05/2025	20/05/2025	Không có	Bán xe	Không có

STT	Tên đối tác	Số hợp đồng	Giá trị hợp đồng *(đồng)*	Sản phẩm/ Dịch vụ	Thời điểm ký kết	Thời gian thực hiện	Mối quan hệ với TV HDQT, GĐ, Phó GĐ, cổ đông lớn	Nội dung chính của hợp đồng	Các điều khoản quan trọng khác trong hợp đồng
30	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHUNG NGUYÊN	0005/111/HDMB2025	8.100.000.000	06 XE TRỘN	09/01/2025	03/02/2025	Không có	Bán xe	Không có
31	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ AN PHÚC VÀ HOÀNG THANH	0185/118/HDMB2025	7.200.000.000	05 XE TRỘN	04/04/2025	09/05/2025	Không có	Bán xe	Không có
32	CÔNG TY TNHH VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI AN PHÁT	0125/118/HDMB2025	12.400.000.000	10 XE ĐẦU KÉO	11/03/2025	09/05/2025	Không có	Bán xe	Không có
33	CÔNG TY CỔ PHẦN KIẾN HƯNG LOGISTICS	0141/111/HDMB2024	6.050.000.000	05 XE ĐẦU KÉO	17/12/2024	12/03/2025	Không có	Bán xe	Không có
34	CÔNG TY TNHH TM VẬN TẢI AN SINH	0033/113/HDMB202501	4.820.000.000	04 XE ĐẦU KÉO	19/02/2025	05/03/2025	Không có	Bán xe	Không có

STT	Tên đối tác	Số hợp đồng	Giá trị hợp đồng *(đồng)*	Sản phẩm/ Dịch vụ	Thời điểm ký kết	Thời gian thực hiện	Mối quan hệ với TV HDQT, GĐ, Phó GĐ, cổ đông lớn	Nội dung chính của hợp đồng	Các điều khoản quan trọng khác trong hợp đồng
35	CÔNG TY TNHH KHO VẬN BÌNH DƯƠNG	0139/118/HDMB2025	5.100.000.000	06 XE ĐẦU KÉO	18/03/2025	Tháng 6+7/2025	Không có	Bán xe	Không có
36	CÔNG TY TNHH VẬN TẢI YUNYI VIỆT NAM	0106/101/HDMB2025	114.444.000.000	153 XE TẢI THÙNG CÔNG	26/08/2025	Tháng 9+10+11/2025	Không có	Bán xe	Không có
37	CÔNG TY CP DV VẬN TẢI VÀ XE DU LỊCH BẮC NINH FC	0483/114/HDMB2025	240.750.000.000	150 XE BEN (XE TẢI TỰ ĐỔ)	29/07/2025	Tháng 9+10+11/2025	Không có	Bán xe	Không có
38	CTY TNHH VẬN TẢI TÚ CHÂU	0145/103/HDMB2026	5050000000	5 xe tải có mui	12/03/2026	26/03/2026	Không có	Bán xe	Không có
39	CÔNG TY CỔ PHẦN KHANG AN - SÀI GÒN	0042/103/HDMB2026	5415000000	3xe đầu kéo + 3 sơ mi rơ mooc	20/01/2026	17/03/2026	Không có	Bán xe	Không có

STT	Tên đối tác	Số hợp đồng	Giá trị hợp đồng *(đồng)*	Sản phẩm/ Dịch vụ	Thời điểm ký kết	Thời gian thực hiện	Mối quan hệ với TV HDQT, GĐ, Phó GĐ, cổ đông lớn	Nội dung chính của hợp đồng	Các điều khoản quan trọng khác trong hợp đồng
40	CÔNG TY TNHH HỒNG PHƯỢNG	0010/111/HDMB2026	25.400.000.000	20 xe đầu kéo	08/01/2026	12/02/2026	Không có	Bán xe	Không có
41	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI XÂY DỰNG HÙNG MẠNH PHÁT	0010/113/HDMB2026	5.070.000.000	3xe đầu kéo + 3 sơ mi rơ mooc	01/12/2026	02/10/2026	Không có	Bán xe	Không có
42	CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DOLTRUCKS - CHI NHÁNH HẢI PHÒNG	0057/104/HDMB2026	11.175.000.000	11 xe đầu kéo	06/02/2026	26/3/2026	Không có	Bán xe	Không có
43	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VẬN TẢI XUÂN TÙNG	0032/104/HDMB2026	15.550.000.000	10 xe tải tự đổ	19/01/2026	04/02/2026	Không có	Bán xe	Không có
44	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG THIÊN LƯƠNG	0007/104/HDMB2026	7.875.000.000	5 xe tải tự đổ	06/01/2026	23/3/2026	Không có	Bán xe	Không có

STT	Tên đối tác	Số hợp đồng	Giá trị hợp đồng *(đồng)*	Sản phẩm/ Dịch vụ	Thời điểm ký kết	Thời gian thực hiện	Mối quan hệ với TV HDQT, GĐ, Phó GĐ, cổ đông lớn	Nội dung chính của hợp đồng	Các điều khoản quan trọng khác trong hợp đồng
45	CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI HDT	0262/104/HDMB2025	9.570.000.000	6 xe tải tự đổ	12/09/2025	07/01/2026	Không có	Bán xe	Không có
46	CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ MAY THUẬN PHÁT	0263/104/HDMB2025	11.025.000.000	7 xe tải tự đổ	12/10/2025	26/01/2026	Không có	Bán xe	Không có
47	CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VÀ VẬN TẢI HÒA PHÁT	0020/303/HDMB202600	8.150.000.000	5 xe tải tự đổ	12/01/2026	30/01/2026	Không có	Bán xe	Không có
48	CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN PSD GROUP	0032/303/HDMB202600	9.800.000.000	10 xe ải thùng kín	19/01/2026	23/02/2026	Không có	Bán xe	Không có
49	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VẬN TẢI TRUNG CHÍNH	0075/119/HDMB2026	4.850.000.000	5 xe tải thùng kín	26/2/2026	19/3/2026	Không có	Bán xe	Không có

STT	Tên đối tác	Số hợp đồng	Giá trị hợp đồng *(đồng)*	Sản phẩm/ Dịch vụ	Thời điểm ký kết	Thời gian thực hiện	Mối quan hệ với TV HDQT, GĐ, Phó GĐ, cổ đông lớn	Nội dung chính của hợp đồng	Các điều khoản quan trọng khác trong hợp đồng
50	CÔNG TY TNHH VẬN TẢI THƯƠNG MẠI LƯƠNG HÀ	0087/122/HDMB2026	6.600.000.000	5 xe đầu kéo	05/03/2026	23/03/2026	Không có	Bán xe	Không có
51	CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI HOME & DESIGN VIỆT NAM	0117/118/HDMB2026	7.680.000.000	6 xe đầu kéo	31/01/2026	24/03/2026	Không có	Bán xe	Không có
52	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VẬN TẢI ĐÁ HÒA BÌNH	0674/118/HDMB2025	6.325.000.000	5 xe đầu kéo	16/12/2025	26/02/2026	Không có	Bán xe	Không có

Nguồn: VIMID

(Phần cuối của trang này được cố ý để trống)

10.6. Các khách hàng, nhà cung cấp lớn

Bảng 15: Danh sách các khách hàng, nhà cung cấp lớn của Công ty

STT	Tên Khách hàng/Nhà cung cấp	Giá trị giao dịch *(Tỷ đồng)*		Tỷ lệ giá trị giao dịch/doanh thu *(%)*		Thời gian giao dịch	Sản phẩm/dịch vụ	Mối quan hệ với TV HĐQT, GĐ, Phó GĐ, cổ đông lớn
I. Nhà cung cấp								
1	SINOTRUK INTERNATIONAL	Năm 2024:	3.246,86	Năm 2024:	83,44%	Năm 2024, 2025, 2026	Xe ô tô tải, Đầu kéo, Sơ mi Rơ mooc, Xe chuyên dụng	Không có
		Năm 2025:	6.299,32	Năm 2025:	77,91%			
		Quý I/2026:	3.065,57	Quý I/2026:	111,06%			
2	Trung tâm thử nghiệm khí thải Phương tiện giao thông cơ giới đường bộ	Năm 2024:	7,26	Năm 2024:	0,19%	Năm 2024, 2025, 2026	Đăng ký đăng kiểm	Không có
		Năm 2025:	0,67	Năm 2025:	0,01%			
		Quý I/2026:	0,01	Quý I/2026:	0,00%			
3	Trung tâm thử nghiệm xe cơ giới	Năm 2024:	0,35	Năm 2024:	0,01%	Năm 2024, 2025, 2026	Đăng ký đăng kiểm	Không có
		Năm 2025:	0,40	Năm 2025:	0,00%			
		Quý I/2026:	0,16	Quý I/2026:	0,01%			
4	CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ VŨ LINH	Năm 2024:	0,34	Năm 2024:	0,01%	Năm 2024, 2025, 2026	Dịch vụ đóng thùng cho xe ô tô tải	Không có
		Năm 2025:	0,09	Năm 2025:	0,00%			
		Quý I/2026:	0,12	Quý I/2026:	0,00%			
5	XINHONG CHANG SPECIAL VEHICLE CO., LTD. OF SANHE CITY	Năm 2024:	2,58	Năm 2024:	0,07%	Năm 2024, 2025, 2026	Sơ mi Rơ mooc	Không có
		Năm 2025:	104,56	Năm 2025:	1,29%			
		Quý I/2026:	28,69	Quý I/2026:	1,04%			

6	Công ty CP thương mại và DVVT Hoàng Hà Phương	Năm 2024:	11,62	Năm 2024:	0,30%	Năm 2024, 2025, 2026	Dịch vụ vận tải (chuyển xe từ cửa khẩu tới các địa điểm kho)	Không có
		Năm 2025:	24,30	Năm 2025:	0,30%			
		Quý I/2026:	10,90	Quý I/2026:	0,39%			
7	Công ty TNHH Dịch vụ thương mại và vận tải Việt Hải	Năm 2024:	2,06	Năm 2024:	0,05%	Năm 2024, 2025, 2026	Dịch vụ đóng thùng cho xe ô tô tải	Không có
		Năm 2025:	64,60	Năm 2025:	0,80%			
		Quý I/2026:	16,56	Quý I/2026:	0,60%			
8	Công ty CP thương mại và cơ khí giao thông	Năm 2024:	5,56	Năm 2024:	0,14%	Năm 2024, 2025, 2026	Dịch vụ đóng thùng cho xe ô tô tải	Không có
		Năm 2025:	28,19	Năm 2025:	0,35%			
		Quý I/2026:	11,40	Quý I/2026:	0,41%			
9	CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI TRUNG CHUYỂN HP	Năm 2024:	7,10	Năm 2024:	0,18%	Năm 2024, 2025, 2026	Dịch vụ vận tải (chuyển xe từ cửa khẩu tới các địa điểm kho)	Không có
		Năm 2025:	22,28	Năm 2025:	0,28%			
		Quý I/2026:	3,57	Quý I/2026:	0,13%			
10	CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ VẬN TẢI PHƯỢNG HOÀNG	Năm 2024:	10,46	Năm 2024:	0,27%	Năm 2024, 2025, 2026	Dịch vụ vận tải (chuyển xe từ cửa khẩu tới các địa điểm kho)	Không có
		Năm 2025:	15,84	Năm 2025:	0,20%			
		Quý I/2026:	6,04	Quý I/2026:	0,22%			
11	CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VÀ XÂY DỰNG GIAO THÔNG VẬN TẢI	Năm 2024:	1,23	Năm 2024:	0,03%	Năm 2024, 2025, 2026	Dịch vụ đóng thùng cho xe ô tô tải	Không có
		Năm 2025:	34,00	Năm 2025:	0,42%			
		Quý I/2026:	5,67	Quý I/2026:	0,21%			
12		Năm 2024:	4,93	Năm 2024:	0,13%		Dịch vụ vận tải	Không có
		Năm 2025:	3,70	Năm 2025:	0,05%			

	CÔNG TY TNHH VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ TỔNG HỢP AN NHIÊN	Quý I/2026:	-	Quý I/2026:	0,00%	Năm 2024, 2025	(chuyển xe từ cửa khẩu tới các địa điểm kho)	
13	Cục đăng kiểm Việt Nam	Năm 2024:	3,10	Năm 2024:	0,08%	Năm 2024, 2025	Dịch vụ đăng kiểm	Không có
		Năm 2025:	6,46	Năm 2025:	0,08%			
		Quý I/2026:	-	Quý I/2026:	0,00%			
14	Công ty cổ phần ô tô số 3	Năm 2024:	1,01	Năm 2024:	0,03%	Năm 2024, 2025	Dịch vụ đóng thùng cho xe ô tô tải	Không có
		Năm 2025:	0,32	Năm 2025:	0,00%			
		Quý I/2026:	-	Quý I/2026:	0,00%			
15	CÔNG TY CỔ PHẦN PHÒNG TRỪ MỐI MỌT BẮC GIANG	Năm 2024:	0,87	Năm 2024:	0,02%	Năm 2024, 2025	Thuê kho bãi	Không có
		Năm 2025:	1,12	Năm 2025:	0,01%			
		Quý I/2026:	-	Quý I/2026:	0,00%			
16	CÔNG TY TNHH LOGISTICS QUỐC TẾ BẮC GIANG	Năm 2024:	-	Năm 2024:	0,00%	Năm 2025, 2026	Thuê kho bãi	Không có
		Năm 2025:	3,80	Năm 2025:	0,05%			
		Quý I/2026:	2,35	Quý I/2026:	0,09%			
17	CÔNG TY TNHH TTECH VIỆT NAM	Năm 2024:	-	Năm 2024:	0,00%	Năm 2025, 2026	Dịch vụ đóng thùng cho xe ô tô tải	Không có
		Năm 2025:	3,07	Năm 2025:	0,04%			
		Quý I/2026:	0,66	Quý I/2026:	0,02%			
18	CÔNG TY TNHH SINOTRUK INTERNATIONAL (VIỆT NAM)	Năm 2024:	-	Năm 2024:	0,00%	Năm 2026	Phụ tùng ô tô	Không có
		Năm 2025:	-	Năm 2025:	0,00%			
		Quý I/2026:	5,68	Quý I/2026:	0,21%			
19	Trung tâm đăng kiểm phương tiện giao thông đường bộ và đường sắt	Năm 2024:	-	Năm 2024:	0,00%	Năm 2026	Dịch vụ đăng kiểm	Không có
		Năm 2025:	-	Năm 2025:	0,00%			
		Quý I/2026:	2,76	Quý I/2026:	0,10%			
II. Khách hàng								
1	CÔNG TY CHO THUÊ TÀI CHÍNH TNHH	Năm 2024:	42,47	Năm 2024:	1,09%	Năm 2024,		Không có
		Năm 2025:	53,37	Năm 2025:	0,66%			

	MỘT THÀNH VIÊN QUỐC TẾ CHAILEASE - CHI NHÁNH HÀ NỘI	Quý I/2026:	13,88	Quý I/2026:	0,50%	2025, 2026	Xe ô tô tải các loại	
2	CÔNG TY CHO THUÊ TÀI CHÍNH TNHH BIDV - SUMI TRUST CHI NHÁNH ĐÀ NẴNG	Năm 2024:	51,17	Năm 2024:	1,32%	Năm 2024, 2025, 2026	Xe ô tô tải các loại	Không có
		Năm 2025:	51,33	Năm 2025:	0,63%			
		Quý I/2026:	7,17	Quý I/2026:	0,26%			
3	CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ VŨ LINH	Năm 2024:	7,73	Năm 2024:	0,20%	Năm 2024, 2025, 2026	Xe ô tô tải các loại	Không có
		Năm 2025:	16,75	Năm 2025:	0,21%			
		Quý I/2026:	10,98	Quý I/2026:	0,40%			
4	CÔNG TY TNHH VƯU ĐỨC PHÁT	Năm 2024:	17,34	Năm 2024:	0,45%	Năm 2024, 2025, 2026	Xe ô tô tải các loại	Không có
		Năm 2025:	14,70	Năm 2025:	0,18%			
		Quý I/2026:	0,09	Quý I/2026:	0,00%			
5	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI KHAI THÁC KHOÁNG SẢN 782 HẢI PHÒNG	Năm 2024:	15,68	Năm 2024:	0,40%	Năm 2024, 2025, 2026	Xe ô tô tải các loại	Không có
		Năm 2025:	15,48	Năm 2025:	0,19%			
		Quý I/2026:	0,13	Quý I/2026:	0,00%			
6	CÔNG TY TNHH HƯNG GIANG	Năm 2024:	14,56	Năm 2024:	0,37%	Năm 2024, 2025, 2026	Xe ô tô tải các loại	Không có
		Năm 2025:	0,02	Năm 2025:	0,00%			
		Quý I/2026:	0,02	Quý I/2026:	0,00%			
7	CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI PHÚC THỊNH	Năm 2024:	14,27	Năm 2024:	0,37%	Năm 2024, 2025, 2026	Xe ô tô tải các loại	Không có
		Năm 2025:	14,22	Năm 2025:	0,18%			
		Quý I/2026:	0,01	Quý I/2026:	0,00%			
8	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CHO THUÊ TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG SÀI GÒN THƯƠNG TÍN - CHI NHÁNH ĐÀ NẴNG	Năm 2024:	44,62	Năm 2024:	1,15%	Năm 2024, 2025, 2026	Xe ô tô tải các loại	Không có
		Năm 2025:	79,71	Năm 2025:	0,99%			
		Quý I/2026:	17,20	Quý I/2026:	0,62%			
9	CÔNG TY TNHH VẬN TẢI THƯƠNG MẠI THẢO NGÂN	Năm 2024:	13,03	Năm 2024:	0,33%	Năm 2024, 2025, 2026	Xe ô tô tải các loại	Không có
		Năm 2025:	6,24	Năm 2025:	0,08%			
		Quý I/2026:	0,06	Quý I/2026:	0,00%			
		Năm 2024:	56,40	Năm 2024:	1,45%			

10	CÔNG TY CHO THUÊ TÀI CHÍNH TNHH MỘT THÀNH VIÊN QUỐC TẾ CHAILEASE	Năm 2025:	143,09	Năm 2025:	1,77%	Năm 2024, 2025, 2026	Xe ô tô tải các loại	Không có
		Quý I/2026:	50,49	Quý I/2026:	1,83%			
11	CÔNG TY TNHH VẬN TẢI THƯƠNG MẠI NGỌC GIÀU	Năm 2024:	12,68	Năm 2024:	0,33%	Năm 2024, 2025, 2026	Xe ô tô tải các loại	Không có
		Năm 2025:	8,81	Năm 2025:	0,11%			
		Quý I/2026:	0,01	Quý I/2026:	0,00%			
12	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CHO THUÊ TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG Á CHÂU - CHI NHÁNH ĐÀ NẴNG	Năm 2024:	13,04	Năm 2024:	0,34%	Năm 2024, 2025	Xe ô tô tải các loại	Không có
		Năm 2025:	13,45	Năm 2025:	0,17%			
		Quý I/2026:	-	Quý I/2026:	0,00%			
13	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CHO THUÊ TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG SÀI GÒN THƯƠNG TÍN	Năm 2024:	23,67	Năm 2024:	0,61%	Năm 2024, 2025	Xe ô tô tải các loại	Không có
		Năm 2025:	38,17	Năm 2025:	0,47%			
		Quý I/2026:	-	Quý I/2026:	0,00%			
14	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN LÊ HOÀNG	Năm 2024:	17,88	Năm 2024:	0,46%	Năm 2024, 2025	Xe ô tô tải các loại	Không có
		Năm 2025:	3,39	Năm 2025:	0,04%			
		Quý I/2026:	-	Quý I/2026:	0,00%			
15	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ ĐẦU TƯ KHẢI AN	Năm 2024:	18,32	Năm 2024:	0,47%	Năm 2024	Xe ô tô tải các loại	Không có
		Năm 2025:	-	Năm 2025:	0,00%			
		Quý I/2026:	-	Quý I/2026:	0,00%			
16	CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ VÀ THI CÔNG XÂY DỰNG LINH TRANG	Năm 2024:	14,12	Năm 2024:	0,36%	Năm 2024	Xe ô tô tải các loại	Không có
		Năm 2025:	-	Năm 2025:	0,00%			
		Quý I/2026:	-	Quý I/2026:	0,00%			
17	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VẬN TẢI TCQ	Năm 2024:	13,68	Năm 2024:	0,35%	Năm 2024, 2026	Xe ô tô tải các loại	Không có
		Năm 2025:	-	Năm 2025:	0,00%			
		Quý I/2026:	3,22	Quý I/2026:	0,12%			
18	CÔNG TY TNHH HỒNG PHƯỢNG	Năm 2024:	-	Năm 2024:		Năm 2025, 2026	Xe ô tô tải các loại	Không có
		Năm 2025:	10,13	Năm 2025:	0,13%			
		Quý I/2026:	25,40	Quý I/2026:	0,92%			

19	CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ MAY THUẬN PHÁT	Năm 2024:	-	Năm 2024:		Năm 2025, 2026	Xe ô tô tải các loại	Không có
		Năm 2025:	9,36	Năm 2025:	0,12%			
		Quý I/2026:	18,75	Quý I/2026:	0,68%			
20	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ Ô TÔ THIÊN PHÚ	Năm 2024:	-	Năm 2024:		Năm 2025, 2026	Xe ô tô tải các loại	Không có
		Năm 2025:	1,45	Năm 2025:	0,02%			
		Quý I/2026:	17,47	Quý I/2026:	0,63%			
21	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VẬN TẢI XUÂN TÙNG	Năm 2024:	-	Năm 2024:		Năm 2025, 2026	Xe ô tô tải các loại	Không có
		Năm 2025:	15,75	Năm 2025:	0,19%			
		Quý I/2026:	15,45	Quý I/2026:	0,56%			
22	CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ XE DU LỊCH BẮC NINH FC	Năm 2024:	-	Năm 2024:		Năm 2025, 2026	Xe ô tô tải các loại	Không có
		Năm 2025:	80,25	Năm 2025:	0,99%			
		Quý I/2026:	17,51	Quý I/2026:	0,63%			
23	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯƠNG LỘC KHANG	Năm 2024:	-	Năm 2024:		Năm 2025, 2026	Xe ô tô tải các loại	Không có
		Năm 2025:	46,97	Năm 2025:	0,58%			
		Quý I/2026:	14,48	Quý I/2026:	0,52%			
24	CÔNG TY TNHH MTV CHO THUÊ TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG SÀI GÒN THƯƠNG TÍN - CHI NHÁNH HÀ NỘI	Năm 2024:	-	Năm 2024:		Năm 2025, 2026	Xe ô tô tải các loại	Không có
		Năm 2025:	4,70	Năm 2025:	0,06%			
		Quý I/2026:	8,81	Quý I/2026:	0,32%			
25	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG MINH KHANG	Năm 2024:	-	Năm 2024:		Năm 2025, 2026	Xe ô tô tải các loại	Không có
		Năm 2025:	11,13	Năm 2025:	0,14%			
		Quý I/2026:	9,59	Quý I/2026:	0,35%			
26	CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DOLTRUCKS - CHI NHÁNH HẢI PHÒNG	Năm 2024:	-	Năm 2024:		Năm 2025, 2026	Xe ô tô tải các loại	Không có
		Năm 2025:	9,20	Năm 2025:	0,11%			
		Quý I/2026:	10,85	Quý I/2026:	0,39%			
27	CÔNG TY TNHH VẬN TẢI THIÊN ĐÀNG	Năm 2024:	-	Năm 2024:		Năm 2026	Xe ô tô tải các loại	Không có
		Năm 2025:	-	Năm 2025:	0,00%			
		Quý I/2026:	25,28	Quý I/2026:	0,92%			
		Năm 2024:	-	Năm 2024:				

28	CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN PSD GROUP	Năm 2025:	-	Năm 2025:	0,00%	Năm 2026	Xe ô tô tải các loại	Không có
		Quý I/2026:	9,80	Quý I/2026:	0,36%			
29	CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI HDT	Năm 2024:	-	Năm 2024:		Năm 2026	Xe ô tô tải các loại	Không có
		Năm 2025:	-	Năm 2025:	0,00%			
		Quý I/2026:	9,48	Quý I/2026:	0,34%			
30	CÔNG TY TNHH KINH DOANH BẤT ĐỘNG SẢN ĐỨC ANH	Năm 2024:	-	Năm 2024:		Năm 2026	Xe ô tô tải các loại	Không có
		Năm 2025:	-	Năm 2025:	0,00%			
		Quý I/2026:	11,10	Quý I/2026:	0,40%			
31	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ HÙNG TÀI	Năm 2024:	-	Năm 2024:		Năm 2026	Xe ô tô tải các loại	Không có
		Năm 2025:	-	Năm 2025:	0,00%			
		Quý I/2026:	9,30	Quý I/2026:	0,34%			

Nguồn: VIMID

10.7. Vị thế của Tổ chức phát hành trong ngành

10.7.1. Vị thế của Tổ chức phát hành so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

a. Ngành hoạt động của VIMID

Với 16 năm kinh nghiệm kinh doanh các dòng xe tải hạng trung, hạng nặng của lãnh đạo Công ty cùng đội ngũ cán bộ quản lý, kỹ sư ô tô được đào tạo chính quy trong nước và tại chính hãng Sinotruk, VIMID đã khẳng định được thương hiệu của mình trong lĩnh vực cung cấp các dòng xe tải hạng nặng, xe chuyên dụng trên thị trường trong nước.

VIMID được Tập đoàn Sinotruk lựa chọn là đại lý ủy quyền chính thức phân phối các sản phẩm tại thị trường Việt Nam vì năng lực tài chính tốt, mạng lưới phân phối rộng khắp, chú trọng đầu tư bài bản và chuyên nghiệp không chỉ trong việc phân phối sản phẩm mà cả về dịch vụ sau bán hàng, liên tục R&D phát triển sản phẩm nâng cao vị thế, thương hiệu Sinotruk (CNHTC) tại Việt Nam.

Thương hiệu VIMID hiện đang được khách hàng tín nhiệm, đánh giá cao về uy tín, chất lượng sản phẩm và tinh thần phục vụ khách hàng. Với kế hoạch tăng trưởng thị phần bán xe Sinotruk trong tương lai gần, VIMID đã và đang thực hiện chiến lược mở rộng mạng lưới phân phối toàn quốc, không ngừng nâng cao chất lượng dịch vụ, đẩy mạnh xây dựng các chi nhánh với quy mô và chất lượng đạt chuẩn để phục vụ khách hàng trên toàn quốc.

Công ty quản trị theo mô hình Trụ sở chính - Chi nhánh trực thuộc. Hiện nay, Công ty có 16 chi nhánh trải dài trên toàn quốc.

b. Các bên tham gia và mức độ cạnh tranh, vị thế và thị phần của Tổ chức phát hành trong ngành

- **Vị thế của thương hiệu Sinotruk (CNHTC) – với nhãn hiệu xe HOWO nổi tiếng - trong ngành xe tải**

Xe ô tô hạng nặng Sinotruk là các sản phẩm thuộc tập đoàn xe tải nặng của Trung Quốc có tên là: CHINA NATIONAL HEAVY DUTY TRUCK GROUP CO., LTD (Tập đoàn Xe tải Hạng Nặng Quốc Gia Trung Quốc), viết tắt: Sinotruk hoặc CNHTC.

Được thành lập năm 1935, Sinotruk tiền thân là một doanh nghiệp nhà nước của Trung Quốc, nổi tiếng với việc phát triển và sản xuất dòng xe tải hạng nặng đầu tiên của Trung Quốc. Nhãn hiệu Sinotruk (CNHTC) được biết đến là thương hiệu cung cấp các dòng xe hạng nặng – hạng trung với những tính năng mạnh mẽ, bền bỉ và hiệu quả, tiện nghi, an toàn và thân thiện với môi trường. Tập đoàn Sinotruk đã có một số công ty con đã được niêm yết trên các sàn giao dịch chứng khoán, bao gồm:

(i) Sinotruk (Hong Kong) Limited: niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hồng Kông (HKEX) với mã cổ phiếu là 3808.HK.

(ii) Sinotruk Jinan Truck Co., Ltd.: niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Thâm Quyến (SZSE), Trung Quốc, với mã cổ phiếu là 000951.SZ.

(iii) Zhongtong Bus Co., Ltd.: niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Thâm Quyến (SZSE).

Ngày 27/03/2026, Tập đoàn Xe tải hạng nặng quốc gia Trung Quốc (CNHTC) (03808.HK) - Sinotruk đã công bố báo cáo kết quả hoạt động thường niên năm 2025. Trong năm 2025, CNHTC đạt doanh thu hoạt động 109,541 tỷ Nhân dân tệ (tương đương 16 tỷ đô USD), tăng 15,2% so với năm trước; lợi nhuận ròng đạt 7,019 tỷ Nhân dân tệ (tương đương 1 tỷ USD), tăng 19,8% so với năm 2024.

- Trong năm 2025, Sinotruk đạt sản lượng sản xuất và bán ra đã bán được 304.900 xe tải hạng nặng, chiếm 26,6% thị phần Trung Quốc. Sinotruk không chỉ đứng đầu ngành trong nước trong bốn năm liên tiếp mà còn lần đầu tiên trở thành nhà bán xe tải hạng nặng hàng đầu thế giới, đánh dấu một kỷ nguyên mới về phát triển chất lượng cao trong ngành công nghiệp xe thương mại của Trung Quốc.
- Sản lượng xuất khẩu của Sinotruk trong năm 2025 vượt 153.400 xe, đánh dấu năm thứ 21 liên tiếp giữ vị trí nhà xuất khẩu xe tải nặng hàng đầu Trung Quốc; chiếm 50% tổng lượng xe tải nặng xuất khẩu của toàn Trung Quốc.

Sinotruk – Phát triển đột phá dưới sự hỗ trợ của Tập đoàn mẹ - Tập đoàn công nghiệp nặng Sơn Đông

Năm 2019, Tập đoàn Công nghiệp nặng Sơn Đông (Shandong Heavy Industry Group - SHIG) mua cổ phần chi phối của Sinotruk. Tập đoàn Công nghiệp nặng Sơn Đông, có trụ sở chính tại Tế Nam, Trung Quốc, là tập đoàn thiết bị công nghiệp toàn cầu với doanh thu hàng năm là 72 tỷ USD. Năm 2025, Tập đoàn Công nghiệp Nặng Sơn Đông được hưởng lợi từ xu hướng tăng trưởng cơ cấu của ngành và sự mở rộng cơ hội xuất khẩu, đồng thời chủ động ứng phó với cạnh

tranh ngày càng gia tăng trên cả thị trường trong và ngoài nước. Tập đoàn ghi nhận doanh thu hoạt động đạt 604,5 tỷ Nhân dân tệ, tăng 9,9% so với cùng kỳ. Kết quả hoạt động chung tiếp tục được cải thiện, năng lực cạnh tranh thị trường được củng cố, hoạt động xuất khẩu mở rộng, kinh doanh tại thị trường nước ngoài phát triển ổn định, và quá trình chuyển đổi chiến lược đạt được những tiến triển vững chắc.

Tập đoàn này sở hữu Weichai Power, Sinotruk, Shacman, Lovol Intelligence Agriculture, Shantui Construction Machinery, Zhongtong Bus, và nắm giữ cổ phần lớn tại các tổ chức quốc tế nổi tiếng như Ferretti (Italy), KION (Đức), Linde Hydrainics (Đức), Dematic, PSI (Hoa Kỳ), Moteurs Baudouin (Pháp). Hoạt động kinh doanh chính bao gồm hệ thống truyền động, xe thương mại, thiết bị nông nghiệp, máy móc xây dựng, logistics thông minh và giải pháp vận chuyển hàng hải. Tập đoàn này đã thành lập các trung tâm đổi mới khoa học và công nghệ tại hơn 10 quốc gia trên thế giới vì mục tiêu cung cấp giải pháp sản phẩm và dịch vụ cho hơn 150 quốc gia và khu vực.

Các công ty niêm yết chính của Tập đoàn SHIG bao gồm:

+ Weichai Power: niêm yết trên cả Sở giao dịch chứng khoán Hồng Kông (HKEX) với mã 2338.HK và Sở giao dịch chứng khoán Thâm Quyến (SZSE) với mã 000338.SZ.
+ Sinotruk (Hong Kong) Limited: niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hồng Kông (HKEX).
+ Weichai Heavy Machinery: niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Thâm Quyến (SZSE) với mã 000880.SZ.
+ Shantui Construction Machinery: Công ty này niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Thâm Quyến (SZSE) với mã 000680.SZ.
+ Yaxing Bus: niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Thượng Hải (SSE) với mã 600213.SH.
+ KION Group: Công ty sản xuất xe nâng nổi tiếng của Đức, với mã niêm yết là KGX tại Sở giao dịch chứng khoán Frankfurt (Frankfurt Stock Exchange).
+ Ferretti Group: Nhà sản xuất du thuyền nổi tiếng của Ý, niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Milan (Euronext Milan): Mã giao dịch là YACHT; trên Sở giao dịch chứng khoán Hồng Kông (HKEX): Mã giao dịch là 9638.HK.

Sinotruk hưởng lợi rất lớn từ việc là một phần của hệ sinh thái Tập đoàn Công nghiệp nặng Sơn Đông (SHIG), đặc biệt là với sự hỗ trợ của Weichai Power, nhà sản xuất động cơ diesel lớn nhất Trung Quốc. Sự kết hợp này mang lại lợi thế lớn cho Sinotruk khi được tích hợp các công nghệ động cơ, hộp số và hệ thống truyền động tiên tiến nhất, đảm bảo hiệu suất, độ bền và tiết kiệm nhiên liệu cho xe tải.

Đối với thị trường Việt Nam, Sinotruk đã bắt đầu thâm nhập từ đầu những năm 2000. Dòng xe tải HOWO của Sinotruk đã trở nên phổ biến tại Việt Nam và được sử dụng rộng rãi trong các ngành xây dựng, vận tải và khai thác mỏ trong suốt thời gian đó tới nay.

- **Vị thế của VIMID trong lĩnh vực nhập khẩu và kinh doanh, phân phối xe tải trung và hạng nặng**

VIMID hiện là nhà nhập khẩu và phân phối chính thức dòng xe tải nhãn hiệu Sinotruk tại Việt Nam trong suốt 16 năm qua.

Ngày 23/01/2024, VIMID vinh dự được nhận cúp "Strategic Partners of Shandong Heavy Industry" - Đối tác chiến lược của Tập đoàn Công nghiệp nặng Sơn Đông (công ty mẹ của Sinotruk) tại Hội nghị Đối tác toàn cầu lần thứ 3 của Tập đoàn Công nghiệp nặng Sơn Đông tổ chức tại Jakarta, Indonesia. Cũng trong khuôn khổ sự kiện này, VIMID cũng được Sinotruk vinh danh là "Dealer of the Year" - Nhà phân phối của năm. Đây là những chiếc cúp danh giá, xác lập vị thế vững chắc của VIMID đối với các đối tác là tập đoàn lớn tại khu vực trong lĩnh vực kinh doanh thiết bị vận tải.

Liên tiếp trong 03 năm từ 2022 đến 2024, VIMID lọt TOP 500 Doanh nghiệp tư nhân lớn nhất Việt Nam (VNR500). Đặc biệt, năm 2024, VIMID đã vào TOP 100 Sao Vàng Đất Việt, giải thưởng do Trung Ương Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam phối hợp với Trung ương Hội các nhà doanh nghiệp trẻ Việt Nam tổ chức hàng năm. Ngày 24/4/2025, VIMID tiếp tục nhận được giải thưởng FAST500 - Top 500 Doanh nghiệp tăng trưởng nhanh nhất Việt Nam (xếp hạng 179). Ngày 18/10/2025, VIMID tham dự Hội nghị Đối tác toàn cầu 2025 do Tập đoàn Công nghiệp nặng Sơn Đông tổ chức tại Trung Quốc, quy tụ hơn 300 đối tác chiến lược đến từ khắp các quốc gia và vùng lãnh thổ của Tập đoàn Công nghiệp nặng Sơn Đông và Sinotruk. Trong khuôn khổ sự kiện này, VIMID đã nhận cú đúp giải thưởng "Excellent Strategic Partner Award" (Đối tác chiến lược xuất sắc) của Tập đoàn Công nghiệp nặng Sơn Đông và "Notable Contribution Award" (Cống hiến nổi bật) của Tập đoàn Sinotruk. Ngày 28/10/2025, VIMID được vinh danh trong danh sách Top 500 Doanh nghiệp Tư nhân lợi nhuận tốt nhất (PROFIT500) (xếp hạng 432) do Công ty cổ phần Báo cáo Đánh giá Việt Nam (Vietnam Report) phối hợp cùng Báo VietNamNet tổ chức. Ngày 12/11/2025, năm thứ 4 liên tiếp VIMID góp mặt trong bảng xếp hạng VNR500 - Top 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam (xếp hạng 340). Tháng 03/2026, VIMID vừa được vinh danh trong Top 100 Doanh nghiệp triển vọng tăng trưởng Việt Nam năm 2026 (Fast Rising 100) do Vietnam Report công bố.

VIMID đã và đang khẳng định năng lực thương mại và vận hành qua các hợp đồng phân phối quy mô lớn đối với các xe tải hạng trung và hạng nặng, gần đây công ty ký kết hợp đồng cung cấp loạt xe tải tự đổ HOWO V7X với quy mô lớn (hợp đồng 300 xe) với Công ty cổ phần Dịch vụ Vận tải và Xe Du lịch Bắc Ninh FC; và 153 xe tải thùng kín cho đơn vị logistics đa quốc gia J&T Express (thông qua công ty Yunyi Việt Nam). Những hợp đồng dạng này củng cố vị thế VIMID trong phân khúc xe tải hạng trung và hạng nặng và tạo ra dòng doanh thu lặp lại từ cung cấp phương tiện và dịch vụ hậu mãi.

So với các nhóm doanh nghiệp lớn trong ngành cơ giới và xe thương mại *(ví dụ các nhà phân phối/nhà sản xuất có mạng lưới rộng như THACO),* VIMID tập trung khác biệt vào phân khúc xe tải trung và hạng nặng nhập khẩu mới 100% là các xe chuyên dụng, xe ben, xe đầu kéo cho ngành công trình, tức là những sản phẩm có nhu cầu ổn định từ ngành xây dựng, logistics và khai thác khoáng sản.

Mặc dù không có số liệu thống kê cụ thể để xác định vị thế của Công ty trong lĩnh lực kinh doanh xe tải hạng trung và hạng nặng, tuy nhiên, Công ty xác định được lợi thế cạnh tranh của VIMID nằm ở (i) mối quan hệ phân phối lâu năm với nhà sản xuất (Sinotruk), (ii) năng lực bán hàng và thực hiện hợp đồng theo lô lớn, và (iii) hệ sinh thái dịch vụ, bao gồm giải pháp tài chính (hỗ trợ làm việc với các đơn vị cho thuê tài chính, ngân hàng thương mại để giúp khách hàng mua xe có thể tiếp cận nguồn vốn phù hợp với nhu cầu và khả năng tài chính), giao nhận và hậu cần. Những yếu tố này giúp VIMID đứng vững và phát triển bên cạnh các nhà cung cấp/đại lý lớn khác trên thị trường.

- **So sánh về tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp trong cùng ngành**

Công ty hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh đại lý, môi giới và bán buôn, bán lẻ xe có động cơ và phụ tùng xe có động cơ do đó các công ty được lựa chọn để so sánh về hiệu quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính với VVS đều là những doanh nghiệp có thương hiệu trong ngành hiện đang niêm yết hoặc đã đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

Các doanh nghiệp được lựa chọn bao gồm: (1) Công ty Cổ phần G-AutoMobile; (2) Công ty Cổ phần Kỹ thuật và Ô tô Trường Long; (3) Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh; (4) Công ty Cổ phần City Auto.

Bảng 16: So sánh về tình hình tài chính và hoạt động với các doanh nghiệp trong ngành

Đơn vị tính: tỷ đồng

Doanh nghiệp	Công ty cổ phần Đầu tư Phát triển máy Việt Nam	Công ty Cổ phần G-AutoMobile	Công ty Cổ phần Kỹ thuật và Ô tô Trường Long	Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh	Công ty Cổ phần City Auto
Mã chứng khoán	VVS	GMA	HTL	HAX	CTF
Vốn điều lệ	215	200	120	1.074	957
Tổng tài sản	5.116,0	1.711,4	361,0	2.477,1	3.950,2
Vốn chủ sở hữu	652,1	478,5	168,8	1.368,1	1.083,9

Doanh thu thuần	8.050,6	3.685,3	689,5	4.650,6	8.442,2
Lợi nhuận sau thuế	321,1	20,0	24,9	39,1	12,2
LNST/DTT (%)	3,99%	0,54%	3,61%	0,84%	0,14%
LNST/VCSH (%)	49,24%	4,18%	14,75%	2,86%	1,13%
EPS	14.919	961	2.072	29	95

Nguồn: BCTC tổng hợp/hợp nhất năm 2025 đã kiểm toán của các công ty

Dựa vào các số liệu trên, VIMID không chỉ là một thương hiệu uy tín trong ngành bán buôn, bán lẻ xe có động cơ và phụ tùng xe có động cơ mà còn thể hiện năng lực tài chính và hoạt động sản xuất kinh doanh vững mạnh. Xét về vốn điều lệ và vốn chủ sở hữu, VIMID không phải là công ty lớn nhất, tuy nhiên về các chỉ tiêu khác VIMID ghi nhận cao và hiệu quả so với các công ty trong ngành.

10.7.2. Triển vọng phát triển của ngành

Theo số liệu của Cục Thống kê, trong năm 2025 nền kinh tế có sự tăng trưởng ấn tượng với mức tăng trưởng GDP cả năm ước đạt 8,02%, chỉ thấp hơn tốc độ tăng của năm 2022 trong giai đoạn 2011-2025. Khu vực sản xuất công nghiệp và xây dựng tiếp tục là điểm sáng với tốc độ tăng giá trị tăng thêm đạt 8,62% so với cùng kỳ năm trước, đóng góp 51,08% vào mức tăng của GDP.

Các hoạt động thương mại, du lịch tăng cao, khách quốc tế đến Việt Nam năm 2025 cao nhất từ trước đến nay, đóng góp tích cực vào tăng trưởng của khu vực dịch vụ. So với 2023, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tăng 9,2%; vận chuyển hành khách tăng 22,2%, luân chuyển hành khách tăng 13,6% và vận chuyển hàng hóa tăng 14,1%, luân chuyển hàng hóa tăng 13,1%; khách quốc tế đến nước ta tăng 15,7%. Có thể thấy, tiềm năng phát triển ngành xe tải rất lớn.

Tuy nhiên, do điều kiện cơ sở hạ tầng, dù đã nâng cấp và xây dựng mới nhiều, vẫn còn hạn chế và chưa đủ đáp ứng nhu cầu vận chuyển hàng hóa tăng quá nhanh của nền kinh tế. Thị trường xe tải Việt Nam vì thế hiện vẫn chưa thể phát triển ở mức tương xứng với tiềm năng tăng trưởng cao trong trung và dài hạn.

Với những chính sách kích thích tăng trưởng kinh tế mạnh mẽ, giải ngân đầu tư công và FDI lớn, hoạt động xuất nhập khẩu phát triển mạnh đã góp phần vào việc tăng trưởng nhu cầu xe tải trong các năm qua. Đặc biệt, phân khúc xe tải nặng đang cho thấy dấu hiệu phục hồi mạnh mẽ sau hơn 3 năm sụt giảm liên tục và gần như đã chạm đáy.

Theo số liệu của Cục Hải quan, trong năm 2025, lượng ô tô nguyên chiếc các loại nhập khẩu đạt 205.630 xe, tăng 18,48% so với năm 2024; trong đó, ô tô vận tải, trên 9 chỗ và khác đạt 28.408 xe, tăng 84,3%. Đáng chú ý trong năm 2025 là lượng xe ô nguyên chiếc các loại nhập khẩu từ thị trường Trung Quốc, đạt 47.895 xe, tăng 1,55 lần về lượng so với năm trước. Trong vài năm trở lại đây, lượng xe nhập từ Trung Quốc ngày càng tăng, chủ yếu là xe chuyên dụng, xe tải. Như vậy, nhu cầu về các loại xe như đầu kéo, xe ben nặng, xe tải thùng hạng nặng là rất lớn.

Bên cạnh đó, lĩnh vực đường bộ của Việt Nam đã có nhiều đột phá. Tính tới hết năm 2025, toàn bộ hệ thống đường cao tốc Việt Nam đạt khoảng 3.803 km (gồm 3.345 km tuyến chính cao tốc và 458 km đường dẫn). Ngoài ra, từ năm 2021-2025, Bộ Xây dựng đã hoàn thành 59 dự án quốc lộ với tổng chiều dài 1.586,5 km, riêng năm 2025 hoàn thành 21 dự án dài 456 km. Trong đó, khu vực phía Bắc đã hoàn thành các tuyến hướng tâm tới Thủ đô Hà Nội gồm Nhật Tân - Nội Bài, Nội Bài - Lào Cai, Hà Nội - Thái Nguyên, Hà Nội - Bắc Giang, Hà Nội - Hải Phòng, Pháp Vân - Cầu Giẽ - Ninh Bình và Hòa Lạc - Hòa Bình. Đồng thời, tuyến đường cao tốc ven biển Hải Phòng - Hạ Long - Vân Đồn - Móng Cái đã đi vào vận hành ổn định, tạo động lực mạnh mẽ cho việc phát triển hành lang kinh tế phía Bắc.

Theo định hướng, Bộ Giao thông vận tải đã được chỉ đạo của Thủ tướng chính phủ trong việc đẩy nhanh tiến độ thi công cao tốc Bắc – Nam phía Đông trong giai đoạn 2021 – 2025, song thúc đẩy tới năm 2025 cả nước có khoảng 3.000 km và đến năm 2030 cả nước có khoảng 5.000 km đường cao tốc. Điều này sẽ hứa hẹn thúc đẩy việc sử dụng dòng xe tải cao cấp – loại xe có thể đáp ứng khả năng chạy tốc độ cao và ít hỏng hóc giữa đường. Vì thế các dòng xe tải cao cấp Sinotruk mà VIMID đang cung cấp sẽ có nhu cầu nhiều hơn trong những năm tới.

Bên cạnh đó, dự án đường sắt Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng, với tổng vốn 203.231 tỷ đồng, tương đương 8,37 tỷ USD, phấn đấu hoàn thành chậm nhất năm 2030. Điểm đầu dự án tại vị trí nối ray qua biên giới (tỉnh Lào Cai), điểm cuối tại ga Lạch Huyện (Hải Phòng), dài gần 391 km; chiều dài tuyến nhánh 27,9 km, đi qua 9 tỉnh, thành phố gồm Lào Cai, Yên Bái, Phú Thọ, Vĩnh Phúc, Hà Nội, Bắc Ninh, Hưng Yên, Hải Dương và Hải Phòng. Tuyến đường sắt được đầu tư mới đường đơn, khổ 1.435 m, vận chuyển chung hành khách, hàng hóa; tốc độ thiết kế 160 km/h với tuyến chính từ ga Lào Cai mới đến ga Nam Hải Phòng; 120 km/h với đoạn qua khu vực đầu mối TP. Hà Nội; tốc độ 80 km/h với các đoạn tuyến còn lại.

10.7.3. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Tổ chức phát hành so với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, xu thế chung trên thế giới

Hiện VIMID đang tập trung vào thế mạnh chính là nhập khẩu và phân phối các dòng xe hạng trung, hạng nặng. Các sản phẩm của VIMID cung cấp rất đa dạng từ xe tải thùng, xe ben, xe trộn bê tông, đầu kéo, sơmi rơ-mooc đến các loại xe chuyên dụng … đáp ứng đầy đủ nhu cầu vận chuyển hàng hóa, phục vụ công trình, xây dựng, hạ tầng.

Trong bối cảnh nền kinh tế Việt Nam đang trong quá trình xây dựng và phát triển, Chính phủ Việt Nam xem việc đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng và tăng trưởng xuất khẩu là một trong những nhiệm vụ trọng tâm, được dành cho nhiều ưu đãi.

Việt Nam là một trong những nền kinh tế có tốc độ tăng trưởng cao và ổn định trong khu vực và trên thế giới. Đời sống nhân dân ngày càng được nâng cao và cải thiện, kéo theo nhu cầu lưu thông hàng hóa, chuyên chở nguyên, nhiên vật liệu ngày càng tăng. Việt Nam đã và đang trở thành điểm đến của các tập đoàn lớn trên thế giới đầu tư trực tiếp vào Việt Nam, biến Việt Nam trở thành một trong những địa điểm cung ứng hàng hóa quan trọng cho chuỗi cung ứng quốc tế.

Những cơ sở chính yếu trên sẽ là nền tảng vững chắc cho mọi hoạt động logistics của Việt Nam phát triển ổn định, tăng trưởng bền vững. Chiến lược phát triển của VIMID là hoàn toàn phù hợp với xu hướng trên và có cơ hội phát triển mạnh mẽ, bền vững trong những năm tới.

Ngoài ra, song song với việc phát triển kinh tế thì bảo vệ môi trường cũng là vấn đề quan tâm hàng đầu của nhà nước Việt Nam và là xu hướng chung trên toàn thế giới. Các dòng xe do VIMID cung cấp đều là các sản phẩm đạt tiêu chuẩn Euro 5, thiết kế tiết kiệm nhiên liệu, thân thiện với môi trường. Cùng với đó VIMID có hệ thống các chi nhánh đảm bảo việc bảo dưỡng, sửa chữa và thay thế phụ tùng chính hãng trải đều trên toàn quốc sẵn sàng đáp ứng nhu cầu khách hàng, đảm bảo duy trì cho các phương tiện của khách hàng vận hành ổn định, hiệu quả và phát thải ở mức thấp.

Trên cơ sở đánh giá đầy đủ năng lực, điều kiện của Công ty, đặc điểm tình hình có liên quan đến lĩnh vực hoạt động, mục tiêu và định hướng phát triển của Công ty là phù hợp với định hướng của ngành du lịch, chính sách của Chính phủ.

10.8. Hoạt động Marketing

a. Hoạt động Truyền thông – Marketing

Các hoạt động Truyền thông - Marketing của VIMID được tiến hành thường xuyên và chú trọng dưới nhiều hình thức.

✓ ***Về hoạt động Truyền thông:***

- Hoàn thiện hệ thống nhận diện thương hiệu VIMID theo hướng ngày càng chuyên nghiệp hóa và giám sát liên tục tính tuân thủ trong việc xây dựng hình ảnh thương hiệu cả trong nội bộ và bên ngoài VIMID. Cụ thể, VIMID đã đăng ký nhãn hiệu/logo công ty với Cục Sở hữu Trí Tuệ - Bộ Khoa học và Công Nghệ và được cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu từ năm 2016 với thời hạn 10 năm (có thể gia hạn);
- Xây dựng nội dung nhiều bài viết, tư liệu hình ảnh, video hữu ích cho cộng đồng khách hàng để truyền thông trên các kênh online như Website, Youtube, Zalo, Facebook, Tiktok…;
- Xây dựng đầy đủ các bộ tài liệu truyền thông hỗ trợ phòng kinh doanh truyền thông, bán hàng;

- Tổ chức các kế hoạch, chiến dịch truyền thông nội bộ nhằm nâng cao nhận thức của CBNV về văn hoá doanh nghiệp;
- Hoạt động trách nhiệm xã hội, cộng đồng: Ý thức được trách nhiệm của mình đối với cộng đồng, bên cạnh các hoạt động sản xuất kinh doanh, VIMID luôn dành thời gian và ngân sách đáng kể và thường xuyên cho các hoạt động từ thiện và hoạt động xã hội, như: Ủng hộ đồng bào gặp thiên tai, lũ lụt; Tài trợ học bổng cho các sinh viên hoàn cảnh khó khăn có thành tích học tập tốt; Ủng hộ các quỹ hỗ trợ phòng chống dịch bệnh, mua vaccine Covid-19…

✓ ***Về hoạt động Marketing:***

- Thu thập thông tin, đánh giá về thị trường vĩ mô, thị trường ngành, về các đối thủ cạnh tranh (các chính sách giá, chính sách khuyến mại, chính sách xúc tiến và thúc đẩy bán hàng,…);
- Liên tục nghiên cứu, phát triển sản phẩm đem lại những sản phẩm - dịch vụ có công năng phù hợp nhất với nhu cầu sử dụng, thị hiếu đặc thù của khách hàng, tạo sự khác biệt và lợi thế cạnh tranh trên thị trường;
- Tham gia các hội chợ về ô tô và hội chợ thương mại để giới thiệu sản phẩm – dịch vụ;
- Thiết kế và in các ấn phẩm, catalogue về sản phẩm – dịch vụ;
- Tổ chức các hoạt động giới thiệu dự án và sản phẩm – dịch vụ mới;
- Nắm bắt các phản hồi từ các Chi nhánh, khách hàng để có ý kiến phản hồi tới ban lãnh đạo (về chất lượng sản phẩm, mẫu mã, các chính sách bán hàng…);
- Phối hợp với Nhà cung cấp Sinotruk tổ chức các buổi roadshow giới thiệu sản phẩm mới trên phạm vi toàn quốc bao gồm cả chiến dịch trải nghiệm sản phẩm mới cho khách hàng;
- Ngoài ra, VIMID còn tổ chức các chương trình khuyến mãi trong năm như: Hỗ trợ thuế trước bạ, hỗ trợ bảo dưỡng, chiết khấu phụ tùng, các chương trình rút thăm may mắn …. Công ty cũng có chính sách ưu đãi về giá, chế độ chăm sóc, bảo hành … cho khách hàng dự án, khách hàng trung thành;
- Các hoạt động Truyền thông - Marketing đã mang đến hiệu quả tích cực, giúp thương hiệu VIMID ngày càng lớn mạnh, uy tín, đi sâu vào tâm thức khách hàng, góp phần không nhỏ trong việc phát triển doanh thu đều đặn qua các năm, tạo vị thế vững chắc dẫn đầu về thị phần trong phân khúc xe tải hạng trung và hạng nặng mới 100% tại Việt Nam cho doanh nghiệp.

b. Hoạt động chăm sóc khách hàng

- Công ty thành lập bộ phận chăm sóc khách hàng để tiếp nhận phản ánh, xử lý kịp thời các khiếu nại của khách hàng, thông qua các báo cáo hàng tháng để có thể kịp thời khắc phục các khuyết điểm, cải tiến sản phẩm và dịch vụ nhằm mục đích phục vụ khách hàng ngày một tốt hơn;
- Tổ chức chiến dịch tri ân khách hàng, tư vấn, miễn phí tiền công, hỗ trợ giá, tặng phụ tùng…;

- Tổ chức thường xuyên các chương trình thăm khám miễn phí tận chân công trình trên phạm vi cả nước;
- Tổ chức dịch vụ sửa chữa, cứu hộ lưu động 24/7;
- Quà tặng khách hàng nhân các dịp kỷ niệm.

10.9. Quyền sở hữu trí tuệ, nhãn hiệu, tên thương mại, sáng chế

Năm 2016, VIMID đã đăng ký thành công nhãn hiệu thương mại của Công ty với Cục sở hữu trí tuệ - Bộ Khoa học và Công nghệ (theo Quyết định số 12143/QĐ-SHTT, ngày 02/03/2016). Với mẫu nhãn hiệu chính sau:

Màu sắc nhãn hiệu: Xanh dương, xanh cốm, trắng

Loại nhãn hiệu: thông thường

Nội dung: Nhãn hiệu điệu bảo hộ tổng thể. Không bảo hộ riêng hình bản đồ Việt Nam, hình địa cầu

10.10. Chính sách nghiên cứu và phát triển

Trong quá trình thực hiện hoạt động kinh doanh, VVS luôn chú trọng vào việc nghiên cứu và phát triển các sản phẩm phù hợp với nhu cầu và xu hướng phát triển của thị trường. Công ty không ngừng cải tiến và nâng cao chất lượng sản phẩm để đáp ứng tốt nhất các yêu cầu khắt khe về hiệu suất, an toàn và độ bền, phù hợp với từng đối tượng khách hàng. Sản phẩm của VIMID luôn hướng tới việc tối ưu hóa giá trị sử dụng, giúp khách hàng tiết kiệm chi phí vận hành và đạt được hiệu quả kinh tế cao.

Để thực hiện công tác nghiên cứu phát triển sản phẩm hiệu quả, sát với nhu cầu khách hàng, thị trường. VIMID luôn phối hợp với phòng nghiên cứu phát triển của Tập đoàn Sinotruk tổ chức thường xuyên các hoạt động điều nghiên thị trường, đánh giá thực tế nhu cầu, trải nghiệm của các khách hàng trên khắp Việt Nam, cũng như đánh giá về tính năng, hiệu suất của sản phẩm khi đưa vào vận hành. Ngoài ra, VIMID còn tập trung nghiên cứu các xu hướng về quy định pháp luật, xu hướng công nghệ, và các xu hướng phát triển của thị trường để phát triển các sản phẩm ưu việt, có lợi thế cạnh tranh tốt hơn.

Trong năm 2025, VIMID đã tập trung đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu và phát triển sản phẩm (R&D) theo định hướng hoàn thiện toàn diện danh mục sản phẩm, nâng cao năng lực cạnh tranh và đáp ứng đa dạng nhu cầu của thị trường. Công ty đã triển khai và hoàn thiện đầy đủ dải sản phẩm xe đầu kéo mang thương hiệu Sinotruk với các dòng chủ lực như HOWO T7H, TH7, NX, đồng thời ra mắt dòng sản phẩm mới TS7, cùng với việc nâng cấp, cải tiến các trang bị và tùy chọn nhằm tối ưu hiệu quả vận hành và trải nghiệm người dùng. Đối với phân khúc xe ben và xe

trộn bê tông, VIMID đã hoàn thiện dải sản phẩm V7X với lợi thế cạnh tranh rõ nét về thiết kế ngoại quan, nội thất hiện đại và cấu hình đa dạng. Các sản phẩm được trang bị các tổ hợp truyền động cao cấp như cầu MCP, MCX, kết hợp động cơ công nghệ MAN (MC07H, MC11), giúp nâng cao hiệu suất vận hành, độ bền và khả năng tiết kiệm nhiên liệu. Đặc biệt, dòng sản phẩm xe tải thùng của Công ty đã được phát triển đầy đủ ở các phân khúc trung và nặng trên các nền tảng NX, MAX và TH7. Các sản phẩm này đã nhận được phản hồi tích cực từ thị trường, góp phần thúc đẩy tăng trưởng doanh số mạnh mẽ trong năm 2025.

Ngoài các thế mạnh về xe tải hạng trung, hạng nặng, Công ty đặc biệt chú trọng vào việc phát triển các sản phẩm xe tải hạng nhẹ và các sản phẩm xe tải xanh, thân thiện với môi trường, nhằm đáp ứng đa dạng các yêu cầu của khách hàng, đồng thời góp phần bảo vệ môi trường và phát triển bền vững. Trong lĩnh vực phương tiện năng lượng mới, VIMID đã tiên phong nghiên cứu, phát triển và đưa ra thị trường sản phẩm xe đầu kéo điện đầu tiên của Sinotruk tại Việt Nam. Xe đầu kéo điện SITRAK G7X EV do VIMID và Sinotruk nghiên cứu phát triển, là sản phẩm cao cấp nhắm đến các khách hàng có nhu cầu vận tải quãng ngắn, ưu tiên sự đầu tư bền vững tương lai.



Xe đầu kéo điện **Sitrak G7X EV** là giải pháp vận tải xanh hiện đại, mạnh mẽ; được thiết kế để tối ưu hiệu suất vận hành và thời gian khai thác, các thông số chi tiết về pin và vận hành của dòng xe này như sau:

- **Dung lượng pin:** 342 kWh, được bố trí hai bên thân xe.

- **Pin:** sử dụng pin của CATL – nhà cung cấp pin lithium số 1 thế giới; công nghệ pin cao cấp được ứng dụng phổ biến trên các hãng xe như Tesla, Huyndai, BMW...
- **Thời gian sạc:** Nhanh chóng, chỉ khoảng 1,5 giờ.
- **Chuẩn sạc:** Sử dụng chuẩn sạc châu Âu CCS2, tương thích với sạc nhanh DC 2 súng; là loại chuẩn sạc phổ biến nhất ở Việt Nam, tương thích với gần như mọi trụ sạc, sạc nhanh 2 súng giảm thời gian chờ đợi, tăng hiệu suất khai thác phương tiện.
- **Động cơ:** Công nghệ MAN MC11H, mô-men xoắn cao 2500Nm, công suất điện 550kW.
- **Phạm vi di chuyển** (hỗn hợp có tải/không tải): 220 km
- **Hệ thống an toàn:** Trang bị ASR/ESC, để thực hiện điều khiển đồng bộ hệ thống ổn định thân xe và hệ thống chống trượt quay. Hệ thống phanh ABS.

VIMID sẽ tiếp tục hợp tác chặt chẽ với Sinotruk để phát triển và giới thiệu thêm các dòng xe tải điện có dung lượng pin lớn hơn, cấu hình đa dụng hơn, đáp ứng nhu cầu vận tải đa dạng. Đây được xác định là một trong những trọng tâm chiến lược nhằm đón đầu xu hướng chuyển đổi năng lượng trong ngành vận tải tại Việt Nam trong giai đoạn tới, thể hiện cam kết của Công ty trong việc đồng hành cùng xu hướng chuyển đổi xanh và phát triển bền vững của ngành vận tải. Bên cạnh đó, Công ty dự kiến đưa vào thị trường các dòng xe tải nhẹ Sinotruk thuộc phân khúc tổng tải trên 10 tấn với cấu hình phù hợp điều kiện vận hành tại Việt Nam, hướng tới gia tăng khả năng cạnh tranh trong phân khúc này.

Trong năm 2026, VIMID tiếp tục định hướng nâng cao năng lực R&D thông qua việc hoàn thiện và nâng cấp dải sản phẩm hiện có, tập trung cải tiến hiệu suất vận hành, tối ưu tiêu hao nhiên liệu và gia tăng giá trị sử dụng cho khách hàng. Công ty sẽ đẩy mạnh phát triển các dòng sản phẩm sát xi (chassis) phục vụ xe chuyên dùng, đồng thời nâng cấp các công nghệ an toàn trên phần lớn các dòng xe như hệ thống camera 360 độ, phanh ABS và cải tiến kết cấu khung gầm theo tiêu chuẩn tiên tiến. VIMID sẽ tiếp tục đổi mới và sáng tạo để không chỉ đáp ứng nhu cầu hiện tại mà còn tạo ra những sản phẩm đột phá trong tương lai.

10.11. Chiến lược kinh doanh

10.11.1. Tổng quan về các chiến lược

Công ty sẽ tập trung vào các thế mạnh sẵn có về sản phẩm, đó là các dòng xe mà Công ty đang bán chạy bao gồm xe đầu kéo, xe ben, xe tải hạng trung, hạng nặng, xe chuyên dụng phục vụ dự án. VIMID sẽ liên tục Nghiên cứu và Phát triển (R&D) để phát triển về chủng loại sản phẩm hàng hóa, mở rộng về thị trường để đáp ứng ngày một hoàn thiện hơn nhu cầu của khách hàng:

- Đa dạng hóa và củng cố thế mạnh về sản phẩm cho phân khúc sản phẩm chủ lực là các sản phẩm xe tải hạng trung, hạng nặng đáp ứng nhu cầu vận chuyển hàng hóa khối lượng lớn, khai thác nguyên nhiên vật liệu, phục vụ công trình giao thông, cơ sở hạ tầng.

- Hợp tác mạnh mẽ với các đối tác cung ứng sản phẩm bán kèm, đáp ứng đầy đủ nhu cầu khách hàng đối với xe sơ mi rơ mooc, các sản phẩm dịch vụ giá trị gia tăng như: Ngân hàng, tài chính, bảo hiểm, thiết bị giám sát, định vị ...
- Khảo sát nghiên cứu về hoạt động sản xuất và lắp ráp xe trong nước để triển khai trong tương lai gần nhằm hạ giá thành, tăng cường sức mạnh cạnh tranh. Đặc biệt là đi tiên phong nghiên cứu các xu hướng phát triển các sản phẩm xe tải điện, công nghệ mới phù hợp với đặc thù thị trường Việt Nam.
- Tiếp tục phát triển mạng lưới chi nhánh/trạm dịch vụ đảm bảo cự ly 100 km/trạm để phục vụ khách hàng kịp thời, nhanh chóng và thuận tiện nhất cho khách hàng.
- Triển khai mạnh mẽ hệ thống ứng dụng, nền tảng thương mại điện tử để nâng cao hiệu quả bán hàng, khai thác triệt để hơn nhu cầu thị trường, xây dựng cộng đồng khách hàng sử dụng xe VIMID làm nền tảng cho việc xây dựng và phát triển hệ sinh thái hướng tới mục tiêu mang lại cho khách hàng Giải pháp vận tải toàn diện nhất.

10.11.2. Thời gian dự kiến thực hiện

Dự kiến từ năm 2025 định hướng đến năm năm 2030

10.11.3. Nguồn vốn dự kiến

Nguồn vốn dự kiến cho các hoạt động này đến từ dòng tiền từ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Đồng thời, Công ty cũng dự kiến sẽ huy động vốn để thực hiện chiến lược kinh doanh từ các nguồn vốn và nguồn lực sau:

- Từ vốn chủ sở hữu của Công ty: Công ty sẽ có kế hoạch phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ khi có nhu cầu về vốn;
- Công ty huy động vốn vay từ các Tổ chức tín dụng; và/hoặc
- Phát hành trái phiếu huy động vốn từ các Nhà đầu tư, tuỳ vào tình hình thị trường.

10.11.4. Nguồn lực dự kiến

❖ Nguồn lực nhân sự

VIMID sở hữu đội ngũ nhân sự có nhiều kinh nghiệm, am hiểu sâu sắc thị trường xe thương mại tại Việt Nam, đặc biệt là phân khúc xe tải hạng trung và hạng nặng. Đội ngũ quản trị không chỉ có năng lực điều hành hệ thống phân phối quy mô lớn mà còn nhạy bén trong việc đàm phán quốc tế để duy trì chuỗi cung ứng ổn định từ đối tác Sinotruk.

Bên cạnh đó, lực lượng kỹ thuật viên lành nghề tại các trạm dịch vụ đã được chuẩn hóa về quy trình sửa chữa, bảo trì, sẵn sàng đáp ứng nhu cầu khắt khe của khách hàng trên toàn quốc.

Sự chuẩn bị về nhân sự còn được thể hiện qua nhóm chuyên gia dự án đang trực tiếp triển khai nhà máy lắp ráp VMASS, tạo nền tảng vững chắc để chuyển mình từ thương mại thuần túy sang sản xuất trong tương lai gần.

❖ Nguồn lực Công nghệ & Hệ thống

Hệ thống quản trị nguồn lực doanh nghiệp (ERP) hiện đại giúp VIMID kiểm soát đồng bộ dữ liệu về tồn kho, dòng tiền và lịch trình bảo dưỡng tại tất cả các chi nhánh, đảm bảo tính nhất quán trong chất lượng dịch vụ.

Đặc biệt, việc triển khai ứng dụng nền tảng cộng đồng khách hàng không chỉ nâng cao hiệu quả bán hàng mà còn là công cụ để khai thác dữ liệu từ đó nắm bắt được đúng nhu cầu của nhóm khách hàng trọng tâm của VIMID.

❖ Thế mạnh cốt lõi

Thế mạnh của VIMID nằm ở hệ thống mạng lưới chi nhánh và trạm dịch vụ phủ rộng trên toàn quốc theo các trục trung tâm logistics, tạo ra rào cản cạnh tranh lớn và sự an tâm cho khách hàng. Đi cùng với hạ tầng vật lý là mạng lưới đối tác chiến lược trong các lĩnh vực tài chính, ngân hàng và bảo hiểm, cho phép Công ty cung cấp các gói giải pháp mua xe trả góp và bảo vệ rủi ro tốt cho khách hàng.

Hơn thế nữa, việc sở hữu quỹ đất và dự án nhà máy tại khu kinh tế trọng điểm Hải Phòng cùng vị thế tiên phong nghiên cứu dòng xe tải điện đang tạo ra lợi thế cạnh tranh vượt trội. Những nền tảng này giúp VIMID không chỉ củng cố vị thế ở phân khúc sản phẩm chủ lực mà còn sẵn sàng dẫn dắt xu hướng chuyển đổi xanh trong ngành vận tải tại Việt Nam.

10.12. Về việc hoạt động trong lĩnh vực ngành nghề kinh doanh có điều kiện:

VVS không hoạt động trong lĩnh vực ngành nghề kinh doanh có điều kiện.

11. Chính sách đối với người lao động

11.1. Số lượng người lao động tính đến thời điểm hiện tại, số lượng người lao động bình quân trong năm 2024 và năm 2025

Tổng số lao động của toàn Công ty đến thời điểm 31/12/2024 là 310 người, tại thời điểm 31/12/2025 là 349 người và 31/03/2026 là 396 người với cơ cấu như sau:

Bảng 17: Cơ cấu lao động trong Công ty

STT	Phân loại	31/12/2024		31/12/2025		31/03/2026	
		Số lượng *(Người)*	Tỷ lệ *(%)*	Số lượng *(Người)*	Tỷ lệ *(%)*	Số lượng *(Người)*	Tỷ lệ *(%)*
I	**Theo trình độ chuyên môn**	**310**	**100%**	**349**	**100%**	**396**	**100%**
1	Đại học, trên Đại học	157	50,6%	141	40,4%	6	1,52%
2	Kỹ sư, cử nhân	12	3,9%	56	16,1%	205	51,77%
3	Cao đẳng	55	17,7%	50	14,3%	74	18,69%
4	Sơ cấp, trung cấp	63	20,3%	30	8,6%	23	5,81%
5	Lao động khác	23	7,4%	72	20,6%	88	22,22%
II	**Theo hợp đồng lao động**	**310**	**100%**	**349**	**100%**	**396**	**100%**
1	Lao động không thuộc diện ký HĐLĐ	16	5,2%	9	2,6%	25	6,31%
2	Lao động làm việc theo HĐLĐ không xác định thời hạn	96	31,0%	120	34,4%	150	37,88%
3	Lao động làm việc theo HĐLĐ từ đủ 12 tháng đến dưới 36 tháng	153	49,4%	220	63,0%	221	55,81%
4	Lao động làm việc thời hạn dưới 12 tháng	45	14,5%	0	0%	0	0%

Nguồn: VIMID

Công ty có đội ngũ cán bộ quản lý nhiều kinh nghiệm, đã trưởng thành qua nhiều năm hoạt động trong lĩnh vực xuất nhập khẩu và phân phối xe. Có đội ngũ nhân viên rất nhiệt huyết và nhiều kinh nghiệm, được đào tạo và trang bị những kiến thức, kỹ năng tối ưu để đáp ứng với thị hiếu, nhu cầu của khách hàng và thị trường cạnh tranh khốc liệt hiện nay.

11.2. Chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp

a. Chế độ làm việc:

Công ty có những quy định đảm bảo quyền lợi cho người lao động theo quy định của Nhà nước và đãi ngộ thỏa đáng cho người lao động với thời gian làm việc 8h/ngày và 24 ngày làm

việc/tháng. Người lao động được nghỉ cuối tuần Chiều Thứ 7 và ngày Chủ nhật để nghỉ ngơi tái tạo sức lao động.

Điều kiện làm việc: văn phòng làm việc khang trang, thoáng mát. Đối với lực lượng lao động trực tiếp thì công ty trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động, vệ sinh lao động, các nguyên tắc an toàn lao động được tuân thủ nghiêm ngặt.

b. Chính sách tuyển dụng, đào tạo:

Ban Giám đốc Công ty nhận thức được tầm quan trọng của nguồn nhân lực đối với sự tồn tại và phát triển của Công ty. Chính vì thế, Công ty luôn chú trọng đến công tác tuyển dụng, đào tạo và tái đào tạo nhân lực, đồng thời có chính sách ưu đãi đối với CBCNV chủ chốt để đảm bảo và ngày càng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực Công ty. Cụ thể như sau:

- Mục tiêu tuyển dụng của Công ty là thu hút người lao động có năng lực vào làm việc cho Công ty, đáp ứng nhu cầu mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh. Tùy theo từng vị trí cụ thể mà Công ty đề ra những tiêu chuẩn bắt buộc riêng, song tất cả các chức danh đều phải đáp ứng các yêu cầu cơ bản như: có trình độ chuyên môn cơ bản, có ý thức phát triển nghề nghiệp và có tính kỷ luật cao.
- Công ty có chính sách lương, thưởng đặc biệt đối với các nhân viên giỏi và nhiều kinh nghiệm trong các lĩnh vực liên quan, một mặt để giữ chân nhân viên lâu dài, mặt khác để thu hút nhân lực giỏi từ nhiều nguồn khác nhau về làm việc cho Công ty.

c. Chính sách lương thưởng, phúc lợi

- Chính sách lương: Công ty xây dựng chính sách lương theo cơ sở thang bảng lương dựa trên quy định chung của Nhà nước và tham khảo các đơn vị cùng ngành, hệ suất năng suất của từng cá nhân và dựa trên tình hình kinh doanh của Công ty.
- Chính sách thưởng: Nhằm khuyến khích động viên sự gia tăng hiệu quả đóng góp, ngoài các quyền lợi được quy định bởi Luật Lao động, cán bộ công nhân viên chủ chốt trong Công ty còn được hưởng một số quyền lợi khác như được ưu tiên mua cổ phiếu của Công ty. Mức độ ưu đãi tùy thuộc vào mức độ đóng góp của bản thân người lao động cho Công ty và do Đại hội Cổ đông quy định.
- Bảo hiểm và phúc lợi: Việc trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế được Công ty trích nộp đúng theo quy định của pháp luật.

d. Tổ chức đoàn thể

- Công ty rất quan tâm và có các chính sách khuyến khích các hoạt động đoàn thể, chú trọng đến quyền lợi, đời sống tinh thần của toàn thể nhân viên.
- Tất cả CBCNV của Công ty đều được ký kết hợp đồng lao động, được đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và bảo hiểm tai nạn theo quy định.

- Tùy thuộc vào kết quả kinh doanh, Công ty xây dựng chính sách thưởng định kỳ hàng năm và chính sách thưởng nóng, thưởng theo kết quả kinh doanh và mức độ cống hiến cho CBCNV vào các dịp lễ, tết.
- Ngoài ra, hàng năm Công ty luôn có các chương trình giúp đỡ những CBCNV gặp hoàn cảnh khó khăn và chương trình hỗ trợ cho nhân viên có thu nhập thấy hoặc tạm ứng lương để giải quyết khó khăn.

11.3. Quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động

Công ty không có quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động áp dụng chung cho toàn bộ quá trình hoạt động. Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị quyết định và ban hành quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động cho từng đợt phát hành đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật hiện hành tại thời điểm triển khai.

12. Chính sách cổ tức

Hội đồng quản trị có trách nhiệm xây dựng phương án phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ để trình Đại hội đồng cổ đông. Sau khi Công ty đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật, thì phần lợi nhuận còn lại sẽ được Công ty giữ lại để tái đầu tư, trích lập các quỹ và chi trả cổ tức cho cổ đông. Công ty cũng xét tới kế hoạch và định hướng, chiến lược đầu tư mở rộng hoạt động kinh doanh trong năm tới để đưa ra mức cổ tức hợp lý.

Mức cổ tức hằng năm của Công ty được chi trả đến cổ đông với tỷ lệ, hình thức, thời gian theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty. Các chính sách liên quan đến việc trả cổ tức của Công ty:

- Tùy thuộc vào điều kiện thực tế hàng năm phát triển sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, cổ tức có thể được chi trả bằng tiền hoặc bằng chứng khoán của Công ty.
- Hội đồng quản trị có thể quyết định thanh toán cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty.
- Ngay sau khi trả hết số cổ tức, công ty vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.
- Công ty không trả lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu

Tình hình chi trả cổ tức của Công ty trong 02 năm gần đây:

- Trong năm 2024, Đại hội đồng cổ đông thông qua việc không trả cổ tức năm 2023. Việc không chia lợi nhuận để lại thể hiện sự cam kết của các cổ đông cũ trong việc tiếp tục đầu tư cho công ty phát triển; không chi trả cổ tức nhằm bổ sung vốn lưu động nhằm đáp ứng đủ nguồn vốn cho kế hoạch tăng trưởng kinh doanh.

- Trong năm 2025, Đại hội đồng cổ đông thông qua mức cổ tức năm 2024 là 10%, hình thức chi trả bằng tiền, theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/2025/NQ-ĐHCĐTN-VIMID ngày 19 tháng 04 năm 2025. Công ty đã hoàn thành việc chi trả cổ tức bằng tiền tỷ lệ 10% theo thông báo số 48/2025/TB-VIMID ngày 30/07/2025, với ngày thực hiện thanh toán là 28/08/2025.
- Trong năm 2026, Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua việc không chi trả cổ tức theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/2026/NQ-ĐHĐCĐTN-VIMID ngày 20 tháng 04 năm 2026 về phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2025.

13. Thông tin về tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán gần nhất

Công ty không có đợt chào bán cổ phiếu nào trong 02 năm tính đến thời điểm đăng ký chào bán.

14. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Tổ chức phát hành

Không có

15. Các thông tin, nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, tranh chấp kiện tụng liên quan tới Tổ chức phát hành có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Tổ chức phát hành, đợt chào bán, giá cổ phiếu chào bán, dự án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán

Không có

16. Thông tin về cam kết của Tổ chức phát hành không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Máy Việt Nam cam kết không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH

1. Kết quả hoạt động kinh doanh

1.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh của Tổ chức phát hành trong 02 năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất

Bảng 18: Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh theo của VIMID (Công ty mẹ)

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2024 (BCTC Tổng hợp)	Năm 2025 (BCTC Riêng)	% tăng/ giảm so với năm 2024	Quý I/2026 (BCTC Riêng)
Tổng giá trị tài sản	2.315,626	5.115,932	120,93%	6.821,244

Doanh thu thuần	3.891,110	8.050,642	106,90%	2.750,551
Lợi nhuận thuần từ HĐKD	91,285	402,087	340,47%	208,348
Lợi nhuận khác	(2,924)	(0,629)	n/a	(0,186)
Lợi nhuận trước thuế	88,361	401,457	354,34%	208,161
Lợi nhuận sau thuế	68,436	321,141	369,26%	166,517
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức (%)	31,45%	-	n/a	-
Tỷ lệ cổ tức (%)	10%	-	n/a	-

Nguồn: BCTC tổng hợp năm 2024 đã kiểm toán, BCTC riêng năm 2025 đã kiểm toán và BCTC Quý I/2026 riêng của VIMID

Bảng 19: Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh của VIMID (Hợp nhất)

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2025 (BCTC Hợp nhất)	Quý I/2026 (BCTC Hợp nhất)
Tổng giá trị tài sản	5.116,011	6.821,385
Doanh thu thuần	8.050,642	2.750,551
Lợi nhuận thuần từ HĐKD	402,087	208,321
Lợi nhuận khác	(0,629)	(0,187)
Lợi nhuận trước thuế	401,457	208,134
Lợi nhuận sau thuế	321,140	166,484
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức (%)	-	-
Tỷ lệ cổ tức (%)	-	-

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2025 đã kiểm toán và BCTC Quý I/2026 hợp nhất của VIMID

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của VIMID trong năm 2025 ghi nhận sự tăng trưởng đột phá về cả quy mô và hiệu suất. Doanh thu thuần đạt 8.050,6 tỷ đồng, tăng 106,90% so với năm 2024. Trong khi đó, lợi nhuận sau thuế đạt 321,1 tỷ đồng, tăng mạnh 369,26%, cho thấy hiệu quả kinh doanh được cải thiện rõ rệt cả về quy mô lẫn chất lượng lợi nhuận. Đáng chú ý, lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh đạt 402,1 tỷ đồng, tăng hơn 4,4 lần (tương ứng mức tăng 340,47%), phản ánh sự bứt phá trong biên lợi nhuận và khả năng kiểm soát tốt chi phí vận hành.

Song song với đà tăng trưởng kết quả kinh doanh, nền tảng tài chính của Công ty cũng được mở rộng mạnh mẽ. Tổng tài sản tăng từ 2.315,6 tỷ đồng lên 5.116 tỷ đồng, tương ứng mức tăng 120,93%, cho thấy sự chuẩn bị quyết liệt về nguồn lực để đáp ứng nhu cầu thị trường. Vốn chủ sở hữu cũng ghi nhận mức tăng 84,99%, đạt 652 tỷ đồng, thể hiện năng lực tích lũy nội tại và sự gia tăng giá trị cho cổ đông. Việc sử dụng đòn bẩy tài chính ở mức hợp lý đã góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, đồng thời vẫn đảm bảo khả năng thanh toán và an toàn tài chính trong bối cảnh doanh nghiệp đang trong giai đoạn tăng trưởng nóng và mở rộng thị phần.

Trong Quý I/2026, VIMID tiếp tục duy trì đà tăng trưởng mạnh mẽ với doanh thu thuần đạt 2.750,6 tỷ đồng, đảm bảo đúng tiến độ kế hoạch năm và giữ vững thị phần. Đáng chú ý, hiệu quả vận hành được tối ưu hóa rõ rệt khi lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh đạt 208,3 tỷ đồng, tương đương 52% kết quả thực hiện của cả năm 2025. Lợi nhuận sau thuế đạt 166,5 tỷ đồng, vượt mức 50% lợi nhuận của cả năm trước chỉ sau một quý hoạt động.

Song song với hiệu quả kinh doanh, quy mô tài chính của Công ty cũng mở rộng đáng kể với tổng tài sản đạt 6.821,4 tỷ đồng, tăng 33% so với cuối năm 2025. Việc gia tăng nguồn lực tài sản đi kèm với khả năng kiểm soát tốt chi phí giúp cho biên lợi được cải thiện. Đây là nền tảng vững chắc để VIMID sẵn sàng đáp ứng các mục tiêu kinh doanh và nắm bắt các cơ hội thị trường trong giai đoạn tiếp theo của năm 2026.

1.2. Các chỉ tiêu khác:

Không có

1.3. Ý kiến của Tổ chức kiểm toán (nếu có)

1.4. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Tổ chức phát hành

1.2.1. Những nhân tố chính tác động đến tình hình hoạt động kinh doanh của Tổ chức phát hành trong năm 2024, năm 2025

Năm 2024

❖ **Thuận lợi**

- Trong năm 2024, Chính phủ Việt Nam đã có những chính sách thúc đẩy việc sản xuất, lắp ráp và kinh doanh đối với toàn ngành ô tô và phụ tùng nói chung, đặc biệt là những ưu đãi về việc giảm 50% lệ phí trước bạ hay miễn đăng kiểm lần đầu, kéo dài chu kỳ kiểm định nhiều loại xe đã giúp cho thị trường xe tại Việt Nam có những bước phát triển tốt hơn bao giờ hết.
- Vào ngày 29/08/2024, Chính phủ ban hành Nghị định số 109/2024/NĐ-CP có thời hạn đến hết ngày 30/11/2024, quy định về việc hạ 50% mức thu lệ phí trước bạ đối với ô tô, rơ moóc hoặc sơ mi sơ moóc được kéo bởi ô tô và các loại xe tương tự xe ô tô được sản xuất, lắp ráp trong nước đã giúp thị trường xe ô tô nói chung và thị trường ngành xe tải hạng trung – nặng nói riêng đón nhận nhiều tín hiệu khởi sắc, góp phần thúc đẩy tăng trưởng lợi nhuận quý III/2024 và Quý IV/2024 của nhiều doanh nghiệp ngành ô tô trong đó có VIMID.

- Cùng với đó, ảnh hưởng tích cực của Thông tư số 02/2023/TT-BGTVT ngày 21 tháng 03 năm 2023 quy định miễn kiểm định lần đầu cho xe cơ giới chưa qua sử dụng; điều chỉnh chu kỳ kiểm định tăng thêm 6 tháng đối với nhóm ô tô tải các loại, ô tô đầu kéo so với quy định chu kỳ kiểm định trước đây đã tạo tiền đề kích cầu từ phía người tiêu dùng và các doanh nghiệp kinh doanh, khiến cho đà phục hồi ngành xe ô tô trở nên vô cùng sôi động và rõ ràng, đặc biệt là trong Quý 3 năm 2024.
- Các dự án phát triển hạ tầng dần ấm lại trên toàn quốc, bắt đầu từ khu vực phía Bắc bao gồm Bắc Giang, Hà Nam, Ninh Bình… sau một năm 2023 đình trệ. Các dự án đầu tư công tích cực được giải ngân giúp cho các doanh nghiệp, nhà thầu hoạt động trong lĩnh vực xây dựng – xây lắp dần có nguồn lực tài chính để đầu tư vào đội xe phục vụ san lấp, vận chuyển, logistics, trộn bê tông… Đây là yếu tố lớn nhất ảnh hưởng tích cực tới hoạt động của VIMID trong năm 2024.

❖ **Khó khăn**

- Bước vào đầu năm 2024, các doanh nghiệp nói riêng và toàn nền kinh tế nói chung tiếp tục phải đối mặt với rất nhiều khó khăn, thách thức đến từ cả yếu tố trong và ngoài nước. Suy thoái toàn cầu nói chung và Việt Nam nói riêng, cùng với căng thẳng địa chính trị kéo dài, xu hướng toàn cầu hoá đảo ngược, các kịch bản xoay quanh cuộc bầu cử Tổng thống Mỹ cùng nhiều sự kiện kinh tế - chính trị khác đã khiến bức tranh kinh tế vốn đã phân hoá lại trở nên ngày càng phức tạp hơn. Với Việt Nam, nền kinh tế vẫn phải đối mặt với nhiều khó khăn như tiêu dùng bán lẻ phục hồi chậm hơn dự kiến khiến cho lĩnh vực logistics phát triển chậm lại, thị trường tiêu dùng hàng nhập khẩu gặp nhiều trở ngại do cặp tỷ giá USD-VND biến động khó lường.
- Lạm phát và tỷ giá tăng cao đẩy giá nhập khẩu, chi phí bán hàng và chi phí quản lý tăng, buộc Công ty có thời điểm phải tăng giá bán để bảo vệ biên lợi nhuận, dẫn đến căng thẳng khi đối phó với áp lực cạnh tranh khi các đối thủ cạnh tranh đưa ra các chính sách giảm giá để dành thị phần.
- Ảnh hưởng từ việc thị trường bất động sản đóng băng và chậm trễ trong giải ngân đầu tư công khiến cho nhiều nhà thầu không có khả năng tiếp tục dự án, dự án bị đình trệ kéo dài dẫn đến nhu cầu về sử dụng, thay mới các xe phục vụ cho việc xây dựng như xe tải, xe ben, xe trộn bê tông sụt giảm. Tuy nhiên các yếu tố này đã giảm bớt tính bất lợi vào nửa cuối năm 2024.

Năm 2025

❖ **Thuận lợi**

- Lũy kế giải ngân vốn đầu tư công cả năm 2025 theo báo cáo của Bộ Tài chính đạt 755.141,6 tỷ đồng, hoàn thành hơn 83,7% kế hoạch năm do Thủ tướng Chính phủ giao và ghi nhận mức tăng trưởng giá trị tuyệt đối 206.564,1 tỷ đồng, cao nhất trong các giai đoạn vừa qua. Giải ngân vốn đầu tư công tiếp tục đóng vai trò là một trong những động lực chính của nền kinh

tế, khi các dự án trọng điểm được tập trung đẩy nhanh tiến độ, tạo ra sức lan tỏa tới các ngành cơ khí, vận tải và logistics, điều này có ý nghĩa quan trọng đối với hoạt động kinh doanh của Công ty. Đến nay, cả nước đã hoàn thành và đưa vào khai thác các dự án thành phần trọng điểm, nâng tổng số đường bộ cao tốc lên mức 3.345 km, chính thức vượt mục tiêu 3.000 km đường cao tốc đề ra trong năm 2025. Trong giai đoạn sắp xếp lại đơn vị hành chính kể từ 01/07/2025, với sự chỉ đạo quyết liệt của Bộ Tài chính và các cấp ngành, việc thực hiện giải ngân đã không để xảy ra tình trạng đứt gãy, gián đoạn. Sự nỗ lực này đã góp phần trực tiếp vào mục tiêu tăng trưởng GDP năm 2025 vượt mức 8%. Theo đó, các nhóm công ty đầu tư công là khách hàng của VIMID có kết quả kinh doanh khởi sắc và tăng trưởng bền vững theo đà tăng tốc của hạ tầng quốc gia; đây là nền tảng vững chắc củng cố kết quả kinh doanh vượt kỳ vọng của VIMID trong năm 2025.

- Sự quyết liệt của Chính phủ trong việc đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công vào giai đoạn cuối năm 2025 đã tạo ra tác động lớn cho ngành xe tải nặng. Đặc biệt, cột mốc ngày 19/12/2025 với việc đồng loạt khởi công và khánh thành 234 công trình trọng điểm tại 34 tỉnh, thành phố với tổng vốn đầu tư lên tới 3,4 triệu tỷ đồng tập trung vào các dự án lớn. Các dự án tiêu biểu tạo sức cầu lớn kể đến: Khu đô thị thể thao Olympic Hà Nội, Trục đại lộ cảnh quan sông Hồng, hay các tuyến huyết mạch như Đường sắt Lào Cai – Hà Nội – Hải Phòng, đường Cao tốc Tân Phú – Bảo Lộc, dự án sản xuất thép tại Dung Quất… Theo đó, nhu cầu về phương tiện vận tải, thiết bị đầu kéo và xe chuyên dụng cũng tăng trưởng đột biến. Công ty đã tận dụng tối đa cơ hội này để cung ứng các dòng xe hiệu suất cao, phục vụ trực tiếp cho các công trường lớn trên khắp cả nước.
- Ngành Logistics Việt Nam năm 2025 chứng kiến sự dịch chuyển mạnh mẽ từ mô hình truyền thống sang hiện đại. Sự bùng nổ của thương mại điện tử (e-commerce) cùng với việc hệ thống cao tốc xuyên quốc gia được kết nối đồng bộ đã tạo nên sự thay đổi lớn lên hệ thống vận tải nội địa. Bên cạnh đó, làn sóng dịch chuyển chuỗi cung ứng toàn cầu đổ dồn về Việt Nam đã thúc đẩy nhu cầu vận tải hàng hóa từ các khu công nghiệp, cửa khẩu và cảng biển. Đây là điều kiện thuận lợi để Công ty tăng doanh số các dòng xe tải đường dài và xe đầu kéo container – những sản phẩm chủ lực của thương hiệu Sinotruk mà Công ty đang phân phối.
- Trước những biến động của thị trường, Ban Lãnh đạo Công ty đã thực thi xuất sắc chiến lược mở rộng danh mục sản phẩm, tạo nên lợi thế cạnh tranh đa tầng:
  + Tối ưu hóa nhu cầu: VIMID không ngừng cập nhật và đưa về các dòng sản phẩm mới, từ xe tải điện (NEV) đến các dòng xe chuyên dụng tùy chỉnh, đã giúp Công ty đáp ứng chính xác các yêu cầu khắt khe về kỹ thuật và tiêu chuẩn khí thải của khách hàng doanh nghiệp lớn.
  + Mở rộng thị phần: Sự đa dạng về phân khúc từ trung cấp đến cao cấp đã giúp Công ty tiếp cận thành công nhiều tệp khách hàng mới, từ các chủ thầu xây dựng hạ tầng đến các tập đoàn logistics lớn.

+ Vị thế dẫn đầu: Những bước đi chiến lược này không chỉ giúp gia tăng doanh số mà còn củng cố vị thế của Công ty như một đơn vị giải pháp vận tải toàn diện, tạo lập khoảng cách xa so với các đối thủ cùng ngành về cả uy tín thương hiệu lẫn năng lực cung ứng.

❖ **Khó khăn**

- Tính đến hết ngày 31/12/2025, tỷ giá trung tâm giữa đồng Việt Nam và đô la Mỹ do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố duy trì ở mức quanh ngưỡng 25.121 VND/USD, ghi nhận mức tăng nhẹ so với thời điểm đầu năm. Mặc dù chỉ số đồng USD có những giai đoạn điều chỉnh giảm trên thị trường quốc tế, nhưng VND vẫn chịu áp lực nhất định trước biến động của các dòng vốn ngoại và nhu cầu ngoại tệ cuối năm. Tỷ giá duy trì ở mức cao ảnh hưởng trực tiếp tới giá thành sản phẩm nhập khẩu của Công ty, đặt ra yêu cầu quản lý chi phí tài chính và chi phí hoạt động một cách chặt chẽ hơn. Điều này nhằm đảm bảo giá bán sản phẩm duy trì được sức cạnh tranh trên thị trường, đồng thời bảo đảm tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận của Công ty đạt được các mục tiêu kế hoạch đã đề ra cho cả năm 2025.
- Trong bối cảnh địa chính trị năm 2025, các cuộc xung đột tại những khu vực trọng điểm không còn dừng lại ở phạm vi cục bộ mà đã tạo ra hiệu ứng dây chuyền lên nền kinh tế toàn cầu, tác động trực tiếp đến chuỗi cung ứng của doanh nghiệp. Tình trạng này gây ra sự đứt gãy trong việc cung ứng các nguyên liệu thô chiến lược, đặc biệt là thép và linh kiện bán dẫn, từ đó tạo áp lực tăng giá thành sản xuất ngay tại nhà máy của các đối tác quốc tế. Khi chi phí sản xuất tại nguồn bị đẩy lên cao, giá nhập khẩu xe nguyên chiếc và linh kiện đầu vào của Công ty cũng buộc phải điều chỉnh tăng tương ứng nhằm đảm bảo duy trì hoạt động kinh doanh ổn định.
- Thị trường bất động sản năm 2025 vẫn chưa phục hồi hoàn toàn và có dấu hiệu chững lại về nguồn cung dự án mới. Theo đó, nhu cầu đầu tư mới, thay thế các dòng xe chuyên dụng như xe tải, xe ben và xe trộn bê tông sụt giảm đáng kể, tiềm ẩn rủi ro về nợ xấu và sự sụt giảm doanh thu từ phân khúc xây dựng.

1.2.2. Những biến động lớn có thể ảnh hưởng tới kết quả hoạt động kinh doanh của Tổ chức phát hành kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính gần nhất.

❖ **Thuận lợi**

Năm 2026, lĩnh vực xe tải hạng trung và hạng nặng tại Việt Nam hưởng lợi lớn từ hạ tầng giao thông đồng bộ (cao tốc, cảng biển), chuyển đổi số mạnh mẽ, và nhu cầu vận tải phục hồi. Ngành logistics dự báo tăng trưởng bình quân 14-16% giúp thị trường xe tải nặng bùng nổ nhờ nhu cầu vận chuyển hàng hóa xuất nhập khẩu. Theo đó, VIMID đặt kế hoạch kinh doanh năm 2026 với mức doanh thu 9.500 tỷ đồng và lợi nhuận trước thuế 460 tỷ đồng cũng trên cơ sở cân nhắc tới các yếu tố thuận lợi sau đây.

- **Chính sách và đầu tư công thuận lợi:**

+ Chiến lược phát triển giai đoạn mới: Chính phủ đẩy mạnh thực hiện Chiến lược phát triển dịch vụ logistics đến năm 2035, tầm nhìn 2050 (Quyết định 2229/QĐ-TTg), tạo hành lang pháp lý vững chắc và các kế hoạch hành động cụ thể để hiện đại hóa ngành.

Chiến lược phát triển dịch vụ logistics Việt Nam thời kỳ 2025-2035, tầm nhìn 2050

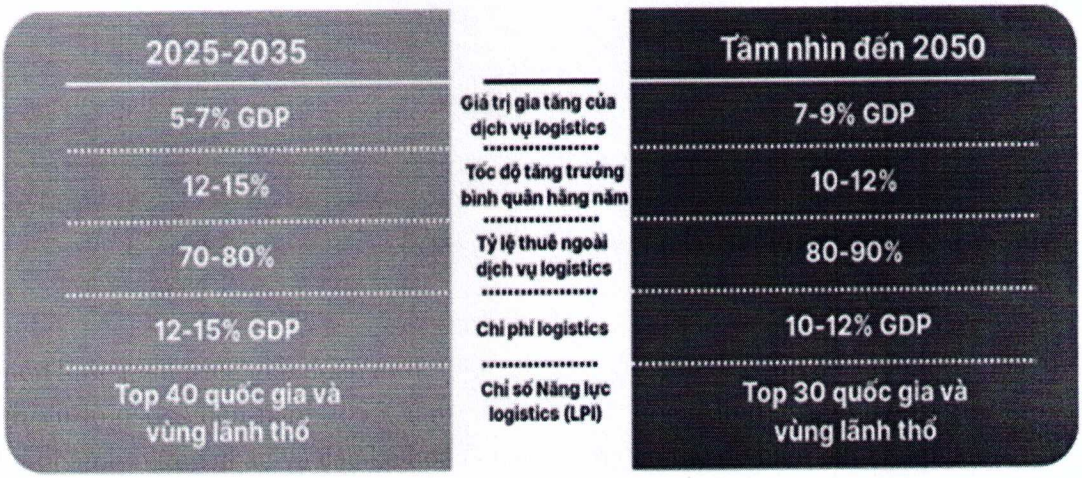

+ Kế hoạch đầu tư công năm 2026 ghi nhận mức cao kỷ lục, với tổng vốn ngân sách nhà nước được giao khoảng 995.348 tỷ đồng, tăng hơn 93.000 tỷ đồng so với năm 2025. Trọng tâm năm 2026 là đẩy nhanh giải ngân, thúc đẩy hạ tầng với hơn 110.000 tỷ đồng đã được giải ngân trong quý 1/2026. Giai đoạn 2026-2030, đề xuất tổng vốn là 8,22 triệu tỷ đồng.

+ Đầu tư hạ tầng từ Chính phủ: Chính phủ tập trung rót vốn vào các dự án hạ tầng lớn như Vành đai 3 TP.HCM, Vành đai 4, cao tốc Biên Hòa – Vũng Tàu, và các trung tâm logistics cấp 1 để giảm chi phí logistics. Sự đầu tư vào đường sắt chuyên dụng kết nối cảng biển và khu công nghiệp cũng cải thiện luồng vận chuyển. Chính phủ đang đẩy mạnh đầu tư hạ tầng nhằm hỗ trợ mục tiêu tăng trưởng GDP trên 10% trong giai đoạn 2026-2030. Trọng tâm là các dự án giao thông và logistics mang tính liên vùng, giúp cải thiện khả năng kết nối, giảm chi phí vận chuyển và nâng cao hiệu quả toàn chuỗi cung ứng, qua đó tạo nền tảng tăng trưởng bền vững cho Các dự án đầu tư công triển khai trên quy mô toàn quốc dự kiến đem lại nguồn doanh thu tiềm năng và khả quan cho VIMID ngay từ đầu năm 2026 trong bối cảnh các nhà thầu dự án phải gia tăng năng lực của các đội xe tải đổ, xe chuyên dụng, xe ô tô tải vận chuyển nguyên vật liệu… để đáp ứng tiến độ dự án. ngành logistics và cảng biển.

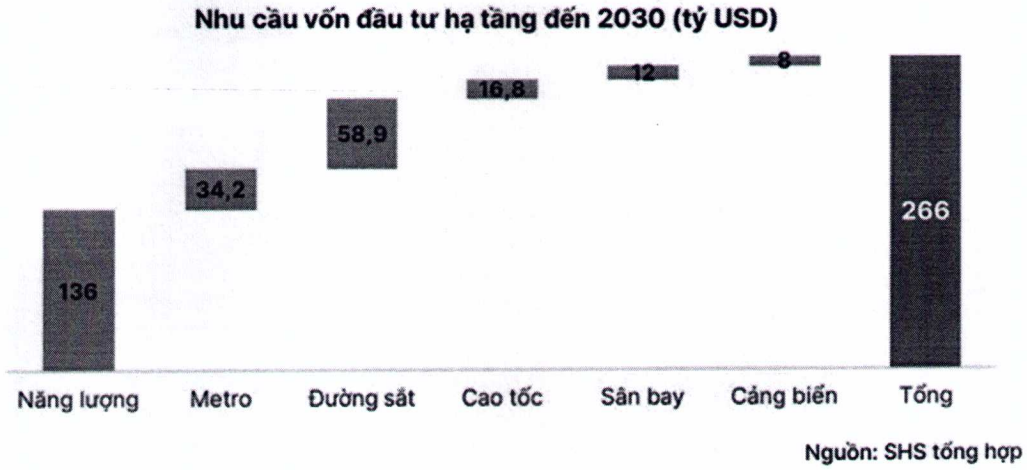

Nguồn: SHS tổng hợp

+ Cải cách thủ tục hải quan: Tiếp tục cắt giảm thủ tục hành chính, đẩy mạnh chuyển đổi số trong quản lý nhà nước về logistics, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp xuất nhập khẩu, trong đó có VIMID.

+ Siết chặt quy định kỹ thuật và khí thải: Từ năm 2026, các quy định quản lý hoạt động vận tải đường bộ được siết chặt đồng bộ nhằm đảm bảo an toàn. Đặc biệt, tiêu chuẩn khí thải cao hơn tại Hà Nội và TP.HCM buộc các chủ xe phải nâng cấp hoặc thay thế phương tiện. Đây là động lực lớn thúc đẩy doanh số bán hàng của VIMID khi các đơn vị vận tải phải đáp ứng các tiêu chuẩn về khí thải ngặt ngoèo hơn, do đó phải đổi mới và mua mới đội xe.

- **Sự bứt phá của hạ tầng và công nghệ logistics:**

+ Hạ tầng hàng không và cảng biển: Hai nhà ga hàng hóa mới tại sân bay Long Thành đi vào hoạt động (dự kiến công suất 550.000 tấn/nhà máy/năm) sẽ biến Việt Nam thành trung tâm logistics hàng không của khu vực.

+ Chuyển đổi số và AI: Năm 2026 đánh dấu xu hướng logistics thông minh, tự động hóa (Autonomous Logistics) và ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong quản lý kho hàng, tối ưu hóa chuỗi cung ứng, tạo nền tảng cho logistics thông minh và logistics xanh.

+ Logistics xanh (Green Logistics): Năm 2026 đánh dấu bước ngoặt then chốt trong chuyển đổi xanh của ngành logistics Việt Nam, khi các chính sách quốc tế và nội địa buộc doanh nghiệp phải giảm phát thải carbon, tối ưu hóa vận tải để duy trì cạnh tranh xuất khẩu và hiệu quả hoạt động. Doanh nghiệp dần có phương án chuyển đổi sang các nguồn năng lượng sạch, thân thiện môi trường, đáp ứng tiêu chuẩn quốc tế và nâng cao năng lực cạnh tranh. Đây là cơ hội cho VIMID, là doanh nghiệp đã tiên phong trong việc đưa các sản phẩm xe tải năng lượng mới vào Việt Nam.

- **Động lực kinh tế và thương mại:**

+ Tăng trưởng GDP và xuất khẩu: Dựa trên nền tảng vững chắc của năm 2025 (GDP tăng trưởng cao, thặng dư thương mại lớn), năm 2026 tiếp tục duy trì đà tăng trưởng xuất khẩu, tạo nhu cầu lớn cho vận tải và kho vận. Mục tiêu tăng trưởng xuất khẩu 15-16% trong năm 2026 thúc đẩy nhu cầu xe đầu kéo vận tải container và xe tải hạng trung - nặng.

+ Thu hút FDI: Vị trí chiến lược trong các Hiệp định thương mại tự do (FTA) và làn sóng chuyển dịch chuỗi cung ứng toàn cầu giúp Việt Nam tiếp tục thu hút vốn đầu tư nước ngoài vào hạ tầng logistics.

+ Thương mại điện tử (TMĐT) phát triển: Sự bùng nổ của TMĐT và 67 triệu người dùng smartphone tạo ra nhu cầu vận chuyển hàng hóa nội địa và xuyên biên giới tăng cao. Quy mô thương mại điện tử (TMĐT) cán mốc 31 tỷ USD đã đưa Việt Nam tiếp tục nằm trong nhóm 10 quốc gia có tốc độ tăng trưởng TMĐT nhanh nhất toàn cầu. Việt Nam nằm trong top 10 quốc gia có tốc độ tăng trưởng TMĐT nhanh nhất thế giới, tăng trung bình 20–25%/năm và đứng thứ 3 ASEAN về quy mô thị trường, sau Indonesia và Thái Lan. TMĐT đang trở thành trụ cột của kinh tế số, góp phần quan trọng vào mục tiêu tăng trưởng nhanh và bền vững của Việt Nam trong giai đoạn 2026-2030.

❖ **Khó khăn**

- **Bất ổn từ môi trường bên ngoài:**

+ Tăng trưởng thương mại toàn cầu dự báo suy giảm mạnh (từ 4,7% năm 2025 xuống còn 1,5–2,5% năm 2026), gây rủi ro thu hẹp nhu cầu hàng xuất khẩu; ảnh hưởng tới nguồn cung ngoại tệ, đặc biệt là USD của Việt Nam khiến cho tỷ giá neo ở mức cao. Đây là một yếu tố có thể ảnh hưởng tới doanh thu từ hoạt động tài chính của doanh nghiệp khi doanh nghiệp sẽ khó khăn hơn trong việc mua các hợp đồng ngoại tệ (hợp đồng forward) có kỳ hạn dài. Hiện tại VIMID vẫn tích cực quản trị tỷ giá trong ngưỡng 2%, phù hợp với dự báo biến động tỷ giá trong năm 2026 của nhiều ngân hàng và tổ chức quốc tế. Tỷ giá USD/VND năm 2026 được dự báo biến động nhẹ khoảng 2,5% đến 3%, thấp hơn năm 2025, trong bối cảnh chịu áp lực từ các yếu tố bên ngoài nhưng vẫn trong tầm kiểm soát của Ngân hàng nhà nước.. Dự báo tỷ giá chính thức dao động quanh mức 25.900 - 26.400 VND/USD.

+ Xung đột địa chính trị tại Trung Đông leo thang gây "cú sốc" năng lượng, đẩy giá dầu Brent vượt ngưỡng 100 USD/thùng, tạo áp lực lạm phát lớn trong nước; ảnh hưởng rất lớn tới các doanh nghiệp vận tải. Chi phí vận hành đội xe tăng cao khiến cho các nhà thầu, các doanh nghiệp vận tải có thể phải cân nhắc nhiều hơn trong các quyết định đầu tư mới, cải tạo đội xe. Yếu tố này cũng ảnh hưởng trong ngắn hạn với hoạt động của VIMID do lượng đơn hàng có thể giảm sút theo thay đổi về giá dầu.

- **Khó khăn từ môi trường kinh doanh trong nước:**

+ Lãi suất cho vay trong nước hiện đang ở mức rất cao, tiệm cận với mức lãi suất hai con số đối với các kỳ hạn từ 6 – 12 tháng. Đây là một áp lực rất lớn trong vận hành của các doanh nghiệp thương mại trên thị trường, trong đó có VIMID khi phải cân đối thời gian trả nợ vay để tối ưu hoá chi phí tài chính. Chi phí lãi vay được dự đoán sẽ tiếp tục giữ ở mức cao và chỉ có thể bình ổn dần vào giai đoạn cuối năm 2026.
+ Chi phí đầu vào vẫn tiếp tục neo cao gây áp lực trong quản trị giá thành và chi phí của tất cả các doanh nghiệp trong nền kinh tế. Đây là áp lực đối với công tác quản trị của doanh nghiệp, trong việc tối ưu hoá các nguồn lực và quản trị chi phí hiệu quả.

2. Tình hình tài chính

2.1. Các chỉ tiêu cơ bản

2.1.1. Báo cáo về vốn điều lệ, vốn kinh doanh và tình hình sử dụng vốn điều lệ, vốn kinh doanh;

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Máy Việt Nam được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0104498100 cấp lần đầu ngày 05/03/2010, thay đổi lần thứ 17 ngày 20/08/2025. Vốn điều lệ tại 30/09/2025 của Công ty là 215.250.000.000 đồng.

Nguồn vốn kinh doanh và vốn điều lệ của Công ty đã được sử dụng một cách hợp lý và hiệu quả vào hoạt động kinh doanh cốt lõi của Công ty. Trong suốt quá trình hình thành và phát triển, Công ty đã tăng vốn điều lệ và sử dụng vốn vay để tăng quy mô vốn hoạt động, mở rộng năng lực kinh doanh với các hợp đồng có giá trị lớn, đồng thời bổ sung vốn cho các hoạt động kinh doanh hợp pháp khác của Công ty.

Vốn kinh doanh của Công ty theo báo cáo tài chính bao gồm:

Bảng 20: Vốn kinh doanh của Công ty (Công ty mẹ)

Đơn vị: tỷ đồng

STT	Vốn kinh doanh	31/12/2024	31/12/2025	% tăng/ giảm	31/03/2026
1	**Vay ngắn hạn**	**276,345**	**557,847**	**101,9%**	**642,705**
2	**Vay dài hạn**	**-**	**-**	**n/a**	**-**
3	**Vốn chủ sở hữu**	**352,531**	**652,147**	**85,0%**	**816,664**
	Trong đó:				
-	*Vốn góp của chủ sở hữu*	*215,250*	*215,250*	*0,0%*	*215,250*
-	*Thặng dư vốn cổ phần*	*4,325*	*4,325*	*0,0%*	*4,325*
-	*Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối*	*132,956*	*432,572*	*225,3%*	*599,089*

Nguồn: BCTC tổng hợp năm 2024 đã được kiểm toán, BCTC riêng năm 2025 đã được kiểm toán và BCTC riêng Quý I năm 2026 của VIMID

Bảng 21: Vốn kinh doanh của Công ty (Hợp nhất)

Đơn vị: tỷ đồng

STT	Vốn kinh doanh	31/12/2025	31/03/2026
1	**Vay ngắn hạn**	**557,847**	**642,705**
2	**Vay dài hạn**	**-**	**-**
3	**Vốn chủ sở hữu**	**652,146**	**818,658**
	Trong đó:		
-	*Vốn góp của chủ sở hữu*	*215,250*	*215,250*
-	*Thặng dư vốn cổ phần*	*4,325*	*4,325*
-	*Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối*	*432,571*	*599,083*

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2025 đã được kiểm toán và BCTC Hợp nhất Quý I năm 2026 của VIMID

2.1.2. *Trích khấu hao tài sản cố định*

Tài sản cố định hữu hình, vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại theo đúng quy định.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính theo quy định của chế độ kế toán doanh nghiệp. Đồng thời, Công ty không có sự thay đổi trong chính sách khấu hao từ năm 2021 đến nay. Tài sản cố định được khấu hao cụ thể như sau:

Bảng 22: Khấu hao TSCĐ

Nhóm tài sản	Thời gian khấu hao
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 30 năm
Máy móc, thiết bị khác	03 - 05 năm
Phương tiện vận tải	06 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm
Tài sản cố định hữu hình khác	04 - 05 năm
Quyền sử dụng đất có thời hạn	38 năm
Phần mềm máy tính	03 – 05 năm
Tài sản cố định vô hình khác	06 năm

2.1.3. *Mức lương bình quân*

Bảng 23: Số lượng lao động và mức thu nhập bình quân

Năm	2024	2025	Quý I/2026
Lao động *(người)*	310	349	396
Mức thu nhập bình quân *(đồng/người/tháng)*	17.232.884	24.003.897	19.966.990

Nguồn: VIMID

Tất cả CBCNV của Công ty đều được ký kết hợp đồng lao động, được đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và bảo hiểm tai nạn theo quy định. Tùy thuộc vào kết quả kinh doanh, Công ty còn có thưởng thêm cho CBCNV vào các dịp lễ, tết. Ngoài ra, hàng năm Công ty trích một phần lợi nhuận xây dựng quỹ phúc lợi để giúp đỡ những CBCNV gặp hoàn cảnh khó khăn và chương trình hỗ trợ cho nhân viên có thu nhập thấy hoặc tạm ứng lương để giải quyết khó khăn.

Mức thu nhập bình quân của Công ty cao hơn so với mức thu nhập bình quân đầu người tại Việt Nam năm 2024 và 2025, theo đó, căn cứ theo số liệu của Cục Thống kê Việt Nam, thu nhập bình quân đầu người tại Việt Nam năm 2024 và 2025 lần lượt là 7,7 triệu đồng/người/tháng và 8,4 triệu đồng/người/tháng.

Theo số liệu từ Sở Nội vụ Hà Nội (tiền thân là Sở Lao động – Thương binh và Xã hội TP. Hà Nội), mức lương bình quân năm 2024 và năm 2025 của người lao động trên địa bàn thành phố có chiều hướng tăng đồng đều ở tất cả các loại hình doanh nghiệp:

STT	Khu vực	Lương trung bình năm 2024	Lương trung bình năm 2025
1	Công ty TNHH một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ	Lương trung bình: 7,5 triệu VNĐ/người/tháng.	Lương trung bình: 9,2 triệu VNĐ/người/tháng.
2	Công ty Cổ phần có vốn góp chi phối của Nhà nước	Lương trung bình: 7,5 triệu VNĐ/người/tháng.	Lương trung bình: 9,1 triệu VNĐ/người/tháng
3	Khối doanh nghiệp dân doanh	Lương trung bình: 7,3 triệu VNĐ/người/tháng.	Lương trung bình: 8,7 triệu VNĐ/người/tháng

4	Với khối doanh nghiệp FDI	Lương trung bình: 7,9 triệu VNĐ/người/tháng	Lương trung bình: 9,3 triệu VNĐ/người/tháng

Mức lương trung bình của VIMID năm 2024 là 17,23 triệu VNĐ/người/tháng, năm 2025 là 24 triệu VNĐ/người/tháng, cao hơn đáng kể so với mức trung bình của các loại hình doanh nghiệp tại Hà Nội.

Công ty không có thông tin so sánh với mức lương bình quân của các doanh nghiệp khác cùng ngành trong cùng địa bàn.

2.1.4. Tình hình công nợ

Bảng 24: Tình hình công nợ của Công ty (Công ty mẹ)

Đơn vị: tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2024	31/12/2025	% tăng/giảm	31/03/2026
1	**Tổng các khoản phải thu**	**1.406,937**	**4.164,801**	**196,02%**	**4.805,579**
1.1	Phải thu ngắn hạn	1.405,927	4.158,275	195,77%	4.799,052
1.2	Phải thu dài hạn	1,011	6,526	545,77%	6,526
2	**Tổng các khoản phải trả**	**1.963,094**	**4.463,785**	**127,39%**	**6.002,580**
2.1	Phải trả ngắn hạn	1.945,827	4.463,785	129,40%	6.002,580
2.2	Phải trả dài hạn	17,267	-	-100,00%	-

Nguồn: BCTC tổng hợp năm 2024 đã được kiểm toán, BCTC riêng năm 2025 đã được kiểm toán và BCTC riêng Quý I năm 2026 của VIMID

Bảng 25: Tình hình công nợ của Công ty (Hợp nhất)

Đơn vị: tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2025	31/03/2026
1	**Tổng các khoản phải thu**	**4.198,226**	**4.840,322**
1.1	Phải thu ngắn hạn	4.191,700	4.833,796
1.2	Phải thu dài hạn	6,526	6,526
2	**Tổng các khoản phải trả**	**4.463,865**	**6.002,727**
2.1	Phải trả ngắn hạn	4.463,864	6.002,721
2.2	Phải trả dài hạn	0,001	0,006

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2025 đã được kiểm toán và BCTC Hợp nhất Quý I năm 2026 của VIMID

2.1.5. *Các khoản phải thu*

Bảng 26: Tình hình các khoản phải thu của Công ty (Công ty mẹ)

Đơn vị: tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2024	31/12/2025	% tăng/giảm	31/03/2026
1	**Tổng các khoản phải thu**	**1.406,937**	**4.164,801**	**196,02%**	**4.805,579**
1.1	***Phải thu ngắn hạn***	***1.405,927***	***4.158,275***	***195,77%***	***4.799,053***
-	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	183,010	317,411	73,44%	380,913
-	Trả trước người bán ngắn hạn	30,500	0,922	-96,98%	13,967
-	Phải thu ngắn hạn khác (*)	1.192,417	3.839,942	222,03%	4.404,172
1.2	***Phải thu dài hạn***	***1,011***	***6,526***	***545,77%***	***6,526***
-	Phải thu dài hạn khác	1,011	6,526	545,77%	6,526

Nguồn: BCTC tổng hợp năm 2024 đã được kiểm toán, BCTC riêng năm 2025 đã được kiểm toán và BCTC riêng Quý I năm 2026 của VIMID

Bảng 27: Tình hình các khoản phải thu của Công ty (Hợp nhất)

Đơn vị: tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2025	31/03/2026
1	**Tổng các khoản phải thu**	**4.198,226**	**4.840,322**
1.1	***Phải thu ngắn hạn***	***4.191,700***	***4.833,796***
-	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	317,411	380,913
-	Trả trước người bán ngắn hạn	0,922	15,277
-	Phải thu ngắn hạn khác (*)	3.873,367	4.437,605
1.2	***Phải thu dài hạn***	***6,526***	***6,526***
-	Phải thu dài hạn khác	6,526	6,526

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2025 đã được kiểm toán và BCTC Hợp nhất Quý I năm 2026 của VIMID

Tính đến ngày 31/12/2025, theo số liệu BCTC hợp nhất đã kiểm toán, tổng dự nợ phải thu của Công ty là 4.198,2 tỷ đồng. Trong đó:

- Các khoản phải thu ngắn hạn chiếm tỷ trọng lớn với 99,84% tổng các khoản phải thu, đạt 4.191,7 tỷ đồng.
    + Các khoản phải thu ngắn hạn khác chiếm tỷ trọng lớn nhất với tỷ trọng đóng góp vào phải thu ngắn hạn là 92,41%, tương ứng 3.873,4 tỷ đồng. Khoản mục này phần lớn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 01 tháng đến 12 tháng của VIMID tại các ngân hàng thương mại đang được thế chấp để đảm bảo cho các hợp đồng hạn mức tín dụng, lãi suất tiền gửi từ 4,00%/năm đến 7,60%/năm.
    + Phải thu ngắn hạn của khách hàng là 317,4 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 7,57% tổng phải thu ngắn hạn và tăng 73,44% so với số liệu cuối kỳ 2024. Điều này cho thấy doanh số bán hàng tăng trong năm 2025.
    + Trả trước người bán ngắn hạn là 0,9 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng giá trị phải thu ngắn hạn (0,02%), giảm 96,98% so với 31/12/2024, cho thấy Công ty đã tất toán hầu hết các đơn hàng đặt trước trong năm 2025.

Tại thời điểm 31/3/2026, tổng các khoản phải thu đạt 4.840,3 tỷ đồng, tăng 15,3% so với ngày 31/12/2025:

+ Các khoản phải thu ngắn hạn tại ngày 31/03/2026 đạt 4.833,8 tỷ đồng, tăng 15,3% so với cuối năm 2025, đồng thời tỷ trọng trong cơ cấu các khoản phải thu tăng lên mức 99,87%. Trong đó, phải thu ngắn hạn khác đạt 4.437,6 tỷ đồng, là khoản mục đóng góp mức tăng lớn nhất với 564,2 tỷ đồng, tương đương tăng 14,6% so với thời điểm 31/12/2025. Nguyên nhân đến từ sự gia tăng của khoản tiền gửi thế chấp đảm bảo khoản vay.
+ Quy mô bán hàng tiếp tục mở rộng trong kỳ dẫn đến phải thu ngắn hạn của khách hàng tăng 20,0% so với cuối năm 2025, đạt 380,9 tỷ đồng.
+ Các khoản trả trước cho người bán ngắn hạn tăng thêm 15,3 tỷ đồng so với mức 0,9 tỷ đồng tại thời điểm 31/12/2025. Sự gia tăng này chủ yếu đến từ việc phát sinh các khoản đặt trước cho một số nhà cung cấp nhằm đảm bảo tiến độ cung ứng vật tư, thiết bị phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Tình hình công nợ của công ty thực hiện đúng theo hợp đồng đã ký kết không để phát sinh nợ phải thu khó đòi trong năm 2025 và 3 tháng đầu năm 2026. Bên cạnh đó, trong năm 2025 và 3 tháng đầu năm 2026, Công ty không có các khoản phải thu quá hạn.

(Phần cuối của trang này được cố ý để trống)

2.1.6. *Các khoản phải trả*

Bảng 28: Tình hình các khoản nợ phải trả của Công ty (Công ty mẹ)

Đơn vị: tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2024	31/12/2025	% tăng/giảm	31/03/2026
1	**Tổng các khoản phải trả**	**1.963,094**	**4.463,785**	**127,39%**	**6.002,580**
1.1	***Nợ ngắn hạn***	***1.945,827***	***4.463,785***	***129,40%***	***6.002,580***
-	Phải trả người bán ngắn hạn	1.354,464	3.268,615	141,32%	4.750,831
-	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	9,953	53,374	436,25%	127,395
-	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	30,615	101,304	230,89%	41,717
-	Phải trả người lao động	16,086	35,393	120,02%	8,270
-	Chi phí phải trả ngắn hạn	5,792	5,850	0,99%	12,759
-	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	1,195	-	n/a	-
-	Phải trả ngắn hạn khác	251,377	441,404	75,59%	418,903
-	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	276,345	557,847	101,87%	642,705
1.2	***Nợ dài hạn***	***17,267***	***-***	***-100,00%***	***-***
-	Phải trả người bán dài hạn	17,267	-	-100,00%	-

Nguồn: BCTC tổng hợp năm 2024 đã được kiểm toán, BCTC riêng năm 2025 đã được kiểm toán và BCTC riêng Quý I năm 2026 của VIMID

Bảng 29: Tình hình các khoản nợ phải trả của Công ty (Hợp nhất)

Đơn vị: tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2025	31/03/2026
1	**Tổng các khoản phải trả**	**4.463,865**	**6.002,727**
1.1	***Nợ ngắn hạn***	***4.463,864***	***6.002,721***
-	Phải trả người bán ngắn hạn	3.268,615	4.750,832
-	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	53,374	127,395
-	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	101,304	41,759

-	Phải trả người lao động	35,471	8,368
-	Chi phí phải trả ngắn hạn	5,850	12,759
-	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	-	-
-	Phải trả ngắn hạn khác	441,404	418,903
-	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	557,847	642,705
1.2	***Nợ dài hạn***	***0,001***	***0,006***
-	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	0,001	0,006

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2025 đã được kiểm toán và BCTC Hợp nhất Quý I năm 2026 của VIMID

Tình hình thanh toán các khoản nợ trong 02 năm gần nhất:

- Các khoản nợ vay và nợ thuê tài chính của Công ty đều được thanh toán đầy đủ, đúng hạn lãi và gốc trong những năm qua. Các nghĩa vụ nợ khác (Phải trả người bán, Phải trả người lao động, Phải trả phải nộp khác…) được Công ty thanh toán đầy đủ, đúng hạn.
- Công ty không có các khoản nợ quá hạn.
- Công ty không vi phạm các điều khoản khác trong hợp đồng/cam kết liên quan đến các khoản nợ.

2.1.7. *Các khoản phải nộp theo luật định*

Các khoản thuế và nghĩa vụ với Ngân sách Nhà nước theo quy định của Pháp luật hiện hành luôn được VIMID thực hiện kê khai và thanh toán cho các cơ quan thuế đầy đủ và đúng hạn, đảm bảo tuân thủ và phù hợp với quy định của pháp luật, cụ thể như sau:

Bảng 30: Số dư thuế và các khoản phải nộp theo luật định (Công ty mẹ)

Đơn vị: tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2024	31/12/2025	31/03/2026
1	Thuế giá trị gia tăng	4,403	20,669	-
2	Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	-	-
3	Thuế xuất, nhập khẩu	8,046	-	-
4	Thuế thu nhập doanh nghiệp	18,111	80,309	41,645
5	Thuế thu nhập cá nhân	0,054	0,267	0,048
6	Thuế nhà đất và tiền thuế đất	-	0,058	0,024

7	Thuế GTGT + Thuế TNDN	-	-	-
8	Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	-
	Tổng cộng	**30,615**	**101,304**	**41,717**

Nguồn: BCTC tổng hợp năm 2024 đã được kiểm toán, BCTC riêng năm 2025 đã được kiểm toán và BCTC Riêng Quý I năm 2026 của VIMID

Bảng 31: Số dư thuế và các khoản phải nộp theo luật định (Hợp nhất)

Đơn vị: tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2025	31/03/2026
1	Thuế giá trị gia tăng	20,669	-
2	Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	-
3	Thuế xuất, nhập khẩu	-	-
4	Thuế thu nhập doanh nghiệp	80,309	41,645
5	Thuế thu nhập cá nhân	0,267	0,090
6	Thuế nhà đất và tiền thuê đất	0,059	0,024
7	Thuế GTGT + Thuế TNDN	-	-
8	Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-
	Tổng cộng	**101,304**	**41,759**

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2025 đã được kiểm toán và BCTC Hợp nhất Quý I năm 2026 của VIMID

2.1.8. *Trích lập các quỹ*

Việc trích lập các quỹ được thực hiện theo đúng quy định tại Điều lệ và pháp luật, việc trích lập các quỹ đảm bảo nguồn vốn để Công ty tái đầu tư mở rộng hoạt động SXKD và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Tính tới thời điểm 31/12/2025, Công ty chưa có quỹ nào trích lập vì tập trung sử dụng lợi nhuận để phục vụ tái đầu tư, mở rộng hoạt động và làm vốn lưu động.

Tính tới thời điểm lập Bản cáo bạch này, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty đã thông qua phương án về việc trích lập Quỹ Phát triển Khoa học Công nghệ năm 2026 theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/2026/NQ-ĐHĐCĐTN-VIMID ngày 20/04/2026, cụ thể:

- Phương án trích quỹ: Mức trích tối đa là 3% thu nhập tính thuế năm 2026 của Công ty.
- Mục đích việc trích lập Quỹ Phát triển Khoa học và Công nghệ: nhằm hiện thực hóa mục tiêu duy trì vị thế dẫn đầu và chuẩn mực quản trị cao nhất của Công ty. Nguồn kinh phí từ Quỹ sẽ được tập trung vào việc chuyển đổi số để tăng cường quản trị rủi ro, kiểm soát nội bộ và minh bạch thông tin tài chính. Bên cạnh đó, Công ty sẽ đầu tư vào nghiên cứu ứng dụng công nghệ xanh, đầu tư vào công tác R&D phát triển sản phẩm mới và hiện đại hóa hệ thống dịch vụ sửa chữa, bảo hành, bảo trì chuyên sâu. Đây là bước đi thực tế để nâng tầm chất lượng xe tải vận hành tại Việt Nam, đảm bảo mọi hoạt động tăng trưởng đều dựa trên nền tảng kỹ thuật vững chắc và mang lại giá trị dài hạn cho khách hàng và cổ đông
- Đại hội đồng cổ đông đã giao và ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện:
  + Hội đồng quản trị xây dựng và thông qua các Quy chế liên quan đến việc thành lập và sử dụng Quỹ, đồng thời thực hiện đăng ký/gửi Quy chế đến các cơ quan quản lý Nhà nước theo quy định của Pháp luật hiện hành.
  + Hội đồng quản trị có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các thủ tục thông báo thành lập Quỹ và báo cáo tình hình trích lập, sử dụng Quỹ định kỳ cho các cơ quan chuyên môn có thẩm quyền theo quy định của pháp luật hiện hành.

2.1.9. Những biến động lớn có thể ảnh hưởng tới tình hình tài chính của Tổ chức phát hành kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính gần nhất,

Không có.

2.2. *Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu*

Bảng 32: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Công ty

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	31/12/2024	31/12/2025 (BCTC Hợp nhất)
1	**Khả năng thanh toán**			
-	Hệ số thanh toán ngắn hạn: (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn)	Lần	1,17	1,13
-	Hệ số thanh toán nhanh: (Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	Lần	0,78	0,95

2	**Cơ cấu vốn**			
-	Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	0,85	0,87
-	Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	5,57	6,84
3	**Năng lực hoạt động**			
-	Vòng quay tổng tài sản: (Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân)	Vòng	1,86	2,17
-	Vòng quay vốn lưu động: (Doanh thu thuần/Tổng tài sản ngắn hạn bình quân)	Vòng	1,90	2,20
-	Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	Vòng	5,74	9,80
4	**Khả năng sinh lời**			
-	Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu (ROS): Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	1,76	3,99
-	Hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn kinh doanh (ROA): Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	3,27	8,64
-	Hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE): Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	21,5	63,93
-	Thu nhập trên cổ phần (EPS)	Đồng	3.179	14.919

Nguồn: BCTC tổng hợp năm 2024 đã được kiểm toán, BCTC hợp nhất năm 2025 đã được kiểm toán của VIMID

Chỉ tiêu về khả năng thanh toán

Các chỉ tiêu về khả năng thanh khoản của công ty luôn duy trì ổn định, công ty luôn giữ cơ cấu thanh toán hợp lý và duy trì ở ngưỡng an toàn đảm bảo khả năng thanh toán các khoản nợ tới hạn. Chỉ tiêu khả năng thanh toán hiện hành sang năm 2025 tuy có giảm nhẹ nhưng vẫn duy trì trên mức 1, điều này cho thấy công ty có khả năng chi trả tốt và tính thanh khoản cao. Bên cạnh đó, Hệ số thanh toán nhanh có sự cải thiện đáng kể, từ 0,78 lên 0,95, tiến gần sát mức lý tưởng

là 1. Điều này chứng tỏ Công ty đã giảm bớt sự phụ thuộc vào việc giải phóng hàng tồn kho để trả nợ, tính thanh khoản của tài sản ngắn hạn đã linh hoạt hơn.

Nhìn chung, trong 02 năm 2024 và 2025 Công ty không gặp khó khăn trong việc thanh toán cả khoản nợ ngắn hạn. Thời gian tới, Ban lãnh đạo công ty sẽ tiếp tục có những chính sách phù hợp với tình hình mới nhằm cải thiện sức khỏe tài chính của công ty.

Chỉ tiêu về cơ cấu vốn

Chỉ tiêu về cơ cấu vốn trong 2024-2025 được duy trì tương đối ổn định. Hệ số nợ/tổng tài sản duy trì ngang bằng, tuy nhiên hệ số nợ/vốn chủ sở hữu có nhiều biến động.

Tại ngày 31/12/2024 và 31/12/2025, tổng nợ phải trả của Công ty lần lượt là 1.963 tỷ đồng và 4.463,9 tỷ đồng. Theo đó, tỷ lệ nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu của Công ty lần lượt đạt 5,57 lần và 6,84 lần. Cơ cấu nợ chủ yếu là phải trả người bán ngắn hạn.

Tỷ lệ nợ phải trả cao chủ yếu do đặc thù tài trợ thương mại, không phát sinh rủi ro thanh khoản, và được cân đối bởi dòng tiền ký quỹ, thế chấp vào ngân hàng và thanh toán tương ứng khi đến hạn. Công ty duy trì khả năng thanh toán ổn định, dòng tiền nhập – bán – thu hồi liên tục và kiểm soát chặt chẽ nghĩa vụ nợ đến hạn.

Ngoài ra, tỷ lệ đòn bẩy tài chính cao cũng đến từ việc quy mô vốn điều lệ của Công ty hiện vẫn còn khiêm tốn so với tốc độ tăng trưởng kinh doanh. Trong khi doanh thu và quy mô nhập khẩu xe tải tăng nhanh qua các năm, Công ty vẫn duy trì mức vốn điều lệ ổn định, chưa có nhu cầu tăng vốn do cơ chế LC giúp đảm bảo dòng tiền hoạt động. Điều này khiến tỷ lệ đòn bẩy ghi nhận ở mức cao mang tính cơ học, phản ánh sự chênh lệch giữa tốc độ mở rộng hoạt động và quy mô vốn chủ sở hữu, chứ không phản ánh rủi ro tài chính thực tế.

Chỉ tiêu về năng lực hoạt động

Cả 3 chỉ tiêu về năng lực hoạt động đều tăng trong năm 2025 so với năm 2024. Vòng quay tổng tài sản và vốn lưu động tăng nhẹ, cho thấy hiệu suất sử dụng tài sản để tạo ra doanh thu được cải thiện. Vòng quay hàng tồn kho tăng trưởng ấn tượng từ từ mức 5,74 lên mức 9,80. Điều này cho thấy, tốc độ đẩy bán hàng tồn kho nhanh hơn gần gấp đôi so với năm trước, là minh chứng cho chiến lược bán hàng hiệu quả của Công ty trong năm.

Chỉ tiêu về khả năng sinh lời

Các chỉ số sinh lời đều thể hiện sự tăng trưởng đồng bộ và mạnh mẽ trong năm 2025. Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu (ROS) tăng từ 1,76% lên 3,99%, cho thấy hiệu quả quản trị chi phí và biên lợi nhuận được cải thiện rõ rệt. Đáng chú ý, nhờ việc sử dụng đòn bẩy tài chính kết hợp với tốc độ quay vòng vốn cao, hệ số lợi nhuận trên vốn kinh doanh (ROA) đã tăng gấp hơn 2 lần, đạt 8,64%, trong khi tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu (ROE) đạt mức ấn tượng là 63,93%. Kết quả kinh doanh khả quan này cũng giúp thu nhập trên mỗi cổ phần (EPS) tăng từ 3.179 đồng lên 14.919 đồng, khẳng định năng lực sinh lời của Công ty đang ở giai đoạn hiệu quả cao nhất so với các năm trước.

Các chỉ tiêu khác: Không có

Ý kiến của Tổ chức kiểm toán: Không có

3. Ý kiến của Tổ chức kiểm toán đối với Báo cáo tài chính của Tổ chức phát hành

Ý kiến của Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC – Tổ chức kiểm toán thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2024 số 200325.031/BCTC.KT1:

"Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Máy Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.".

Ý kiến của Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC – Tổ chức kiểm toán thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính riêng năm 2025 số 160326.035/BCTC.KT1:

"Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Máy Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.".

Ý kiến của Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC – Tổ chức kiểm toán thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2025 số 160326.036/BCTC.KT1:

"Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Máy Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.".

(Phần cuối của trang này được cố ý để trống)

4. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức

Bảng 33: Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức của Công ty

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2025	Năm 2026	
	Thực hiện (*)	Kế hoạch (**)	% tăng/giảm so với thực hiện năm trước
Doanh thu thuần	8.050.671.624.782	9.500.000.000.000	18,00%
Lợi nhuận sau thuế	321.140.047.893	368.000.000.000	14,59%
Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	3,97%	3,87%	-0,10%
Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân (***)	63,93%	39,95%	-15,49%
Tỷ lệ cổ tức (****)	-	-	n/a

Nguồn: VIMID

(*) Kết quả thực hiện năm 2025 căn cứ theo BCTC hợp nhất năm 2025 đã được kiểm toán.

(**) Kế hoạch doanh thu thuần năm 2026 và kế hoạch lợi nhuận sau thuế năm 2026 đã được ĐHĐCĐ thường niên năm 2026 thông qua.

(***) Vốn chủ sở hữu dự kiến trong năm 2026 được tính bằng vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2025 cộng với tổng giá trị cổ phiếu dự kiến phát hành trong năm 2026 (Chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu: 21.525.000 cổ phiếu) = 652.147.294.537 + 215.250.000.000 x 25.000 = 1.190.272.294.537 đồng.

(****) ĐHĐCĐ thường niên năm 2026 đã thông qua việc không chi trả cổ tức năm 2025.

4.1. Căn cứ để đạt kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức nêu trên

Để đề ra các kế hoạch trên, Công ty căn cứ dựa trên các yếu tố thuận lợi cho hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh đại lý, môi giới và bán buôn, bán lẻ xe có động cơ và phụ tùng xe có động cơ, cụ thể là xe tải trung và hạng nặng nói riêng và nền kinh tế nói chung trong năm 2025 và 2026.

4.1.1. Các yếu tố thuận lợi và hỗ trợ

❖ **Kinh tế vĩ mô:**

- Báo cáo kinh tế vĩ mô Việt Nam cuối năm 2025 và triển vọng năm 2026 của CIEM đánh giá, kinh tế Việt Nam đã thiết lập nền tảng tăng trưởng vững chắc cho chu kỳ phát triển mới. Tính chung cả năm 2025, tăng trưởng GDP của Việt Nam ước đạt 8,02%, hoàn thành mục tiêu tăng trưởng đặt ra đầu năm. Hướng tới năm 2026, Chính phủ đặt mục tiêu

tăng trưởng dự kiến ít nhất đạt 8%, phấn đấu đạt mức hai chữ số trong điều kiện thị trường thuận lợi nhằm hiện thực hóa mục tiêu trở thành nước có thu nhập cao vào năm 2045.

- Tỷ giá hối đoái ổn định: Căn cứ Chỉ thị 01/CT-NHNN, Ngân hàng Nhà nước định hướng điều hành chính sách tiền tệ linh hoạt nhằm mục tiêu ổn định tỷ giá trong năm 2026. Đây là yếu tố then chốt giúp các doanh nghiệp nhập khẩu xe và phụ tùng chủ động dự toán chi phí và lập kế hoạch tài chính chính xác. Nhờ kiểm soát tốt rủi ro biến động tỷ giá, Công ty có thể duy trì chính sách giá ổn định, từ đó củng cố lợi thế cạnh tranh trên thị trường.
- Lạm phát kiểm soát: Lạm phát năm 2026 được đánh giá sẽ duy trì ở mức thấp (khoảng 3-4%), tạo môi trường kinh tế vĩ mô thuận lợi cho các hoạt động sản xuất kinh doanh. Việc lạm phát giữ ở mức thấp đóng vai trò quan trọng trong việc giúp doanh nghiệp nhập khẩu xe và phụ tùng kiểm soát chặt chẽ chi phí hoạt động, đặc biệt là các nhóm chi phí đầu vào như phí vận chuyển, kho bãi và logistics.
- Các Hiệp định thương mại tự do như RCEP, EVFTA sẽ giúp thúc đẩy thương mại và đầu tư, giúp doanh nghiệp nhập khẩu xe có động cơ và phụ tùng được hưởng thuế nhập khẩu ưu đãi, từ đó giảm chi phí nhập khẩu. Đồng thời, thủ tục hải quan và quy định thương mại được đơn giản hóa, giúp việc nhập khẩu diễn ra nhanh chóng và thuận lợi hơn.
- Môi trường tín dụng năm 2026 được dự báo sẽ mang lại nhiều thuận lợi cho doanh nghiệp nhờ định hướng điều hành chủ động và linh hoạt từ Ngân hàng Nhà nước. Với mục tiêu thúc đẩy tăng trưởng GDP ở mức cao, việc nới rộng hạn mức tín dụng ngay từ đầu năm giúp đảm bảo khơi thông nguồn vốn cho các lĩnh vực ưu tiên như thương mại và logistics, qua đó hỗ trợ trực tiếp cho doanh nghiệp trong việc tiếp cận dòng vốn lưu động để nhập khẩu xe và phụ tùng.

❖ **Chính sách vĩ mô của Chính phủ**

- Ngày 29/11/2025, tại Diễn đàn Logistics Việt Nam 2025, Thủ tướng Chính phủ đã xác lập mục tiêu tăng trưởng ngành logistics cao gấp 1,5 lần tốc độ tăng trưởng GDP (dự kiến đạt 12-15%/năm). Với định hướng đó, VIMID đánh giá nhu cầu nâng cấp và mở rộng đội xe tải nặng hiện đại trở thành tất yếu, tạo dư địa cho các dòng xe tải hạng nặng mà VIMID đang phân phối. Đặc biệt, trong hệ sinh thái Logistics gồm 6 Trụ cột, đứng thứ 3, 4 là cam kết "xanh hóa" và thiết lập hệ sinh thái logistics thông minh của Chính phủ mở ra cơ hội để VIMID tiên phong chiếm lĩnh thị phần xe đạt chuẩn khí thải cao, đồng thời tối ưu hóa mạng lưới trạm dịch vụ 3S/4S theo các trục trung tâm logistics quốc tế vừa được quy hoạch.
- Trong năm 2025, Bộ Công Thương đang trình Thủ tướng Chính phủ Chiến lược phát triển ngành logistics Việt Nam thời kỳ 2025-2035, tầm nhìn đến năm 2050. Trong đó, có giải pháp về xây dựng khu thương mại tự do nhằm hiện thực hóa chủ trương đưa Việt Nam trở thành quốc gia mạnh về logistics.

- Ngày 19/08/2025, các lãnh đạo Đảng và Nhà nước đã cắt băng khánh thành, khởi công 250 dự án, công trình trên địa bàn 34 tỉnh/thành phố với tổng mức đầu tư khoảng 1.280 nghìn tỷ đồng, trong đó có nhiều công trình trọng điểm quốc gia và dự án nhóm A, áp lực về tiến độ thi công và san lấp mặt bằng sẽ đẩy nhu cầu mua mới hoặc thay thế đội xe đầu kéo, xe tải ben chuyên dụng lên mức cao nhất trong nhiều năm trở lại đây. Đặc biệt, cơ cấu vốn đầu tư đa dạng (với 63% đến từ nguồn vốn ngoài nhà nước và FDI) đảm bảo tính thanh khoản và dòng tiền ổn định cho các nhà thầu. Việc phát triển hạ tầng đồng bộ này không chỉ thúc đẩy doanh số bán xe mà còn tạo ra một mạng lưới vận hành rộng khắp, hỗ trợ VIMID phát triển mảng dịch vụ phụ tùng và bảo dưỡng tại các địa bàn trọng điểm theo dọc các công trình.
- Chính sách vĩ mô của Nhà nước khẳng định logistics mở đường cho thương mại, sản xuất, cùng với các chủ trương thúc đẩy xây dựng cơ sở hạ tầng, đẩy mạnh khởi công các dự án trên toàn quốc của Chính phủ chính là tiền đề quan trọng cho các đơn vị kinh doanh xe tải, xe chuyên dụng phục vụ các dự án hạ tầng như VIMID tăng trưởng bứt phá trong giai đoạn 2026 - 2030 sắp tới.

❖ **Thị trường:**

- Đánh giá của Hiệp hội Doanh nghiệp dịch vụ Logistics Việt Nam (VLA) năm 2024 cho thấy, tốc độ phát triển của ngành logistics tại Việt Nam những năm gần đây đạt khoảng 14 - 16%, với quy mô khoảng 40 - 42 tỷ USD/năm và là một trong những ngành dịch vụ tăng trưởng nhanh và ổn định nhất. Đáng lưu ý, Việt Nam hiện tại đứng thứ 43/155 nước về hiệu quả logistics và thuộc nhóm 5 nước dẫn đầu ASEAN.
- Theo Báo cáo Logistics Việt Nam năm 2025 của Bộ Công Thương, Việt Nam đang đầu tư mạnh vào hạ tầng giao thông với hơn 2.000 km đường cao tốc, 298 cảng biển và 69 trung tâm logistics. Điều này tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động vận tải và phân phối hàng hóa, thúc đẩy nhu cầu về xe tải.
- Theo Dự thảo của Bộ Công Thương về Chiến lược phát triển ngành công nghiệp ô tô Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, mục tiêu được Bộ Công Thương vạch ra đối với việc tăng trưởng thị trường xe ô tô trong nước giai đoạn đến năm 2030 đạt tốc độ bình quân khoảng từ 14 - 16% /năm, tổng lượng xe tiêu thụ đạt khoảng 1.000.000 - 1.100.000 chiếc. Trong đó, xe đến 9 chỗ khoảng 550.000 chiếc (chiếm 55%), từ 10 chỗ trở lên khoảng 50.000 chiếc (chiếm 5%), xe tải khoảng 350.000 chiếc (chiếm 35%), xe chuyên dụng khoảng 50.000 chiếc (chiếm 5%). Đến năm 2045, tăng trưởng thị trường tiêu thụ xe ô tô trong nước tăng trưởng bình quân hàng năm giai đoạn 2031 - 2045 là 11 - 12%/năm, tổng lượng xe đạt ~ 5.000.000 - 5.700.000 chiếc, trong đó: xe đến 9 chỗ chiếm khoảng 68 - 70%, từ 10 chỗ trở lên chiếm 5 - 6%, xe tải chiếm 23 - 24%, xe chuyên dụng chiếm khoảng 2 - 3%.

❖ **Các căn cứ dựa trên tình hình hoạt động và định hướng chiến lược của Công ty**

- Năm 2025, VVS đã đạt 446% kế hoạch năm đặt ra đối với chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế (đạt 401,5 tỷ đồng); và đạt hơn 191,7% kế hoạch năm đối với chỉ tiêu doanh thu (đạt 8.050,6 tỷ đồng). Kết quả 3 tháng đầu năm 2026, Công ty tiếp tục duy trì đà tăng trưởng khi doanh thu thuần Quý I/2026 đạt 2.750,6 tỷ đồng, hoàn thành 29% kế hoạch doanh thu năm. Các chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế và sau thuế lần lượt là 208,1 tỷ đồng và 166,5 tỷ đồng, tương ứng đạt 45,2% so với kế hoạch cả năm 2026.
- Kế hoạch kinh doanh năm 2026 đã được trình và phê duyệt tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2026. Mục tiêu này được thiết lập dựa trên những tín hiệu khả quan từ môi trường kinh tế vĩ mô trong nước, kết hợp với nền tảng vững chắc từ kết quả kinh doanh năm 2025 khi Công ty đã hoàn thành xuất sắc các chỉ tiêu đề ra. Với tầm nhìn đến năm 2030 các dự án đầu tư công, xây dựng cơ sở hạ tầng, bất động sản vẫn tiếp tục được ưu tiên và đẩy mạnh, Công ty dự kiến tình hình kinh doanh vẫn trên đà tăng trưởng từ 20% - 30%. Ngoài cầu tăng thuần túy do tăng trưởng kinh tế nêu trên, từ 2026, các thành phố lớn (Hà Nội, TP.HCM) sẽ yêu cầu ô tô sản xuất trước 2017 phải đạt tiêu chuẩn khí thải Euro 4 mới được lưu hành (trước 2022 phải đạt Euro 5 từ 2027). Quy định này dự kiến sẽ dần áp dụng trên toàn quốc. Điều này có nghĩa nhiều xe tải cũ không đạt chuẩn sẽ bị cấm hoặc chủ xe phải đầu tư nâng cấp, việc này không kinh tế bằng mua xe mới. Do vậy, nhu cầu thay thế xe tải cũ dự kiến sẽ tăng mạnh. Nhiều doanh nghiệp vận tải đã chuẩn bị thanh lý xe đời cũ (Euro 2, 3) để mua xe Euro 5, 6 mới nhằm đáp ứng quy định và tối ưu chi phí nhiên liệu. Với các sản phẩm đều đã đạt tiêu chuẩn Euro 5, đây là nguồn cầu đáng kể trong năm 2026 và trong dài hạn cho VVS.
- Theo đó, Công ty đặt kế hoạch doanh thu năm 2026 ở ngưỡng 9.500 tỷ đồng là khả thi và phù hợp với nguồn lực hiện tại và triển vọng trong tương lai. Bên cạnh đó, Công ty dự kiến tăng vốn lên 538,1 tỷ đồng, theo đó tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu sẽ đảm bảo duy trì ở mức tối thiểu 20%.

4.1.2. Kế hoạch đầu tư, dự án dự kiến triển khai

Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 tổ chức ngày 19/04/2025, ĐHĐCĐ đã thông qua chủ trương kế hoạch đầu tư dự án như sau:

- Tên dự án: Dự án Sản xuất Lắp ráp Xe ô tô tải
- Quy mô dự án dự kiến: 10 ha đến 15 ha.
- Tổng mức dự kiến đầu tư: 50.000.000 USD (Bằng chữ: Năm mươi triệu Đô la Mỹ).
- Vị trí địa lý: Các tỉnh có tiềm năng về giao thông, logistics, các khu công nghiệp được Chính phủ, bộ ngành ưu tiên quy hoạch các dự án sản xuất lắp ráp ô tô.
- Thời gian phát triển và đầu tư dự án: 2025 – 2030.
- Hình thức đầu tư: M&A, Hợp tác đầu tư liên danh liên kết, Tự phát triển.

Ngày 29/09/2025, HĐQT đã lựa chọn địa điểm thực hiện nhà máy tại Khu Phi Thuế Quan và Khu công nghiệp Nam Đình Vũ (Khu 1), thuộc Khu kinh tế Đình Vũ – Cát Hải, phường Đông Hải, thành phố Hải Phòng và đã thông qua việc đặt cọc cho thửa đất diện tích 104.919,95 m2 với giá trị đặt cọc 33.433.109.287 VND. Đồng thời, HĐQT công ty cũng đã thông qua thành lập công ty con - Công ty TNHH Một thành viên Ô tô VMASS, vốn điều lệ 50 tỷ đồng, thuộc sở hữu 100% của VIMID để làm chủ đầu tư dự án này.

Tháng 10/2025, Công ty TNHH Một thành viên Ô tô VMASS được thành lập theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0202317955 do Sở Tài chính Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 15/10/2025. Ngày 26/12/2025, VIMID đã hoàn tất nộp đủ vốn điều lệ 50 tỷ của VMASS. Sau quá trình hoàn thiện các thủ tục pháp lý, ngày 20/03/2026, Công ty đã nhận được Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho dự án Nhà máy sản xuất, lắp ráp ô tô VMASS.

Ngày 15/04/2026, VMASS và Công ty Cổ phần Tập đoàn Sao Đỏ đã ký kết hợp đồng hợp đồng thuê quyền sử dụng đất đã hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật để triển khai dự án Nhà máy sản xuất – lắp ráp ô tô tại Hải Phòng. Theo nội dung ký kết, khu đất đã được hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật, đáp ứng đầy đủ các điều kiện để triển khai xây dựng nhà máy ngay sau khi hoàn tất các thủ tục cần thiết. Đây là yếu tố quan trọng giúp rút ngắn thời gian chuẩn bị đầu tư, tối ưu chi phí và sớm đưa dự án vào vận hành. Hiện nay, dự án đang trong giai đoạn triển khai các bước tiếp theo theo đúng lộ trình kế hoạch đề ra.

4.2. Đánh giá của Tổ chức tư vấn về kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức

Với tư cách là Tổ chức tư vấn, FPTS đã tiến hành thu thập thông tin, nghiên cứu, phân tích về hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Máy Việt Nam cũng như về các lĩnh vực kinh doanh mà Công ty đang hoạt động.

Dựa trên kết quả kinh doanh của Công ty trong các năm vừa qua, với khả năng kinh doanh, cung cấp dịch vụ, chúng tôi nhận thấy kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức mà Công ty đưa ra có tính khả thi. Bên cạnh đó, kế hoạch lợi nhuận của Công ty được xây dựng thận trọng dựa trên cơ sở nhu cầu của thị trường và tình hình Kinh tế - Xã hội của Việt Nam.

Chúng tôi lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một Tổ chức tư vấn, dựa trên những cơ sở thông tin được thu thập có chọn lọc mà không hàm ý bảo đảm giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo. Nhận xét này chỉ mang tính tham khảo và nhà đầu tư sẽ tự mình ra quyết định đầu tư.

VI. THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP, CỔ ĐÔNG LỚN, THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, GIÁM ĐỐC, PHÓ GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG

1. Thông tin về cổ đông sáng lập

Theo quy định tại Khoản 3, Điều 120 Luật doanh nghiệp 2020: *"Trong thời hạn 03 năm kể từ ngày công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập được tự do chuyển nhượng cho cổ đông sáng lập khác và chỉ được chuyển nhượng cho*

người không phải là cổ đông sáng lập nếu được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp này, cổ đông sáng lập dự định chuyển nhượng cổ phần phổ thông thì không có quyền biểu quyết về việc chuyển nhượng cổ phần đó".

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Máy Việt Nam được Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần lần đầu ngày 05 tháng 03 năm 2010, do đó số lượng cổ phiếu của cổ đông sáng lập đến nay đã hết thời gian 03 năm hạn chế chuyển nhượng. Bản cáo bạch này sẽ không đề cập tới danh sách cổ đông sáng lập.

2. Thông tin về cổ đông lớn

2.1. Đối với cổ đông là cá nhân

Bảng 34: Danh sách cổ đông lớn của Công ty

Ông Nguyễn Vũ Trụ - Năm sinh: 1980 - Quốc tịch: Việt Nam - Chức vụ đang nắm giữ tại TCPH: Chủ tịch HĐQT
Bà Nguyễn Thị Thu Huyền - Năm sinh: 1981 - Quốc tịch: Việt Nam - Chức vụ đang nắm giữ tại TCPH: Phó Chủ tịch HĐQT

2.2. Đối với cổ đông là tổ chức

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Máy Việt Nam có một cổ đông lớn là tổ chức, cụ thể:

Công ty Cổ phần M&A Holding Việt Nam

Năm thành lập	:	2015
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số	:	Số 0107107796 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 13/11/2015.
Quốc tịch	:	Việt Nam
Địa chỉ trụ sở chính	:	BT1-12, Khu đô thị mới An Hưng, Phường Dương Nội, Thành phố Hà Nội
Vốn điều lệ	:	100.000.000.000 đồng
Người đại diện theo pháp luật	:	Bà Nguyễn Thùy Nhung – Chức vụ: Giám đốc
Người đại diện theo ủy quyền tại VIMID	:	Ông Nguyễn Thanh Bình – Thành viên HĐQT của VIMID

2.3. Số lượng, tỷ lệ cổ phần nắm giữ, cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông lớn và những người có liên quan của họ tại thời điểm trở thành cổ đông lớn, hiện tại và dự kiến sau đợt chào bán

Bảng 35: Danh sách cổ đông lớn, người có liên quan của cổ đông lớn

STT	Tên cổ đông/người có liên quan của cổ đông	Mối quan hệ với cổ đông lớn	SLCP nắm giữ tại thời điểm trở thành cổ đông lớn (**)	Tỷ lệ nắm giữ trên vốn điều lệ tại thời điểm trở thành cổ đông lớn	SLCP nắm giữ hiện tại	Tỷ lệ nắm giữ trên vốn điều lệ hiện tại (23/03/2026)	SLCP nắm giữ (dự kiến) sau đợt chào bán	Tỷ lệ nắm giữ (dự kiến) sau đợt chào bán
i	**Nguyễn Vũ Trụ**		**9.225.000**	**45,00%**	**9.636.800**	**44,77%**	**19.273.600**	**44,77%**
1	Nguyễn Nguyên Tứ	Bố ruột	-	-	-	-	-	-
2	Bùi Thị Đề	Mẹ ruột	-	-	-	-	-	-
3	Nguyễn Thanh Bình	Bố vợ	-	-	-	-	-	-
4	Hoàng Thị Vân	Mẹ vợ	-	-	600.000	2,79%	1.200.000	2,79%
5	Nguyễn Phi Long	Anh vợ	-	-	3.300	0,02%	6.600	0,02%
6	Lưu Thị Minh Nguyệt	Chị dâu	-	-	-	-	-	-
7	Nguyễn Thị Thu Huyền	Vợ	2.225.000	10,85%	2.225.000	10,34%	4.450.000	10,34%
8	Nguyễn Đức Minh	Con đẻ	-	-	-	-	-	-

STT	Tên cổ đông/người có liên quan của cổ đông	Mối quan hệ với cổ đông lớn	SLCP nắm giữ tại thời điểm trở thành cổ đông lớn (**)	Tỷ lệ nắm giữ trên vốn điều lệ tại thời điểm trở thành cổ đông lớn	SLCP nắm giữ hiện tại	Tỷ lệ nắm giữ trên vốn điều lệ hiện tại (23/03/2026)	SLCP nắm giữ (dự kiến) sau đợt chào bán	Tỷ lệ nắm giữ (dự kiến) sau đợt chào bán
9	Nguyễn Nguyên Vũ	Con đẻ	-	-	-	-	-	-
10	Nguyễn Tuệ An	Con đẻ	-	-	-	-	-	-
11	Nguyễn Thị Phong Lan	Chị ruột	-	-	-	-	-	-
12	Nguyễn Thành Phương	Anh rể	-	-	-	-	-	-
13	Nguyễn Thị Hoài Hương	Chị ruột	-	-	-	-	-	-
ii	**Nguyễn Thị Thị Huyền**		**2.225.000**	**10,85%**	**2.225.000**	**10,34%**	**4.450.000**	**10,34%**
1	Nguyễn Nguyên Tứ	Bố chồng	-	-	-	-		-
2	Bùi Thị Đề	Mẹ chồng	-	-	-	-	-	-
3	Nguyễn Vũ Trụ	Chồng	9.225.000	45,00%	9.636.800	44,77%	19.273.600	44,77%
4	Nguyễn Đức Minh	Con ruột	-	-	-	-	-	-
5	Nguyễn Nguyên Vũ	Con ruột	-	-	-	-	-	-

STT	Tên cổ đông/người có liên quan của cổ đông	Mối quan hệ với cổ đông lớn	SLCP nắm giữ tại thời điểm trở thành cổ đông lớn (**)	Tỷ lệ nắm giữ trên vốn điều lệ tại thời điểm trở thành cổ đông lớn	SLCP nắm giữ hiện tại	Tỷ lệ nắm giữ trên vốn điều lệ hiện tại (23/03/2026)	SLCP nắm giữ (dự kiến) sau đợt chào bán	Tỷ lệ nắm giữ (dự kiến) sau đợt chào bán
6	Nguyễn Tuệ An	Con ruột	-	-	-	-	-	-
7	Nguyễn Thanh Bình	Bố ruột	-	-	-	-	-	-
8	Hoàng Thị Vân	Mẹ ruột	-	-	600.000	2,79%	1.200.000	2,79%
9	Nguyễn Phi Long	Anh ruột	-	-	3.300	0,02%	6.600	0,02%
10	Lưu Thị Minh Nguyệt	Chị dâu	-	-	-	-	-	-
11	Nguyễn Thị Phong Lan	Chị chồng	-	-	-	-	-	-
12	Nguyễn Thành Phương	Anh rể	-	-	-	-	-	-
13	Nguyễn Thị Hoài Thương	Chị chồng	-	-	-	-	-	-
iii	**Công ty Cổ phần M&A Holding Việt Nam**		**1.800.000**	**8,78%**	**1.800.000**	**8,36%**	**3.600.000**	**8,36%**

STT	Tên cổ đông/người có liên quan của cổ đông	Mối quan hệ với cổ đông lớn	SLCP nắm giữ tại thời điểm trở thành cổ đông lớn (**)	Tỷ lệ nắm giữ trên vốn điều lệ tại thời điểm trở thành cổ đông lớn	SLCP nắm giữ hiện tại	Tỷ lệ nắm giữ trên vốn điều lệ hiện tại (23/03/2026)	SLCP nắm giữ (dự kiến) sau đợt chào bán	Tỷ lệ nắm giữ (dự kiến) sau đợt chào bán
1	Nguyễn Thuỳ Nhung	Người đại diện trước pháp luật kiêm Giám đốc	-	-	-	-	-	-
2	Lưu Thị Minh Nguyệt	Thành viên HĐQT	-	-	-	-	-	-
3	Nguyễn Thanh Bình (*)	Thành viên HĐQT	-	-	-	-	-	-
4	Nguyễn Thị Thu Huyền	Thành viên HĐQT	2.225.000	10,85%	2.225.000	10,34%	4.450.000	10,34%
5	Trần Thị Hoà	Kế toán trưởng	-	-	-	-	-	-

Nguồn: VIMID

(*) Ông Nguyễn Thanh Bình – Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Máy Việt Nam("VIMID"), là người đại diện phần vốn góp của Công ty Cổ phần M&A Holding Việt Nam tại VIMID, số lượng cổ phiếu đại diện sở hữu là 1.800.000 cổ phiếu.

(**) Theo danh sách cổ đông Công ty tại ngày 03/08/2022, căn cứ thông tin tại Bản Công bố thông tin về tổ chức đăng ký giao dịch ngày 21/09/2022.

2.4. *Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành với các cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của Tổ chức phát hành và những người có liên quan của họ*

Không có

2.5. *Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành*

Cổ đông được nhận cổ tức hằng năm theo phương án được ĐHĐCĐ thường niên thông qua.

2.6. *Trường hợp cổ đông lớn có lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành*

Không có

3. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị, Ủy ban kiểm toán, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng

3.1. Hội đồng quản trị

Bảng 36: Danh sách Hội đồng quản trị

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Ông **Nguyễn Vũ Trụ**	Chủ tịch HĐQT (điều hành)
2	Bà **Nguyễn Thị Thu Huyền**	Phó chủ tịch HĐQT (không điều hành)
3	Ông **Nguyễn Thanh Bình**	Thành viên HĐQT (không điều hành)
4	Ông **Chu Quang Huy**	Thành viên độc lập HĐQT
5	Ông **Kiều Anh Đào**	Thành viên HĐQT (điều hành)

Sơ yếu lý lịch các thành viên Hội đồng quản trị

a) Ông Nguyễn Vũ Trụ - Chủ tịch Hội đồng quản trị

- Họ và tên: NGUYỄN VŨ TRỤ
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 05/09/1980 Nơi sinh: Hải Phòng
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Trình độ học vấn: 12/12
- Năng lực chuyên môn: Cử nhân Vật lý - Đại học Khoa học Tự nhiên (Hà Nội), Kỹ sư điện - Đại Học Bách Khoa Hà Nội

- Các chức vụ đã và đang nắm giữ tại VVS:
  + Từ năm 2010 – 05/2021: Giám đốc
  + Từ năm 06/2021 – 04/2025: Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc
  + Từ 19/04/2025 đến nay: Chủ tịch HĐQT kiêm Người đại diện theo pháp luật
- Các chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: Không có
- Kinh nghiệm công tác:
  + Từ năm 2010 – 05/2021: Giám đốc CTCP Đầu tư Phát triển Máy Việt Nam
  + Từ năm 06/2021 – 04/2025: Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc CTCP Đầu tư Phát triển Máy Việt Nam
  + Từ 19/04/2025 – nay: Chủ tịch HĐQT kiêm Người đại diện theo pháp luật CTCP Đầu tư Phát triển Máy Việt Nam
- Số cổ phiếu nắm giữ tại VVS hiện tại:
  + Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ
  + Cá nhân sở hữu: 9.636.800 cổ phiếu, chiếm 44,77% vốn điều lệ
  + Người có liên quan của ông Nguyễn Vũ Trụ:
    - Hoàng Thị Vân (Mẹ vợ): 600.000 cổ phần, chiếm 2,79% Vốn điều lệ.
    - Nguyễn Phi Long (Anh vợ): 3.300 cổ phần, chiếm 0,02% vốn điều lệ
    - Nguyễn Thị Thu Huyền (Vợ): 2.225.000 cổ phần, chiếm 10,34% vốn điều lệ
- Thông tin về những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của VIMID:

Tên người có liên quan	Chức vụ nắm giữ/cổ đông tại VIMID	Mối quan hệ với người nội bộ
Hoàng Thị Vân	Cổ đông	Mẹ vợ
Nguyễn Phi Long	Cổ đông	Anh vợ
Nguyễn Thị Thu Huyền	Cổ đông, Phó Chủ tịch HĐQT	Vợ
Nguyễn Thanh Bình	Thành viên HĐQT	Bố vợ

Lợi ích liên quan đối với VIMID:

+ Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa VIMID, công ty con của VIMID, công ty do VIMID nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với ông Nguyễn Vũ Trụ và người có liên quan:

STT	Nội dung	Thành viên HĐQT/ Người liên quan	Giá trị/Tài sản thực hiện	Ngày giao dịch
1	VIMID vay tiền nhằm đáp ứng hoạt động SXKD	Nguyễn Thị Thu Huyền (Vợ)	20.000.000.000 VNĐ	23/09/2025
2	VIMID vay tiền nhằm đáp ứng hoạt động SXKD	Nguyễn Thanh Bình (Bố vợ)	19.000.000.000 VNĐ	23/09/2025
3	Sử dụng tài sản thế chấp là sổ tiết kiệm của người nội bộ, VMASS vay ngân hàng nhằm đảm bảo tiến độ triển khai dự án sản xuất lắp ráp tại KCN Nam Đình Vũ, Hải Phòng.	Nguyễn Thị Thu Huyền (Vợ)	Sổ tiết kiệm đứng tên cá nhân	15/04/2026
4	Sử dụng tài sản thế chấp là sổ tiết kiệm của người nội bộ, VMASS vay ngân hàng nhằm đảm bảo tiến độ triển khai dự án sản xuất lắp ráp tại KCN Nam Đình Vũ, Hải Phòng.	Nguyễn Vũ Trụ	Sổ tiết kiệm đứng tên cá nhân	15/04/2026

+ Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác (tiền thưởng, cổ phiếu được nhận theo chương trình lựa chọn cho người lao động (số lượng, giá),...) trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại:

  ❖ Tiền lương, thưởng:

  Năm 2024: 675.270.000 đồng
  Năm 2025: 840.000.000 đồng
  3 tháng đầu năm 2026: 180.000.000 đồng

  ❖ Thù lao:

  Năm 2024: 120.000.000 đồng
  Năm 2025: 180.000.000 đồng
  3 tháng đầu năm 2026: 45.000.000 đồng

❖ Phụ cấp, trợ cấp, các lợi ích tài chính khác nhận từ Công ty: Cổ tức năm 2024, trả vào ngày 28/08/2025.

- Các khoản nợ đối với VIMID: Không có
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với VIMID hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của VIMID: Không có

b) Bà Nguyễn Thị Thu Huyền - Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị

- Họ và tên: NGUYỄN THỊ THU HUYỀN
- Giới tính: Nữ
- Ngày sinh: 18/08/1981 Nơi sinh: Vĩnh Phúc
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Trình độ học vấn: 12/12
- Năng lực chuyên môn: Cử Nhân tiếng Trung – Đại học Hà Nội; Cử nhân Kinh tế - Đại học Ngoại Thương (Hà Nội)
- Các chức vụ đã và đang nắm giữ tại VVS:
  + Từ 06/2021 đến 04/2025: Chủ tịch HĐQT
  + Từ 04/2025 đến nay: Phó Chủ tịch HĐQT
- Các chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: Thành viên HĐQT Công ty cổ phần M&A Holding Việt Nam.
- Kinh nghiệm công tác:
  + Từ 06/2021 – 4/2025: Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Đầu tư Phát triển Máy Việt Nam
  + Từ 10/10/2025 - nay: Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần M&A Holding Việt Nam
  + Từ 04/2025 – nay: Phó Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Đầu tư Phát triển Máy Việt Nam
- Số cổ phiếu nắm giữ tại VVS hiện tại:
  + Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ
  + Cá nhân sở hữu: 2.225.000 cổ phiếu, chiếm 10,34% vốn điều lệ
  + Người có liên quan của bà Nguyễn Thị Thu Huyền:
    - Nguyễn Vũ Trụ (Chồng): 9.636.800 cổ phần, chiếm 44,77% vốn điều lệ.

- Hoàng Thị Vân (Mẹ ruột): 600.000 cổ phần, chiếm 2,79% vốn điều lệ.
- Nguyễn Phi Long (Anh ruột): 3.300 cổ phần, chiếm 0,02% vốn điều lệ
- Công ty Cổ phần M&A Holding Việt Nam (Tổ chức có liên quan): 1.800.000 cổ phần, chiếm 8,78% vốn điều lệ

- Thông tin về những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của VIMID:

Tên người có liên quan	Chức vụ nắm giữ/cổ đông tại VIMID	Mối quan hệ với người nội bộ
Hoàng Thị Vân	Cổ đông	Mẹ ruột
Nguyễn Thanh Bình	Thành viên HĐQT	Bố ruột
Nguyễn Phi Long	Cổ đông	Anh ruột
Nguyễn Vũ Trụ	Cổ đông, Chủ tịch HĐQT	Chồng
Công ty Cổ phần M&A Holding Việt Nam	Cổ đông lớn	Tổ chức có liên quan (Bà Huyền là Thành viên HĐQT)

- Lợi ích liên quan đối với VIMID:

+ Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa VIMID, công ty con của VIMID, công ty do VIMID nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với bà Nguyễn Thị Thu Huyền và người có liên quan:

STT	Nội dung	Thành viên HĐQT/ Người liên quan	Giá trị/Tài sản thực hiện	Ngày giao dịch
1	VIMID vay tiền nhằm đáp ứng hoạt động SXKD	Nguyễn Thị Thu Huyền	20.000.000.000 VNĐ	23/09/2025
2	VIMID vay tiền nhằm đáp ứng hoạt động SXKD	Nguyễn Thanh Bình (Bố ruột)	19.000.000.000 VNĐ	23/09/2025
3	Sử dụng tài sản thế chấp là sổ tiết kiệm của người nội bộ, VMASS vay ngân hàng nhằm đảm bảo tiến độ triển khai dự án sản xuất lắp ráp	Nguyễn Thị Thu Huyền	Sổ tiết kiệm đứng tên cá nhân	15/04/2026

	tại KCN Nam Đình Vũ, Hải Phòng.			
4	Sử dụng tải sản thế chấp là sổ tiết kiệm của người nội bộ, VMASS vay ngân hàng nhằm đảm bảo tiến độ triển khai dự án sản xuất lắp ráp tại KCN Nam Đình Vũ, Hải Phòng.	Nguyễn Vũ Trụ (Chồng)	Sổ tiết kiệm đứng tên cá nhân	15/04/2026

+ Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác (tiền thưởng, cổ phiếu được nhận theo chương trình lựa chọn cho người lao động (số lượng, giá),...) trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại:

  ❖ Tiền lương, thưởng:
  Năm 2024: 565.170.000 đồng
  Năm 2025: 700.000.000 đồng
  3 tháng đầu năm 2026: 150.000.000 đồng

  ❖ Thù lao:
  Năm 2024: 120.000.000 đồng
  Năm 2025: 180.000.000 đồng
  3 tháng đầu năm 2026: 45.000.000 đồng

  ❖ Phụ cấp, trợ cấp, các lợi ích tài chính khác nhận từ Công ty: Cổ tức năm 2024, trả vào ngày 28/8/2025

- Các khoản nợ đối với VIMID: Không có
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với VIMID hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của VIMID: Không có

c) Ông Nguyễn Thanh Bình – Thành viên Hội đồng quản trị

- Họ và tên: NGUYỄN THANH BÌNH
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 20/10/1954 Nơi sinh: Sơn Đông, Lập Thạch, Vĩnh Phúc
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Trình độ học vấn: 12/12

- Năng lực chuyên môn: Hành chính – Kinh Doanh
- Các chức vụ đã và đang nắm giữ tại VVS:
  + Từ 2021 đến nay: Thành viên HĐQT
- Các chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: Thành viên HĐQT Công ty cổ phần M&A Holding Việt Nam.
- Kinh nghiệm công tác:
  + Năm 2020 đến năm 2021: Thành viên HĐQT CTCP M&A Holding Việt Nam
  + Từ 10/10/2025 - nay: Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần M&A Holding Việt Nam
  + Năm 2021 đến nay: Thành viên HĐQT CTCP Đầu tư Phát triển Máy Việt Nam
- Số cổ phiếu nắm giữ tại VVS hiện tại:
  + Đại diện sở hữu: 1.800.000 cổ phiếu, chiếm 8,36% vốn điều lệ
  + Cá nhân sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ
  + Người có liên quan của ông Nguyễn Thanh Bình:
    - Hoàng Thị Vân (Vợ): 600.000 cổ phần, chiếm 2,79% Vốn điều lệ.
    - Nguyễn Phi Long (Con ruột): 3.300 cổ phần, chiếm 0,02% vốn điều lệ
    - Nguyễn Thị Thu Huyền (Con ruột): 2.225.000 cổ phần, chiếm 10,34% Vốn điều lệ
    - Nguyễn Vũ Trụ (Con rể): 9.636.800 cổ phần, chiếm 44,77% vốn điều lệ.
    - Công ty CP M&A Holding Việt Nam (Tổ chức có liên quan): 1.800.000 cổ phần, chiếm 8,36% vốn điều lệ.
- Thông tin về những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của VIMID:

Tên người có liên quan	Chức vụ nắm giữ/cổ đông tại VIMID	Mối quan hệ với người nội bộ
Hoàng Thị Vân	Cổ đông	Vợ
Nguyễn Phi Long	Cổ đông	Con ruột
Nguyễn Thị Thu Huyền	Cổ đông, Phó Chủ tịch HĐQT	Con ruột
Nguyễn Vũ Trụ	Cổ đông, Chủ tịch HĐQT	Con rể
Công ty Cổ phần M&A Holding Việt Nam	Cổ đông lớn	Tổ chức có liên quan Tổ chức có liên quan (Ông

		Bình là Thành viên HĐQT)

- Lợi ích liên quan đối với VIMID:

  + Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa VIMID, công ty con của VIMID, công ty do VIMID nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với ông Nguyễn Thanh Bình và người có liên quan:

STT	Nội dung	Thành viên HĐQT/ Người liên quan	Giá trị/Tài sản thực hiện	Ngày giao dịch
1	VIMID vay tiền nhằm đáp ứng hoạt động SXKD	Nguyễn Thị Thu Huyền (Con gái)	20.000.000.000 VNĐ	23/09/2025
2	VIMID vay tiền nhằm đáp ứng hoạt động SXKD	Nguyễn Thanh Bình	19.000.000.000 VNĐ	23/09/2025
3	Sử dụng tài sản thế chấp là sổ tiết kiệm của người nội bộ, VMASS vay ngân hàng nhằm đảm bảo tiến độ triển khai dự án sản xuất lắp ráp tại KCN Nam Đình Vũ, Hải Phòng.	Nguyễn Thị Thu Huyền (Con gái)	Sổ tiết kiệm đứng tên cá nhân	14/04/2026
4	Sử dụng tài sản thế chấp là sổ tiết kiệm của người nội bộ, VMASS vay ngân hàng nhằm đảm bảo tiến độ triển khai dự án sản xuất lắp ráp tại KCN Nam Đình Vũ, Hải Phòng.	Nguyễn Vũ Trụ (Con rể)	Sổ tiết kiệm đứng tên cá nhân	14/04/2026

  + Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác (tiền thưởng, cổ phiếu được nhận theo chương trình lựa chọn cho người lao động (số lượng, giá),...) trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại:

    ❖ Tiền lương, thưởng:

Năm 2024: Không có
Năm 2025: Không có
3 tháng đầu năm 2026: Không có

❖ Thù lao:

Năm 2024: 60.000.000 đồng
Năm 2025: 120.000.000 đồng
3 tháng đầu năm 2026: 30.000.000 đồng

❖ Phụ cấp, trợ cấp, các lợi ích tài chính khác nhận từ Công ty: Không có

- Các khoản nợ đối với VIMID: Không có
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với VIMID hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của VIMID: Không có

d) Ông Chu Quang Huy – Thành viên HĐQT độc lập

- Họ và tên: CHU QUANG HUY
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 07/02/1985 Nơi sinh: Tòng Bạt – Ba Vì – Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Trình độ học vấn: 12/12
- Năng lực chuyên môn: Cử nhân Quản trị kinh doanh, Đại học Kinh tế quốc dân (Hà Nội)
- Các chức vụ đã và đang nắm giữ tại VVS:
  + Từ 2021 đến nay: Thành viên HĐQT độc lập
- Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không có
- Kinh nghiệm công tác:
  + Từ năm 2016 đến năm 2021: Trưởng phòng dịch vụ Công ty cổ phần Ô tô Tải Việt Nam
  + Từ năm 2021 đến nay: Thành viên HĐQT độc lập tại Công ty cổ phần Đầu tư Phát triển Máy Việt Nam.
- Số cổ phiếu nắm giữ tại VVS hiện tại: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ
  + Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ
  + Cá nhân sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ
  + Người có liên quan của ông Chu Quang Huy: Không có

- Thông tin về những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của VIMID: Không có
- Lợi ích liên quan đối với VIMID:
  + Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa VIMID, công ty con của VIMID, công ty do VIMID nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với ông Chu Quang Huy và người có liên quan: Không có
  + Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác (tiền thưởng, cổ phiếu được nhận theo chương trình lựa chọn cho người lao động (số lượng, giá),...) trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại:
    ❖ Tiền lương, thưởng:
    Năm 2024: Không có
    Năm 2025: Không có
    3 tháng đầu năm 2026: Không có
    ❖ Thù lao:
    Năm 2024: 60.000.000 đồng
    Năm 2025: 60.000.000 đồng
    3 tháng đầu năm 2026: 15.000.000 đồng
    ❖ Phụ cấp, trợ cấp, các lợi ích tài chính khác nhận từ Công ty: Không có
- Các khoản nợ đối với VIMID: Không có
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với VIMID hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của VIMID: Không có

e) Ông Kiều Anh Đào - Thành viên Hội đồng quản trị

- Họ và tên: KIỀU ANH ĐÀO
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 07/05/1987 Nơi sinh: Xuân Lập, Thọ Xuân, Thanh Hóa
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Trình độ học vấn: 12/12
- Năng lực chuyên môn: Trung cấp nghề, Trường Cao Đẳng Nghề GTVT TW1
- Các chức vụ đã và đang nắm giữ tại VVS:
  + Từ ngày 19/4/2025 đến nay: Giám đốc Công ty cổ phần Đầu tư Phát triển Máy Việt Nam

- Các chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: Chủ tịch Công ty kiêm Giám đốc kiêm Đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH Một thành viên Ô tô VMASS
- Kinh nghiệm công tác:
  + Từ năm 2021 đến năm 2023: Giám đốc Công ty cổ phần Ô tô tải Việt Nam
  + Từ năm 2024 đến tháng 03/2025: Giám đốc Công ty cổ phần Cộng đồng xe tải Việt Nam
  + Từ ngày 19/4/2025 đến nay: Giám đốc công ty, Công ty cổ phần Đầu tư Phát triển Máy Việt Nam
- Số cổ phiếu nắm giữ tại VVS hiện tại: 30.000 cổ phiếu, chiếm 0,14% vốn điều lệ
  + Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ
  + Cá nhân sở hữu: 30.000 cổ phiếu, chiếm 0,14% vốn điều lệ
  + Người có liên quan của ông Kiều Anh Đào:
    - Hoàng Bạch Vân (Vợ): 21.600 cổ phần, chiếm 0,10% vốn điều lệ.
- Thông tin về những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của VIMID:

Tên người có liên quan	Chức vụ nắm giữ/cổ đông tại VIMID	Mối quan hệ với người nội bộ
Hoàng Bạch Vân	Cổ đông	Vợ

- Lợi ích liên quan đối với VIMID:
  + Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa VIMID, công ty con của VIMID, công ty do VIMID nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với ông Kiều Anh Đào và người có liên quan: Không có
  + Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác (tiền thưởng, cổ phiếu được nhận theo chương trình lựa chọn cho người lao động (số lượng, giá)...) trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại:
    ❖ Tiền lương, thưởng:
    Năm 2024: Không
    Năm 2025: 899.142.000 đồng
    3 tháng đầu năm 2026: 247.890.000 đồng
    ❖ Thù lao:
    Năm 2024: Không
    Năm 2025: Không
    3 tháng đầu năm 2026: Không

❖ Phụ cấp, trợ cấp, các lợi ích tài chính khác nhận từ Công ty: Cổ tức năm 2024, trả vào ngày 28/8/2025

- Các khoản nợ đối với VIMID: Không có
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với VIMID hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của VIMID: Không có

3.2. Ủy ban kiểm toán

Bảng 37: Danh sách Ủy ban kiểm toán

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Ông **Chu Quang Huy**	Chủ tịch Ủy ban kiểm toán
2	Bà **Nguyễn Thị Thu Huyền**	Thành viên Ủy ban kiểm toán

Sơ yếu lý lịch các thành viên Ủy ban kiểm toán

a) Ông Chu Quang Huy - Chủ tịch Ủy ban kiểm toán

Thông tin tại mục 3.1. Hội đồng quản trị.

b) Bà Nguyễn Thị Thu Huyền - Thành viên Ủy ban kiểm toán

Thông tin tại mục 3.1. Hội đồng quản trị.

3.3. Giám đốc và Kế toán trưởng

Bảng 38: Giám đốc và Kế toán trưởng

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Ông **Kiều Anh Đào**	Giám đốc Công ty
2	Bà **Nguyễn Thị Tâm**	Kế toán trưởng

Sơ yếu lý lịch Giám đốc và Kế toán trưởng

c) Ông Kiều Anh Đào - Giám đốc Công ty

Thông tin tại mục 3.1. Hội đồng quản trị.

d) Bà Nguyễn Thị Tâm - Kế toán trưởng

- Họ và tên: NGUYỄN THỊ TÂM
- Giới tính: Nữ
- Ngày sinh: 21/11/1979 Nơi sinh: Hải Dương
- Quốc tịch: Việt Nam

- Dân tộc: Kinh
- Trình độ học vấn: 12/12
- Năng lực chuyên môn: Cử nhân kinh tế, Kế toán tổng hợp
- Các chức vụ đã và đang nắm giữ tại VVS:
  + Từ 06/2019 đến nay: Kế toán trưởng, Trưởng phòng kế toán Công ty cổ phần Đầu tư Phát triển Máy Việt Nam
- Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không có
- Kinh nghiệm công tác:
  + Từ 03/2015 đến 04/2017: Trợ lý tổng giám đốc, Trưởng phòng hành chính kế toán, kế toán trưởng tại Công ty cổ phần gốm sứ Chu Đậu Hải Dương
  + Từ 10/2017 đến 06/2019: Kế toán trưởng, trưởng phòng Tài chính kế toán Công ty cổ phần tập đoàn công nghệ T-Tech Việt Nam
  + Từ 06/2019 đến nay: Kế toán trưởng, Trưởng phòng kế toán Công ty cổ phần Đầu tư Phát triển Máy Việt Nam
- Số cổ phiếu nắm giữ tại VVS hiện tại: 9.200 cổ phiếu, chiếm 0,04% vốn điều lệ
  + Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ
  + Cá nhân sở hữu: 9.200 cổ phiếu, chiếm 0,04% vốn điều lệ
  + Người có liên quan của bà Nguyễn Thị Tâm: Không có
- Thông tin về những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của VIMID: Không có
- Lợi ích liên quan đối với VIMID:
  + Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa VIMID, công ty con của VIMID, công ty do VIMID nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với bà Nguyễn Thị Tâm và người có liên quan: Không có
  + Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác (tiền thưởng, cổ phiếu được nhận theo chương trình lựa chọn cho người lao động (số lượng, giá)...) trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại:
    ❖ Tiền lương, thưởng:
    Năm 2024: 486.945.000 đồng
    Năm 2025: 490.875.000 đồng
    3 tháng đầu năm 2026: 196.635.000 đồng
    ❖ Thù lao:
    Năm 2024: Không có

Năm 2025: Không có
3 tháng đầu năm 2026: Không có

- ❖ Phụ cấp, trợ cấp, các lợi ích tài chính khác nhận từ Công ty: Cổ tức năm 2024, trả vào ngày 28/8/2025

- Các khoản nợ đối với VIMID: Không có
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với VIMID hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của VIMID: Không có

VII. THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN

1. Loại cổ phiếu

Cổ phiếu phổ thông

2. Mệnh giá cổ phiếu:

10.000 đồng/cổ phiếu

3. Tổng số lượng cổ phiếu chào bán

Tổng số lượng cổ phiếu chào bán thêm ra công chúng cho cổ đông hiện hữu: 21.525.000 cổ phiếu *(Bằng chữ: Hai mươi mốt triệu năm trăm hai mươi lăm nghìn cổ phiếu)*

4. Tổng giá trị cổ phiếu chào bán theo mệnh giá

Tổng giá trị cổ phiếu chào bán thêm ra công chúng cho cổ đông hiện hữu theo mệnh giá: 215.250.000.000 đồng *(Bằng chữ: Hai trăm mười lăm tỷ hai trăm năm mươi triệu đồng)*

5. Giá chào bán dự kiến:

25.000 đồng/cổ phiếu

6. Phương pháp tính giá

(i) Giá trị sổ sách cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Máy Việt Nam tại thời điểm 31/12/2025 trên BCTC hợp nhất năm 2025 đã được kiểm toán:

$$\text{Giá trị sổ sách} = \frac{\text{Vốn chủ sở hữu} - \text{Tài sản cố định vô hình}}{\text{Tổng số lượng cổ phiếu đang lưu hành}}$$

$$= \frac{652.146.481.501 - 14.743.575.984}{21.525.000}$$

$$= 29.612 \text{ đồng/cổ phiếu.}$$

(ii) Giá trị thị trường (giá tham chiếu) trung bình của cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Máy Việt Nam giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh trong 30 phiên giao dịch từ ngày 09/02/2026 đến ngày 27/03/2026 là 124,697 đồng/cổ phiếu.

Căn cứ theo tình hình thị trường chung và để đảm bảo sự thành công của đợt chào bán, HĐQT đề xuất mức giá chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu của Công ty là **25.000 đồng/cổ phiếu.**

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 đã thông qua mức giá chào bán là 25.000 đồng/cổ phiếu.

7. Phương thức phân phối

- Đối tượng chào bán: Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách cổ đông tại ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền mua cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu do Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam cấp.
- Tỷ lệ chào bán: **100%** (là tỷ lệ giữa số lượng cổ phiếu dự kiến chào bán thêm cho cổ đông hiện hữu/số lượng cổ phiếu đang lưu hành tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền mua cổ phiếu chào bán).
- Tỷ lệ thực hiện quyền: 1:1 (Tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền do Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam thực hiện, người sở hữu 01 cổ phiếu được hưởng 01 quyền mua, cứ 01 quyền mua được mua 01 cổ phiếu mới chào bán thêm)
- Phương án xử lý cổ phiếu lẻ và cổ phiếu không chào bán hết do nhà đầu tư không đăng ký mua, không nộp tiền mua *(nếu có):*
    + Đợt chào bán thực hiện theo tỷ lệ 1:1 do đó không phát sinh cổ phiếu lẻ, phần lẻ cổ phần.
    + Số cổ phiếu không chào bán hết do nhà đầu tư không đăng ký mua, không nộp tiền mua *(nếu có)* sẽ được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị phân phối lại cho các đối tượng khác là nhà đầu tư trong nước với điều kiện chào bán, điều kiện về quyền, nghĩa vụ của nhà đầu tư không thuận lợi hơn so với điều kiện chào bán cho cổ đông hiện hữu *(trong đó bao gồm mức giá chào bán là 25.000 đồng/cổ phiếu)*
    + Việc phân phối lại cho các đối tượng khác số cổ phiếu không chào bán hết do nhà đầu tư không đăng ký mua, không nộp tiền mua *(nếu có)* đảm bảo phù hợp theo quy định tại Điều 42 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 và đảm bảo các điều kiện theo quy định tại khoản 2 Điều 195 Luật Doanh nghiệp 2020 và các quy định khác có liên quan của pháp luật hiện hành.
    + Trong trường hợp hết hạn phân phối cổ phiếu theo quy định của pháp luật *(bao gồm cả thời gian được gia hạn (nếu có))*, nếu vẫn còn cổ phiếu chưa phân phối hết thì số cổ phiếu chưa phân phối hết này được hủy và Hội đồng quản trị ra quyết định kết thúc đợt chào bán.

8. Đăng ký mua cổ phiếu

- Số lượng cổ phiếu đăng ký mua tối thiểu, thời hạn, phương thức xử lý trong trường hợp số lượng cổ phiếu đăng ký mua không đạt mức tối thiểu: Không quy định.

- Thời hạn đăng ký mua: Công ty sẽ công bố chính thức thời hạn đăng ký mua sau khi Giấy chứng nhận chào bán chứng khoán ra công chúng có hiệu lực theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. (Theo quy định tối thiểu là 20 ngày)
- Phương thức đăng ký và thanh toán tiền mua cổ phiếu: Thực hiện quyền mua.

9. Lịch trình dự kiến phân phối cổ phiếu

Bảng 39: Lịch trình dự kiến phân phối cổ phiếu chào bán thêm ra công chúng cho cổ đông hiện hữu

STT	Hạng mục	Thời gian
1	Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng có hiệu lực	D
2	Công bố thông tin chào bán cổ phiếu. Thông báo VSDC về ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền mua cổ phiếu mới	D đến D+7
3	Chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền mua cổ phiếu mới (Ngày đăng ký cuối cùng)	D+15
4	Các cổ đông thực hiện đăng ký mua, chuyển nhượng quyền mua và nộp tiền mua cổ phiếu	D+22 đến hết D+89
5	Xử lý số cổ phiếu không bán hết do cổ đông hiện hữu không đăng ký mua, không nộp tiền mua	D+22 đến hết D+89
6	Báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu ra công chúng cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước	D+95
7	Thực hiện thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	D+100
8	Nộp hồ sơ điều chỉnh thông tin số lượng chứng khoán đăng ký với VSDC	D+105
9	Nộp hồ sơ đăng ký niêm yết bổ sung với HSX	D+105

Ghi chú:

- *D là ngày Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp có hiệu lực.*
- *Lịch trình phân phối của Công ty ở bảng nêu trên là lịch trình dự kiến. Tùy theo tình hình thực tế Công ty sẽ thực hiện điều chỉnh phù hợp song vẫn đảm bảo đúng quy định về việc phân phối cổ phiếu trong thời hạn 90 ngày.*

- *Trường hợp số lượng cổ phiếu đăng ký chào bán không được phân phối hết, HĐQT Công ty sẽ xin gia hạn việc chào bán tối đa không quá 30 ngày theo quy định. Trong trường hợp hết thời hạn phân phối cổ phiếu theo quy định của Pháp luật (bao gồm cả thời gian được gian hạn (nếu có)), cổ phiếu vẫn chưa được phân phối hết thì số lượng cổ phiếu chưa được phân phối hết này được hủy và Hội đồng quản trị ra quyết định kết thúc đợt chào bán.*

Bước 1: Thông báo quyền mua cổ phần cho cổ đông hiện hữu

Công ty phối hợp với Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (VSDC) để lập danh sách những người sở hữu cổ phiếu tại ngày đăng ký cuối cùng, đồng thời công bố thông tin về đợt chào bán trực tiếp tới các cổ đông trên phương tiện thông tin đại chúng. Sau ngày chốt danh sách cổ đông, Công ty phối hợp với VSDC phân bổ và thông báo quyền mua cho cổ đông hiện hữu.

Bước 2: Thực hiện quyền mua cho cổ đông hiện hữu

Trên cơ sở Danh sách phân bổ quyền mua cổ phần cho cổ đông hiện hữu do VSDC cung cấp, các thành viên lưu ký tổ chức cho các cổ đông đăng ký thực hiện quyền và nộp tiền mua cổ phiếu mới phát hành; đối với trường hợp cổ đông chưa lưu ký thì sẽ đăng ký và nộp tiền tại Công ty.

Các cổ đông trên danh sách sở hữu cuối cùng thực hiện đăng ký quyền mua cổ phần theo tỷ lệ quy định, thời gian cụ thể trên thông báo phát hành.

Bước 3: Kết thúc thời hạn thực hiện quyền

Chậm nhất 07 ngày làm việc sau ngày hết hạn đăng ký thực hiện quyền, VSDC gửi Danh sách tổng hợp nhà đầu tư đăng ký mua chứng khoán phát hành thêm đối với chứng khoán lưu ký cho Công ty và chuyển tiền vào tài khoản phong tỏa mà Công ty đã thông báo.

Bước 4: Phân phối chứng khoán

Kế hoạch phân phối chi tiết trong bảng kế hoạch trên.

Bước 5: Thông báo kết quả đợt phát hành

Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán, Công ty tiến hành báo cáo kết quả tới Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Trong trường hợp sau khi có Giấy chứng nhận chào bán mà tình hình thực tế cần phải thay đổi thời gian dự kiến nêu trên thì Hội đồng Quản trị Công ty sẽ thực hiện điều chỉnh phù hợp song vẫn đảm bảo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

10. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng cổ phiếu

10.1. Hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu

- Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách tại ngày chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền mua cổ phiếu chào bán thêm có quyền chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu của mình cho người

khác trong thời gian quy định và chỉ được chuyển nhượng 01 lần *(người nhận chuyển nhượng không được chuyển nhượng quyền mua cho người thứ ba).*

- Để đảm bảo việc chào bán cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài, các cổ đông chỉ được chuyển nhượng quyền mua cho nhà đầu tư trong nước.
- Bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng tự thỏa thuận mức giá chuyển nhượng, thực hiện thanh toán tiền và chịu trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ theo quy định liên quan đến việc chuyển nhượng.

10.2. Hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng cổ phiếu

- Toàn bộ số cổ phiếu chào bán cho các cổ đông hiện hữu và người nhận chuyển nhượng quyền mua từ các cổ đông hiện hữu không bị hạn chế chuyển nhượng.
- Số lượng cổ phiếu không chào bán hết do nhà đầu tư không đăng ký mua, không nộp tiền mua (nếu có), được phân phối lại cho các đối tượng khác bị hạn chế chuyển nhượng 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán theo quy định tại khoản 2 Điều 42 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020.

11. Tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu

Tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu trong đợt chào bán:

- Chủ tài khoản: Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Máy Việt Nam
- Số tài khoản: 8843641250706
- Tên ngân hàng nơi mở tài khoản: Ngân hàng TMCP Quân Đội – Chi nhánh Hoài Đức

12. Ý kiến của cơ quan có thẩm quyền về đợt tăng vốn điều lệ của Tổ chức phát hành

Không có quy định.

13. Hủy bỏ đợt chào bán

Không có quy định.

14. Biện pháp đảm bảo tuân thủ quy định về sở hữu nước ngoài

Phương án chi tiết đảm bảo việc chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa:

Theo công văn số 3359/UBCK-PTTT ngày 06/06/2023 ủa Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty là 49%.

Theo danh sách cổ đông tại ngày đăng ký cuối cùng ngày 23/03/2026 do Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (VSDC) cấp, số lượng cổ phiếu VVS được nắm giữ bởi nhà đầu tư nước ngoài chiếm 2,23% tổng số lượng cổ phiếu của Công ty.

Phương án đảm bảo việc chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài như sau:

- Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài có tên trong danh sách cổ đông tại ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền mua cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu do Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam cấp, được thực hiện quyền mua cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ chào bán 1:1 của phương án này.
- Các cổ đông chỉ được chuyển nhượng quyền mua cho nhà đầu tư trong nước.
- Số cổ phiếu không chào bán hết do nhà đầu tư không đăng ký mua, không nộp tiền mua *(nếu có)* sẽ được Hội đồng quản trị phân phối lại cho các đối tượng khác là nhà đầu tư trong nước.

15. Các loại thuế có liên quan

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty cần thực hiện các nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước như thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế giá trị gia tăng… phụ thuộc các lĩnh vực kinh doanh, đầu tư của Công ty và tuân thủ theo chính sách của Nhà nước trong từng thời kỳ. Cụ thể như sau:

15.1. Thuế áp dụng với Công ty

a. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Theo Luật thuế thu nhập doanh nghiệp 2025 số 67/2025/QH15 ngày 14/062025, Công ty đang thực hiện áp dụng mức thuế suất thuế Thu nhập Doanh nghiệp là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế.

b. Thuế giá trị gia tăng

Theo Luật Thuế giá trị gia tăng số 48/2024/QH15 cùng Luật sửa đổi, bổ sung số 149/2025/QH15, và căn cứ Nghị quyết số 204/2025/QH15 về chính sách giảm thuế giá trị gia tăng (VAT), từ ngày 01/07/2025 đến hết ngày 31/12/2026, mức thuế suất VAT được giảm 2% (xuống còn 8%) đối với các nhóm hàng hóa và dịch vụ quy định tại khoản 3 Điều 9 Luật số 48/2024/QH15, trừ một số nhóm hàng hóa, dịch vụ sau: viễn thông, hoạt động tài chính, ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm, kinh doanh bất động sản, sản phẩm kim loại, sản phẩm khai khoáng (trừ than), sản phẩm hàng hóa và dịch vụ chịu thuế tiêu thụ đặc biệt (trừ xăng).

Dựa trên các quy định nêu trên, sản phẩm và dịch vụ của Công ty thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi, do đó, Công ty đang áp dụng thuế suất thuế Giá trị gia tăng là 08% đối với các loại hình hàng hóa, dịch vụ của Công ty.

c. Thuế nhập khẩu

Căn cứ theo Quy định tại các văn bản pháp luật:

- Nghị định số 26/2023/NĐ-CP của Chính phủ ban hành ngày 31/05/2023: Biểu thuế xuất khẩu, Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi, Danh mục hàng hóa và mức thuế tuyệt đối, thuế hỗn hợp, thuế nhập khẩu ngoài hạn ngạch thuế quan;
- Nghị định số 144/2024/NĐ-CP của Chính phủ ban hành ngày 01/11/2024: Sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 26/2023/NĐ-CP ngày 31 tháng 5 năm 2023 của chính phủ về

biểu thuế xuất khẩu, biểu thuế nhập khẩu ưu đãi, danh mục hàng hóa và mức thuế tuyệt đối, thuế hỗn hợp, thuế nhập khẩu ngoài hạn ngạch thuế quan;

- Nghị định số 108/2025/NĐ-CP của Chính phủ Ban hành ngày 19/05/2025: Sửa đổi, bổ sung nghị định số 26/2023/NĐ-CP ngày 31 tháng 5 năm 2023 của chính phủ về biểu thuế xuất khẩu, biểu thuế nhập khẩu ưu đãi, danh mục hàng hóa và mức thuế tuyệt đối, thuế hỗn hợp, thuế nhập khẩu ngoài hạn ngạch thuế quan;
- Nghị định số 199/2025/NĐ-CP của Chính phủ Ban hành ngày 08/07/2025: Sửa đổi, bổ sung nghị định số 26/2023/NĐ-CP ngày 31 tháng 5 năm 2023 của chính phủ về biểu thuế xuất khẩu, biểu thuế nhập khẩu ưu đãi, danh mục hàng hóa và mức thuế tuyệt đối, thuế hỗn hợp, thuế nhập khẩu ngoài hạn ngạch thuế quan
- Nghị định số 260/2025/NĐ-CP của Chính phủ Ban hành ngày 10/10/2025: Sửa đổi mức thuế suất thuế xuất khẩu đối với một số mặt hàng thuộc nhóm 71.13, 71.14 và 71.15 tại biểu thuế xuất khẩu theo danh mục mặt hàng chịu thuế ban hành kèm theo nghị định số 26/2023/NĐ-CP ngày 31 tháng 5 năm 2023 của chính phủ về biểu thuế xuất khẩu, biểu thuế nhập khẩu ưu đãi, danh mục hàng hóa và mức thuế tuyệt đối, thuế hỗn hợp, thuế nhập khẩu ngoài hạn ngạch thuế quan

Công ty đang thực hiện áp dụng mức thuế suất với hàng hoá là xe ô tô tải nguyên chiếc nhập khẩu như sau:

STT	Loại xe	Mã HS	Mức Thuế suất	Cách tính
1	Xe đầu kéo	8701.21 – 8701.29	5%	Phí thuế Nhập khẩu = Giá tính thuế Nhập khẩu × Thuế suất Nhập khẩu Đối với nhiều loại xe, thuế suất sẽ được căn cứ theo cách tính tại Chương 98, Phụ lục II đính kèm Nghị định số 26/2023/NĐ-CP
2	Xe ben (Xe tự đổ)	8704.10	10 – 50%	
3	Xe Chatxi/Chassis	87.04	10 – 50%	
4	Tải thùng	87.04	10 – 50%	
5	Xe chuyên dùng	87.05	3 – 15%	

Trên đây là các dòng xe mà Công ty hiện đang thực hiện nhập khẩu vào thị trường Việt Nam, tất cả đều được thực hiện đầy đủ thủ tục Hải quan, thuế quan và tuân thủ đúng theo quy định của Pháp luật. Đối với các dòng xe trên, thuế suất nhập khẩu áp dụng cụ thể sẽ được phân bổ theo từng mã sản phẩm (mã HS) theo Danh mục hàng hóa Xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam, Loại xe, Tổng trọng lượng có tải, động cơ và mục đích sử dụng.

d. Thuế nhà đất và tiền thuê đất

Căn cứ theo quy định Luật Đất đai năm 2024; Luật thuế sử dụng đất phi nông nghiệp năm 2010; Thông tư 153/2011/TT-BTC ngày 11/11/2011 hướng dẫn về thuế sử dụng đất phi nông nghiệp, có hiệu lực từ 01/01/2012.

Công ty hiện đang chi trả các khoản thuế nhà đất và tiền thuê đất đối với Trụ sở của Công ty và các khu vực kho, bãi, cơ sở của các Chi nhánh của Công ty trên toàn quốc. Theo đó, thuế suất đất hiện đang áp dụng với Công ty hiện nay là 0,03% áp dụng đối với Trụ sở chính của Công ty và các Cơ sở chi nhánh xây dựng trên đất thuộc sở hữu của Công ty. Do vậy, Tiền thuế sử dụng đất phi nông nghiệp phải nộp đối với diện tích đất ở, đất sản xuất kinh doanh, đất phi nông nghiệp khác sử dụng vào mục đích kinh doanh được xác định như sau:

Số thuế phải nộp = Số thuế phát sinh - Số thuế được miễn, giảm (nếu có)

Trong đó:

- Số thuế phát sinh = Diện tích đất tính thuế x Giá của 1m2 đất x Thuế suất %
- Giá của 1m2 đất được xác định theo Quyết định bảng giá đất của Ủy ban nhân dân tỉnh
- Thuế suất = 0,03%

Ngoài ra, Công ty hiện đang thuê văn phòng, nhà xưởng, kho bãi theo các hợp đồng thuê hoạt động tại các tỉnh, thành phố như Hà Nội, Bắc Giang, Phú Thọ, Thanh Hóa, Đắk Lắk, Bình Định, Hồ Chí Minh để sử dụng với mục đích làm trụ sở, nhà xưởng, kho bãi và điểm trưng bày sản phẩm với thời gian thuê từ 02 (hai) năm đến 10 (mười) năm. Diện tích khu đất thuê dao động từ 0,03 ha đến 2 ha

e. Các loại Thuế khác

Công ty đã thực hiện đúng các quy định thuế hiện hành tại Việt Nam về việc tuân thủ đối với các loại thuế/phí khác như: lệ phí môn bài, thuế trước bạ, thuế thu nhập cá nhân, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế nhà thầu nước ngoài, v.v.

15.2. Thuế áp dụng với nhà đầu tư

Đối với nhà đầu tư cá nhân

Theo quy định tại Điều 3 Luật thuế thu nhập cá nhân số 26/2012/QH13, ban hành ngày 22/11/2012 và Điều 3 Nghị định số 65/2013/NĐ-CP ban hành ngày 27/06/2013 của Chính phủ, đối với nhà đầu tư cá nhân, thu nhập từ cổ tức và thu nhập từ chuyển nhượng cổ phiếu phải chịu thuế thu nhập cá nhân với mức thuế suất như sau:

- Thuế suất đối với thu nhập từ cổ tức được xác định như sau:
  - Trường hợp nhà đầu tư nhận cổ tức bằng tiền mặt, thuế thu nhập cá nhân được tính bằng cổ tức mỗi lần trả nhân với thuế suất 5%; và

- Trường hợp nhận cổ tức bằng cổ phiếu hoặc cổ phiếu thưởng, nhà đầu tư chưa phải nộp thuế khi nhận cổ phiếu, nhưng khi tiến hành chuyển nhượng số cổ phiếu này thì nhà đầu tư phải thực hiện nghĩa vụ thuế và áp dụng mức thuế suất tương tự như trường hợp nhận cổ tức bằng tiền mặt và trường hợp chuyển nhượng cổ phiếu

- Thuế suất đối với thu nhập từ chuyển nhượng cổ phiếu được xác định như sau:

  - Trường hợp cá nhân chuyển nhượng chứng khoán đăng ký nộp thuế theo biểu thuế toàn phần với thuế suất là 20% tính trên lãi chuyển nhượng.
  - Trường hợp người chuyển nhượng chứng khoán không đăng ký nộp thuế theo biểu thuế toàn phần với thuế suất 20% thì áp dụng thuế suất 0,1% tính trên giá trị chuyển nhượng chứng khoán từng lần và không phân biệt việc chuyển nhượng được thực hiện tại Việt Nam hay tại nước ngoài.
  - Cá nhân chuyển nhượng chứng khoán đã đăng ký nộp thuế theo thuế suất 20% vẫn phải tạm nộp thuế theo thuế suất 0,1% trên giá trị chuyển nhượng chứng khoán từng lần.

Đối với nhà đầu tư tổ chức

Đối với nhà đầu tư cá nhân tổ chức, thu nhập từ chuyển nhượng cổ phiếu phải chịu thuế thu nhập doanh nghiệp với mức thuế suất như sau:

- Trường hợp nhà đầu tư là tổ chức đăng ký kinh doanh tại Việt Nam, thuế thu nhập doanh nghiệp được tính trên phần chênh lệch giá khi bán cổ phiếu như sau:

Thuế thu nhập doanh nghiệp = Thu nhập tính thuế x Thuế suất

Trong đó:

  - Thu nhập tính thuế = Tổng giá trị cổ phiếu bán ra trong kỳ - Tổng giá mua cổ phiếu được bán ra trong kỳ - Chi phí mua bán cổ phiếu
  - Thuế suất = Thuế suất thuế TNDN của tổ chức đầu tư (20%).

- Trường hợp nhà đầu tư là tổ chức nước ngoài kinh doanh tại Việt Nam hoặc có thu nhập tại Việt Nam mà tổ chức này không hoạt động theo Luật Đầu tư, Luật Doanh nghiệp, thuế thu nhập doanh nghiệp được tính như sau:

Thuế thu nhập doanh nghiệp = Thu nhập tính thuế x Thuế suất

Trong đó:

  - Thu nhập tính thuế = Tổng doanh thu bán Cổ Phiếu tại thời điểm chuyển nhượng;
  - Thuế suất = 0,1%

16. Thông tin về các cam kết

16.1. Cam kết về việc thực hiện niêm yết chứng khoán

- Công ty cam kết thực hiện thực hiện thay đổi đăng ký niêm yết trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu.
- Công ty cam kết: đáp ứng quy định tại điểm e khoản 1 Điều 15 Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14, cụ thể: *"Tổ chức phát hành không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích."*.

16.2. Cam kết khác liên quan đến đợt chào bán

Không có

17. Thông tin về các chứng khoán khác được chào bán, phát hành trong cùng đợt

Không có

VIII. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN

Để đảm bảo duy trì hoạt động kinh doanh ổn định và tạo nguồn lực cho giai đoạn tăng trưởng tiếp theo, Công ty thực hiện chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu. Mục đích của đợt huy động vốn này để: Trả nợ vay các tổ chức tín dụng, giúp giảm áp lực tài chính và tối ưu hóa cấu trúc vốn của Công ty (theo phê duyệt tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 thường niên năm 2026 số 01/2026/NQ-ĐHĐCĐTN-VIMID ngày 20/04/2026; và Tờ trình số 08/2026/TTr-HĐQT-VIMID ngày 20/04/2026 về việc Thông qua phương án chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu).

IX. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN

Số tiền dự kiến thu được từ đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu là 538.125.000.000 đồng (tính theo giá chào bán), sẽ được sẽ được phân bổ sử dụng cho các hoạt động của Công ty, cụ thể:

STT	Nội dung	Số tiền *(đồng)*	Thời gian sử dụng dự kiến
	Trả nợ vay tổ chức tín dụng		**Trong năm 2026**
	Trong đó:		
1	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng *- Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số BCLC-7063-01 ký ngày 04/06/2025, Phụ*	80.000.000.000	Trong năm 2026

	lục số 01/PL ký ngày 18/07/2025, Phụ lục số 02/PL ký ngày 16/04/2026; Phụ lục số 01/PLHĐ ký ngày 18/05/2026 (*)		
2	Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam *- Hợp đồng tín dụng số 1023810.26 ký ngày 06/04/2026, Hợp đồng tín dụng số 1067084.25 ký ngày 01/07/2025 (**)*	80.000.000.000	Trong năm 2026
3	Ngân hàng TMCP Tiên Phong *- Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 397/2025/HDTD/MDH ký ngày 22/01/2026 (***)*	95.000.000.000	Trong năm 2026
4	Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam *- Hợp đồng cấp tín dụng số HSO20231508153/HDTD ký ngày 05/01/2024 đính kèm phụ lục số HSO20231508153/HDTD/PLHM-4270650 ký ngày 26/02/2026 (****)*	103.125.000.000	Trong năm 2026
5	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam *- Hợp đồng cấp tín dụng số 26/TAH/6757008/HDCTD/01 ký ngày 27/03/2026, Hợp đồng cấp tín dụng số 25/TAH/6757008/CTD/01 ngày 03/07/2025 (*****)*	180.000.000.000	Trong năm 2026
	Tổng	**538.125.000.000**	

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty xây dựng kế hoạch sử dụng vốn chi tiết căn cứ trên tình hình thực tế và nhu cầu vốn tại thời điểm triển khai đợt chào bán. Trong trường hợp cần thiết để đảm bảo hiệu quả hoạt động, Hội đồng quản trị thực hiện điều chỉnh phương án sử dụng vốn sao cho phù hợp với thực tiễn của Công ty, đồng thời báo cáo tại kỳ họp ĐHĐCĐ gần nhất theo quy định của pháp luật hiện hành.

Thứ tự ưu tiên sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán theo Quyết định Hội đồng quản trị số 16/2026/QĐ-HĐQT-VIMID ngày 18/05/2026 như sau:

(1) Ưu tiên theo thời gian đến hạn của khoản vay: Khoản vay nào đến hạn trước thì thanh toán trước.

(2) Ưu tiên thanh toán khoản vay tại các Ngân hàng theo thứ tự sau:

STT	Ngân hàng
1	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Tây Hồ
2	Ngân hàng TMCP Tiên Phong – Chi nhánh Thăng Long
3	Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam – Chi nhánh Hai Bà Trưng
4	Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam – Techcombank
5	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng

Phương án bù đắp phần thiếu hụt vốn dự kiến huy động từ đợt chào bán: Trong trường hợp cổ phiếu không phân phối hết và số lượng vốn huy động không đạt mức dự kiến, Hội đồng quản trị căn cứ vào tình hình tài chính để lựa chọn các giải pháp thay thế như: sử dụng các nguồn tài trợ bổ sung hoặc các nguồn vốn hợp pháp khác, đảm bảo nguồn lực cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Các đối tượng trả nợ vay nêu trên đều là các ngân hàng thương mại hoạt động độc lập, không có mối quan hệ hoặc có chung người kiểm soát với VIMID. Đồng thời, các tổ chức này và người đại diện theo pháp luật của các tổ chức không phải là người có liên quan của VIMID, thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Kế toán trưởng hay những người nội bộ khác theo quy định. Các khoản vay này được xác lập trên cơ sở giao dịch kinh tế khách quan, phục vụ trực tiếp cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

(*) Thông tin cơ bản của Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số BCLC-7063-01 ký ngày 04/06/2025, Phụ lục số 01/PL ký ngày 18/07/2025, Phụ lục số 02/PL ký ngày 16/04/2026, Phụ lục số 01/PLHĐ ký ngày 18/05/2026:

- Bên cấp tín dụng: Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng ("Vpbank")
- Giá trị hạn mức tín dụng: 1.200.000.000.000 VND
- Tổng cho vay ngắn hạn của Hợp đồng cho vay: 1.200.000.000.000 VND
- Thời hạn hiệu lực của giới hạn cấp tín dụng: từ ngày 04/06/2025 đến ngày 04/06/2026 và được gia hạn tới ngày 04/09/2026 (theo phụ lục gia hạn ngày 18/05/2026).
- Mục đích sử dụng vốn vay: Tài trợ hoạt động kinh doanh các loại xe có động cơ, phụ tùng và các bộ phận phụ trợ xe có động cơ.
- Thời hạn cho vay tối đa của các khoản vay từng lần thuộc hạn mức không được vượt quá 06 tháng.
- Lãi suất: Lãi suất cho vay, cơ chế điều chỉnh lãi suất cho vay trong hạn được VPBank và Khách hàng thoả thuận trong (các) Khế ước nhận nợ và/hoặc các văn bản liên quan ký kết giữa các bên.

Các khoản vay VND tại dư nợ ngày 30/04/2026: **84.582.556.395** đồng *(theo Giấy báo số dư ký ngày 04/05/2026 của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng về số dư các khoản vay tín dụng hiện hành của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Máy Việt Nam tại ngày 30/04/2026).*

(**) Thông tin cơ bản của Hợp đồng tín dụng số 1023810.26 ký ngày 06/04/2026, Hợp đồng tín dụng số 1067084.25 ký ngày 01/07/2025:

- Bên cấp tín dụng: Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam ("VIB")
- Giới hạn mức tín dụng: 1.400.000.000.000 VND
- Tổng cho vay ngắn hạn của Hợp đồng cho vay: 1.400.000.000.000 VND
- Thời hạn hiệu lực của giới hạn cấp tín dụng: có hiệu lực từ ngày 01/07/2025 đến ngày 01/07/2026 theo Hợp đồng tín dụng số 1067084.25 ký ngày 01/07/2025 và được điều chỉnh hiệu lực đến ngày 06/04/2027 theo Hợp đồng tín dụng số 1023810.26 ký ngày 06/04/2026.
- Mục đích sử dụng vốn vay: Đáp ứng nhu cầu về bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh xe ô tô các loại.
- Thời hạn cho vay tối đa: VIB sẽ cấp tín dụng theo phương thức Cho vay theo hạn mức. Các khoản vay sẽ được VIB giải ngân với thời hạn tối đa 09 tháng.
- Lãi suất: Lãi suất cho vay thả nổi, được xác định tại thời điểm giải ngân/thời điểm điều chỉnh lãi suất, chịu sự điều chỉnh theo chính sách về lãi suất của VIB từng thời kỳ. Nguyên tắc và các yếu tố xác định lãi suất, kỳ hạn điều chỉnh lãi suất được quy định cụ thể tại từng Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ và/hoặc được thông báo công khai trên website của VIB và/hoặc theo hình thức thông báo khác do VIB quyết định trong từng thời kỳ.

Các khoản vay tại dư nợ ngày 30/04/2026: **96.586.409.806** đồng *(theo Giấy xác nhận số dư ký ngày 11/05/2026 của Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam – Chi nhánh Hai Bà Trưng về số dư các khoản vay tín dụng hiện hành của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Máy Việt Nam tại ngày 30/04/2026)*

(***) Thông tin cơ bản của Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 397/2025/HDTD/MDH ký ngày 22/01/2026:

- Bên cấp tín dụng: Ngân hàng TMCP Tiên Phong (TPBank)
- Giới hạn mức tín dụng: 800.000.000.000 VND
- Tổng cho vay ngắn hạn của Hợp đồng cho vay: 800.000.000.000 VND
- Thời hạn hiệu lực của giới hạn cấp tín dụng: từ 22/01/2026 đến 22/01/2027
- Mục đích sử dụng vốn vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh xe tải, xe sơ mi rơ mooc, xe chuyên dùng nhãn hiệu Howo, Sinotruk, CIMC, HongChangTianma và Fushi… (bao gồm nhập khẩu trực tiếp và mua trong nước).
- Thời hạn cho vay tối đa: Thời hạn của mỗi khoản vay trong hạn mức không vượt quá 08 tháng, được quy định cụ thể tại văn bản nhận nợ giữa TPBank và Khách hàng.
- Lãi suất: Lãi suất linh hoạt được quy định cụ thể tại từng văn bản nhận nợ của Khách hàng.

Các khoản vay tại dư nợ ngày 30/04/2026: **99.563.292.231** đồng *(theo Giấy xác nhận số dư cuối kỳ (số dư đến ngày 30/04/2026) ký ngày 04/05/2026 của Ngân hàng TMCP Tiên Phong – Chi*

nhánh Thăng Long về số dư các khoản vay tín dụng hiện hành của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Máy Việt Nam).

(****) Thông tin cơ bản của Hợp đồng cấp tín dụng số HSO20231508153/HDTD ký ngày 05/01/2024 đính kèm phụ lục số HSO20231508153/HDTD/PLHM-4270650 ký ngày 26/02/2026:

- Bên cấp tín dụng: Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam ("Techcombank")
- Giá trị hạn mức tín dụng: 1.400.000.000.000 VND
- Tổng cho vay ngắn hạn của Hợp đồng cho vay: 400.000.000.000 VND
- Thời hạn hiệu lực của giới hạn cấp tín dụng: Hợp đồng có thời hạn 12 tháng, gia hạn từng lần theo phụ lục. Phụ lục gần nhất ký ngày 26/02/2026 ghi nhận thời hạn hiệu lực của giới hạn cấp tín dụng 12 tháng tính từ 26/02/2026.
- Mục đích sử dụng vốn vay: Bổ sung vốn lưu động và thanh toán cho các phương án nhập khẩu các loại xe ô tô tải, xe ben, xe đầu kéo, Sát xi, Sơ mi rơ mooc… các loại xe chuyên dụng thương hiệu HOWO, Sinotruk – CNHTC (Trung Quốc).
- Thời hạn cho vay tối đa: Thời hạn của mỗi khoản vay trong hạn mức vay mà Techcombank cho Khách hàng vay được quy định cụ thể tại Đề nghị giải ngân kiêm Khế ước nhận nợ. Thời hạn tối đa của mỗi khoả vay theo quy định của Techcombank trong từng thời kỳ.
- Lãi suất: Lãi suất cho vay trong hạn là lãi suất theo từng lần giải ngân được quy định cụ thể trên Đề nghị giải ngân kiêm Khế ước nhận nợ được lập theo mỗi lần rút vốn vay nhưng không thấp hơn lãi suất cho vay tối thiểu do Techcombank quy định tại từng thời kỳ theo từng đối tượng khách hàng.

Các khoản vay tại dư nợ ngày 30/04/2026: **114.154.514.106** đồng *(theo Thư xác nhận số dư ký ngày 06/05/2026 của Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - Techcombank về số dư các khoản vay tín dụng hiện hành của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Máy Việt Nam tại ngày 30/04/2026).*

(*****) Thông tin cơ bản của Hợp đồng cấp tín dụng số 26/TAH/6757008/HDCTD/01 ký ngày 27/03/2026, Hợp đồng cấp tín dụng số 25/TAH/6757008/CTD/01 ngày 03/07/2025:

- Bên cấp tín dụng: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – CN Tây Hồ ("VCB")
- Giới hạn mức tín dụng: 700.000.000.000 VND
- Tổng cho vay ngắn hạn của Hợp đồng cho vay: 300.000.000.000 VND
- Thời hạn hiệu lực của giới hạn cấp tín dụng: từ 03/07/2025 đến hết ngày 02/07/2026 theo Hợp đồng cấp tín dụng số 25/TAH/6757008/CTD/01 ngày 03/07/2025; và đến hết ngày 26/03/2027 theo Hợp đồng cấp tín dụng số 26/TAH/6757008/HDCTD/01 ký ngày 27/03/2026.
- Mục đích sử dụng vốn vay: Tài trợ các nhu cầu vay ngắn hạn hợp pháp, hợp lý, hợp lệ phục vụ hoạt động kinh doanh xe thương mại Sinotruk nhưng không bao gồm nhu cầu ngắn hạn phục vụ cho hoạt động đầu tư tài sản cố định.

- Thời hạn cho vay tối đa: Thời hạn cấp tín dụng tối đa 06 tháng cho giới hạn cho vay ngắn hạn cho mục đích sử dụng vốn: Tài trợ các nhu cầu vay ngắn hạn hợp pháp, hợp lý, hợp lệ phục vụ hoạt động kinh doanh xe thương hiệu Sinotruk nhưng không bao gồm nhu cầu ngắn hạn phục vụ cho hoạt động đầu tư tài sản cố định của khách hàng.
- Lãi suất: Lãi suất cho vay quy định tại Hợp đồng cho vay được ký giữa Ngân hàng và Khách hàng trong thời hạn hiệu lực của giới hạn cấp tín dụng mà Ngân hàng cấp cho Khách hàng.

Các khoản vay tại dư nợ ngày 30/04/2026: **181.712.545.917** đồng *(theo Thư xác nhận số dư ký ngày 08/05/2026 của Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Tây Hồ về số dư các khoản vay tín dụng hiện hành của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Máy Việt Nam tại ngày 30/04/2026).*

(Phần cuối của trang này được cố ý để trống)

X. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN

1. TỔ CHỨC KIỂM TOÁN

CÔNG TY TNHH HÃNG KIỂM TOÁN AASC

Trụ sở chính: Số 01 Lê Phụng Hiểu, Phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: (84.24) 3824 1990 Fax:

Email: aasc@aasc.com.vn Website: https://aasc.com.vn/web/

2. TỔ CHỨC TƯ VẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT

Trụ sở chính

Địa chỉ: 52 đường Lạc Long Quân, Phường Tây Hồ, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: 1900 6446 Fax: 024 3773 9058

Email: fptsecurities@fpts.com.vn Website: www.fpts.com.vn

Chi nhánh tại TP Hồ Chí Minh

Địa chỉ: Tầng 3, Tòa nhà 136-138 Lê Thị Hồng Gấm, Phường Bến Thành, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 1900 6446 Fax: 028 6291 0607

Chi nhánh tại TP Đà Nẵng

Địa chỉ: 100 Quang Trung, Phường Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Điện thoại: 1900 6446 Fax: 0236 3553 888

Ý kiến của tổ chức tư vấn đối với đợt chào bán:

Với tư cách là tổ chức tư vấn, Công ty Cổ phần chứng khoán FPT đã tiến hành thu thập thông tin, phân tích một cách cẩn trọng và chi tiết để đưa ra những đánh giá về đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Máy Việt Nam như sau:

Phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu dùng để trả nợ vay cho các tổ chức tín dụng.

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Máy Việt Nam, Công ty Cổ phần chứng khoán FPT tham gia lập và công bố trên cơ sở Hợp đồng số 86/2026/FPTS/FCF-HN/VVS ký ngày 16/03/2026 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Máy Việt Nam và Công ty Cổ phần chứng khoán FPT. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trong Bản cáo bạch này được phản ánh trung thực dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Máy Việt Nam cung cấp. Bản cáo bạch này chỉ có giá trị để tham khảo, mà không hàm ý bảo đảm giá trị của chứng khoán.

Công ty Cổ phần chứng khoán FPT khuyến nghị các nhà đầu tư tham khảo thông tin Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Máy Việt Nam công bố thông tin trước khi quyết định mua cổ phần

XI. CÁC THÔNG TIN QUAN TRỌNG KHÁC CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUYẾT ĐỊNH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

Không có

(Phần cuối của trang này được cố ý để trống)

XII. NGÀY THÁNG, CHỮ KÝ, ĐÓNG DẤU CỦA ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH (CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG), TỔ CHỨC TƯ VẤN

Hà Nội, ngày 18 tháng 05 năm 2026

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN MÁY VIỆT NAM

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

NGUYỄN VŨ TRỤ

GIÁM ĐỐC | **KẾ TOÁN TRƯỞNG**

KIỀU ANH ĐÀO | **NGUYỄN THỊ TÂM**

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT
PHÓ GIÁM ĐỐC TƯ VẤN TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP

NGUYỄN THU HIỀN

XIII. PHỤ LỤC

1. Phụ lục I:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0104498100 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 05 tháng 03 năm 2010, Sở Tài chính thành phố Hà Nội cấp thay đổi lần thứ 17 ngày 20 tháng 08 năm 2025.

2. Phụ lục II:

- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 số 01/2026/NQ-ĐHĐCĐTN-VIMID ngày 20/04/2026; Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 số 01/2026/BB-ĐHĐCĐTN-VIMID ngày 20/04/2026; và Tờ trình số 08/2026/TTr-HĐQT-VIMID ngày 20/04/2026 về việc Thông qua phương án chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu;
- Quyết định Hội đồng quản trị số 14/2026/QĐ-HĐQT-VIMID ngày 13/05/2026 về việc Thông qua triển khai chi tiết phương án chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu và chi tiết phương án sử dụng vốn;
- Quyết định Hội đồng quản trị số 16/2026/QĐ-HĐQT-VIMID ngày 18/05/2026 về việc thông qua nội dung về thứ tự ưu tiên sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu;
- Quyết định Hội đồng quản trị số 17/2026/QĐ-HĐQT-VIMID ngày 18/05/2026 về việc thông qua hồ sơ đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu.

3. Phụ lục III:

Điều lệ Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Máy Việt Nam.

4. Phụ lục IV:

Báo cáo tài chính:

- Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2024 đã được kiểm toán;
- Báo cáo tài chính riêng năm 2025 đã được kiểm toán;
- Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2025 đã được kiểm toán;
- Báo cáo tài chính riêng Quý I/2026;
- Báo cáo tài chính hợp nhất Quý I/2026.

5. Phụ lục VI:

Hồ sơ liên quan đến Phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu:

- Giấy báo số dư ký ngày 04/05/2026 của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng về số dư các khoản vay tín dụng hiện hành của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Máy Việt

Nam tại ngày 30/04/2026, Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số BCLC-7063-01 ký ngày 04/06/2025, Phụ lục số 01/PL ký ngày 18/07/2025, Phụ lục số 02/PL ký ngày 16/04/2026, Phụ lục số 01/PLHĐ ký ngày 18/05/2026;

- Giấy xác nhận số dư ký ngày 11/05/2026 của Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam – Chi nhánh Hai Bà Trưng về số dư các khoản vay tín dụng hiện hành của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Máy Việt Nam tại ngày 30/04/2026, Hợp đồng tín dụng số 1023810.26 ký ngày 06/04/2026, Hợp đồng tín dụng số 1067084.25 ký ngày 01/07/2025;
- Giấy xác nhận số dư cuối kỳ (số dư đến ngày 30/04/2026) ký ngày 04/05/2026 của Ngân hàng TMCP Tiên Phong – Chi nhánh Thăng Long về số dư các khoản vay tín dụng hiện hành của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Máy Việt Nam, Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 397/2025/HDTD/MDH ký ngày 22/01/2026.
- Thư xác nhận số dư ký ngày 06/05/2026 của Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - Techcombank về số dư các khoản vay tín dụng hiện hành của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Máy Việt Nam tại ngày 30/04/2026, Hợp đồng cấp tín dụng số HSO20231508153/HDTD ký ngày 05/01/2024 đính kèm phụ lục số HSO20231508153/HDTD/PLHM-4270650 ký ngày 26/02/2026;
- Thư xác nhận số dư ký ngày 08/05/2026 của Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Tây Hồ về số dư các khoản vay tín dụng hiện hành của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Máy Việt Nam tại ngày 30/04/2026, Hợp đồng cấp tín dụng số 26/TAH/6757008/HDCTD/01 ký ngày 27/03/2026, Hợp đồng cấp tín dụng số 25/TAH/6757008/CTD/01 ngày 03/07/2025.